

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LỜI CÁCH-NGÔN CỦA VUA MARC-AURÈLE

MARC-AURÈLE là vua Lã-mã, sinh năm 121, mất năm 181 sau Gia-tô giáng-sinh. Trị vì từ năm 161 đến 180. Người khoan-nhân đại-độ, ham triết-lý văn-chương. Về triết-học thì theo về phái « kiên-nhân » (stoiciens). Có soạn một tập cách-ngôn bằng tiếng Hi-lạp, đề là « Đề răn mình » (À soi-même), chép những điều tư-tưởng suy-nghĩ về phép sửa mình, đạo làm người, theo thể tùy-bút, gập đầu chép đậy, không có thứ-tự, mà lời-lẽ rất cao-thượng: — Nay dịch ra quốc-văn để công-hiến các độc-giả.

1. — Cái gì hợp với lẽ trời đất là hợp cho ta. Cái gì thuận với trật-tự thiên-nhiên thời đối với ta không có thể sớm quá hay muộn quá được. — Thời-tiết thay đổi, vật gì cũng là thời-trần cho ta cả. Ôi! Thiên-nhiên! hết thấy đều tự thiên-nhiên mà ra; hết thấy đều ở thiên-nhiên mà có; hết thấy đều qui- nạp về thiên-nhiên cả.

2. — Sáng dậy phải tự nghĩ trong bụng rằng: « Hôm nay có lẽ ta gặp kẻ hư, kẻ xằng, kẻ tò-mò thóc-mách, kẻ bội-bạc hung-tàn, kẻ đố-ky biển-trá, kẻ bất-nghĩa bất-nhân. Những kẻ ấy sở-dĩ đến thế là vì không biết điều thiện điều ác. Ta đây đã biết thiện ác là thế nào rồi, thiện là hay, ác là dở; lại biết kẻ phạm điều ác là thế nào, cũng là bà con ta cả, không phải là đồng-tông đồng-huyết với ta, nhưng là cùng có trí khôn, cùng có linh-tinh như ta; — đã biết thế thời những kẻ ấy không thể làm thiệt-hại cho ta được nữa, vì không thể đem cái xấu của họ mà vấy sang ta được; — lại đã là bà con ta, thời ta không thể giận-dữ họ, cũng không thể ruồng-rẫy họ được, vì người ta sinh ra ở đời là để cùng

nhau hiệp-lực cộng-tác, như chân-tay, răng, mắt vậy; phản-đối nhau là trái với lẽ thiên-nhiên, mà ghen-ghét tức-giận tức là phản-đối nhau vậy. »

3. — Cái gì ở trong tay thần-minh mà ra thì vốn đã hợp với thiên-lý. Đến những sự ngẫu-nhiên cũng không phải là ở ngoài vòng thiên-nhiên, nghĩa là cũng quan-hệ, cũng thống-thuộc về thiên-lý cả: nhất-thiết sự-vật đều tự lẽ trời mà ra hết. Lại thêm những sự yếu-cần, sự lợi-ích cho cả thế-gian nữa, mà ta đây cũng là một phần trong thế-gian. Nay phạm đối với các bộ-phận trong thế-gian, cái gì hay là cái hợp với bản-thể của vũ-trụ, có thể bảo-tồn được bản-thể của vũ-trụ; mà bảo-tồn được cho vũ-trụ, tức là những sự biến-hóa trong các nguyên-chất cùng các hợp-chất của vũ-trụ. Biết thế là đủ, vì đó là những điều chân-lý cả.

4. — Đừng nên ham-mê những chuyện mơ-màng trong sách-vở, để cho đến lúc nhắm mắt chết khỏi phải ngậm-ngùi oán-thấu mà được bình-tĩnh trong lòng, biết thành-thực cảm-ôn thần-minh đã phù-hộ cho mình.

5. — Lúc nào cũng vậy, nên quyết trong lòng cho xứng-dáng làm dân La-mã, làm người ở đời, mà làm việc bôn-phận mình cho nghiêm-trang, kính-cần, vui-vẻ, tự-do, công-bằng, ngay thẳng, không nghĩ-ngợi gì đến chuyện ngoài cả. Nếu làm việc gì cũng cần-trọng như việc ấy là việc cuối cùng một đời mình, thì tự-khắc là không nghĩ-ngợi đến chuyện gì ngoài nữa, không vội-vàng khinh-suất, không hăm-hở làm sai lẽ phải, không kiêu-sức đối-trá, không tự-kỷ tự-phụ, không oàn-trách số-phận.

Xem đó thì biết muốn sống ở đời cho thành-thực, yên-ôn, chỉ phải theo có mấy điều giản-dị đó mà thôi ; vì thần-minh cũng chỉ trách-bị người ta có thể mà thôi.

6. — Bao giờ cũng phải nhớ một điều này : bản-thể của vũ-trụ thế nào ; — bản-thể của ta đây thế nào ; — ta đối với vũ-trụ quan-hệ thế nào ; — ta là bộ-phận thế nào, thuộc về toàn-thể thế nào ; — bộ-phận bao giờ cũng phải đối-chiếu với toàn-thể, vậy thời việc ta làm, lời ta nói, nhất-thiết phải cho thích-hợp với lẽ thiên-nhiên của vũ-trụ, điều đó không ai có thể ngăn-cấm ta được.

7. — Ở đời nên nhất-thiết làm việc gì, nói lời gì, nghĩ điều gì, cũng như tức-khắc có thể đời cõi đời mà đi ngay được. Nay nếu thần-minh quả có thật, thời đời cõi đời mà đi cũng chẳng đáng hãi-hùng gì : vì thần-minh không khi nào bắt ta phải khổ-sở. Nếu thần-minh không có, hay là có mà không thiết gì đến việc đời, thời cái cõi đời không có thần-minh, không có thiên-lý, ta còn nên sống làm gì ? Nhưng mà thần-minh có ; thần-minh vẫn thiết đến việc đời ; thần-minh muốn cho người đời khỏi mắc vào những cái tội-nghiệp hiển-nhiên, nên đã phú cho người ta đủ các phương-liện để cho thoát được.

Nếu ngoại-giá còn cái ác-nghiệp nào nữa, thần-minh tất cũng lo-liệu cho người ta có cách tránh khỏi. Nhưng cái gì đã không làm cho người ta xấu đi được, lẽ nào lại làm cho đời người xấu đi được ? Cái xấu đó, cái ác đó, không có lẽ vũ-trụ không biết, không có lẽ biết mà không có thể ngăn-ngừa chữa - sửa lại, để cho lọt qua đi được ; vũ-trụ không có lẽ vụng-về hay vô-lực mà làm-lấn quá đến nỗi đem cái tốt cái xấu chia đều cả cho kẻ thiện kẻ ác, không có phân-biệt. Nay tử-sinh, vinh-nhục, khổ-lạc, bần-phú, bấy nhiêu mối chia đều cả cho kẻ thiện kẻ ác, là bởi nó không tốt mà cũng không xấu. Vậy thời không phải là những mối họa-phúc cho người đời vậy.

8. — Cái gì ở đời cũng tiêu-diệt đi mau lắm, các giống vật trong không-gian, cái ảnh-hưởng nó trong thời-gian ; những vật hữu-hình làm cho ta vui mà sợ, hay làm cho ta ghê mà sợ, hay làm cho ta cảm-phục mà tôn-thán, cũng thế cả. Thế thì những vật ấy là bi-tiện, tồi-tàn, xấu-sa, nhơ-bẩn, có đáng thiết-tha làm gì ! — Cho đến những người mà lời phán-đoán, tiếng khen-chê làm được cho người ta vẻ-vang danh-giá, những người ấy nữa có là gì ? — Mà cái chết là cái gì ? Nếu cứ lấy riêng một cái chết ra mà xét, đem tri-nhĩ mà trừu-tượng ra, bỏ hết những cái ảo-tượng mà người đời thường đem phụ-trước vào, thời cái chết chỉ là một sự tác-dụng thiên-nhiên mà thôi ; người ta mà sợ một việc thiên-nhiên thì là trẻ con quá. Cái chết không những là một sự tác-dụng thiên-nhiên, lại là một sự tác-dụng có lợi-ích cho thiên-nhiên. — Người ta làm thế nào mà tới được đấng Tuyệt-dịch ? nhờ phần nào trong người mà tới được ? phần ấy phải sắp-đặt thế nào cho tới được ?

9. — Thời-gian người ta sống ở đời bất-quả như một cái chằm; khi-huyết người ta như lớp trào dâng; cảm-giác người ta như đám mù tối; thân-thể là đồng thịt sẵn cho trùng ăn; linh-hồn là một luồng gió cuốn; vận-mệnh là một câu bí-quyết không thể giải được; danh-dự là một cái ý-kiến vô - bằng - cứ; nói tóm lại, trong thân-thể người ta hết thấy như nước chảy mây trôi cả, trong tâm - hồn người ta hết thấy như đám khói mờ - màng cả; cuộc đời là một trường chiến-dấu, là chốn nghịch - lữ của người khách qua đường; còn cái thanh-danh lưu về đời sau, là vào nơi tịch-mịch vậy. Vậy thời ở đời lấy gì làm hướng-đạo? Duy chỉ có triết-lý mà thôi.

Mà triết-lý là làm thế nào cho linh-tính mình giữ được sáng-sủa trong-sạch, khỏi phải những nỗi trần-lụy ở đời, thoát được những sự khổ-lạc ở đời; — hành-dộng không có thắng-thốt, không có hư-ngụy, không có biến-trá; — đối với kẻ khác làm hay không làm, không có quản gì; — đối với sự ngẫu-nhiên hay cái số-mệnh, đều thuận-nhận cả, cho là cũng cùng một nguồn với mình mà ra; — thứ nhất là biết sẵn lòng thân - nhiên đợi cái chết, cho cái chết chẳng qua là sự giải-tán các nguyên-chất hợp lại thành ra người ta mà thôi: nay các chất thường biến-đổi chất nọ ra chất kia luôn, có gì là lạ - lùng ghê-gớm, vậy thời sự sinh - sinh hóa-hóa trong vũ-trụ, cũng có chi mà đáng sợ? Thế là hợp lẽ thiên-nhiên, mà phạm cái gì hợp lẽ thiên-nhiên, không phải là cái dở.

10. — Ăn ở không nên miên-cưỡng, không nên thắng-thốt, không nên khinh-thường, không nên quên sự lợi-ích chung; không nên lấy sự kiêu-súc mà trang-tác cho tư-tướng; không nên nói nhiều lời, không nên kham nhiều

việc. — Nên cầu thần-linh ở trong mình ủng-hộ cho thành con người trượng-phu đáng tôn-trọng, đáng làm kẻ công-dân nước La - mã; đáng làm người đàn anh đứng cai-quản, nói tóm lại là con người biết khắc-kỷ tự-chế, sẵn-sàng lúc nào muốn đời bỏ cõi đời cũng được ngay, không phải thề-nguyên, không phải bảo-chứng, như người lính ở nơi trận-tiền kia chỉ đợi có hiệu kèn là xông vào nơi tử - chiến vậy. Cứ như thế thời trong lòng được yên-ôn bình-tĩnh, không phải nhờ cậy ở kẻ khác, không phải ngưỡng-vọng vào kẻ khác mới được yên-thần. — Làm người phải tự mình chính-trực, không đợi kẻ khác phải kiêu-chính cho.

11. — Nếu đời người còn cái gì hay hơn là sự công-nghĩa, sự thành-thực, sự tiết-độ, sự can-dảm, còn cái gì hay hơn là cái tư-tướng biết tự-túc, vì biết chỉ cho người ta cách ăn-ở theo đường chính, theo lẽ phải, biết an-phận, vì biết thuận-nhận cái số-phận mà tự mình không được kén chọn; — nếu còn cái gì hay hơn thế nữa thì nên giốc lòng mà-theo về đấy, coi là một cái hạnh phúc tuyệt-trần.

Nhưng nếu không còn cái gì hơn là cái mối lương-tâm ở trong mình, biết tự - chủ được mọi sự khuynh-hướng của mình, biết giám - sát được mọi sự tư-tướng của mình, đã thoát-li được mọi sự cảm-giác về nhục-thể mà biết phục-tòng thần-minh, yêu mến người đời; — nếu đối với mối thiêng-liêng đó, thấy nhất-thiết nhỏ-nheo bản-tiện cả, thời không nên để lòng vào việc gì khác nữa: vì đã tự-hạ mình mà thiên lòng về việc gì, thời không thể giốc lòng tôn-trọng cái của bầu đặc-biệt đệ-nhất của mình vậy. Đối với cái của bầu đó, vừa thuộc về lý-tính, vừa thuộc về thực-hành, không còn có gì sánh tầy nữa, dù là sự ca-tụng của công-chúng, dù là

quyền-thế, của-cải, hay là sự khoái-lạc gì mặc lòng. Những cái đó, đầu nhất-thời xem rathích-hợp với của báu đó, nhưng rồi vụt chốc lẩn-láp ngay mà làm cho sai - lạc đi. Về phần ta, ta cứ nên điềm-nhiên mà kén chọn cái phần hay nhất đó, rồi giốc lòng mà theo. — Hoặ-giả nói : — Nhưng cái hay nhất, chính là cái gì có lợi-ích đó mà thôi. — Lợi-ích cho phần lý-tính người ta có phải không ? Như thế thì được, cứ nên giữ lấy. Hay là lợi-ích cho phần vật-dục người ta ? Nếu vậy thì hãy xét kỹ đã. Mà trong khi xét đoán, đừng nên tự-cao, phải cẩn-thận cho xét-đoán khỏi sai-lầm.

12. — Ta phải nhớ rằng mỗi người ta chỉ sống trong một lúc hiện-tại mà thôi, nghĩa là trong một thời-khắc rất ngắn-ngủi : còn ngoại-giả thời hoặc là cái thời-kỳ đã sống rồi, hoặc là cái thời-kỳ còn bấp-bông chưa chắc. Vậy thời cái khoảng sống của mỗi người, thật không có là bao ; mà cái khu đất nhỏ của mình sống, thật cũng không đáng là bao ; lại cái thanh - danh để lại đời sau, cho lâu bền đến đâu nữa, kể cũng chẳng là bao ; vả thanh-danh ấy lưu-truyền chẳng qua là lớp người ấy truyền cho lớp người khác, mà cái phận làm người mong - manh như thế, sớm còn tối mất, người nọ cũng chẳng biết gì đến người kia, còn biết đâu đến kẻ chết đã bao nhiêu đời trước mình nữa !

13. — Sự tử cũng như sự sinh, là một cái bi-quyết của tạo-vật : hóa-hợp các chất lại, rồi lại phân-tán các chất ra ; nghĩa là một sự tự-nhiên, không có gì là đáng cho người ta phải tức-gián, vì không có gì là trái với cái bản-chất thông-minh của loài người, trái với cái cơ-thể tác-dụng của giống người.

14. — Đối-dãi sự-vật không nên theo lời phán-đoán của kẻ xúc-phạm mình,

cũng không nên phán-đoán theo ý-kiến của họ ; nhưng phải cứ cái chân-tướng sự-vật mà xét.

15. — Bao giờ cũng phải sẵn lòng làm hai việc như sau này : một là hề có lẽ phải truyền cho làm mới nên làm, mà chỉ chủ lấy ích-lợi cho người đời ; hai là hề gặp được người chữa-sửa cho mình, thay đổi ý-kiến cho mình, thời tự mình phải đổi cách ăn-ở ngay. Duy sự thay đổi ấy phải có lẽ chính-đáng, như lẽ công-nghĩa, công-ích, hay là các lẽ tương-tự như thế, chứ không phải là bởi lòng mong-mỏi được vẻ-vang hay được vui-thú gì.

16. — Sống ở đời đừng nên tưởng như mình sống được trăm năm nghìn năm gì. Phải nên biết cái chết không thể tránh được nó vẫn chờ đợi mình ở đầu đường nọ. Vậy trong khi sống, trong khi đương có thể được, nên cố mà làm người lương-thiện.

17. — Người ta thường nói : « Muốn sống cho được yên-ôn, thì nên giảm bớt công-việc đi ». Nhưng nói thế này có lẽ đúng hơn : « Việc gì cần phải làm, việc gì mà cái lẽ làm người trong xã-hội bắt buộc phải làm, bắt-buộc phải làm theo cách nào, thời hãy nên làm, mà làm theo cách ấy. » Vì như thế không những được hả lòng là làm điều lành, mà lại được vui lòng là giảm được việc. Vì phần nhiều những lời nói việc làm của ta là không cần cả, giảm bớt đi được tức là được an-nhàn bình-tĩnh hơn. Vậy thời gặp việc gì cũng nên tự hỏi rằng : « Việc này có phải là việc không cần không ? » Lại không những nên trừ bỏ những việc không cần đi, mà nên trừ bỏ cả những tư-tưởng không cần nữa ; vì như thế là trừ được cả nguyên-nhân những việc không cần vậy.

18. — Minh đã học được một nghề hèn mọn gì, thì cứ chăm một nghề ấy.

Còn ngoài-giá nên cư-xử như một người đã giốc lòng đem cả công việc mình kỹ-thác ở nơi thần-minh và đối với người đời chẳng làm thầy ai mà cũng chẳng chịu từ ai.

19. — Cái gì cũng thoảng qua hết, lời khen của người với người được lời khen.

20. — Có lẽ chỉ một lát nữa thời chết đấy; thế mà hiện nay trong lòng hãy còn chưa bình-dị, yên-ôn, chưa thoát được cái lăm tưởng rằng sự-vật ở ngoài có thể hại đến mình được, chưa biết khoan-nhân với mọi người, chưa hiểu rằng đạo làm người chỉ ở cách ăn ở cho hợp với công-nghĩa vậy.

21. — Bậc tiền-triết EPICTETE (1) nói rằng: «Người ta là một cái linh-hồn ở trong một cái xác chết».

22. — Thời-giờ ví như một con sông, mọi vật ví như một cái thác cuộn-cuộn chảy. Vừa mới nhác trông thấy một vật, thời nó đã bị cuốn đi rồi; vật khác kể đến, lại sắp bị trôi đi nốt.

23. — Việc gì xảy ra cũng là việc thường, việc quen cả, như hoa hồng nở mùa xuân, lúa chín gặt mùa hạ; bệnh tật, chết-tróc, lời sàm-báng, mưu hãm-hại, hết thấy cái gì làm cho vui hay buồn những kẻ ngu-phu, là thế cả.

24. — Nay ví có bậc thần-minh báo trước cho ta rằng: «Ngày mai chết, không nữa thì ngày kia»; trừ là con người hèn-mạt quá đỗi thì không kể, chắc cũng không cầu lấy chết ngày kia hơn là chết ngày mai, (ví ngày kia với ngày mai có cách nhau là bao nhiêu?) — Vậy thời cũng phải suy đó mà hiểu rằng chết ngày mai hay là chết mấy

mươi năm sau nữa cũng chẳng có quan-hệ gì.

25. — Phải nghĩ luôn trong bụng rằng từ xưa đến nay biết bao nhiêu thầy thuốc đã đòi phen trông thấy người ốm mà cau mày, rồi tự mình cũng chết; biết bao nhiêu nhà số-học đã đòi phen đoán cho bao nhiêu người chết, rồi tự mình cũng chết; biết bao nhiêu nhà triết-học đã đòi phen nghị-luận về lẽ tử-sinh, lẽ bắt-diệt, rồi tự mình cũng chết; biết bao nhiêu tay tướng giỏi đã đòi phen giết hại biết bao nhiêu người, rồi tự mình cũng chết; biết bao nhiêu kẻ bạo-chúa đã đòi phen lạm-dụng cái quyền sinh-sát một cách rất khốc-liệt, tưởng như mình không bao giờ chết được, rồi tự mình cũng chết; biết bao nhiêu các đô-thành lớn, như *Hélíkè*, *Pompéi*, *Herculanum*, (2) nhất-đần tiêu-diệt hết. Lại chính mắt ta trông thấy biết bao nhiêu người kề-tiếp nhau mà chết: như người này vừa mới đi viếng người kia, rồi liền đấy chết ngay, lại đến người nữa kể theo, cách nhau không mấy chốc. Nói tóm lại, nên bao giờ cũng coi sự đời là chuyện thoảng qua, không có giá-trị gì cả: hôm qua là cái hạt giống mới nảy mầm, hôm nay đã là cái xác chết cứng đờ hay là đồng tro tàn nguội lạnh. Vậy thời trong cái khoảng ngắn-ngủi ở đời, nên cứ thuận theo lấy lẽ thiên-nhiên, rồi đến giờ cùng-tận nhắm mắt mà đi, vẫn cứ bình-tĩnh như thường; như quả chín trên cây rụng xuống, còn cảm ơn cái đất đã nuôi cho sống, cái cây đã mang đến giờ.

26. — Đi cứ theo đường thẳng mà đi; đường thẳng chính là đường hợp với lẽ thiên-nhiên: là nói hay làm bao giờ

(1) Nhà triết-học Hi-lạp về phái «kiên-nhẫn», sinh-trưởng về thế-kỷ thứ 1. Cũng có một tập cách-ngôn để lại, đề là *Manuel d'Epictète*.

(2) Thành *Hélíkè* bị nước triều dâng lên, hai thành *Pompéi* và *Herculanum* bị núi lửa phun ra, một buổi vùi lấp dưới nước lửa, không còn gì nữa. Việc thuộc về trước Gia-tô giáng-sinh.

cũng thuận với lẽ phải chân-chính. Nếu quyết được như thế thì thoát khỏi mọi sự đua-tranh, lo-lắng, cầu-cạnh mưu-mô.

27. — Phàm cái tư-tưởng gì phiền-bận hay không thích-hợp với mình, xóa bỏ nó đi, thời liền được yên-đĩnh bình-tĩnh trong lòng, có khó chi đâu !

28. — Phàm lời nói hay việc làm hợp với lẽ thiên-nhiên, phải tự cho mình là xứng-dáng ; đừng có vì lời bình-phâm, sự khen-chê của thiên-hạ, mà dề cho sai-lạc đi ; nhưng nếu lời nói hay việc làm đã quả là hay là tốt rồi, thời đừng cho mình là không xứng-dáng. Thiên-hạ, họ có lẽ của họ, họ theo cái khuynh-hướng của họ ; ta đây, ta chẳng cần phải quan-tâm đến họ làm gì ; ta cứ theo đường thẳng ta đi, cứ thuận cái thiên-tính của ta và thuận lẽ thiên-nhiên chung, hai đường cũng là một vậy.

29. — Ta cứ bước trên đường thẳng, theo lẽ thiên-nhiên, cho đến ngày ngã ra mà tắt nghỉ ; — đem cái hơi thở sau cùng trả lại cái không-khí kia là nơi đã giúp cho ta hô-hấp hằng ngày ; — đem cái thân tàn gửi vào cái đất kia là nơi cha ta đã gây hình cho ta, mẹ ta đã nung máu cho ta, vú ta đã lấy sữa nuôi ta ; là nơi từ bao năm đến giờ cứ ngày ngày ta nhờ đấy mà có cơm ăn, có nước uống ; là nơi mạng ta bây giờ, mà ta thường giầy séo, thường lạm-dụng biết bao nhiêu.

30. — Có người hề giúp ai được việc gì thì vội kể công ngay. Có người thì không vội-vàng như thế, nhưng tự riêng mình cũng biết là mình có công với người lắm, và sẵn coi người như kẻ hàm ơn vậy. Có người thời hình như làm ơn cho người mà không biết nữa : tức như cây nho kia, đã sản ra được

quả nho rồi thì thôi chứ không tưởng đến gì nữa, hay như con ngựa đã chạy, con chó đã săn, con ong đã gầy mật vậy. Người ta làm được điều lành không có đi phô cùng đường ngõ ; nhưng làm hết việc ấy lại làm việc khác, như cây nho sản hết chùm ấy lại sản ra chùm khác vậy. — Hoặc-giả nói ; « Vậy thời phải giống những người làm mà tự mình không biết làm gì sao ? — Phải đấy. — Tuy - nhiên, cũng phải biết mới được chứ, vì người ta là giống thông-minh, sinh-trưởng trong xã-hội, phải biết rằng mình làm là vì sự ích-lợi chung cho xã-hội, và cũng muốn cho kẻ khác biết như thế nữa, tưởng cũng là lẽ tự - nhiên vậy. » — Nói thế vẫn là phải lắm, nhưng không hiểu ý lời khuyên của ta đây : cho nên cũng là liệt vào hạng những người ta kể ngày trên đầu đó, vì những người ấy cũng tưởng lẽ phải là như thế. Nhưng nếu hiểu rõ cái ý ta khuyên đây, thì không sợ theo lời khuyên ta mà làm sai sự lợi-ích chung được.

31. — Người ta thường nói : « Thày thuốc truyền cho phải cỡi ngựa, phải tắm nước lạnh, phải đi chân không. » Nay cũng có thể nói : « Tạo-vật truyền cho phải ốm-đau, phải què chân cụt tay, phải táng-thất cha mẹ anh em, phải nhiều sự khổ-sở khác nữa. » Vì trong câu thứ nhất thì truyền nghĩa là : bắt phải theo như thế cho hợp với đạo vệ-sinh ; mà trong câu thứ nhì thì nghĩa là : phàm việc xảy ra trong đời người ta là trong vận-mệnh đã định như thế cả. Ta lại thường nói phàm sự xảy ra là thích-hợp với đời ta, cũng như người nhà nghề nói những viên gạch viên đá để xây tháp xây tường viên nọ viên kia thích-hợp với nhau, nghĩa là để vào in nhau như một. Vì trong vũ-trụ có một cái lẽ điều-hòa nhất-định ; cái vật-thể rất lớn là vũ-trụ, là gồm hết tất cả các vật-thể khác ; cái nguyên-nhân rất lớn

là vận - mệnh, là gồm hết thầy các nguyên - nhân khác. Điều ta nói đây, các ngu-phu ngu-phụ cũng thường nghĩ thế, vì họ nói rằng: « Ấy là số-hệ khiến nên như thế. » Phải lắm, số-hệ đã khiến nên như thế, là thích-hợp như thế rồi. Vậy sự gì xảy ra, ta cũng cứ nên thuận-nhận cả, như theo lời truyền của thầy thuốc vậy. Trong lời truyền của thầy thuốc, cũng có điều khó chịu cho ta, nhưng ta vẫn bằng lòng theo là mong lấy được sức khỏe. Nay những điều hợp với lẽ thiên-nhiên, ta cũng nên vui lòng mà làm, như mong được sức khỏe vậy. Sự gì xảy đến, dù khốn-nạn cho ta, ta cũng cứ vui nhận lấy, tự nghĩ trong bụng rằng làm như thế là giữ được sức khỏe cho vũ-trụ, thành được mưu hay của Thượng - đế vậy. Vì nếu cái việc xảy đến đó không có quan-hệ cho vũ-trụ thì Thượng - đế không có xui đến cho ai làm gì. Phạm thiên-nhiên khiến nên việc gì là không bao giờ không thích-hợp với cái bản-thể của giống sinh - trưởng trong phép thiên-nhiên.

Vậy thời việc xảy đến cho ta, ta phải hoan-ngênh, vì hai lẽ: — một là việc ấy nghiệp - dĩ đã định cho ta, đã thích - hợp với ta, đã như in vào trong thân-thể ta từ khi mới gây hình tạo-hóa, do những nguyên-nhan thiên-cổ vậy; — hai là việc dầu xảy đến riêng cho mỗi người cũng là giúp cho cái công lớn của Tạo - vật được hoàn-thành và được trường-cửu vậy. Vì vận-vật là liên-tiếp với nhau, nếu trừ bỏ một tơ-hào trong các bộ-phận hay trong các nguyên-nhan, tức là phá-hủy toàn-thể vũ-trụ; nay mỗi lần ta đối với sự-vật mà đem lòng oán-thán, tức là ta phá-hủy vũ-trụ ở trong phạm-vi của ta, tức là ta phá-hủy ta vậy.

32. — Dù không thể cư-xử luôn theo chính-lý được, cũng đừng nên chán-nản, đừng nên thất-vọng; nhưng mỗi lần hỏng lại làm lại; hề biết ăn-ở thường

không sai đạo làm người, cứ nên lấy làm há dạ, và cứ yêu-mến các phép-tắc thường. Không nên theo triết-lý như đưa con trẻ theo thầy dạy, nhưng khác nào như người bệnh theo thuốc-lương vậy. Vì như thế thì rõ ra rằng vàng theo lẽ phải không có khó gì, không những không khó gì mà lại được yên thân vững dạ. Lại phải nhớ rằng lẽ triết-lý tức là lẽ thiên-nhiên đó mà thôi; mình sử-dĩ sai với triết-lý là mình làm khác lẽ thiên-nhiên vậy. — Hoặc - giả nói: « Đàng nào thú hơn? » — Sự khoái-lạc nó làm cho ta sai-lạc, há chẳng phải bởi cái thú-vị đó dư? Nhưng thử xét xem lòng quảng-đại, sự tự-do, sự giản-dị, sự kiên-thức, sự đạo-đức, lại không có thú - vị hơn sao? Nếu xét lấy sự yên-ôn, sự thành-công cho mình, thì còn gì thú-vị bằng cái đức sáng-suốt thông - hiểu kia, mà ta gọi là trí thức (*la sagesse*)?

33. — Sự vật thường tối-tăm mờ-mịt, khiến cho nhiều nhà triết-lý vào tay lối-lạc đến phải cho tuyệt - nhiên không thể giải được. Và chính các nhà trong phái « kiên-nhẫn » (*les stoiciens*) cũng thường cho là khó hiểu. — Ngay trí phán-đoán của ta thường thay đổi luôn: thử hỏi người ta ai là người không từng thay đổi bao giờ? — Nay xét đến chính các vật: sao mà nó mong - manh, nó bản-tiền như thế, có thể nhất-dán vào trong tay đưa làng chơi, con dĩ bọm, hay thăng ăn trộm ngay được! — Rồi lại xét đến thói ăn cách ở những kẻ cùng ở đời với mình; kẻ rất dễ-dàng cũng khó lòng chịu nổi, và nói cho cùng người nào người ấy ít ai chịu lấy mình được.

Trong đám tối-tăm, như-bàn, trong cái giòng nước sự-vật với thời-gian trôi-chảy vô-cùng-tận đó, vậy thời có cái gì đáng thiết-tha, đáng trân-trọng không? Ta thực không thấy gì cả. Không những không có gì đáng thiết-tha trân-trọng, mà trái lại chỉ nên an-

úi mình mà đợi cho đến ngày tiêu-diệt tự-nhiên, đừng có thấy chậm mà nóng lòng, nhưng chỉ nên yên lòng nghĩ hai điều như sau này: một là việc gì xảy ra cho ta cũng không thể trái lẽ thiên-nhiên được; hai là phạm điều gì trái với thần-minh Thượng-đế, ta có quyền không làm được, vì không ai bắt ta trái lệnh Thượng-đế được.

34. — Tư-tưởng thường thế nào thì tâm-hồn như thế: vì tâm-hồn là nhuộm theo mùi tư-tưởng. Vậy phải đem những tư-tưởng như sau này mà nhuộm cho tâm-hồn ta: ở đâu sinh-hoạt được, thì ở đấy có thể làm người cho phải đạo được; nay ở nơi triều-miếu sinh-hoạt được, vậy ở nơi triều-miếu có thể làm người cho phải đạo được. — Lại như: Trời sinh ra giống nào có mục-đích của giống ấy, tự-nhiên khuynh-hướng về mục-đích ấy; khuynh-hướng về mục-đích nào, ấy là cứu-cánh ở đó; nay cứu-cánh của giống nào ở đâu, là sự thiện-lợi của giống ấy ở đấy; vậy thì sự thiện-lợi của giống có lý-tính là ở xã-hội. Vì rằng người ta sinh ra là vì xã-hội, điều đó ai cũng hiểu rõ đã lâu rồi. Vả, ai là người không biết rằng các giống hạ-đẳng là vì các giống thượng-đẳng mà sinh ra, và các giống thượng-đẳng là giống nọ vì giống kia mà sinh ra vậy? Nay giống có sinh-hoạt là cao hơn giống không sinh-hoạt, mà trong giống có sinh-hoạt thì giống có trí khôn (là giống người) lại là cao hơn nữa.

35. — Cố làm sự không thể làm được, là người cuồng. Nay kẻ ác không thể không làm điều ác được.

36. — Không việc gì xảy đến cho người ta mà tạo-vật lại không cho người đủ sức để chịu được. Có kẻ cũng gặp những sự bất-kỳ ấy, mà hoặc là không biết việc xảy đến mình là thế nào, hoặc là làm ra mặt khoan-hồng quảng-dại, cứ điềm-nhiên mà chịu

lấy ra cách chững-chạc lắm. Lại thay, thế ra sự vô-tri và sự khoa-dại lại có hiệu-lực hơn là sự trí-thức vậy!

37. — Tiếp-cận với thần-minh, Người nào bao giờ cũng vui lòng yên phận, thần lương-tâm của Thượng-đế cho để làm hướng-đạo cho mình, tức là đại-biêu của Thượng-đế, chỉ cho làm gì sẵn lòng làm nấy, ấy là người được tiếp-cận với thần-minh. Thần lương-tâm ấy, tức là trí khôn, lẽ phải của mỗi người vậy.

38. — Người căn-tinh dần-dộn sao lại có làm phiền-nhiều được người căn-tinh thông-minh? — Thế nào là người căn-tinh thông-minh? Là người hiểu biết lẽ nguyên-thủy cứu-cánh, cùng cái chính-lý thiên-cổ bàng-hạc trong vũ-trụ mà thường tuần-hoàn biến-hóa để chi-phối cho vũ-trụ.

39. — Chẳng bao lâu rồi chỉ còn bỏ xương đồng tro, với một cái tên để lại, có khi cũng không còn cái tên để lại nữa; mà cái tên chẳng qua là một tiếng vang mà thôi. — Những cái người ta rất quý chuộng ở đời toàn là chuyện hão-huyền, nhồn-hen, đồi-bại cả, như chuyện chó mèo cắn nhau, trẻ con cãi lộn, cười dấy mà rồi khóc ngay đấy vậy. — Sự thành-tín, sự liêm-sĩ, sự công-nghĩa, sự chân-chính, theo như lời cổ-văn nói, đều là « bay lên mây, xa cõi đời cả ». — Nếu quả mọi vật hữu-hình là biến-đổi luôn mà không được bền, giác-quan người ta là thô-độn mà dễ mờ-hoặc, linh-hồn người ta nữa chẳng qua chỉ là một cái hơi bốc lên, mà cho đến cái danh-tiếng về-vang với đời cũng là chuyện hão-huyền nhi-hi cả, như thế thì còn có cái gì mà quyến-luyến với đời nữa? Sao lại không điềm-nhiên mà đợi cho hoặc là tiêu-diệt đi, hoặc là dời chỗ đi? Đợi cho đến lúc bấy giờ, thì phải nên làm thế nào? Ngoài việc tôn-trọng thần-minh, làm ơn cho người, nhân-nhục mà chịu

người đời, tri-thủ đừng can-thiệp đến, đối với mọi vật trông thấy, trừ thân-thể và linh-tính mình, nhất-thiết cho là phù-vân cả, ngoài việc đó còn có việc gì nữa?

40. — Ở đời vẫn có thể sung-sướng được, vì vẫn có thể theo đường chính được, vẫn có thể tư-tướng hành-vi cho có phương-pháp được. Thượng-đế, người ta, cùng phạm giống có lý-tính, trong linh-tính đều có hai điều giống nhau như sau này : một là không có thể bị ai ngăn-trở được ; hai là lấy sự hoạt-động cho bình-chính làm mục-dịch, và ngoại-giả không có cái dục-vọng gì khác nữa.

41. — Xét sự-vật nên xét tự nội-dung ; vật nào có giá-trị chân-chính của vật ấy, đừng có xét lầm.

42. — Không có cách gì báo-thù những kẻ làm ác với mình diệu bằng cách này : là đừng giống họ .

43. — Làm việc ích-lợi cho xã-hội, hết việc ấy đến việc khác, mà bao giờ cũng tâm-niệm đến Thượng-đế, chỉ nên lấy thể làm sự vui - thú, cách tiêu - khiển mà thôi.

44. — Cái gì chủ-động trong người ta là cái tự nó phát-khởi, tự nó hoạt-động tự nó tác-thành theo cái bản-tính, bản-năng của nó, khiến cho mọi sự xảy đến là có thể cho là y như sở - nguyện cả.

45. — Một là vũ-trụ là cõi hỗn - độn, hợp dấy rồi tan dấy ; hai là vũ - trụ có trật-tự, có thể-thống, có Thiên - lý chi-phối cả. — Cứ trường - hợp thứ nhất, thì ta ham muốn sống lâu ở trong cõi hỗn-tạp này làm gì ? Ngoại-giả cái tư-tướng « có ngày rồi ta cũng thành đất », còn nên quan-tâm đến việc gì nữa ? Rầu lòng rồi trí làm chi? Dù làm thể nào, rồi cũng đến tiêu-diệt mà thôi. — Cứ trường-hợp thứ nhì, thì chỉ nên tôn-trọng đấng chúa-tể chi - phối hết thảy,

nên yêu lòng vững dạ mà kỷ - thác ở Người.

46. — Khi nào bị ngoại-vật xô-dẩy thì nên thu phóng-tâm về ngay ; không phải việc cần bắt buộc, thì đừng nên mình, làm sai cái dịp diệu thiên-nhiên của vi hệ giữ được luôn cho khỏi sai diệu thời khắc là tự-chủ được cung đàn của mình.

47. — Việc gì ta lấy làm khó, đừng tưởng rằng người đời không thể làm được. — Nhưng việc gì người đời làm được mà là ở trong phận-sự người ta, thì nên biết rằng tự mình cũng làm được.

48. — Trong trường đấu - võ có kẻ chạm móng tay vào ta làm cho ta sây da, hay là ngã dụng đầu vào ta mà làm cho ta bị thương. Ta vẫn điềm-nhiên như không, ta không lấy thể làm giận-dữ, mà ta cũng không ngờ cho người kia chủ-ý làm hại ta. Cố-nhiên là ta phải phòng-bị, song không phải là phòng - bị như phòng-bị kẻ cừ-thù dẫu, nhưng chỉ cốt tránh cho họ khỏi dụng đến mình, mà không oán gì họ. Đối với các trường-hợp khác ở đời, ta cũng cứ nên làm như thế: nhiều việc ta cũng nên bỏ quá đi, tức như những việc mà kẻ chủ-động không có chủ-tâm như người lực-sĩ ở trường đấu-võ vậy. Vì như tôi vừa nói, những việc ấy ta có thể tránh được, mà không phải ngờ- vực, không phải oán-giận ai

49. — Nếu có ai chỉ rõ cho tôi biết rằng tôi làm sai hay tôi nghĩ lầm, thì tôi sẽ vui lòng sửa mình ngay ; vì tôi cốt cầu lấy lẽ phải, mà lẽ phải không có làm thiệt hại ai bao giờ ; người nào sai-lầm không biết mà cứ cố-chấp không đổi, người ấy mới phải chịu thiệt-hại.

50. — Về phần tôi, tôi cứ làm việc hỗn-phận ; muôn vật ở ngoài không làm cho tôi sai đường được ; vì trong vạn vật giống thời vô-sinh-hoạt, giống

thời vô-ý - thức, giống thời mò-tối không biết đường nào mà đi.

51. — Những sự-vật mà số-phận đã dành cho ta, ta nên ủy-khúc mà theo cho bộp ; những người mà ta phải ăn ở cùng, ta nên thành-lâm mà yêu-mến họ.

52. — Phàm sự - vật không thuộc quyền ta, dù là sự gì vật gì mặc lòng, mà ta cho là có lợi hay là có hại cho ta, thời khi ta phải chịu cái hại ấy hay không được cái lợi ấy, tất là oán Trời giận người, trách hay là ngờ Trời với người đã làm cho ta không may hay là phải khổ như thế ; cũng vì quan-tâm đến những sự như thế, nên thường phạm phải nhiều điều phi-lý. Nhưng nếu sự-vật gì thuộc ta, ta mới cho là có lợi có hại cho ta, thời không còn có gì oán Trời giận người nữa.

53. — Mỗi lần muốn được vui - vẻ cho mình, thời nên xét những tính hay nét tốt của các người cùng ăn-ở với mình : người này chăm-chỉ hoạt-bát, người kia nhũn - nhặn khiêm-nhường, người nọ khoan-dung quảng-đại, cùng nhiều người khác có nhiều nét hay nữa. Vì không cảnh gì vui bằng trông thấy những đức-tính tốt lộ ra trong thói ăn cách ở những người cùng sinh-hoạt với mình và chung-đúc lại nhiều như thế. Vậy bao giờ ta cũng nên tưởng-tượng đến các đức-tính ấy luôn.

54. — Nên tập quen đem tâm-tư mà chú-ý vào lời nói của kẻ khác ; nghe người nào nói với mình, nên cố cho hiểu được đến tâm-tình người ta.

55. — Cái gì không lợi cho cả đoàn thời cũng không thể có lợi cho một kẻ được.

56. — Biết bao nhiêu kẻ cùng ta vào cõi đời mà đã đời cõi đời trước ta vậy ;

57. — Kẻ nào là kẻ ta muốn được đẹp lòng, đẹp lòng bằng cách thế nào và đề cầu lợi gì ? — Những chuyện đó rồi ngày qua tháng lại quên đi ngay, có còn gì, mà kẻ quên đi cũng đã biết bao nhiêu rồi!

58. — Cái xấu ở đời là cái gì ? — Là một sự ta thường trông thấy luôn vậy. Gặp sự gì xảy ra, cũng phải tự nghĩ trong bụng rằng sự ấy ta đã từng trông thấy luôn vậy. Khắp mọi nơi, trên cao dưới thấp, sự gì ta kinh-nghiệm cũng toàn là những sự đã đầy-rẫy trong lịch-sử đời thượng-cổ, đời trung-cổ, đời hiện-kim, đầy-rẫy các chốn kẻ chợ nhà quê bây giờ. Có gì là mới lạ đâu : hết-thảy là chuyện thường ngày mà là chuyện thoảng qua cả.

59. — Nghĩ chuyện tương-lai, đừng nên sốt ruột ; đối với tương-lai, cũng cứ nên dùng một cái lẽ phải như đối với hiện-tại vậy.

60. — Không mấy lâu nữa mà ta sẽ quên hết thầy ; — không mấy lâu nữa mà người đời sẽ quên ta hết thầy.

61. — Duy có người ta mới biết yêu đến cả kẻ xúc - phạm mình. Muốn được như thế thì phải nghĩ rằng : — những kẻ ấy cũng là thân-thuộc với mình ; — những kẻ ấy phạm lỗi là vì không biết, chứ không phải cố-ý ; — những kẻ ấy rồi chẳng bao lâu cũng cùng với ta mà chết cả ; — mà cốt nhất là những kẻ ấy không có làm thiệt-hại gì cho ta, vì không từng làm cho tâm-tính ta hư đi được.

62. — Đừng có tưởng-tượng cái mình không có tốt đẹp hơn cái mình có. Nhưng trong cái mình có, nên xét lại cái gì là tốt hơn cả, và tưởng-tượng giá không có nó thời ắt phải khó-nhọc thế nào mới có được. Song trong khi vui lòng xét lại như thế, cũng đừng có trân-trọng quá -đáng, khiến cho hoặc có ngày mất đi mà đến phải rầu lòng.

63. — Nên trăm-tư mặc-tướng một mình. Giống có linh-hồn, có đạo-lý, là giống có thể tự-túc được, vừa thi-hành sự đạo-đức, vừa giữ được bình-tĩnh trong lòng.

64. — Trong sách « Cộng-hòa-luận » (*République*) của ông Bà-lạp-đồ (PLATON) có đoạn rằng : « Người có tư - tưởng rộng-rãi lớn-lao, bao gồm được cả thời-gian, cả vật-thể, thời người ấy anh tưởng có thiết-tha đến sự sống làm không ? — Ông trả lời : chắc là không. — Vậy thời sự chết, người ấy chắc cũng không lấy làm sợ chẳng ? — Quyết hẳn thế. »

65. — Cổ-triết ANTISTHÈNE có câu nói rằng : « Làm lành mà bị oán, ấy mới là cách kẻ vương-giả. »

66. — Xem các tính-tù vận-hành, như tự mình cũng luân-chuyển trên không-trung ; — ngẫm-nghĩ lẽ sinh-hóa trong vật-chất, chất nọ biến-đổi ra chất kia vô - cùng. Những tư-tưởng như thế rửa sạch được mọi sự nhơ-bẩn trong trần-thế, mà làm cho người ta thanh-cao ra.

67. — Nên quan sát trong nội-tâm mình. Cái nguồn chí-thiện là ở đó, nguồn vô-tận, nhưng phải khơi luôn ra mới được.

68. — Cái thuật ở đời giống như phép đấu-võ hơn là phép khiêu-vũ ; phải vững chân mà dùng sẵn-sàng đợi sự bất-kỳ nó vụt đến.

69. — Nên xét kỹ những kẻ mà ta muốn được tiếng khen của họ, xét kỹ cái tâm-lý họ thế nào. Như thế thời họ có vô-ý mà lầm-lỗi, ta cũng không trách họ chi; mà ta cũng không cần đến tiếng khen của họ làm chi nữa, vì ta đã biết tự nguồn-gốc tư-tưởng của họ rồi.

70. Tạo-vật không có đem ta mà hỗn-hợp với sự-vật cho đến nỗi tự ta cũng không thể phân-biệt được cái phạm-vi của ta và chủ-trương được những sự thuộc về ta. Có lẽ là ông thanh-nhân mà thế gian không ai biết cũng có. Tap hải nhớ luôn như thế, lại phải nhớ cả điều này nữa, là ở đời muốn cho được sung-sướng không phải mấy tí đâu. Dù nghề biện-luận có vụng, hay các khoa-học có kém, cũng không nên vì đó mà nản chí tự-tu cho trở nên con người tự-do, khiêm-tốn, hòa nhã với mọi người, và kính-cần với Thượng-đế.

(Còn nữa)

HỒNG-NEÂN dịch

KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

II

Chương-trình xan dịch

1 — Trên kia đã nói *Xuân-thu* là sách tàn-khuyết sai-suyễn hơn cả các sách nho tìm ra sau khi nhà Tần cấm và đốt ; nên trong sách *Xuân-thu* có nhiều chỗ không thành văn-lý. Các nhà giải kinh ngày xưa thường cố phụ-hội mà cưỡng giải ra cho có nghĩa, làm như thế không những không bổ-ích gì cho nghĩa lớn, lại chỉ thành ra

cái học xuyên-tạc mà thôi vậy. Nay phạm những chỗ nghĩa ngờ, đều đành chịu là khuyết-văn, không lục và dịch ra nữa. Ai muốn khảo-cổ, đã có nguyên-thư.

2 — Nguyên-thư là thể sử biên-niên, kể từng đời vua nước Lỗ và từng số năm một. Nay mỗi việc đã hợp kinh với *truyện* lại làm một bài thành ra lối sử từng chương từng tiết, như

thể thì mười hai đời vua nước Lô tức là mười hai *chương*. Mỗi đời vua có bao nhiêu việc tức là bấy nhiêu *tiết*. *Chương* thì ghi số La-mã, *tiết* thì ghi số Ả-rập. Còn số năm cũ không xếp vào đầu được đều lược đi. Mỗi đời vua chỉ chưa một năm đầu theo số *giáp-ti* và thêm số năm vua nhà Cnâu, số năm Tây-lịch kỷ-nguyên-tiền, để đủ cho nhà sử-học tra xét. Còn trong bài *truyện* chỗ nào đã có chép mùa sẵn thì vạch hai cái vạch mà ghi thêm số năm của đời vua bấy giờ thể là giảm mà cổ-ý vẫn còn.

3 — Nguyên-thư của *Tả-truyện* thì phần *kinh* với phần *truyện* đời ra làm hai nơi. Cứ mỗi năm, *kinh-văn* có bao nhiêu cái đề-mục, đều liệt ra cho hết rồi mới đến *truyện-văn*. Về *truyện-văn* lại cứ lần-lượt theo thứ-tự các đề-mục trên *kinh-văn* mà giải ra. Sách dịch-thư này theo thứ-tự của *kinh-văn*, cứ mỗi cái đề-mục lại đem một bài *truyện-văn* ở dưới lên hợp vào làm thành ra thể sử-cương-mục mà viết theo lối mới.

Vậy mỗi việc, đầu-đề là *kinh*, chính bài là *truyện*. Thế là lợp *kinh* với *truyện* lại làm một thể, mới thành ra sách *Xuân-thu* hoàn-toàn.

4 — Phạm chỗ nào, trên *kinh-văn* có đầu đề mà dưới *truyện-văn* không có bài, không lấy gì làm căn-cứ cho nghĩa cái đầu đề ấy, thì đề cái đầu đề ấy lại, không dịch ra nữa.

Còn chỗ nào *truyện-văn* có bài, xét ra là việc có đủ chứng-thực rõ-ràng mà *kinh-văn* lại không có đầu đề, hoặc là *kinh-văn* bị thất-thoát mất đầu đề đi, hoặc là *Tả-thị* có sở-đắc mà chép thêm. Nay lựa lấy những bài nao hay thì lược dịch ra để giúp thêm cho nghĩa sách.

5 — Xem trong sách *Tả-truyện cú giải* 左傳句解 của ông Hàn Mộ-Lu 韓幕廬 và những bài văn *Tả-truyện* mà người ta lược vào sách *Cổ-văn* 古文 Trung-quốc cũng vậy, bài nào cũng có một cái đầu đề. Song xét ra những đầu đề ấy, chỗ nào có câu *kinh-văn* sẵn thì lấy câu *kinh-văn* ấy làm đầu-đề. Chỗ nào không có *kinh-văn* hay là có mà nghĩa không quát hết được bài *truyện* thì cũng bỏ đi mà lấy năm ba chữ ở trong bài *truyện*, hoặc liền một câu, hoặc chấp nối lại, để yết lên làm đầu đề, chứ chính nguyên-văn trong *Tả-truyện* không chỗ nào có đầu đề bao giờ. Làm như thế, người sơ-học nghĩ là nguyên-văn vẫn có đầu-đề và không biết cái đầu đề nào là chính *kinh-văn*, cái đầu đề nào là mới đặt ra, thành ra hỗn-độn mơ-màng cả. Sách dịch-thư này cốt làm cho *kinh* với *truyện* hợp làm một mà phát-siễn cái chân-tinh-thần hoàn-toàn của sách *Xuân-thu* lên. Một bài cũng như một bộ sách, *kinh* với *truyện* đủ cả ở đó, học một mà được hai, không phải phân-biệt học *kinh Xuân-thu* khác với học *truyện Tả-thị* khác như ngày trước nữa.

Vì cơ đó nên sách dịch-thư này dám bắt chước cái cách đặt ra đầu đề mới như trên kia, trong sách dịch-thư mỗi cái đầu đề là dịch y nguyên-văn của một câu *kinh-văn* có sẵn, dù cái đầu đề *kinh-văn* nào mà nghĩa không quát hết được bài *truyện-văn*, nhưng việc phát-xuất là bởi một duyên-cớ thì cũng cứ dịch y nguyên-văn của đầu-đề chứ không có thêm bớt ý nào.

Còn bài *truyện* nào không có đầu đề bằng *kinh-văn*, đành chịu là khuyết đề mà cứ thứ-tự lược dịch ra.

6 — Sách nguyên-thư của *Tả-truyện*, cứ mỗi năm, trên đầu phần *kinh-văn* lại tiêu lên một chữ «*kinh*», đến phần *truyện-văn* cũng lại tiêu lên một chữ

«truyện» ở trên đầu nữa. Cách làm dấu hiệu cho rõ ràng như thế để học-giả dễ nhận từ đầu đến đầu là *kinh*, còn từ đầu đến đầu là *truyện*. Sách dịch - thư này cũng bắt-chước lối ấy, mỗi cái đầu đề, ở đầu có in một chữ « K » là ám-hiệu của chữ *kinh*; mỗi bài *truyện* ở đầu có in một chữ « T » là ám-hiệu của chữ « *truyện* », phân-biệt như thế để cho học-giả biết cái bản-thể. Hai mà thành ra một, một mà vẫn là hai.

Còn chỗ nào có bài *truyện* mà không có đề bằng *kinh-văn* thì có đặt ba cái hoa thị để cách mạch-lạc với bài *truyện* trên, chứ không có dấu đề ghi số, nghĩa là bài *truyện* không có dấu đề ấy chỉ là phụ-lục, chứ không độc-lập thành một tiết được, đó cũng là một nghĩa khuyết-văn vậy.

7 — Chỗ nào tuy *kinh* có dấu đề, *truyện* có bài, song việc ấy không quan-hệ gì cho đời nay là vì cái nghĩa nó đã quá cũ rồi. Vậy đều lược đi mà không dịch ra nữa.

Về phần *kinh-văn* đã lựa cho hợp với *truyện-văn* mà chọn lấy những nghĩa lớn như thế, tưởng cũng đủ hiểu được cái tinh - thần của sách *Xuân-thu* một cách có căn-cứ rồi. Còn hơn là tham nhiều mà không đủ chứng-thực thì có ích gì.

8 — Ngày nay khoa-học phát-đạt, chân - lý rõ-rệt, những sách quái - gở hoang-đường, bắt-tất phải cấm phải đốt mà số người mê-tin cũng cứ mỗi ngày giảm bớt mãi đi. Vậy trong sách *Tả-truyện*, có nhiều những chỗ ma - quỷ, chỗ thì nói như ý ngụ-ngôn mà cũng nhiều chỗ thì tin như có sự thực. Sách dịch-thư này đều dịch đủ để cho học - giả biết cái tư - tưởng của người đời *Xuân-thu*.

9 — Văn của *Tả-thị* là lối văn rất cổ, lời văn tất mà ý tứ sâu - xa, nên các bản nguyên - thư bằng Hán - văn

đều phải chú-giải từng chữ từng câu một, nay dịch ra quốc-văn, nếu dịch chọi từng chữ một thì trúc-trắc không rõ nghĩa, đem cước-chú cho từng chữ từng câu thì cũng phiền-loạn khó đọc, thế mà dịch thêm lời vào nhiều quá lại sợ sai mất thể văn cổ đi. Vậy dịch-giả phải lựa mà chằm-chước cả ba điều ấy cẩn-thận lắm, chỗ thì dịch chọi từng chữ, chỗ thì thêm ra một hai lời rõ nghĩa hơn. Còn chỗ nào cần phải chú-thích thì đánh số mà viết xuống dưới bài.

10 — Những lời chú-giải trong sách dịch-thư này, phần nhiều theo ở bản *Tả-truyện cú-giải* của ông Hàn Mộ-Lư Trung - quốc, còn thì khảo thêm các sách cùng sở-đắc của dịch-giả.

11 — Phạm những lời phê-bình của *Tả-thị* ở cuối bài *truyện*, thường đặt ra lời người quân-tử nói mà Chu - tử đã chê là « vô ý - tứ » như đã nói ở bài *khảo-nguyên* trên kia, lại chính ông Hàn Mộ-Lư chú-giải sách *Tả-truyện* cũng cho là « lời thiên-lậu không có nghĩa gì chính-dại. » Đến như *Tả-thị* dẫn lời sách *Thư* sách *Thi* để phân-đoán, Hàn Mộ-Lư tiên-sinh cũng nói đều không đúng nghĩa cả. Song ở Hán-văn người ta biết dở mà không tiện xan đi, là có ý lưu đề tồn-cổ. Nay sách dịch-thư này cầu lấy thuận-tuy hoàn-toàn, vậy những chỗ đã biết là thừa không quan-hệ gì như thế đều không dịch ra nữa.

12 — Đầu sách có một bài nói về phép phong-kiến là cái chế-độ quan-hệ của xã-hội, của quốc-thể đời nhà Châu, sau liệt ra một cái biểu *liệt-quốc hưng-vong* đời *Xuân-thu* để học - giả tiện tra xét.

13 — Một cái tinh-thần đặc-biệt của khoa sử-học *Xuân-thu* là ở những chữ nghĩa-lệ như đã nói ở bài *khảo-nguyên*

trên, sách dịch-thư này thu nhặt lấy những chữ nghĩa-lệ quan-hệ trọng-yếu mà tản-mát ở khắp hai phần kinh-văn với truyện-văn, hợp lại làm một bài, rồi tham-dinh những nghĩa của các nhà giải kinh cũ, lược chỗ phù-phiếm, dùng chỗ thiết-thực mà chú-thích kỹ-càng, đặt lên đầu chỗ gần vào bản-thê của sách, để cho thêm hiển cái tinh-thần của những chữ nghĩa-lệ ấy lên, và cho học-giả được tiện lý-hội trước.

Những nghĩa-lệ nguyên bản Hán-ngữ ấy, nay tiếng nào đã nhập-tịch vào làm Việt-ngữ rồi thì để y nguyên-âm Hán-ngữ; còn tiếng nào chưa nhập-tịch được thì dịch ra Nam-âm. Vậy những nghĩa-lệ ở trong sách dịch-thư này tức là tiếng Việt-ngữ cả, đó là muốn làm trọn cái phận-sự nhà dịch sách, khiến học-giả không phải đối-chiếu đến nguyên-văn nữa.

Chế-độ phong-kiến và nguyên-nhân thời-cực đời Xuân-thu

Cùng một cái hiệu liệt-quốc hưng-vong đời bấy giờ.

Trung-quốc người nhiều đất rộng, về đời thượng-cổ, cứ mỗi dân-tộc trong một khu đất, lại lập thành ra một nước tự-trị nhỏ. Người quân-trưởng ở nước nào mạnh hơn, chinh-phục được cả các nước nhỏ ấy mà thống-trị hết thảy thì gọi là Thiên-tử 天子 (con trời) hay là Thiên-vương 天王 (vua trời). Gọi các nước nhỏ ấy là Chư-hầu 諸侯 các nước bầy (đội), ở đời nhà Hạ kẻ có một vạn nước — vạn-quốc. — Sau sinh-tụ ngày càng phát-đạt, nước mạnh bao-chiếm sang những nước nhỏ xung quanh, mà cái số vạn-quốc ngày càng giảm xuống, đến đời nhà Thương còn được có ba nghìn nước, khi nhà Châu nổi lên, lại còn có một nghìn tám trăm nước vua Vũ-vương đánh được nhà Thương mới chia đất lại để phong cho con cháu các nhà công-

thần trong họ ngoài họ, ấy là phép phong-kiến, trên hết là Thiên-tử, dưới là các vua Chư-hầu. Các vua Chư-hầu có năm bậc, mỗi bậc là một tước có một tên khác nhau gọi là ngũ-tước, tức là: Công 公, Hầu 侯, Bá 伯, Tử 子, và Nam 男.

Từ Thiên-tử trở xuống các vua Chư-hầu, chịu phần đất đều có số phân-biệt nhất-định cả.

Đất của Thiên-tử ở, đặt vương-triều và kinh-đô, rộng một nghìn dặm, gọi là Vương-kỳ. Lộc-dụng của Thiên-tử do ở các khoản cống-phú của các vua Chư-hầu dâng nạp, còn lộc của các quan vương-triều thì được chia thái-áp ở trong hạt vương-kỳ ấy.

Phần đất của các vua Chư-hầu thì nước của tước Công và tước Hầu mỗi phần một trăm dặm. Nước của tước Bá bảy-mươi dặm. Nước của tước Tử và tước Nam mỗi phần năm-mươi dặm; còn xứ nào phần đất không đầy năm mươi dặm gọi là nước phụ-dung 附庸 phụ thuộc vào nước của tước Công tước Hầu nào gần đấy.

Phong tước chia đất xong rồi lại đặt ra phép vương-chế và phép quân-chế.

Vương-chế tức là pháp-luật tổ-chức chính-trị của tiên-vương, từ Thiên-tử trở xuống đến vua Chư-hầu đều phải tuân theo.

Quân-chế là phép tổ-chức việc binh, chia ra từng « quân » một. Mỗi quân số lính là một vạn hai nghìn năm trăm người. Thiên-tử được giữ sáu quân, — lục-quân; — nước tước Công và nước tước Hầu, mỗi nước được giữ ba quân, — tam quân; — nước tước Bá được giữ hai quân, — nhị quân; — nước tước Tử và nước tước Nam được giữ một quân, — nhất quân. — Việc chính pháp các vua Chư-hầu đều phải tuân lệnh của Thiên-tử. Khi ở đâu có giặc

ngoại-xâm hay nội-loạn, hay là nước Chư-hầu nào trái phép, Thiên-tử hạ lệnh chiêu binh Chư-hầu mà thân-chinh đi đánh, có khi sai một vua Chư-hầu nào thống-lĩnh đi đánh, để duy-tri lấy cuộc trị-an cho toàn-cục Trung-quốc.

Ấy đại-lược cái chế-độ phong-kiến ở đời nhà Châu thì như thế, kể ở về lúc dân-trị còn thuần-phác thì phép phong-kiến này thực cũng là chế-độ rất hay, đủ giàng-buộc được trật-tự cho xã-hội, cho nên từ vua Thành-vương là con nối ngôi của vua Vũ-vương trở xuống bảy tám đời, thiên-hạ thái-bình hơn cả xưa sau. Sử gọi « cuộc thịnh-trị của nhà Thành-Châu » tức là thời-kỳ đó. Kể đến vua Di-vương và vua Lệ-vương hai triều đều suy-đốn, gia-chi lúc đó, xã-hội càng tiến-hóa, dân-trị càng mở-mang thì cạnh-tranh cũng càng xô-xát. Vương-triều nhà Châu mới thành ra không đủ thế-lực giáng-ngr các nước Chư-hầu được nữa. Các vua Chư-hầu chỉ biết tư-kỷ nước mình và chiếm-cướp phá-diệt các nước nhỏ để bao-lấn lấy cõi đất. Đến đầu đời vua Bình-vương chỉ còn được một trăm bảy-mươi nước. Phép phong-kiến đến đây suy-đồi đã quá lắm rồi.

Nhà Châu trước đóng kinh-đô ở tây-bộ Trung-quốc là đất Phong,Kỳ, — bây giờ là phủ Tây-an tỉnh Thiểm-tây. Sử-thần Việt-thường ta vào thông-liều với nhà Châu tức là đến chỗ kinh-đô ấy, — nên cũng gọi là nhà Tây-Châu. Đến đời vua U-vương, rợ Khuyển-nhung ở mé tây vào ăn cướp, giết vua U-vương. Các vua Chư-hầu lập con là Bình-vương lên thay. Bình-vương lo cái nạn Khuyển-nhung bèn thiên kinh-đô sang đông-bộ, từ đó gọi là nhà Đông-Châu.

Bắt đầu đời Bình-vương trở đi, Thiên-tử mất hết thế-lực, chỉ ngồi giữ

cái hư-vị và đeo cái hư-danh mà thôi. Các vua Chư-hầu lại càng thêm hoành-ngược, chiếm cướp lẫn nhau, nước nào đã lớn lại càng lớn thêm, đã mạnh lại càng mạnh nhiều, rồi chuyển sang đời Xuân-thu, thành ra cái thế liệt-quốc tranh-hùng, tinh ra chỉ còn độ hơn hai mươi nước, mà vẫn còn lẫn-cướp phá-diệt nhau mãi mãi chứ đã thôi dàu

Thậm-chí ba nước Sở, Ngô và Ô-Việt mà xưa kia Trung-quốc vẫn khinh-bĩ là giống nam-man, nay cũng cường-thịnh vào lẫn cướp trung-nguyên. Mỗi cạnh-tranh ở đời Xuân-thu lại thêm một cái vấn-đề dân-tộc nữa.

Thiên-tử nhà Châu đã vô-quyền, các vua Chư-hầu người nào mạnh bèn thay nhau nổi lên đứng ra làm minh-chủ, mượn cái tiếng « tôn-vương » — tôn Thiên-vương nhà Châu — mà hiệu-lệnh các nước Chư-hầu khác. Nhất là vua Hoàn-công nước Tề, vua Văn-công nước Tấn, vua Tương-công nước Tống, vua Mục-công nước Tần và vua Trang-vương nước Sở, đời gọi là « Ngũ Bá » (năm ông chúa). Thứ đến vua Phù-Sai nước Ngô, vua Câu-Tiền nước Việt, đều là những nhân-vật trọng-yếu có quan-hệ đến thời-cục đời Xuân-thu 242 năm trong sách này cả.

Xét cuộc thế-biến đời Xuân-thu, từ chính-trị học-vấn đến xã-hội chủng-tộc, phương-diện nào cũng đều thấy biến-cải một cách lạ thường; có cái biến mà dở, song cũng có cái biến mà hay. đời Xuân-thu thực là một cái trung-tâm-diểm về đường tiến-hóa của các xã-hội Á-Đông, kể dọc sử không biết đến không được. Nay liệt ra một cái biểu-hưng-vong của các nước đời Xuân-thu như sau này để biết đại-thế thời-cục lúc bấy giờ mà tiện xét về sự biến trong sách.

BIỂU LIỆT-QUỐC HƯNG - VONG ĐỜI XUÂN - THU

Tên nước	Tên họ	Vua đầu hay là mới phong	Tước	Đô-thành	Truyền đời	Diệt-vong
Đông-Châu 東周	Cơ 姬	Vua Bình-vương	thiên-tử 天子	Lạc-ấp, nay là Lạc-dương	25 đời vua hợp với Tây- châu cộng 867 năm	Nước Tần diệt đi mất
Lỗ 魯	»	Bá-Cầm con ông Châu-công	Hầu 侯	Nay huyện Khúc- phụ, Sơn-dông	34 vua, 875 năm.	Nước Sở diệt đi mất
Vê 衛	»	Khang-thúc Phong em vua Vũ-vương.	Hầu 侯	Nay phủ Vê- lung, Giang-nam	41 vua, 905 năm.	Nhà Tần diệt đi mất
Tấn 晉	»	Khang-thúc Ngụ con vua Vũ-vương	Hầu 侯	Nay phủ Bình- dương, Sơn-tây	38 vua, 735 năm.	ba nước Hàn, Triệu, Ngụy, cùng diệt đi
Trịnh 鄭	»	Hoàn-công Hữu con vua Lê-vương.	Bá 伯	Nay huyện Trịnh, Hà-nam	23 vua, 433 năm.	Nước Hàn diệt đi mất
Yên 燕	»	Thiệu-công Bật con vua Vũ-vương.	Bá 伯	Nay phủ Thuận- thiên, Trực-lệ	42 vua, 901 năm.	Nước Tần diệt đi mất
Tào 曹	»	Tào-thúc Chấn Đạc con vua Văn-vương.	Bá 伯	Nay Tào-châu, Sơn-dông	25 vua, 536 năm.	Nước Tống diệt đi mất
Sái 蔡	»	Thúc-Dĩ em vua Vũ-vương.	Bá 伯	Nay huyện Thượng-sái, Hà-nam	25 vua, 675 năm.	Nước Sở diệt đi mất
Ngô 吳	»	Châu-chư ơng con cháu ông Thái-bá.	Tử 子	Nay phủ Tô- châu, Giang-nam	21 vua, 650 năm.	Nước Sở diệt đi mất
Đặng 滕	»	Thúc-Tú con vua Văn-vương	Bá 伯	Nay huyện Đặng, Sơn-dông	25 vua, năm.	Nước Tống diệt đi mất
Ngũ 虞	»	Ngũ-Trọng con cháu ông Trọng-Ưng	Công 公	Nay huyện Ngũ, Hà-nam	12 vua, năm.	Nước Tấn diệt đi mất
Quắc 虢	»	Quắc-Trọng con ông Vương-qui	Công 公	Nay Thiêm- châu, Hà-nam	...vua, năm.	Nước Tấn diệt đi mất
Tống 宋	Tử 子	Vi-tử Khải, em vua Trụ nhà Thương	Công 公	Nay phủ Qui- dức, Hà-nam	34 vua, 328 năm.	Ba nước Tề, Sở, Ngụy, diệt đi

Tên nước	Tên họ	Vua đầu hay mới phong	Tước	Đô-thành	Truyền đời	Diệt-vong
Tề 齊	Khương 姜	Thái-công Vọng con cháu quan Từ-Nhạc	Hầu 侯	Nay huyện Lâm- chi, Sơn-dông	30 vua, 744 năm.	Họ Điền cướp mất
Trần 陳	Vĩ 媯	Hồ-công-Mãn con cháu vua Thuấn	Hầu 侯	Nay huyện Trần, Hà-nam	24 vua, 644 năm.	Nước Sở diệt đi mất
Sở 楚	Thiên 芊	Hùng-Dịch con cháu Dục-Hùng	Tử 子	Nay phủ Kinh- châu, Hồ-bắc	41 vua, 893 năm.	Nước Tần diệt đi mất
Khỉ 杞	Tự 妘	Đông-lâu-Công con cháu vua Vũ	Công 公	Nay huyện Khỉ, Hà-nam	24 vua, 450 năm.	Nước Sở diệt đi mất
Tiết 薛	Nhâm 任	Hề-Trọng con cháu vua Hoàng-đế	Hầu 侯	Nay châu Duyệt, Sơn-dông vua năm	Nước Tề diệt đi mất
Kỉ 紀	Khương 姜	Hầu 侯	Nay huyện Thọ- quang, Sơn-dông vua năm	Nước Tề diệt đi mất
Cử 莒	Kỉ 己	Từ-Dữ con cháu vua Thiếu-Hiệu	Tử 子	Nay Cử-châu, Sơn-dông vua năm
Trâu (1) 邾	Tào 曹	Tào-Hiệp con cháu ông Lục-chung	Tử 子	Nay huyện Trâu, Sơn-dông	Sau vua Mục-công đổi tên là nước Châu ^u
Tiền 邾 小邾	»	Tào-Hữu con cháu Tào-Hiệp	Tử 子	Nay huyện Đãng, Sơn-dông vua năm
Việt 越	Tự 媯	Võ-Dư con cháu vua Thiếu-khang	Tử 子	Nay phủ Thiệu- hung, Tích-giang vua năm	Nước Sở diệt đi mất
Hứa 許	Khương 姜	Văn-thúc con cháu quan Từ-Nhạc	Nam 男	Nay Hứa-châu, Hà-nam	18 vua, năm	Nước Trịnh diệt đi mất
Tần 秦	Doanh 嬴	Phi-tử con cháu ông Bá-	Bá 伯	Nay phủ Hàm- dương, Thiểm-tây	35 vua, 642 năm.	đến Vua Thủy- hoàng thống-nhất Trung-quốc

(1) Chữ 周 đã dịch là Châu, thì chữ 邾 phải dịch là Trâu cho phân-biệt. (Dịch-giả)

Những chữ nghĩa-lệ

Người = Phạm việc nước mà chép người là chỉ việc làm ấy bởi tự công-chúng cả nước. — (人 nhân = người)

Hội = Có ước hẹn cùng đến chỗ nào họp nhau bàn định việc quốc-lễ. Khi bị người khác làm chủ mời thì gọi là đến hội. — (會 hội = họp).

Minh hay là Ăn thề = Các vua Chư-hầu hội nhau một chỗ, bày đàn tế Trời và đặt một con « sinh » (một con trâu) với một tờ « minh-thư » viết những lời cùng thuận xin giữ với nhau để thề với quỷ-thần ở trước tế-dàn, vua nước đàn anh đứng ra làm minh-chủ, cắt tai bên tả con « sinh » lấy máu cùng uống với nhau và tuyên-độc minh-thư. — (盟 minh = thề).

Đồng-minh = Hai người ăn thề với nhau là *đặc-minh*, ba người với nhau là *tham-minh*. Khi nào nhiều người cùng ăn thề với nhau thì là *đồng-minh*. — (同盟 đồng-minh = cùng thề).

Gặp = Không có ước hẹn trước mà tình-cờ gặp nhau ở chỗ nào. — (遇 Ngộ = gặp)

Hòa = Hai nước đang hiềm-khích với nhau, bỗng bỏ cả giận cũ đi mà họp bàn việc hòa-mục với nhau. — (平 bình = hòa).

Chầu = Có đem đồ lễ ngọc lụa đến dâng hàng quần-thần để lạy Thiên-tử hay vua nước lớn nào. — (朝 triều = chầu).

Sinh = Cho sứ-thần đem lễ-vật đến biếu và hỏi-han ý-kiến gì. — (聘 Sinh = sinh).

Xuất-bôn = Bị bỏ hay bị đuổi mà chạy trốn ra nước khác. — (出奔 Xuất-bôn = chạy).

Nạp = Lấy binh-lực đưa một vị vua quan nào đã bị chạy trốn ra nước

ngoài để về nước cũ mà bắt ép phải nhận. — (納 nạp = nạp).

Cứu = Đem binh đến giải vây hay đuổi giặc đang vây đánh nước nào. — (救 cứu = cứu).

Chết tiết = Bị địch-quân giết chết tiết hết (殲 tiêm = chết tiết).

Phạt hay là *đánh* = Đem binh kẻ tội nước nào ra mà trừng-trị. — (伐 phạt = đánh).

Chiến = Hai bên cùng ụng đem binh đánh nhau — (戰 chiến = đánh nhau)

Tập-công = Lừa khi bất-ý kéo ập đến đánh — (襲攻 tập-công)

Di tuần-thú = Đem đại-binh đi săn và diên - tập để xem xét bờ-cõi — (狩 thú = di tuần-thú)

Hiển-tiếp = Đánh được trận rồi đem tù và đồ-vật lấy được về dâng vua. — (獻捷 hiển-tiếp)

Đánh được = Hai bên ngang hàng nhau mà đánh được — (克 khắc = đánh được)

Lấn = Lảng-lảng đem quân vào cướp lấy bờ cõi của nước người ta. — (侵 Xâm = lấn)

Vây = Kéo binh đến bọc lấy thành của địch-quân — (圍 Vi = vây).

Kéo vào = Đem binh kéo thẳng vào quốc-đô nước nào mà chưa định chiếm cướp gì. — (入 nhập = kéo vào)

Diệt = Nghĩa cũ chỉ nói phá-hủy cả nhà Tôn-miếu, nơi thờ tổ-tiên nhà vua, và nền Xã nền Tắc, nơi tế Thần. Nhưng chính nghĩa thì là chiếm lấy thổ-địa nhân-dân chính-quyền rồi khử quốc-hiệu nước ấy đi, bắt thuộc về nước mình quản-hạt, tức như cách lấy thuộc-địa ngày nay. — (滅 Diệt)

Lưu-thú = Cho binh đến đóng giữ lấy đất thuộc-địa. — (戍 thú = lưu-thú).

Thiên = Dời phủ-khố quân-dân đi nơi khác — 遷 (*thiên* = dời)

Chiếm lấy = Đánh mà chiếm lấy một xứ nào — (取 *thủ* = Chiếm lấy)

Lấy quân = Một nước nhỏ mà điều-khiển được quân Chư-hầu để giúp mình đi đánh dàu — (以 *dì* = lấy quân)

Đuổi theo = Giặc đã thua chạy xa mà còn đuổi — (追 *truy* = đuổi).

Khất sư hay là *xin quân* = Bị ngoại-xâm hay nội-loạn, phải sang nước lớn xin cho quân về cứu (乞 *khất sư*).

Di thứ hay là đóng quân-thứ = Còn đóng quân lại một nơi trọng-địa để xét tình-hình chứ chưa đánh — (次 *thứ*).

Bắt lấy = Đang bắt-y trời lại đem đi. — (執 *chấp* = bắt lấy).

Bắt được = Đánh trận mà bắt sống hay đánh chết mà lấy được xác của tướng bên địch-quân — (獲 *hoạch* = bắt được).

Còn mấy tiếng nữa, ở Hán-văn thì là « nghĩa-lệ » mà dịch ra Nam-âm thì là nghĩa thường đã rõ-ràng rồi, không đủ làm lệ riêng, như : 築 *trúc* = Đắp thành mới; 城 *thành* = Đắp thành cũ cho rộng thêm ra, v. v. nên, không phải lục vào đây nữa.

I — ĐỜI VUA ẪN-CÔNG (1)

(Trị vì 11 năm, năm đầu là Kỷ-vị tức là Châu-Bình-vương năm 49. Tây-lịch = 722

1. — K. — Vua Trịnh-Bá (2) đánh được người Đọan ở ấp Yên

T. — Nguyên xưa vua Vũ - công nước Trịnh lấy vợ ở nước Thân là bà Vũ-Khuông (3) sinh ra được vua Trang-công và người Cung Thúc-Đọan (4).

Khi bà sinh Trang-công, đang ngủ say thì sỏ, thức dậy mới biết, làm cho bà sợ hãi. Bà bèn đặt tên cho là Ngô-sinh 寤生 nghĩa là thức dậy mới biết là sỏ rồi — . Vì thế bà ghét Trang-công mà yêu Cung Thúc-Đọan, muốn lập cho Thúc-Đọan làm vua, nhiều lần bà đã xin với Vũ - công, nhưng ông không nghe, đến khi Trang-công lên nối ngôi, bà xin ấp Chế để phong cho Thúc-Đọan.

Trang-công nói rằng : « Chế là một ấp nguy-hiểm, Quốc - thúc (5) đã bị chết ở đó. Mẹ định chỗ nào khác thì xin vâng. » Bà bèn xin ấp Kinh rồi cho Thúc-Đọan ra ở đấy ở mà gọi là « Kinh-thành Thái-thúc » (Chú cả ở thành Kinh)

Sái-trọng là quan Đại-phu (6) nước Trịnh nói với Trang-công rằng : « Thành ở phong-ấp mà đến quả một trăm « trĩ » (7) là cái hại cho nhà nước

(1) 㮇 là một tên thụy (tên hèm) nghĩa là tên đề thờ cúng, nên cũng gọi là miếu-hiệu. Cổ-già vua chết rồi, quần-thần tìm trong sách *Thụy-pháp* lấy một chữ mà nghĩa nó hợp được với tính của vua lúc sinh-thời; để đặt làm tên hèm cho vua như : 㮇-công, Vũ-công, Trang-công, Bình-vương, v. v.

(2) Vua các nước từ trước Hầu trở xuống, sống thì xưng chính tước như : Lỗ-Hầu, Trịnh-Bá Sở-Tử; chết thì miếu-hiệu truy-tôn là « Công » cả, như 㮇-công Lỗ, Vũ-công Trịnh, v. v.

(3) Vũ là tên thụy của chồng (vua Vũ-công) Khuông là tên họ của bà ấy. Tên thụy của vợ, của các nước thường dùng lối ấy

(4) Cổ-già em vua thì xưng là « thúc (chú) », như : Quân-thúc, Sái-thúc, em vua Vũ-vương. Anh vua thì xưng là « bá (bác) », như : Thái-bá anh vua Văn-vương. — v. v. Thúc-Đọan là em Trang-công vua Trịnh ở đây cũng vậy.

(5) Ấp Chế vốn của nước Quốc trước, vua là Quốc-thúc, mới bị nước Trịnh diệt.

(6) Một tước quan đại-thần của Chư-hầu, như chức thượng; - thứ đời sau.

(7) Ba tước là một « trĩ »

đó. Pháp-chế của Tiên-vương, phạm những thành ở chỗ phong-ấp, bậc lớn nhất không được quá một phần ba của thành nhà nước; bậc trung thì bằng một phần năm; bậc tiểu thì bằng một phần chín. Nay ấp Kinh đắp thành không hợp thức như thế là trái phép, chắc rồi sẽ làm khó chịu đến ngài.» Trang-Công nói rằng: « Ý bà Khương muốn thế, tránh sao cho khỏi hại được ». Sái-Trọng thưa rằng: « Bà Khương thì còn biết thế nào là chán, bất-nhược tình sớm trước đi, đừng để lẫn dẫu ra, đã lẫn dần ra rồi thì khó trị. Xem như loài cỏ kia nó lẫn dần ra còn khó trừ được, nữa là một người sủng-đệ của nhà vua dư. » Trang-Công nói: « Nó làm lắm điều bất-nghĩa, tát rồi nó tự giết nó, nhà người hãy đợi đấy mà xem. »

Truyện ấy vừa nói xong thì Thái-thúc quả-nhiên bắt ấp Tây-bỉ và ấp Bắc-bỉ đã thuộc về nhà nước lại phải thuộc về với mình. Công-tử Lã (1) là quan Đại-phu nói với Trang-công rằng: « Quốc-gia không có thể cho dân thuộc về hai nơi được, ngài định thế nào? Vì ngài muốn nhường nước cho Thái-thúc thì chúng tôi xin đến mà thờ ông ta, bằng không thì xin phải trừ đi, đừng để cho dân người ta sinh ra bụng khác. »

Trang-công nói: « Không cần gì, nó sẽ gặp sự tai vạ đó ». Thái-thúc lại chiếm lấy từ hai ấp Tây-bỉ, Bắc-bỉ cho đến mãi ấp Lâm-duyên để làm hẳn ra tư-ấp của mình. Tử-phong là tên hiệu của Công-tử Lã nói với Trang-công rằng: « Việc nên làm rồi, ông ấy cường-thịnh như thế tất thu được dân-tâm. » Trang-công nói: « Những đũa bất-nghĩa bất-mục càng cường-thịnh càng dễ đổ. »

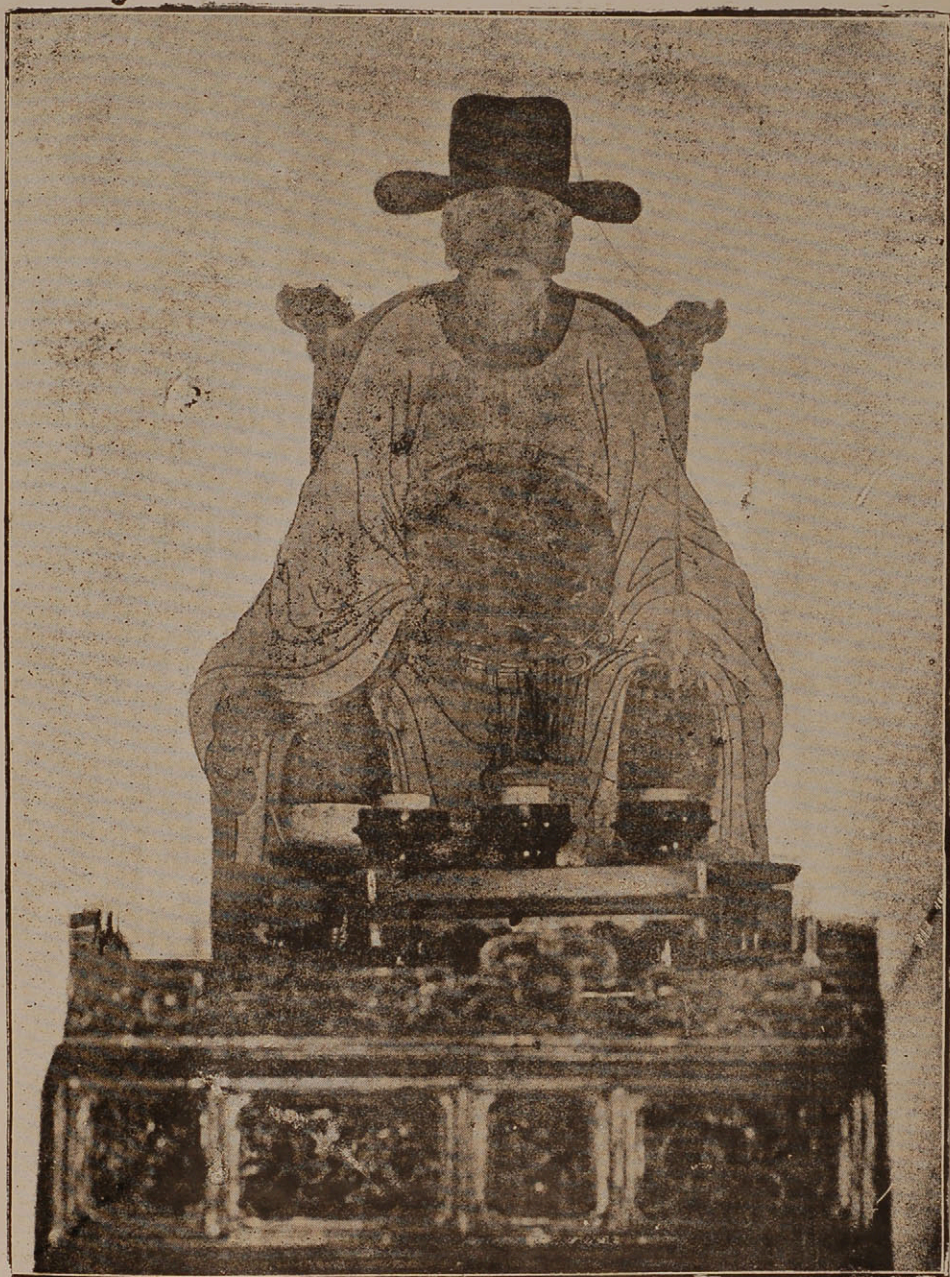
Thái-thúc sửa thành chiêu dân xong, bèn sắm-sửa áo giáp, đồ binh, xe cộ, quân-sĩ, sắp kéo vào tập-công nước Trịnh. Bà Phu-nhân Khương-thị cũng toan chỉ bảo cho.

Trang-công nghe được tin ấy, nói rằng: « Được rồi! », liền sai Tử-phong đem hai trăm cỗ binh-xa đến đánh ấp Kinh. Dân ấp Kinh làm phản Thái-thúc Đọa. Đọa lên vào ấp Yên. Trang-công đánh ấp Yên. Đọa phải xuất-bôn sang nước Cung (vì thế cũng gọi là *Cung Thúc-Đọa*.)

Trang-công bèn an-trí Bà Khương ra ở đất Thành-dĩnh mà thề rằng: « Hễ không xuống đến suối vàng thì mẹ con không khi nào gặp nhau nữa. » Nhưng rồi Trang-công lấy làm hối, có Đinh Khảo-Thúc là quan Phong-nhân (chức giữ bờ cõi ở Đinh-cốc) nghe thấy chuyện ấy, mượn việc đem lễ-vật vào dâng Trang-công. Trang-công cho Đinh Khảo-Thúc ăn cỗ. Khi ăn có thịt nấu, Đinh nhật thịt để lại. Trang-công hỏi có gì. Đinh thưa rằng: « Tiều-nhân còn có mẹ già chỉ được ăn những thức ăn của tiều-nhân, chứ chưa được ăn đồ thịt nấu của nhà vua bao giờ. Vạy xin để lại đem về biếu mẹ già. » Trang-công nói: « Ôi! nhà người còn có mẹ mà biếu; chứ ta thì không. » Đinh Khảo-Thúc nói: « Thưa ngài, sao ngài lại dạy thế? » Trang-công bèn kể đầu đuôi việc ấy và bảo cho biết ông đã hối lại rồi. Đinh Khảo-Thúc thưa: « Ngài lo chi việc ấy, nếu đào đất xuống đến chỗ có nước mạch thành một cái toại-đạo rồi vào đấy làm lễ tương-kiến thì sao không được. »

Trang-công theo làm như lời ấy. Trang-công ở cửa toại-đạo đi vào yết-kiến mẹ và đọc một bài thơ có câu rằng:

(1) Con vua Chư-hầu, con cả gọi: *Thế-tử*, *Thái-tử*, con thứ gọi *Công-tử*.



Cù Nguyễn Trãi

Cù Nguyễn Trãi, hiệu Úc-trai, là một bậc danh-nhân nước Nam ta, có công giúp vua Lê Thái-lỗ đánh giặc Tàu, khôi-phục nước (1428). Đây là chụp ảnh bức chân-dung của cụ thờ ở làng Nhị-kê, phủ Thường-tín, tỉnh Hà-dông. Bức tranh này tương-truyền là cổ lắm.

« Theo đường đại-toại đi vào, nỗi vui này kể xiết bao vui vậy ! » Rồi Bà Vũ-Khương cùng con ở trong toại-đạo đi ra cũng đọc một bài thơ có câu rằng : « Theo đường đại-toại đi ra, nỗi vui này mới thực là hòa vui ! » Mẹ con từ đó lại như xưa.

Nước Trịnh từ Vũ-công đến Trang-công đều làm chức Khanh-sĩ, — giữ triều-chính cho vua Bình-vương nhà Châu, sau Bình-vương chia một nửa chính-quyền cho vua nước Quắc. Trịnh Bá (là Trang-công) oán Bình-vương về việc ấy. Vương chối rằng : « Không », vì vậy nhà Châu với nước

Trịnh phải trao đổi « con tin » cho nhau, Vương-tử Hồ thì ra làm con tin ở nước Trịnh, Trịnh Công-tử Hốt thì vào làm con tin ở nhà Châu.

Nay Bình-vương mất, người nhà Châu định sẽ giao cả triều-chính cho Quắc-công.

Tháng tư năm thứ ba Ân-công. — Sái-Túc (tức Sái-Trọng) nước Trịnh đem quân chiếm lấy ruộng lúa ở ấp Ôn (về hạt nhà Châu); mùa thu lại chiếm lấy ruộng lúa chín ở xứ Thành-Châu. Từ đó Châu Trịnh thành ra giao-ác ghét lẫn nhau.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

QUỐC-VĂN ĐỐI VỚI CÔNG-DỤNG VÀ THỜI-GIAN

Gần đây việc giáo-dục quốc-ngữ đã có cơ tiến-hành, lan rộng khắp trong Nam ngoài Bắc ; từ chốn thôn - quê đến nơi thành-thị, đâu đâu cũng nghe nói học quốc-ngữ, hai tiếng quốc-ngữ đã dầm - thấm dôi-dào trong đầu óc người mình tựa-hồ như những buổi trời chiều, sau một cơn nóng sốt mà được có ngọn gió nam dịu-dặt, nhẹ-nhàng, mát-mẻ, đem những giọt sương hôm đượm nhuần vào hoa cỏ vậy. Mỗi đêm sáng trăng thông-thả dạo chơi trong làng, nghe có tiếng trẻ đọc sách tiếng nước nhà. Dưới bóng đèn dầu sáng-sủa, một cậu trẻ đang ngồi học bài, lắng nghe cái giọng thanh-tao đêm hôm yên-tĩnh, thì tưởng như có cái hồn thiêng - liêng gì đương quanh-quần đầu đây, khiến cho trông mặt cậu trẻ, nghe tiếng cậu trẻ phải cảm-

động nồng-nàn, cái hồn thiêng-liêng ấy tức là cái hồn Đại-Việt vậy.

Nhưng trong lúc cậu đang chăm-chí đọc sách thì bên này cha mẹ cậu đương nhỏ to bàn-bạc, lo-lắng nghĩ thương cho thân-phận trẻ con sau này mà than-thở rằng : « Thi buổi này, chữ Pháp đã thông-dụng khắp cả xứ Đông-Pháp, chẳng đâu chẳng dùng đến : thơ-từ giấy-má, yết-thị cáo-bạch, sổ-sách về việc công, việc tư, việc dân việc nước ; cái ích-lợi của chữ Pháp là thế. Nay trẻ con trong lúc bắt đầu vào học thì chỉ dạy quốc-ngữ, học quốc-ngữ có ích gì ? để làm gì ? »

Học quốc-ngữ để làm gì ? Chữ Pháp ngày nay thật đã thông - dụng rồi ? Nghe câu hỏi phải giật mình, thật hư thế nào chưa dám nhất-khái nói được,

nhưng thế nào rồi cũng phải giải-quyết. Hôm nay, luôn đây tôi soạn lại những phong thư cũ, mực đã lợt, giấy đã vàng. Thường thường tôi hay soạn đọc lại và thường nhất là những buổi trời về thu, giọt mưa rĩ-rã, ngồi yên trong phòng xem lại những bức thư xưa lấy làm hứng - thú vô-cùng, vì những mảnh giấy đó tức là những cuộc đời ngắn-ngủi của tôi cùng các bạn đồng-học, cuộc đời ngắn-ngủi và hạnh-phúc vô-cùng. Hôm nay soạn những mảnh giấy ấy lại vì một cơ khác nữa, là muốn biết chữ Pháp ngày nay đã thông-dụng rồi chưa trong xứ này. Coi qua một lượt thì thấy trong mười bức thư còn được vài ba bức viết bằng quốc-ngữ, còn bao nhiêu thì viết bằng chữ Tây, hoặc chữ ta xen lẫn chữ Tây, biệt-thành một thứ chữ «ba rọi», như :

Mon cher ami ; moi kính lời ; votre vieil ami ; vous nhớ viết thư cho moi ; v.v. — (Một thứ chữ trẻ con lạ đời !)

Đọc xong, gập tờ giấy lại, ngồi tư-tưởng mà buồn tênh ! Tưởng đến mấy triệu người mình phải dùng một thứ chữ nửa tây nửa ta ấy mà diễn-giải cái ý-nghĩa mình... Tưởng đến quốc-văn nước Văn-lang phải mai-một vì Hán-tự, quốc-văn Chiêm-thành phải tiêu-diệt vì chữ ta, tưởng đến cả quốc-văn của các dân tộc hèn yếu phải tiêu-diệt mà để cho văn-tự ngoài thế vào, tưởng đến thân-phận người Việt-Nam chưa viết nên được một câu văn quốc-ngữ... Đau-đớn thay !

Nghĩ miên-man như thế rồi cũng không quên được câu hỏi : học quốc-ngữ cũng phải có cái công-dụng gì ? Học thì để làm gì mới được chớ, có phải học cho có chừng, có học rồi thôi đâu. Bao giờ chưa giải xong câu hỏi ấy thì việc giáo-dục quốc-ngữ còn phải trở-ngại nhiều lắm. Xét ngay cái gia-

đình cậu thư-sinh kia thì có thể biết được ít nhiều, cha cậu đôi khi cũng phải thô-lộ ra ngoài những nỗi ưu-tư uất-ức trong bấy nhiêu lâu mà đề cho cậu nghe được :

— Học quốc - ngữ có ích gì, học mà để làm gì ?

Hoặc cậu có nghe đi nói lại mà thừa rằng :

— Thầy con thường dạy : người nước nào cũng phải thông chữ nước mình, ít nữa cũng phải biết cho đủ dùng rồi sẽ học văn-tự nước ngoài, như người Tàu sau khi thông Hán - tự rồi mới học chữ Anh, hoặc chữ Pháp, hoặc chữ Đức, người Nhật cũng vậy mà cả các nước phú-cường ngày nay cũng vậy, vì vậy mà nay con...

— Ừ, con học chữ quốc-ngữ, có danh-vọng gì không ? Có lợi-lộc gì không ? Ai có cần đến con không ? Trong các ti các số có ai cần đến mấy ông đồ nho-nhe kia đâu !

Ấy, cậu bé nín lặng mà nghe theo lời nghiêm-huấn ; nhưng nếu cậu không nghe thì sau này ra thế nào ? Tất-nhiên cậu phải khép vào tội bất-hiểu, nghịch-luân, hoang-dãng, thành ra một con người có tội với gia-đình, với xã-hội. Cái tội như thế cũng khá thương-hại vô-cùng. Ai người thương-tâm tất cũng phải kiếm phương-thế mà tháo - gỡ cho cậu bé kia vậy, mà gỡ cách nào, bảo cậu bỏ-phế quốc-ngữ đi chẳng ? Không lẽ thế, chính tất phải giải cho biết học quốc-ngữ để làm gì, ích-lợi về đâu ?

Tôi hôm nay xin thử làm ông trang-sư đề biện-hộ cho cậu về cái tội oan-nghiệt kia. Học quốc-ngữ để làm gì ? Tại sao phải học ? Theo ý-kiến tác-giả quyền *Contes du Lundi* thì mỗi dân-tộc nào cũng phải học thông quốc-văn mình cả. Cái dân-tộc ấy, sau này đầu

có thể nào chẳng nữa mà vẫn còn giữ được quốc-văn cho hoàn-toàn thì cũng tự mình giải-thoát cho mình một cách rất dễ-dàng, hình như mình cầm cái chìa khóa mà mở cửa ngục mình vậy. Lẽ ấy là một lẽ hẳn-hoi đúng-dẫn, thiên-nhiên bất-dịch. Người ta thường nói vãn nước nào chính là hồn nước ấy, người dân trong nước mà còn giữ được quốc-hồn không truy-lạc thì còn có lo gì. Vẫn biết cái hồn là một mối siêu-hình, nhưng là một vật có thể-lực rất mạnh-mẽ, có cái tinh-chất sai-khiến mà không hề biết cho sai khiến. Cái lý ấy thì nghiệm theo từng người một sẽ biết. Một người nào hay sinh-hoạt ở cõi đời tinh-thần hơn đời vật-chất, và khi đã theo một phương-châm nhất-định thì dầu có cưỡng ép thế nào cũng không thay đổi được. Cái hồn ấy vẫn cao lắm, như đã sản-xuất cái lòng bác-ái của Phật-tổ, của Gia-tô, của Mặc-tử, cái lý cao-siêu huyền-diệu của ông Khổng-tử, ông Mạnh-tử, cái khí anh-hùng hào-kiệt của ông Nã-phá-luân... Hồn ấy mới là cái hồn của một người mà đã lên cao đến như thế thì cái hồn của một nước, ai biết tiến lên đến bậc nào. Cho nên những nước đã tiêu-tán quốc-hồn, tức là tiêu-diệt quốc-văn, thì thật yếu-hèn bạc-nhược chẳng còn kể vào đâu nữa. Chính cũng như nước Chăm, đến nay còn những gì? Chẳng những tiêu-diệt quốc-văn quốc-hồn, lại tiêu-diệt luôn cả quốc-dân vậy. Ngày nay ai còn biết người Chăm là sao? Chao ôi!

Châu-giang một giải sông dài! ...

Cái di-tích Chăm nay có lẽ chỉ còn mơ-màng lại trên làn nước sông Châu kia vậy.

Hoặc-giả cũng có người nói liêu-lĩnh như thế này: « Có tiêu-diệt đi cũng không hại gì. Sống ở đời là khổ, chết đi ngày nào là sướng được ngày ấy, can chi phải lo. Nước Chiêm-

thành ngày nay còn có sợ chết đời đâu, giặc-giã chiến-tranh đâu!.. »

Thật thế, cuộc đời là một trường khổ-não, tránh đi được là sướng vô-cùng. Nhưng chết nổi! Cái tiêu-diệt của một nước có giống cái chết của một người đâu. Người ta khi lâm-chung thì nhắm đôi mắt lại là xong, nhưng một nước trước khi bị đào-thải trong dòng thiên-diễn thì phải kinh-qua một cơn suy-tồi hèn-hạ chưa biết dây-dưa mãi đến chừng nào! Giống người là một giống có linh-hồn, có trí-não, dầu cho dã-man như những mọi Bắc-Mĩ khi xưa cũng vậy, một giống đã có tâm-tr cảm-xúc thì bao giờ chịu nổi cái thân-phận kém-hèn mãi, mà dầu có cưỡng ép phải chịu thì những đêm hôm tịch-mịch, ngồi âm-thầm thồn-thức, tư-tưởng chuyện gần, nghĩ-ngợi xa-xôi, tất phải đau lòng xót ruột mà than trách vô-ngần. Mà oán trách ai bây giờ? Chẳng phải trách-móc ông bà cha mẹ mình khi xưa chẳng biết thương tưởng đến con cháu, chẳng biết lo-lắng đến con cháu, để cho phải đến nông-nổi thế ư? Chao ôi! Ai là ông bà, ai là cha mẹ ở dưới tuổi vàng hãy lắng nghe những lời con trẻ nó than-thở như thế, trông cái thân con trẻ nó đau-dớn như thế, thì làm sao mà ngậm cười cho được, mà thơm lây với ai! Tuy-nhiên người là một giống có lương-tâm, đã có lương-tâm tất không lòng nào mặt nơ tai diếc với những chuyện đau lòng như thế. Vì vậy cho nên về buổi cựu-thời trong lúc Hán-học đã truyền sang xứ ta, thông-dụng và thịnh-hành, trong lúc những người Việt-Nam già trẻ bé lớn, đều dăm-dăm quay về Hán-học, trong lúc các cụ đồ nho ngồi ngâm-nga lầm-nhầm thơ ca ông Lý, ông Đỗ, ông Tô, ông Hàn, lại có một vài nhà đột-khởi sáng - kiến ra chữ Nôm để diễn-giải quốc-âm nhà, thật đã dụng-công rất hay và dự - đoán rất sâu - xa

vậy. Cũng nhờ đó mà ngày nay ta mới có những quyển văn quốc-âm kiệt-tác, vầu-chương thâm-trầm áo-não như vẽ mặt khách hồng - nhan mệnh bạc, ni-non réo-rất như lời than kẻ thiếu - phụ chính-phu. Chao ôi! Những quyển văn kiệt-tác như thế, ta hưởng-thụ được kẻ cũng hạnh-phúc vô-cùng, nếu chẳng duyên chẳng phước, chẳng nợ chẳng tình, thì chưa hẳn dễ vào tay ta vậy.

Nghĩ lại: những người chúng ta, từ nhỏ đến lớn, từ trẻ đến già, ai chẳng ngộ một cơn tru-tư sầu-não, hoặc vì tâm-sự ở trong nó kích-thích nặng-nề, hoặc vì gia-đình đảo-diên biến - động vào tâm-tư, hoặc vì xã-hội suy-tồi ảnh-hưởng trong thần-tri? Cũng có khi nhân sự phiền-não mà muốn giải khuấy, thần - thơ thơ - thần bên cầu, trông ra biển thăm xanh-xanh, ruộng dâu môn-mơn, mấy đám phù-vân lơ-lửng, tất phải khắc-khoải bồi-hồi, vì :

*Trải qua một cuộc biển dâu,
Những điều trông thấy mà đau-đớn
lòng.*

Nhưng khốn nỗi, « nỗi lòng biết tỏ cùng ai?... »

Trông dòng nước : « nước có chảy mà phiền chẳng tả » ;

Ngắm đợt cỏ : « cỏ có thơm mà dạ chẳng khuấy ».

Vào lúc « khí bi - thu sực - nức hê lạc-hoa », thì lạnh-lùng áo-não biết dường nào ! Túng-nhiên thân-thể ta lúc này chưa đến như cái cầu nọ mà ngồi trơ cồ-độ, cái quán kia mà đứng rũ tà-huy, mà coi cho nhân - sự tiêu - điều, hoặc-giá có phải sầu, phải cảm, nhớ đến chuyện cũ mà bồi - hồi, trông thấy việc nay mà lo-lắng, thì hãy còn lời an-ủi được. Lời an-ủi ấy tức là mấy tập cáo thơm của ông bà để lại, « của tin còn một chút này », thôi thì hãy đem ra « lần giở trước đèn », khá nên nhân cái dịp-phách buổi trước mà đem phá

vào cung đàn ngày nay, họa khi cũng nên tiếng nên tằm, biết đâu nghe ra chẳng trong-trẻo, êm-dềm, diu - dặt, rang-rảng như tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.

Cũng nhờ mang cái hi-vọng thanh-cao ấy nên gần đây, trong giữa đám đông người ồn-ào rộn-rịp như ong vỡ ổ, như kiến lạc bầy, lại có vài người khéo định tâm vững chí, đứng lên cao mà hòa mà khải một khúc đàn mới-mẻ này, khiến cho bao nhiêu người tán-loạn ly-cuồng, bỗng đứng trong lòng thấy nhẹ - nhàng, mát-mẻ, tươi - tỉnh, hòa - hoãn, rồi tự - nhiên biết đứng yên lại có thứ lớp, có trật - tự, một cách vững-vàng chắc - chắn. Khúc đàn mới ấy là gì ? Chẳng phải quốc-văn Việt-Nam ngày nay ư ? Rồi từ đây, quốc-văn Việt-Nam ngày một phong-phủ phong-thú, quốc-hồn Việt-Nam ngày một tươi - tỉnh thanh-tao, quốc-dân Việt-Nam ngày một cường-cường hùng-tráng, mừng thay ! Nhưng trong lúc cái hi - vọng của quốc - văn Việt - Nam đang tốt-tươi đẹp-dẽ như thế, lại có kẻ chê là cái hi - vọng viễn-vông, chỉ là một mớ ảo-tưởng, cho là vụng-về, là đại-dột, toan đánh đổ cho tiêu-diệt mất, mà thiệt vậy, họ thi-hành thật; cái thế-lực phản-đối ấy đến nay vẫn còn bành-trướng lắm. Những người ấy quyết đem văn-chương Pháp làm quốc-văn Việt-Nam, vì văn-chương Pháp là một thứ văn hay, đẹp, cao xa, thâm-thúy, đủ để diễn-giải mọi cái lý-tưởng huyền-diệu siêu-việt. Cho nên trong khi cái giọng thanh-tao thép lốt của cụ Hàn đương bàng-bạc vắn-vơ trên non sông đất nước này, trong khi người ta đương vui chơi ở truyện *Kiều*, ở *Cung-oán*, ở *Chinh-phụ*, ở *Hoa-tiên*... thì những người ấy cũng tán - tụng, ca - ngâm, khen - ngợi ông VERLAINE, ông RÉGNIER, ông LA FONTAINE, ông VICTOR HUGO, ông LAMARTINE, ông

MUSSET, ông ANATOLE FRANCE... Phải, Pháp-văn cao-thượng thật, đẹp-đẽ thật, mà lại là một con đường trực-tiếp với mọi xứ văn-minh tấn-hóa ngày nay, không phải nói gì nữa. Nhưng hãy khoan, đừng vội nhận mà làm, mắc làm to hơn ông Thủy-Hoàng khi xưa.

Tôi thường thấy các nhà thích chơi hoa, thích trồng hoa, có người gửi tận Pháp mua hạt giống về trồng. Mỗi khi hoa mọc lên thì vun phân tưới nước đầy đủ, lắm khi nước tưới nhiều quá chảy lênh-láng ra cả ngoài vòng. Sắc cũng tươi tốt, hương cũng thơm - tho, nhưng chỉ tiếc cái điệu hoa gầy, cái dáng hoa yếu, chẳng được nhộn-nhờ mạnh-mẽ, hoa có vui chẳng cũng là vui gượng gọi là! Chẳng bao lâu thì màu phai hương lợt, cành hoa đã tàn-tạ! Giống hoa ấy thực thì một thứ danh-hoa, nhưng cái quốc-sắc thiên-hương kia có tốt-tươi đậm-thắm là khi nào trồng ở vườn xưa đất cũ mà thôi. Đem sang một nơi khác, một nơi khác phong-thổ, khác khí-hậu, càng kém hay kém tươi nhiều lắm. « Muốn phần còn có phần nào phần tươi!» Lấy Pháp-văn làm quốc-ngữ, âu cũng một lẽ như thế.

Một ông quan cai-trị ở nước ta có lưu-truyền một câu Pháp-văn thế này, một câu văn của cậu học-sinh Việt-Nam học Pháp-văn trong mấy năm trời mới viết ra được: « Tôi nhà trường » (*Jel'école.*; chỉ cho rằng: « Tôi đi học »).

Nếu đem cậu bé ấy cho học quốc-ngữ trong vài năm tất đã thông-thạo khá lắm, những bài thơ văn-tốt mà đẹp-đẽ như bài « Hoa sen », bài « Con cò », có khi đã thuộc lòng và hiểu tự bao giờ, chớ có đâu phải lẫn-lộn, mập-mờ, ngo-ngác mà nhìn tôi ra cái nhà trường kia được!

Vài tháng rồi ở đất Phương-thành mới sản-xuất tập « Bông hoa đầu mùa » của một cô thiếu-nữ học-sinh, có thể lấy

làm cái chứng-cớ hiển-nhiên, chứng cho rằng sự học quốc-ngữ rất chóng, rất dễ và nếu dạy cho đúng cách-thức thì văn-chương cũng có giá-trị lắm lắm. Trong tập ấy, tác-giả còn e-ngại vì hoa đầu mùa, lo sợ vì hoa đầu mùa, không kiếm được cả « kỳ-hương dị-vị ». Nhưng các ngài thưởng hoa, đâu không lấy biệt-tình đãi hoa đầu mùa mà cũng phê ngay rằng: « Hoa ấy có hương có sắc vậy. »

Học quốc-ngữ có công-dụng gì? Trên đã nói người mình học quốc-ngữ chính là vì một lẽ cao-thượng ấy, cái lẽ ấy tuy có cao-thượng thật, nhưng xét ra thì là một lẽ thường-thường êm-đềm, hòa-hợp nhã-nhận, chẳng ai chẳng muốn hoan-nghehnh một cách ái-ân vui-vẻ, chẳng ai có nỡ lòng nào mà bài-bác chẳng muốn cho ta học-hành. Vả lại vào buổi này người mình học quốc-ngữ là vì nghĩa-vụ, vì trách-nhiệm hơn vì danh - giá, vì quyền-lợi, nhưng suy đến cái lợi thì không phải không có. Nói cho phải, cái cận-lợi thật hiếm-hoi ít-ỏi quá mà nếu tính lâu-dài thì vẫn « còn nhiều hưởng-thụ về sau », vô-cùng vô-tận.

Đối cái trách-nhiệm này, cái nghĩa-vụ này, có nhiều anh thường bĩu môi cau mày mà bài-bác rằng: « Chẳng phải việc mình làm! chẳng phải lúc mình làm!» Lại có người hăm cho mấy câu rằng:

*Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy,
Cõi phù-du trông thấy cũng buồn*
[cười.]

Thôi! công đâu chác lấy sự đời!

Thật vậy, chác lấy mà làm gì, anh?

*Nhân-sinh thích-chi,
Tiền cho nhiều, vợ cho đẹp, đàn cho
ngọt, hát cho hay,*

chẳng là sướng hơn ru?

— Phải, sung-sướng thì sung-sướng thật, mà :

*Cuộc đời kia lắm lúc bi-hoan,
E đến khi hoa nở trắng tàn,
Xuân một khắc dễ ngàn vàng đổi-
chác, anh ạ!*

Lại ai đã chắc mình sống ba vạn sáu ngàn ngày mà chơi cho thích-chí?

Đêm đông lặng ngắt, phòng vắng hơi giá như đồng, tôi ngồi một mình bên án sách, đờng cảm-cúi trên quyền vắn, thì ngoài cửa có con gió đập cánh bay vào, bay liệng trên không một lúc rồi cùng theo hé cửa khi nãy mà bay tuốt trong đêm trường mù-mịt... Tôi tưởng cho đời người ta cũng như con gió này, cõi đời cũng như cái phòng này, cuộc đời chỉ nhoáng qua không mấy chốc, mà khi ra đời hay khi vào đời cũng một thể mà thôi.

Lại những buổi chiều, thường đứng ở cửa biển trông trời, trông về xa xa mấy chiếc thuyền phất-phơ buồm. Trời lặn tối, gió thổi mạnh, mấy con buồm từ từ mất hút trong đám sương mù... Tôi tưởng đời người cũng như con buồm ấy mà cõi đời cũng như cái biển ấy, trên biển trần con buồm kia vẫn đi đi mãi, dầu cho gặp cơn sóng gió hay gặp buổi êm trời cũng phải vượt qua thôi. Đời người chỉ ngắn-ngủi có ngần ấy thì người đời phải làm thế nào? Làm khóm hoa lan chốn u-cốc mà phong kín cái hương nhĩ-thảo mãi chẳng? Làm cánh hoa đào theo dòng biếc phó cho con nước triều nó quay, nó cuốn, nó trôi, nó chảy đi chẳng? Hay làm cái rêu xanh lẫn-lút trong hang đá mà giữ lấy màu thanh-u? Chao ôi! chẳng ở đời thì chớ, đã ở đời thì cũng nghĩ lại nào; dầu có chân-chê cái đám phù-vân dềnh-đoảng, mè - mồi cái mồi phú-quí hão-huyền, chẳng còn

biết một « chút danh gì với núi sông », thì cũng phải có một chút vận-sự mới được! Chiếc nhân-vân lơ - lửng trên tầng không cũng che-chở cho khách lữ-hành cơn nắng hạ, ngọn thanh-phong hiu-bắt bên sườn núi cũng quạt mát kẻ hái rau buổi trời hè, thì ai, ai ơi! cũng nên nhận lấy một chút phần việc mình, chớ nữa đâu lại nói: « Chẳng phải việc mình làm, chẳng phải lúc mình làm » cho đành! Bao giờ mới phải lúc mình làm? Ngắm cho kỹ, một đời người, khi thơ ấu thì chỉ có chơi là hết, vui chơi sung-sướng như con chim trên trời, như con cá dưới nước, như đoá hoa trên cành, như cái trăng mười sáu, thông-dong êm-ái. Kịp đến khi vãn-cảnh thì chỉ có trông, trông con trẻ nó chơi, trông người ta làm việc, trông dòng nước chảy xuôi, trông con chim kêu bạn, hoặc đôi khi có cảm-hứng muốn thi-thố một chuyện cỏn-con thì sức ấy cũng là sức tàn, lực ấy cũng là lực tận, chẳng mong được nữa, cái đời êm-dềm lặng-lẽ như mộc-thạch trong thâm-lâm. Rút cục lại, đời người chỉ có một khoảng thì-giờ thật ngắn-ngủi để làm việc, nếu trong khoảng ngắn-ngủi ấy còn đợi, còn trông, còn nói « chưa phải lúc mình làm » thì thật khá thương mà khá tiếc vậy.

*Ngày giờ thăm-thoắt thoi đưa,
Nó đi đi mãi, có chờ chờ ai!*

Thôi, thì-giờ đã đến rồi, nào những ai học-sinh văn-sĩ, nào những ai tao-khách thi-nhân, nào những ai thuyên-quyên tài-tử, nào những ai hào-kiệt anh-hùng, nên vì cái tiền-đồ Việt-Nam, cái vận-mệnh Việt-Nam mà nghĩ cho: « Nước Nam ta mai sau này hay dở cũng ở như chữ quốc-ngữ ».

TRÚC-HA (Hà-tiên)

VIẾNG CON GÁI TỪ-TRẦN

Lục - an - châu, ngày 5 tháng 5 năm 1928

Con ơi ! bức điện-tín báo con ra đời để thường chưa khô mực, mà bức điện-tín báo con lánh đời đã đến tay. Than ôi ! con đi đâu mà vội-vàng chi thế ? Không kể khoảng thời-gian con còn ở trong bụng mẹ con là nơi ấm-áp êm-dềm, đời của con trong non ba trăm ngày đó là khoảng đời sung-sướng biết bao : bấy giờ mắt con còn nhắm, tai con còn bưng, miệng con còn ngậm, tứ-chi con còn chưa cử-động, con còn được cách-biệt hết thảy với đời ; thế-giới của con còn là thế-giới tối-tăm tịch-mịch. . .

Kịp đến khi con lọt lòng mẹ con ra : đem tiếng khóc vô-tình chào đời, mở con mắt vô-tình trông đời, đem cái tai vô-tình nghe đời, đem quả tim vô-tình ra cùng đập với đời. . . Từ đó, con bỏ cái thế-giới yên-tĩnh sung-sướng kia mà vào cái thế-giới mỏng-mệnh bát-ngát, cái thế-giới sầu-khổ đn-ào này. Tinh ra từ lúc con trông thấy ánh sáng mặt trời, cho đến lúc con nhắm mắt từ-giã cõi đời, thì mới được bảy-mươi-tám ngày vừa chẵn.

Con ơi ! bảy-mươi-tám ngày của con ngắn-ngủi biết bao ! Sao con vội-vàng làm thế ? Quan-sơn nghìn dặm, cha con chưa được biết nhau, chỉ mới phảng-phất vài lần trong mộng, cha được thấy con : nào bế con, hôn con, nào yêu con, thương con, những chắc nay mai đến ngày xum-họp thì mộng sẽ hóa ra chân ; nào ngờ trong giây phút, gió táp mưa sa, cái chết vô-tình đến đem hương-hồn con đi đâu không biết !

Con ơi ! Thân con, đời con thực không khác chi một đóa hồng non mơn-

mơn, trên cành xuân chưa nở đã tàn. Cánh hoa tươi thắm, hương hoa ngọt-ngào, đem cái vẻ thiên-nhiên làm cho đẹp mắt vui lòng người vun trồng bón tưới. Ngờ đâu trẻ Tào nhỏ-nhen, đem tâm đố-ky, một trận mưa cuồng gió đại, cánh nhị tả-tơi ! Nghìn xưa « bạc-mệnh » có lời, của chi hiếm báu ở đời được bao !

Con ơi ! thế là từ nay con từ-giã cái thế-giới hữu-hình này mà vào cái thế-giới vô-hình kia, muốn nắm vãng-về ! Cái hương-hồn con là phần tinh-hoa của cha mẹ thì nay phảng-phất tiêu-dao đâu hử ? Trên ngọn non cao chững ? Ngoài làn biển cả chững ? Hay là đã qui-hợp vào đại-hồn của vũ-trụ là nơi căn-bản của muôn loài ? Còn chiếc thân hồng thắm nọ tưới nhuần giọt lệ bi-ai của mẹ con, thì nay phó cho một năm dất vàng, nắng mưa sa quân. Nay mai hóa-công sẽ đem một làn cỏ biếc phủ đầy lên trên, đem mây đóa dã-hoa trang-diềm thêm vào, để làm cái màn che mắt kẻ qua người lại, rồi đây còn ai để ý đến nữa đâu ! Hình-ảnh con rồi cũng theo ngày tháng mà xóa nhòa dần ở trong tâm-trí từ kẻ thân cho chí người sơ, con ạ !

Con ơi ! con lánh cõi đời, con để mối thương-làm cho cha mẹ ; nhưng nghĩ cho kỹ cũng có phần nên mừng cho thân con. Thương là thương thân con yếu, mệnh con bạc, con chưa được biết thế nào là dặt nước lũ tiên, thế nào là anh em cha mẹ ; con chưa được hưởng cái đẹp của tâm-hồn, cái vẻ mĩ-lệ của thiên-nhiên. Mừng là mừng rằng con được xa cõi đời trước khi mắt con phải trông những sự tang-thương biến-

cải của đời, trước khi tai con phải nghe những điều tàn-ác xấu - xa, những sự đê-hèn ô-nhục của đời, trước khi tâm con phải đau-đớn vì những nỗi đau-đớn ở đời, trước khi hương-hồn con phải cảm-nhiệm cái xú-thái của đời. . . Thân con còn sáng như băng, trong như tuyết, chỉ mới thấm nhuần cái mùi sữa thơm ngọt của mẹ con thôi; vị đời chua cay mặn đắng, con chưa phải nếm vị nào. Con lánh cõi đời hết thầy trong mình con trong-sạch, tưởng cái thương cũng lẫn với cái mình. Hóa-công vô-tình ư? hóa-công hữu-ý ư?

Thôi thôi! nghìn dặm xa-xôi, mấy lời khóc viếng, con thấu tình chăng? Trong giấc mộng-trường, suốt tuôn hàng lệ, hương-hồn con có thiêng chăng, con nhận lấy nhé!

Cuộc đời là cuộc phong-ba,
 Tử-sinh gác bỏ mới là đạt-nhân.
 Vui đâu trong cõi hồng-trần,
 Trăm năm thời cũng một lần mà
 [thôi! . . .]

Ng. K.-C. (Lục-an-châu)

BÀI PHÚ CÂY KHOAI SAN-HÀ

(Hạn văn « San-hà chung-cổ điện kim-âu 山河終古奠金甌 (1) »)

Trước sân ta có một loài thực-vật, lá to như lá ráy, dọc trắng như ngó sen. Vật nó tuy-tiểu, hình nó khả-quan. Nguyên là loài khoai mà không củ, dọc nó có thể ăn được, mà tinh nó vi-bàn. Nó có công giải-nhiệt, có vị khả-khẩu, ăn nó không lẫn-lẫn ngứa mà giòn-ngon. Nó đối với thể-gian, chẳng qua thái-bình nhất thảo-mộc; nó sinh ra Nam-quốc, âu cũng vạn-cổ thử giang-san.

Khách có kẻ, áo sen xúng-xính, gậy trúc la-dà, lưng đeo bầu rượu, tìm đến chơi ta. Rượu chứa rót chén, miệng trước ngâm - nga. Ngâm rằng: « Lan trên châu hề thơm tự nhà, quế trên rừng hề chớ ngại xa! Tabăn-khoăn hề

bụng ta nghĩ, non với nước hề cỏ cùng hoa!» Khách, rượu ngà-ngà, nhác trông ra. Thấy một vật, cảnh xanh-tốt, lá rườm-rà. Chẳng sen chẳng ráy, chẳng đắng chẳng la. Hỏi cây gì đó a? Chủ-phần đáp rằng: Cây khoai san-hà.

Khách nói rằng: «Thực thể dư? Than ôi! lạ-lùng thay! Non kia cao, ai đắp nên non; sông kia sâu, ai đào nên sông? Ấy lời ca-dao trong quốc-phong đó mà. Bắc trông Thao Đà, nam trông Mê-công; giữa trông Bình Vân, ngoài trông Tần Hồng. Nước biếc non xanh, mạnh đẹp khôn cùng. Ấy nước ta-tứ-khi sở-chung đó mà. Đương thừa kế vun người xói, lắm kẻ anh-hùng; thi chời Lê thịnh-vương, cảnh Lý uất-

(1) Sơn-hà chung-cổ điện kim-âu. Điện nghĩa là chỉnh-định; kim-âu là chiếc áo vàng. Vì về cảnh-trạng thái-bình. Xã-tác kỹ-hội lao thạch-mã, sơn-hà chung-cổ điện kim-âu. (Thơ Nam-sử đời nhà Trần).

thông. Kịp khi thế-giới giao-thông, thiên-hạ đại-dồng, thì sắc đen sắc trắng, sắc vàng sắc hồng; hạt gieo quả nảy, loài gọt tây-dông San-hà, san-hà, chĩnh cùng đại-kiếp cùng thủy-chung đó vậy; mà nay lấy nghĩa gì về loài khoai loài ráy loài mùng đó thay?

« Hướng tôi với bác, ở chốn thảo-mao (1), cầm tinh đê-đồ (2). Bàng-khuảng thánh-hiền, thắc-mắc kim-cổ. Cái đức tạt-phong kính-thảo, đầu đám tự-khoa; câu văn hồng-hạnh bích-đào, há rằng vô-bồ. Kia trông nước mà trông non, nọ ngắm cây mà ngắm cỏ. Khéo tươi tốt con nhà khoai, sao như vạch mà như trở? »

Chủ-nhân nói rằng: « Khách cũng biết chẳng san với hà đấy dư! Núi bao nhiêu tuổi núi là núi non, đời đời kiếp kiếp, hình không biến vậy. Con sông kia nước chảy đôi ba dòng, ngày ngày đêm-đêm, thế thường chuyển vậy. Trời đất có cái khí chính-đại, vậy hà-nhạc thì thày Văn ca (3). Người ta có cái công bình-thành, vậy san-xuyên thì vua Vũ

điện (4). San-hà lúc thanh-bình, thì biếc biếc xanh xanh, cảnh ngô-dồng sinh (5). San-hà buổi truân-kiến, thì ai ai oán oán, hồn đê-quyên hiện (6). Đến như vạn-vật ở lưỡng-gian, có đại có tiểu, có qui có tiện. Nếu biết cố-danh mà tư-nghĩa, thì cũng bắt-trùng mà bắt-viên.

« Khách cũng biết chẳng cây khoai san-hà nữa đó dư! Ba đời bảy họ nhà khoai mà không ngứa, cả san lẫn hà một vật mà lưỡng-kiêm. Tuy chất thảo mà chất thái, thực giá ngọc mà giá kim. Khoai san-hà, khoai san-hà, mây là San-tinh hiện-thế đấy dư! đức mây cũng khá xem vậy. Mây là Hà-bá hậu-thân đấy dư! danh mây cũng khá thêm vậy. Lá mây tốt, cành mây dài, kẻ xương-sinh gần mây, để tránh cái uy ông khốc-lại (7). Tinh mây thanh, vì mây đậm, người quân - tử thường mây, để dưỡng cái đức liêm. Vì so vào tập thiên-thư (8), phận kia vốn định; nhân tưởng đến hồn thạch-mã (9), kiếp nọ khôn chìm. Ấy cái vật tự-nhiên

(1) Thảo-mao = Ở chốn thảo-mao, trở về người xứ-sĩ.

(2) Đê-đồ = Kinh Thi có thơ cảm-hứng cây đê-đồ, cảm về sự nhà Chu suy.

(3) Thày Văn ca = Bài *Chinh-khi-ca* của ông Văn Thiên-Tướng nhà Tống, nói chính-khí của trời đất ở dưới là sông núi.

(4) Vua Vũ điện = Vua Vũ nhà Hạ đi trị-thủy, chính-định cao-sơn đại-xuyên.

(5) Ngô-dồng sinh = Chim phượng-hoàng kêu ở buổi chiều-dương, cây ngô-dồng sinh ở chốn cao-cương, nói về cảnh-tượng thái-bình.

(6) Đê-quyên hiện = Thục-đế mất nước, sau hóa làm con đê-quyên, đêm đêm kêu quốc-quốc, là hồn nhớ nước.

(7) Khốc-lại: Người qnan-lại dữ ác, vì về pheo nặng dữ. Cồ-thi: *Đại thử khứ khốc-lại*.

(8) Thiên-thư = Thơ sử Nam nhà Lý: *Nam-quốc san-hà Nam-đế cư, tiết-nhiên định phận tại Thiên-thư*.

(9) Thạch mã = Sử Nam đời Trần, khi đánh được giặc Nguyên, vào cáo yết Thái-miếu, thấy con ngựa đá ở Thái-miếu cũng đổ mồ-hôi, cho rằng tổ-tiên cũng có công giúp nước, cho nên có thơ rằng: *Xã-tắc kỷ-hồi lao thạch-mã, vân vân*.

của tạo-hóa, cái tên cố-nhiên của xã-hội, mà tôi với bác sở-dồng-cảm, bác với tôi sở-cộng-chiêm. »

Khách nghe nói trước sau, vira ý gât đầu. Sai muôn đội rượu, phá tẩm thành sàu. Đối cảnh viên-lâm mà đắc-hứng, gửi tinh thảo-mộc để tiêu-ưu. Trỏ cây

khoai mà bảo rằng : « Nay bút-mặc duyên nông, hăng tưới mây bằng ao thạch-nghiễn. Mai thái-bình cảnh hiện, sẽ trồng mây lên chiếc kim-âu. »

TÙNG - VÂN

Et le vieux chêne sous lequel je suis assis parle à son tour, et me dit :

— Lis, lis à mon ombre les chansons gothiques dont j'entendis jadis les refrains se mêler au bruissement de mon feuillage. L'âme de tes aïeux est dans ces chansons plus vieilles que moi-même. Connais ces aïeux obscurs, partage leurs joies et leurs douleurs passées. C'est ainsi, créature éphémère, que tu vivras de longs siècles en peu d'années. Sois pieux, vénère la terre de la patrie. N'en prends jamais une poignée dans ta main sans penser qu'elle est sacrée. Aime tous ces vieux parents dont la poussière mêlée à cette terre m'a nourri depuis des siècles, et dont l'esprit est passé en toi, leur Benjamin, l'enfant des meilleurs jours. Ne reproche aux ancêtres ni leur ignorance, ni la débilité de leur pensée, ni même les illusions de la peur qui les rendaient parfois cruels. Autant voudrait reprocher à soi-même d'avoir été un enfant. Sache qu'ils ont travaillé, souffert, espéré pour toi et que tu leur dois tout.

ANATOLE FRANCE

Tôi ngồi dưới bóng cây cổ-thụ, cây bảo tôi rằng :

— Ngồi, ngồi đây mà đọc những câu ca cổ, xưa kia ta đã từng nghe giọng thấp cao lẫn với tiếng lá ri-rào của ta. Những câu ca ấy còn cổ hơn ta, hơn ông cha người phảng-phất ở đây. Người phải biết đến những tổ-tiên xa-xôi đó, phải biết chia cái sướng cái khổ quá-khứ của người. Như thế thời cái thân phù-du kia, sống có mấy năm mà thực sống được muôn đời vậy. Phải có lòng hiếu-thảo mà biết tôn-trọng đất tổ-quốc mình. Bao giờ cầm nắm đất trên tay cũng phải nhớ rằng đất ấy là đất thiêng-liêng đó. Nên biết qui-trọng tổ-tiên, người chết đi, thân - thể người biến ra tro ra đất đã nuôi ta trong bao nhiêu đời, mà tinh - thần người thời truyền lại cho người là đứa con yêu-qui rất lòng. Đừng nên chê tổ-tiên là ngu-dốt, đừng nên chê tư-tưởng kém hèn, cũng đừng nên trách là có khi độc-ác, vì sợ-hãi mà tin-tưởng những sự đầu đầu. Trách thế có khác gì trách mình sao không lớn ngay mà còn có tuổi thơ dại. Phải biết rằng ông cha người đã vì người mà khó-nhọc khổ-sở vì người mà mong-mỏi cho nên người. Được như giờ là nhờ ông cha vậy.

LINH-PHU'ONG

靈 鳳

Tập lệ-ký của Lâm Trác-Chi

珠 之 淚 記 集

Tự-ngôn

Các bạn độc-giả thường đọc văn của ông Đông-hồ Lâm Trác-Chi, chắc đã biết ông là một người tri-kỹ với quốc-văn và một người bạn quý của bản-chí. Hoặc là khảo về lịch-sử Hà-tiên, hoặc là thuật cuộc du-lịch Phú-quốc, hoặc là bàn-luận về văn-chương, hoặc là cảm-khái về thời-thế, lời văn ông bao giờ cũng có giọng thành-thực thiết-tha, mà chan-chứa một tấm lòng ưu-ái.

Gần đây tiếp được tập văn ông gửi ra, tưởng là truyện tiểu-thuyết giữa đời, ai ngờ chính là tập lệ-ký chép cái sâu niếu-vong của ông vậy. Than ôi ! Những nỗi sinh-tử biệt-ly ở đời, người nào có qua cầu mới biết được cái khổ. Nhưng dầu khách bàng-quan đối với tình-cảnh ấy cũng không cầm lòng cho được ; huống là bạn văn-chương, tuy kể chân trời người góc biển, mà tinh-thần vẫn thường gặp nhau trong mộng-tưởng. Tôi đọc luôn một hồi không ngừng, càng đọc càng thấy dao-động quá tim, đọc xong như ngậm-ngùi thương-xót.

Đặt quyền vở xuống, nghĩ trong bụng rằng :

Tình mà đã đến chi-tinh như thế, thì lòng nào mà không cảm. Đã cảm được lòng người, thì tình riêng mà tự-nhiên hóa ra tình chung ; cái sâu của một người mà hóa ra cái sâu của trăm nghìn người vậy. Nay cái chi-tinh ấy, lại diễn ra những giọng lâm-li ai-oán như trong tập văn này, thì cái sức cảm-động lại tăng lên biết dường nào ! Thực vàng thử lửa mới hay. Quốc-văn ta đã chịu đựng, đã mang nỗi được cái chi-tinh như thế, thực đã xứng-dáng làm một nền văn-chương chân-chính vậy. Biết đâu đây ? Nước Tàu kia có bài văn khóc cháu của Hàn Thoái-Chi, nước Nam ta há lại không có tập văn khóc vợ của Lâm Trác-Chi đó dư ? . .

Bởi thế đăng lên bản-chí, họa an-ủi được nỗi buồn của Lâm-quán trong muôn một vậy.

THƯỢNG-CHI

*
* *

Mồng năm, tháng ba, năm mậu-thìn.

... Hôm nay trời thổi gió đông may, dậy sớm ra trông trời đất thê-lương ảm-đạm quá, mặt hồ sườn núi, sương mù khói tỏa, đều một vẻ mông-lung phiêu-diêu như cảnh chiêm bao ; gió thoảng trừng trận một, lạnh ghê mình chịu không được, trở vào thay thêm áo lót, lấy quyền nhật-ký ra ghi trước bàn thờ mẹ Tuyên, dưới nhà Độc-thê

lệ-xá 獨棲淚舍. Viết đến chữ bàn thờ mẹ Tuyên thì đã hoa mắt, cái đau-dớn thồn-thức từ dưới đáy lòng đưa lên đôi giọt lệ mà trong tâm-trí bày ra một cái ký-vãng vui-vẻ nồng-nàn, và một cái tương-lai âu-sầu lạnh-lẽo. Than ôi ! bút mực nào ghi ! than ôi ! bút mực nào ghi !

Bệnh mẹ Tuyên nhà tôi sơ-khởi từ hôm thượng-tuần tháng hai nhuận rồi.

Hôm 21, 22 thấy có khởi-sắc nhiều, hai hôm ấy ăn được mỗi ngày vài ba lần cơm, thấy thối trong bụng không xiết mừng, trông đó rồi thì dần dần cho đến ngày bình-phục. Không biết vì sao mà qua hôm 24 thì bệnh đột-khởi như trước, không ăn được cơm mà cả đến cháo cũng không ăn được, thuốc uống vào thì thối cả. Thối luôn ngày đêm, đến ngày 25 thì lại thối đờm nhiều lắm. Cháo trần-thương-mễ thì cũng ăn cầm chừng thôi. Ngày 26, 27 thì bệnh cũng không thấy biến chứng gì lạ, cơm cháo thuốc men thì cũng cầm chừng mà chịu. Thầy thuốc cũng không còn biết phương nào nữa, vì uống thuốc nào cũng mặc dầu, người bệnh hình như không có quan-hệ gì với thuốc cả. Thuốc nhiệt uống không nóng, thuốc hàn uống không mát, không khác nào bụng chén thuốc mà đổ vào ống tre. Thuốc thì thuốc mà bệnh thì cứ bệnh, mạch thì sớm hàn trưa nhiệt không chừng, thầy thuốc còn biết bằng-cứ vào đầu mà đầu-thang được. Chiều 27, mẹ Tuyên gọi cái Uyên lại bên giường cầm tay khóc nói: «Chuyến này thì mẹ chắc không sống được nữa, mẹ chết thì đã đành, nhưng thương con còn bé dại quá!...» Cái Uyên lên sáu tuổi, phải mẹ cầm không cho đi chơi được, thấy mẹ khóc cũng khóc. Tôi đem thuốc lại, mẹ Tuyên không chịu uống và nói: «Anh ơi! Em bạn này thì chết mất rồi, em đã biết mình em lắm rồi, anh cũng đừng lo thuốc-thang làm gì cho nhọc. Em mất rồi, còn cái Uyên đó là một chút di-thể em để lại cho anh, thì anh nên trân-trọng mà nuôi dưỡng lấy..» Nàng nói đến đây thì thấy người mệt, thồn-thức một lúc rồi lại nói: «Quần áo của em thì anh soạn để lại cho con Tuyên một cái áo và một cái khăn, để lại sau này một chút dấu vết cho con. Anh ơi! em đã biết mình em lắm rồi!»

Mỗi lần trong mình bút-rút khó chịu thì nàng thường nói với tôi luôn như thế,

Ngồi bên mình người bệnh, nghe những lời như thế, nghe như xé ruột, nhưng cũng gượng mà khuyên giải: «Em rán thuốc thang cho mau mạnh-giỏi là anh mừng, thầy thuốc đều nói mạch em còn tốt, chưa đến nỗi nào. Em phải giải cho an lòng để uống thuốc, chứ cứ nặng đeo cái buồn-rầu lo-sợ mãi, như thế là chỉ tổ làm cho thêm bệnh-hoạn mà thôi.» Có khi tức giận quá thì nàng lại sinh ra vô-cùng oán-thán: «Trời ơi! Có chết thì cho chết phứt cho rồi, làm chi cho lâu ngày càng thương, mà để hành-hạ tâm thân quá như thế này!» Tôi hết sức an-ủi mà hình như cái oán-thán kia không hết được. Thỉnh-thoảng trong lúc khoe-khỏe tôi khuyên: «Em đau thì anh với bác thực đã hết sức chữa chạy, em cũng biết, bệnh em thì thầy thuốc nói còn chưa đến nỗi nào, nhưng chẳng may mà có gì nữa thì đó cũng là mệnh, em cũng hãy nên an lòng như thế mà thôi, chứ cứ oán-thán mãi thì đã ích gì, oán-thán mà ông Trời đã có nghe cho bao giờ.» Tôi nói thế thì nàng lại gắt lên rằng: «Ồi! Trời ơi! Em chết mất rồi! Anh lười-thôi với em lắm. Khi em chết rồi, anh mới sẽ tin lời em là thực!» Trong bụng tôi thực đau như cắt, khóc mà không dám cho nàng thấy. Bảy giờ tôi mới biết đạo Khổng hay nói tri-mệnh, hay dạy người ta phải biết an-mệnh thuận-mệnh, đó là phương thuốc đỡ đau-dớn cho người đời,

Người ta sắp chết nhiều lời nói thương, mà thương thiệt. Tôi đối với mẹ Tuyên, tôi chưa kịp cho trọn chữ chung-tình, chỉ có khóc mà chưa có cười, cùng nhau chữa kịp vui cười mà nàng đã chẳng còn thì cái di-hận này đâu bao giờ cũng không nguôi được. Chuyện gia-tình, chuyện tâm-sự, trong mấy ngày sau này, đem ra nói, nói đoan-chính đạo-mạo như một nhà sư giảng kinh, nghe từng tiếng mà ngấm nghĩ từng lời, thực cảm-động vô-cùng. Cũng có lúc

Trong mình bết mết chạnh đến niềm xa-xôi thì lại ước rằng : « Đề em mạnh (khỏi bệnh), em mạnh rồi anh giặt em đi chơi Cần-thơ một chuyến để thăm các bà con chị em bên ấy. Nhưng mà phải có dịp gì thì mới đi được, chứ bỗng dưng mà đi chơi thì sao được. Đi như thế thì chắc phải tốn bao nhiêu mà nhà không có tiền! » Nàng nói rồi thì tủm-tủm cười, cái cười từ trong tim phôi dứa lên đôi khốe mắt lơ-đờ, đôi con mắt đó bày ra một cái hi-vọng mơ-màng như mây tan như khói tỏa! Nhìn thấy bác lo sắc thuốc nấu cháo, tôi dương ngời bóp chân tay cho thì nàng lật-đật bảo thôi, nói : « Anh không đi lấy cháo lấy thuốc lại cho em, đề bác già rồi, khổ-nhọc lắm. » Hôm nọ gọi cái Tuyên lại khóc là lúc bác đi vắng nhà, tôi đem thuốc lại không uống. Khi bác tôi về vừa đến sân nhà, cái Tuyên chạy ra thưa : « Ông nội! Thầy đem thuốc má không chịu uống, má khóc » — Bác tôi lại sợ tôi nặng-nề với nàng mà khiến cho nàng phiền giận chằng, nên vội-vã hỏi thì nàng nằng khóc nói : « Tôi nào dám giận thầy Tuyên tôi, tôi khóc là vì tôi giận mình tôi, tôi sao cứ bệnh-hoạn mãi mà để cho bác phải mệt-nhọc vì tôi, tôi thực một đũa không ra gì quá! » Bác tôi khuyên ngay rằng : « Con nghĩ thế là đại khờ lắm, bác là người có độ-lượng rộng-rãi, suy-nghĩ nhiều, con cũng biết, bác há lại không biết con đau ấy là bởi cái ti-vị tâm-can trong mình con yếu, khí-bẩm con bạc-nhược, chứ có phải là con muốn đau hay sao, đời nhà ai lại có người muốn đau bao giờ. Đó chẳng qua là cái mệnh của con phải chịu như thế, thì hãy an-tâm mà tĩnh-dưỡng thân-thể, thuốc-thang đã có bác lo, con mạnh giỏi được là bác mừng, còn ngoại-giã bác không hề nghĩ đến bao giờ, con đừng lấy bác phải khổ-nhọc tốn-hao mà ngại ».

Mẹ Tuyên tôi thường hay đau yếu, tôi

nuôi-dưỡng có tốn-hao khổ-nhọc thực, nhưng tôi không bao giờ dám lấy đó mà kể công cả, vì tôi thường nghĩ rằng : « Đó là bởi mình bất-hạnh. Ừ ! mình bất-hạnh thì đã đành, nhưng người ta đau khổ ấy, đau khổ cái thân người ta ấy, mình có chịu thay cho người ta được không, Mới ngày nào người ta đang ở nhà yên-ôn, đang tươi-cười mơn-mỏn như đóa hoa đào chưa dạn gió, bỗng mình lại cười xin đem về làm người nhà mình, bắt người ta phải bỏ cả hi-vọng, bỏ cả nhà cửa tổ-tiên người ta đi về mà săn-sóc nhà cửa, phụng-sự tổ-tiên nhà mình, lại còn phải mang nặng để đau đẻ cầu sinh con để cái cho mình, bình-an thì còn khá, không may mà phải đau yếu khổ-nhọc thân-thể, đó là vì ai? có phải là vì mình hết cả không? » Than ôi ! chưa được có chút mây-may dền-đáp mà nàng đã chẳng còn rồi !.

Sớm mai ngày 28, mình nàng nóng vui, tôi nghĩ cho là cảm mà nàng thì đã biết mình lắm, cứ bứt-rứt trần-trọc mãi, không nằm yên lúc nào. Trưa ăn được chút cháo, mồ-hôi ra nhiều, nàng nói trong mình khỏe, tôi bảo thay quần áo, đem giặt-dĩa xong vô, nàng hỏi : « Anh giặt quần áo có hôi-hám không? » Tôi bảo không. Tôi cho nàng hỏi như thế là biết tôi đã phải chịu khổ với nàng lắm, vì từ khi nàng về với tôi, tôi chưa từng làm những việc ấy bao giờ; tôi càng nghĩ lại càng thương lời nàng vừa hỏi chằng cùng. Nàng thấy tôi phải mỗi-một ngồi bóp cho nàng thì nàng bảo thôi, lại bảo tôi đi nằm nghỉ. Nhân tôi đang vén áo xoa dầu cho cánh tay nàng, cánh tay bừa nay đã hết xung, mềm-mại xinh-sắn, trông thương quá, tôi cầm tay lên hôn luôn mấy cái. Cái hôn chảy nước mắt ! Tôi không biết vì có sao mà tôi chảy nước mắt. Vì tôi thương cánh tay mềm-mại xinh-sắn kia đã vì tôi mà đau khổ, hay là vì trong lòng tôi đã có cái cảm-giác biết trước được là cái cánh tay kia mà tôi được

hôn lần này là lần cuối cùng! Mà lần cuối cùng thực, bây giờ rồi tôi còn biết tìm đâu cho được cánh tay nàng để tôi được hôn một cách âu-yếm như hôm ấy nữa? Nói đến đây tôi lại còn nhớ nhiều việc tôi từ thuở nay chưa từng làm cho nàng lần nào, tôi mới làm trong lúc này là một, là một lần tôi thấy vui-thú mà lại là một lần kỷ-niệm thương, cảm nhất đời tôi. Có lúc nằm lâu buồn, ngủ không yên thì nàng bảo tôi lấy sách đọc cho nàng nghe. Nàng nằm gác tay lên ngực tôi, nghe tôi đọc. Tôi vô-linh lại đọc lầm một đoạn tiểu-thuyết tả-chân cái nỗi đau-khò vất-vả của một người thiếu-phụ ở xã-hội bình-dân mình trong lúc thai-sinh, thì nghe tiếng nàng thở dài, tôi giay lại thì thấy sắc mặt nàng rầu-rầu, đôi nét mày cau lại, tỏ ý ái-ngại cảm-thương cho cái số-kiếp người đàn bà, ái-ngại cảm-thương cho cái thân-phận các chị em và cái thân-phận của mình.

Đau-đớn thay phận đàn bà,

Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung!

Mấy ngày sau này người nàng yếu lắm, không còn đủ sức để vấn tóc được nữa; nàng ngồi lâu thì mệt, nhưng nàng cũng rán ngồi để bảo tôi gỡ đầu vấn tóc cho nàng luôn. Gỡ thì muốn gỡ mà ngồi lâu thì mệt, nên nàng bảo tôi gỡ mau để đỡ nàng nằm xuống, nhưng tôi lại cố ý làm thùng-thẳng để tôi được ngắm mãi cái mái tóc đen buồng xuống hai bên cạnh vai, và được ngắm cái làn chân tóc sau gáy khi vén chiếc lược lên thì có một cái vẻ đẹp vô-cùng. Tôi không biết vấn tóc, tôi cố vấn cho thật khéo mà cứ phải xô xuống mãi, tôi lại nói đó là vấn theo kiểu này kiểu kia. Nàng thấy tôi vụng-về quá thì nàng cười, cái cười nhách mép mà chan-chứa biết bao tình ái-ân âu-yếm, nhưng ngắm cho kỹ thì thấy có thoáng qua một vẻ buồn ở đôi làn nhãn bên khóe mắt.

Chiều tối 28, nàng nói mệt, rước hai ông lang là ông Huỳnh và ông Lý đến cho uống thuốc, bệnh khỏe dần. Đến 10 giờ hai ông mới đi về. Từ hôm đau, hai ông tận-tâm chữa trị, công-dức đã nhiều. Nàng bảo tôi lấy nước cháo cho uống, rồi quạt muỗi đi ngủ. Tôi chưa dám ngủ, nằm mà vẫn thức. Nàng nói tay chân lạnh lắm, tôi lấy mền đắp thêm và lấy dầu ấm xoa cùng chân tay, nhưng cũng không ấm, một giờ khuya nàng nói trong mình lạnh nhiều lắm và thấy bứt-rứt khó chịu trong buồng ngực, thổi-thoảng lại nhìn tôi, nhìn chăm-chỉ, trong nhãn-quang như có điều gì muốn nói rồi lại thôi. Tôi đi lấy than lửa để dưới giường cho ấm. Người đang lạnh mà để than lửa lại thấy khó chịu hơn, tôi biết bệnh đã nguy lắm rồi, tôi ngồi quạt lửa mà vẫn phải cố cầm nước mắt. Bác tôi vò ra lên xuống, đốt lửa hâm thuốc, đêm hôm tắm-tối vất-vả lắm. Tôi thấy thế thì nước mắt cố cầm cũng không được nữa. Bác tôi thương đau quá mà không biết làm gì được, bèn khăn áo lên gác tụng kinh để an-ủi chút tâm-hồn. Bấy giờ đã 3 giờ, bệnh xem thế kịch lắm, thở mạnh và kêu chết luôn. Bác tôi sai cho các bà con hay. Tôi đỡ nàng ngồi dựa vào mình tôi cho dễ thở, đồ cho uống ba bốn thứ thuốc hồi-dương cứu-cấp mà không thấy ăn thua gì cả. Nàng vừa thở vừa gọi bác tôi luôn mấy tiếng nói: «*Bạn này thì con chết mất rồi!*» Tiếng nói theo hơi thở mà nói ngạt-ngừng từng tiếng một. Than ôi! Người ta sắp chết mà biết mình sẽ phải chết, cái chết đã chực ở trước mắt kia, cố trần-trọc để chóng lại mà mình sắp thua, thì còn gì đau-đớn cho bằng. Nhà linh-hồn-học nói rằng: «*Lúc người ta sắp chết thì linh-hồn được thanh-thoi vui-sướng,*» lấy gì làm bằng-cứ. Tôi bấy giờ lạng-vạng hoảng-hốt người lên, như người đứng

coi thuyền đắm. Mênh-mông biển cả, sóng vỗ thuyền nghiêng, nước tràn từ từ ngập đến mạn thuyền, khách trong thuyền biết mình sắp chết kêu van than-khóc đã đành; lại còn người trên bờ mục-kích cái thắm-tràng ấy thì để có đứng yên sao được. Cái thắm-tràng ấy lại diễn ở một người thân yêu của mình thì càng thấy thắm-thương đau-xót bội-phần, biết rằng thuyền sắp đắm mà đứng coi cho thuyền đắm thì sao cho nổi, trong lòng bỗng hăng-hái lên đưa tay ra cố lôi chiếc thuyền lại, song khi đưa tay ra rồi, lưỡng-cuống ngần-ngor, không biết nắm vói vào đâu cho chắc mà lôi lại cho được, chỉ tắc lưỡi dậm chân đứng coi cho chiếc thuyền dần-dần chìm hủi mất xuống đáy sâu vô-đề nào ! Lúc bấy giờ tôi như muốn vạch long nàng ra tìm xem bệnh nó làm thế nào trong ấy mà đến chết người ta được thế. Cái Tuyên ngủ ở trước, nghe tiếng động chạy vào đứng trước mặt mẹ Tuyên rơm nước mắt nhìn. Giay lại nhìn tôi ba bốn lần, cái nhỡn-quang lơ-dờ mà thẳng, như tự-biệt nhau buổi cuối cùng. Bấy giờ thì nói đã hết được, trông người lạnh toát mồ-hôi ra như lấm, tôi cầm khăn tay lau, nàng gục đầu vào trán tôi, tôi ứa nước mắt khóc; lấy khăn lau mồ-hôi cho nàng, rồi lau nước mắt tôi. Vuông khăn ấy bây giờ tôi không giặt để giữ lại cái hơi của nàng và giữ lại giọt nước mắt tôi và giọt mồ-hôi nàng hòa nhau đêm hôm ấy. Hơi thở nghe còn như sợi chỉ, tôi đỡ nàng ngã vào lòng tôi, tôi vuốt mặt nói : « Thôi, dầu sao, dầu sao đó là mệnh-số, thì em cũng hãy an như thế, chứ anh và bác và cả bà con anh em cũng đã hết sức chạy chữa rồi, em ơi ! » Nàng thở mạnh, rồi tắt nghỉ. Tôi gọi cái Tuyên khóc lớn. Bác tôi ở ngoài nghe, dậm chân bẻ một tấm gạch vuông lát nhà. Bấy giờ vào giờ thìn rang ngày 29 tháng hai nhuận, năm mậu-thin (19-4-1928) thang thuốc

« tư-nghịch » còn dang sôi trên lò !

Tôi thay quần áo cho nàng, Than ôi ! Từ ngày về với tôi — năm 18 tuổi, năm nay 25 tuổi, — bấy năm nay tôi chưa hề biết thay áo chải đầu cho lần nào. Bấy giờ tôi biết thay áo chải đầu cho thì nàng đã chẳng còn rồi. Thay áo xong thì trời hăng-hăng sáng, các bà con, anh em hàng xóm, nghe tin chạy lại, tôi lay khóc nhờ giúp việc tang-ma. Nhà hết tiền lại phải đi nhờ-vả trong anh em bà con.

Tôi không muốn đi ra ngoài, ở luôn bên cạnh nàng, tôi lại không muốn dấy mặt lại để tôi được ngồi lặng ngắm cái gương thương yêu kia luôn. Mặc quần áo đen, đầu chít khăn trắng, nằm ngay-ngắn, mắt nhắm thìn-thít, khỗ mặt xương-xương mà trắng nhợt, trông đạo-mạo thần-nhiên như tượng các nữ-thần, hình như không còn bận-bịu vương-víu gì đến một chút trần-lụy này nữa. Tôi hôn thì trông như cười với tôi, tôi yêu lắm, giá để mãi như thế cho tôi được thì tôi bằng lòng hơn. Từ thuở nay tôi trông nàng không có lần nào đẹp bằng lần này, đẹp quá, đẹp đến nỗi mê-mẩn, tôi không dè mà nàng đẹp được như thế, tôi lại có cái yêu thương nồng-nàn, ngồi một bên mình nàng tôi tưởng chừng như bấy năm về trước, tôi mới bắt đầu họp mặt với nàng hôm động-phòng hoa chúc, tôi bỗng vui sướng quá mà quên khóc ! Tôi trông nàng đẹp như thế là bởi tôi sẵn bụng thương yêu nàng quá hay là những ngày thương không mấy khi nàng mặc đồ hàng lụa, nay khăn áo doan-trang, cái vẻ đẹp mới nhân đó mà tôn lên chẳng ? Tưởng hai lẽ cũng có cả, tôi nghĩ đến đấy bỗng sa nước mắt mà trong lòng đau tủi bội-phần.

Anh em bà con giùm-giúp đã chu-tất lấm. 5 giờ chiều hôm ấy thì nhập-quan xong. Làm thồn-thức tôi nhất là lúc này. Tôi đưa nàng đến quan rồi ôm

dầu trở ra ngoài mà không đánh coi lúc khâm-liệm nàng. Bác tôi cho thờ nàng riêng ở một gian nhà phía tây bên hữu nhà từ-đường, tôi gọi đó là «Độc-thê lệ-xá». Các công việc nhất nhất, bàn thờ, màn trướng, liễn đối, nội nhật là xong cả. Giữa bàn thờ treo bức vải trắng bốn chữ đen lớn: *Ta ngã hoài nhân* 嗟我懷人. Tôi có ba câu đối khóc nàng. Một câu tập *Kiều* ở bàn trong:

Một cuộc bề dâu, sự thể càng ngao-ngán nỗi;

Ba sinh hương lửa, đàn cầm khéo ngân-ngờ dấy.

Một câu nữa treo trước màn:

Trời đất lẩn trò chơi, sinh tử chỉ đối lần thức ngủ;

Vợ chồng tình nghĩa thiệt, biệt ly còn lắm chuyện thương đau.

Là câu nghi-vấn của tôi đối với trời đất, với thiên-hạ sau xưa. Ủ, thì đã đành, Đông Tây cổ kim đều nói: ở đời là giấc mộng lớn, sống chết mà đối với trời đất là một lẽ thường, nói cho đúng là một tấn trò chơi, đối với trời đất thì việc sinh-tử thực không đủ khinh-trọng gì cả, như gợn bụi, như mây lòng; nhưng người mà phải chịu trong cái cảnh sinh-tử biệt-ly ấy còn biết bao nhiêu là nỗi thảm-thương đau-dớn, thì trời đất định cho người ta thế nào? Lự trời đất đã phú-dữ cho người ta có tình-cảm, có tri-giác, biết yêu thương nhau, rồi trời đất lại bắt người ta phải vong-tình đi mà như mộc-thạch vô-tri, như vũ-trụ ù-ì, như thế thì có được không? Chỉ những người vô-tri-giác, hay là những người vong-tình siêu-tình thế nào thì tôi không biết, chứ tôi tưởng bao nhiêu người đã từng bị quả tim cảm-xúc đập qua một vài lần và đã từng rỏ nước mắt khóc về một cảnh biệt-ly sinh-tử rồi, đều không thể coi

việc ấy là một việc chơi được cả, vì thân-thể người ta là thân-thể thiệt, tình-nghĩa người ta là tình-nghĩa thiệt kia mà! Trời đất là mộng-sự mà bắt người ta đem cái chân-thân ra đo nhau thì có thiệt-thời không?

Một câu nữa ở ngoài.

Khóc chi năm rồi, thăm gọi mạch sầu chưa ráo giọt;

Nghĩ mình thuở nọ, cười đưa mẹ mắt khác gì con.

Liễn dán lên rồi, bác tôi chữa thêm mỗi câu một chữ ở về trên: «*mới* khóc chị... *Nghĩ thương* mình...». Là tôi kể cái thăm-sử, cái thương-tâm của tôi. Tôi thuở lên năm một lúc đã mồ-côi cha mẹ cả, ở với bác tôi bây giờ đây. Tiếng là bác chứ cái công đức nuôi dạy tôi có lẽ còn hơn thầy mẹ đẻ tôi nhiều. Tôi không có anh em trai chỉ có hai chị gái đã xuất-gia cả rồi, thì chị Quế-thanh 桂 清 mới mất hồi tháng tư năm ngoái. Năm tân-dậu (1921) tôi lấy vợ giữa lúc bác gái tôi mất. Con gái đầu lòng là Mỹ-Tuyên 美 瑄 sinh năm quý-hợi. Hai lần sau sinh hai đứa con trai đều nuôi không được cả. Đứa sau này mới mất vừa được hai mươi ngày thì kể mẹ Tuyên tôi mất đây.

Tháng hai nhuận thiếu, không có ngày ba-mươi. Ngày mồng một tôi lễ gia-tiên, lễ bác tôi, rồi thành-phục. Cái Tuyên bác tôi bảo cho mặc theo y-phục con trai càng thảm, trông con mà không cảm được giọt lệ. Xế đến anh Thiện-Trường 善 長 đưa lễ đến diếu, có câu đối viếng:

Gãy gánh chung-tình, năm ngoài anh còn ngơ-ngán nỗi;

Bể cảnh liên-ly, ngày nay em lại xoắn-xang lòng.

Kể câu đối viếng của anh Thuận-nhân 純 仁:

Nhìn cháu ngậy thơ, cô nó càng chua
xót dạ ;

Thấy em chiếc lẻ, anh đây lưỡng
thảm-thương tình.

Chiều giáo-giới đồng-nhân ngót hai
mươi ông dụng đại-lễ phùng, cô câu
đối viếng :

Cải rưng kim rơi, còn mất thảm
người đôi lứa rẽ ;

Cha già con dại, thờ nuôi thương
bạn một mình lo.

Đôi câu đối treo lên, tôi ngáp-ngừng
đọc, đọc đến chữ « thờ nuôi » tôi khóc đến
tối tiếng. Tôi cảm-động quá, vì tôi bây
giờ còn hai cái phận-sự nặng-nề ấy mà
ngó trước ngó sau « một mình lo » thì
nghĩ có thảm không ! Tôi lại cảm-động
hơn nữa là vì thờ nuôi mà không hết
phận-sự thờ nuôi ; rồi đây, quanh năm
ngày tháng cũng chỉ để cho « cha già »
nuôi dưỡng mà thôi. Thầy mẹ tôi
thuở nọ bác tôi đã nuôi, tôi nay bác tôi
nuôi, con tôi nay bác tôi còn nuôi !
Cho nên nói tôi « thờ nuôi », tôi cảm tôi
khóc, là vì tôi đã từng thờ bác tôi được
ngày nào và đã từng nuôi con tôi được
ngày nào đâu !

Tối có câu đối của các lân-bằng đến
viếng :

Cầm sắt bén giáy, tưởng bạn những
trăm năm giai-lão ;

Uyên-wong chéch cánh, cảm tình
chung một cuộc phân-ưu,

Các nam nữ học sinh, học-sinh Tri-
dức học-xá, đều có mặt, ngót bốn năm
chục người đến viếng. Lễ diếu : hương
đăng trà quả, một tấm lụy bốn chữ :
Hao tàn nguyệt khuyết 花殘月缺,
và đôi câu đối :

Sân cũ lá rưng, chưa hết ngày xuân,
bằng nhớ thim khuyen chăm-chút
học ;

Màn tuyết bông thêu, còn in nét
khéo, chợt nghe thầy khóc xót-sa lòng,

Sau rồi còn một câu đối nữa bằng
Hán-tự của ông Liên-dinh 蓮亭 gửi
viếng. Ông người Bắc-ninh, trải qua cái
cảnh thiên-địa phong-trần mà vô đây.

我逢亂世得相知 面見豈無心見
Ngã phùng loạn-thế đắc tương-tri,
diện-kiến khởi vô tâm-kiến ;

君泣賈妻應有淚 國憂竟又家憂
Quân khấp hiên-thê ưng hữu lệ,
quốc-ưu cánh hựu gia ưu.

Thấy các lân-bằng thân-hữu đều có
bụng quá yêu mà thương ghĩ đến như
thế, thực không xiết mừng cảm, ra tạ
ơn ba bốn lượt, nói ngáp-ngừng mấy
tiếng, thực cảm quá mà quên buồn,
mừng quá mà quên khóc ; nghĩ mình
mà tủi-thẹn nào đã xứng-đáng gì đâu,
đối với làng xóm chưa từng có một
chút công gì. Đó là những lễ diếu có
đối-vấn, còn thì hương đăng tiền bạc
hơn vài ba mươi chỗ nữa, không kể xiết,

Sáng ngày mồng hai đưa linh-cữu về
táng ở núi Tô-châu, bên tả mộ-địa tiên-
nhân, thuộc về sơn-phận làng Thuận-
yên. Sáng sớm lễ cáo-tạ từ-tổ xong,
tôi cũng tiễn linh-cữu nằng, mượn hai
mươi người nam nữ học-sinh đứng
dàn ra hai bên cữu, tôi qui trước bàn,
khóc như mưa ướt đầm cả vạt áo,
thống-đọc một bài văn, có mấy câu
mới thêm vào ba câu tôi khóc nằng
vừa kể trên kia. Bài văn ứng-khẩu,
dầu không văn-vẻ, chi-li-chuốt, nhưng
lời trong tâm-não, một tiếng than là một
giọt lệ, một câu văn là một khối tình,
chi xiết lâm-li, chi xiết sâu-thắm. Quá
bảy giờ, chở quan-cữu xuống lò sang
sông, các bà con, anh em, chị em theo
đưa đông. Thường tôi đi những đám
ma thấy khi động-quan thì tình thống-
khốc rầm-rĩ, nhưng tôi hôm nay lại

thấy khác. Từ khi động-quan cho đến lúc hạ-huyết, tôi không khóc được một tiếng, tôi tưởng tôi đã hết nước mắt, nhưng không phải, đó là trong bụng tôi đang bấn-khoăn suy-nghĩ về một lẽ lạ-lùng quá. Ai cũng bảo người ta là một giống có tri-giác, có cảm-tình, linh hồn vạn-vật, biết có đau khổ, biết có an-vui, biết khóc biết cười, mà sao những cái tri-giác ấy bỗng biến đi đâu mất cả mà hóa ra một vật vô-tri vô-giác, để mặc cho người ta muốn làm gì thì làm, dõ lên dần xuống, cho đến đem đi vùi lấp hỗn-hợp với chất đất chất bùn mà cũng vẫn không hề có biết là gì cả? Lại nói rằng: người ta sống-dĩ sinh-hoạt được, có tri-giác, có cảm-tình, đó là chủ-trương ở cái linh-hồn, khi cái linh-hồn ấy đã lìa khỏi xác thịt rồi thì người ta thành ra một vật vô-tri. Vậy thử hỏi linh-hồn là cái gì? Khi người ta còn sống thì linh-hồn ấy ở đâu? rồi sao lại thoát ra đi, như ở luôn mãi trong người ta có được không? Lại khi linh-hồn thoát ra rồi, ở đâu, có hình - tượng gì không, và nhất là có tri-giác, có cảm-tình nữa không? Còn có biết mình là cái linh-hồn của cái xác thịt kia không? Còn có cảm-tình với người sống đây nữa không? Cùng với linh-hồn khác của mình yêu thương có được gặp nhau mà biết nhau không? Những linh-hồn ấy có một cái trật-tự để đối-dãi với nhau không? Lại trời đất sinh ra giống người làm gì, cho có cảm-tình rồi lại cho có sống chết? Giá không có giống người thì có phương - hại gì đến cái vòng thiên-địa-gian, đến cái khối ù-li vũ-trụ này không? Mặt trời cứ sáng, mặt trăng cứ soi, gió cứ thổi, nước cứ chảy, thảo-mộc cứ sinh-hóa có được không, người ta có giúp - giập được gì cho trời đất đâu mà phải sinh ra giống người làm gì cho lười-thôi lảm chuyện cười khóc mà cho con đường này đây, con đường đi thường ngày đây hôm

nay sao lại bỗng làm con đường tối-tăm, lạnh-lẽo, mà đưa người ta về một cõi thiên-cô, hư-vô mộng-ảo nào?

Ấy bao nhiêu câu hỏi ấy vẫn cứ chiền-miền phân-vấn trong óc mãi; những mãi nhìn cái áo quan vô-tri, đang đựng một cái hình-thể mình vẫn cho là hữu-tình, hữu-cảm, tâm hồn cảm-giác mình đang gửi cả vào trong đó, thành - thử các giấy tri-giác ngăn-diên-cuồng mà mình không biết là mình nữa, chỉ là một con người máy, người ta khiến sao là làm vậy mà thôi.

Sang sông rồi lên huyết cũng không xa mấy, ở bên sườn núi. Đến nơi khi tôi thấy trước mộ-địa tiên nhân có đôi câu-đối của bác tôi khắc vào cột trụ năm nọ :

Một cuộc lâu-dài nhờ khi đất,

Sáu đời êm-âm chịu ân làng;

tôi chợt nhớ, sẵn mảnh than trầm tàn đốt trong bình hương trên bàn thờ nàng tôi lấy chũa chữ « sáu » ở đầu câu dưới làm chữ « bảy » mà đọc là « bảy đời... » Chũa xong đứng nhìn vào nét chữ bỗng chảy nước mắt. Từ này đến giờ, tôi không khóc được, nay chỉ có một chữ đó đã có gì đâu mà khiến cho tôi tự-nhiên chảy nước mắt được. Nào có phải chữ ấy có mãnh - lực gì đâu, chẳng qua là tôi bị gọi đến cảm-tình. Như trước kia là tôi phải cõi thuyết-ly chiêm mắt cõi tình - cảm, trong trí tôi chỉ phân-vấn ở các câu hỏi bất-giải đó, tôi chỉ thấy tôi đứng chung quanh một mớ rối như bồng-bong mà vô-tri như vũ-trụ, quên cả sự thực nữa, thì còn cảm-tình gì mà khóc được?

11 giờ an-láng xong cả, bỗng trời dầm mát, làm một trận mưa phùn như vậy mấy giọt lẹ không đầu lên nắm đất lạnh-lùng kia! Than ôi! Ông Hóa-công cũng quái-quăm da - sự lắm sao!

Hôm kia mồng ba, dọn-dẹp quét-tước trong nhà, giở đến xiêm áo cũ mà nhớ người xưa, không xiết đau lòng. Trong nhà sau trước vắng-vẻ, như mang nặng cái vết thương đau-đớn. Cái Tuyên thì thính-thoảng nhắc đến má: « Má, người ta lấp đất lại rồi ! » nghe như xé ruột. Anh em ai nấy đều khuyên, giải; khuyên-giải chẳng những không bớt được mà lại càng làm khêu gọi thêm mà thôi. Anh em vì mình, vì mình còn cái phận-sự lớn phải giữ, không lẽ bỏ đi đâu được, lấy cái lý mệnh-số mà khuyên giải, thương đau thì đã đành nhưng có lẽ buồn-rầu đến rũ người ra mà đề-hư-hỏng cả các việc haysao. Anh em có bụng thương thì cảm ơn, chứ cái đau-đớn này tưởng không sao cho nguôi được, có quên chẳng ừa thì cũng chỉ trong một lúc mà thôi, vì cái hình-ảnh mẹ suyền khi sắp chết kêu than và cái hình-ảnh khi đã tắt nghỉ rồi khăn áo đoan-trang đạo-mạo như bà tiên kia, bao-giờ cũng như đã in sâu vào trong tâm-não rồi, có làm sao mà mờ đi được.

Buồn vì nàng mất đã đành, lại còn buồn vì cái tình-cảnh cô-dộc, người ta năm anh bảy em, khi thiết mất đi một đôi người cũng còn khả-thủ. Người ta mất bên chồng còn được bên vợ, chứ đến mình đây thực chẳng được bên nào cả. Bên mình thế này thì đã cô-dộc lắm rồi, bên nàng lại càng cô-dộc lắm nữa. Cũng mờ-côi cha mẹ thuở bé, ở với bà nội, cũng không có anh em trai. Duyên trời xui nên, nước bèo gặp gỡ, thường ngày đã phải ngồi nhìn nhau mà khóc. Chẳng may như thế thì đã quá rồi; tưởng đem hai con người cô-dộc chung lưng đấu cật nhau mà cùng lo việc trăm năm thờ già nuôi trẻ, lại cũng chẳng may nốt; ông trời kia cay-nghiệt thực chẳng vừa thôi; đã cô-dộc rồi lại bắt cô-dộc nữa thì nghĩ có buồn giận mà đau tủi không !

Trong lúc sống cùng nhau an-lạc, đến khi mất đi rồi còn lấy cái lẽ nhân-sinh hữu-mệnh, thiên-địa doan-hư mà an-ủi được thì đâu có nhớ tiếc cũng đã có chừng rồi, chứ trong lúc sống chẳng được cùng nhau an-lạc mà chỉ thấy cùng nhau sầu-khổ, thì cái thương đau thực là vô-hạn, cái lẽ nhân-sinh hữu-mệnh, thiên-địa doan-hư kia đâu có viện ra bao nhiêu nữa cũng chỉ là thuyết-lý hão mà thôi. Có kẻ lại bảo tôi bình-nhật không-thấy tỏ ý gì yêu thương vợ mà bây giờ sao lại khóc được nhiều như thế là làm sao ? Người kia tất đã làm vậy. Tôi là người sinh-trưởng trong cái gia-đình nên-nếp cũ, cái không-khi tôn-nghiêm đầm-thắm, cho nên trong việc vợ chồng khi ăn ở lúc ra vào bao giờ cũng giữ cho doan-chính, mỗi ái-tình bạo giờ cũng vẫn giữ cho thắm-trăm kín-dáo trong lòng mà những cái vẻ ái-ân âu-yếm thì không hề dám để cho biểu-lộ rõ-rệt ra ngoài, bao giờ cùng nhau cũng thấy có cái vẻ thẹn-thùng e-lệ như những ngày còn thơ. Đó là bởi tôi đã tập quen theo cái khuôn-khổ gia-đình cũ mà tính tôi cũng không thích những cái vẻ quá lả-lơi số-sàng. Than ôi ! Vợ chồng yêu nhau là bởi tâm-tình, bởi tình nết, chứ há có phải là bởi những câu cười cợt, những trận nô đùa cùng nhau đó ru ?

Hôm qua mồng bốn, xế đi cúng an-mộ nàng, tục thường gọi là lễ « mở cửa má » ; chiều về, gió lạnh, mình cảm, buồn lắm đến bữa cơm tối, sẵn nậm rượu bên, tôi cố uống luôn mấy chén mà không thấy say. Cảm chén rượu uống mà chợt nhớ đến nàng, vì thường mỗi khi tôi có chuyện buồn hay đem rượu ra đọc-âm, nàng thấy thì thường khuyên ngăn đi, tôi nói chỉ vì muốn làm vui mà uống cho đỡ buồn, chứ đã say-sưa gì, thì nàng lại nói : « Anh có việc buồn thì cảnh vợ con

chẳng đủ làm cho anh vui được hay sao, lọ là phải chờ đến rượu ! » Tôi cho lời nàng nói là phải. Bây giờ thì tự nàng làm cho tôi buồn, thì còn ai làm vui cho tôi được nữa mà tôi lại chẳng nhớ rượu, mà mỗi lần cầm chén rượu uống là nghe lời khuyên ngăn kia như còn văng-vẳng bên tai...

Mồng 6, tháng 3

Hôm nay làm tuần thất-nhật cho nàng. Tục gọi là làm « bảy ».

Mẹ Tuyên tôi còn một bà nội hiện đang đau, hôm nàng mất thì bệnh bà cũng đang kịch, giữ kín không dám cho bà hay. Hôm nay nghe bà mất. Dầu cái chết ấy đã định được rồi, nhưng chợt nghe thực không sao không chừng dạ. Bà năm nay thọ 79 tuổi, mất đi cũng chẳng lạ gì, dầu có nhớ thương thì cũng đã có hạn rồi, song thấy bà mất nhớ đến mẹ Tuyên, mà trong trí lại sinh ra một thứ cảm-giác lạ, là nghĩ ông trời kia xếp đặt cái chết cũng kỳ-quặc. Trong cái lạ ấy, lại còn có một cái lạ hơn nữa, là không biết thế nào giải được. Cái máy trời đất thực là vô-cùng quái-quăm, vô-cùng ngoắt-ngoéo, người chịu cho cái máy ấy quay cuốn thì chỉ biết tắc lưỡi cúi đầu mà nghe theo, chứ còn biết nói gì, giải gì nữa !

Mồng 10, tháng 3.

Sớm mai ngày mồng 8 thì cất đám bà nội mẹ Tuyên tề táng ở núi Giếng-Trọng. Khi cất đám xong, tôi ở lại tang-gia giúp các việc quét dọn xếp đặt cho đâu vào đấy, đến chiều tối mới về nhà. Có làm việc như thế thì hình như trong lòng thương nhớ nàng bớt đi được vài phần. Vô ra lặng ngắm trước sân sau vườn, còn như phảng-phất trông thấy được cái dáng - dấp in-ộc-mạc của nàng thuở còn mơn-mỏn ngây-thơ. Trước sân nhà có cây đào, lúc này đang độ nở hoa kết quả; bồi-hồi vợ-vần dưới gốc đào

mà chệch nhớ đến nàng, bất-giác ngâm bài thơ Đường :

去年今日此門中。

Khứ niên kim nhật thử môn trung,

人面桃花相映紅。

Nhân-diện đào hoa tương ướng hồng.

人面不知何處去。

Nhân-diện bất tri hà xứ khứ,

桃花依舊笑東風。

Đào hoa y cựu tiếu đông-phong.

Tức là: Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

Còn nhớ ngày nào khi tôi mới mới gặp nàng. Tên nàng là Linh-Phượng. Linh-phượng tên nàng thuở bé ấy từ khi về với tôi thì ít nghe gọi đến nữa, mà chỉ gọi thử mà thôi, bây giờ tôi nhắc đến thì tôi bỗng sinh ra có cái mỉ-tinh, như trông thấy được nàng, cho nên tôi yêu quý hai tiếng ấy như yêu quý nàng mà tôi cứ muốn gọi như thế mãi. Lúc bấy giờ lại có người hi-ngôn rằng: «Chim khôn đậu óc nhà quan, con Linh-phượng này mà tìm đậu trên hòn phác-ngọc kia cũng sẽ xúng đó thay!» Bữa chiều hôm lên nhà ra mắt ông bà nội, bước vô cửa ngõ thì thấy nàng đang mài vít cái cành đào la thả n-thấp mà hái, đẹp về cảnh « nhân - diện đào-hoa », nghe tiếng động nàng đoái lại chợt trông thấy tôi bèn vội-vàng chạy tránh vào nhà sau, cất cái thân manh-mảnh mà gọn-gàng, lúc bấy giờ tôi dầu có thẹn-thẹn vì trong buổi mới lạ-lùng nhưng thực lòng yêu thương biết bao nhiêu. Cái ái-tình ngây thơ mà ngọt-ngần ấy hãy còn in trong tâm-não mà chốc là bảy tám năm trời, nay ôn lại cái cảm-tưởng cũ mà người gọi cho mình cái mỉ-quan mỉ-cảm ấy thì đã văng mất rồi khiến lòng chỉ xiết thẩn-thờ !

Ngày, 13 tháng 3.

Đêm tối hôm nọ khi ở nhà cũ nàng về buồn quá, đêm hôm ấy không ngủ

được, thơ-thần mãi trước bờ hồ : tiếng hát dập chèo, gió hiu trắng nhạt.

誰家今夜扁舟子
Thùy gia kim dạ biên châu tử;
何處相思明月樓
Hà xứ tương tư minh nguyệt lâu.

Những lúc tôi vơ-vẩn như vậy thì tôi hay ngâm-ngợi luôn miệng, hoặc thơ cổ hoặc thơ kim. Những câu thơ tả vừa đúng với tình-cảnh tôi như câu vừa kể trên ấy, tôi ngâm lên thấy có cái buồn lạ, hồn thơ lai-lãng bồi-hồi thì trong lòng thấy dễ chịu. Đại-khai như câu :

東風不爲吹愁去
Đông-phong bất vì suy sầu khứ,
春日偏能惹恨長
Xuân nhật thiên năng nhạ hận trường;
hay câu :

Lâm-tri từ thuở uyên bay,
Bồng không thương kẻ tháng ngày
chiếc thân.

Tôi có bài thơ nhớ nàng :

Chấn gôi cùng nhau những ấm-êm,
Bồng lam ngọc nát, bồng châu chìm;
Đầm-đìa giọt thấm khăn hồng thấm,
Lạnh-lẽo đêm xuân giấc mộng tìm;
Hình dạng mơ-màng khi thức ngủ,
Tiếng hơi quanh-quẩn nếp y xiêm;
Bảy năm vui khổ, nghìn năm biệt,
Sớm gió, chiều mưa lấm nổi-niêm.

Hôm nay tôi đem viết ra, một mình ngâm-ngợi, rồi đem lại bàn thờ nàng lẩm-nhẩm đọc, đọc rồi đốt đi, tôi tưởng chừng như nàng đã nghe cho lời tôi than-thở ấy mà nổi lòng cũng dường như đã hả được đôi phần. Cho nên tôi có cái cảm-giác rằng : Bảy giờ và từ đây tôi còn biết gì là vui mà cũng không còn gì làm cho tôi vui được nữa, duy chỉ còn một chút văn-chương này là có thể an-ủi được lòng tôi, mà đó mới làm cho tôi khuấy-khỏa nổi tình đau-dớn thương nhớ nàng mà thôi. Chiều xế hôm nay được anh Lê Quang - Phần

黎光粉 đưa bài thơ đến viếng, thực là một bài thuốc đối-chứng. Anh lại nói anh cũng tự biết văn-chương vụng-về, dám dẫu đánh trống qua cửa nhà sấm, nhưng chỉ vì quá ái-ngại hộ cho cái tình-cảnh mình mà than-thở. Cửa ít lòng nhiều, đó là anh quá khiêm mà thôi. Bài thơ tám câu đề trong một bức vẽ tiêm-tất, vẽ ra kiểu « đàn cầm ngo-ngần », kiêu kiêu « bình võ gương tan », lại vẽ ra kiểu « qui linh hạc toán », là bày ra hai cái cảnh chân-mộng tương-phản mà mệnh trời thì không thể theo lòng người muốn vậy.

Thấy bạn thương đau tôi thiết-tha,
Chung-tình gánh gầy giữa đàng xa!
Nước non những chúc bèn tơ tóc,
Mưa gió làm chi héo cỏ hoa;
Đã cảm bạn sâu đau khóc vợ,
Càng thương con dại bạn theo cha!
Trông vào ai kẻ không rơi lệ,
Ông Tạo tuồng chi khéo hững-hờ!

Tôi trả lời cho anh có mấy câu rằng :
« Hôm nay tôi được anh đưa mấy câu thơ viếng, xem ra lời thơ ý vẻ đều có tình thâm, lẽ cả, tôi đọc đi đọc lại thực không xiết cảm-động, không xiết bàng-hoàng. Anh xét đến cái tình-cảnh tôi mà ái-ngại hộ cho tôi như thế, tôi càng nghĩ càng cảm ơn anh chẳng cùng, tôi chỉ có một cách là rỏ nước mắt mà đáp lại cái hậu-tình nhũ-ý kia thì mới xứng được mà thôi. Tôi đau-khổ tôi không hề nói ra bao giờ mà anh biết như thế thì chưa gọi được là tri-kỷ thì thế nào mới gọi là tri-kỷ. Tôi không nói ra, không phải là tôi vị có gì giấu. Tôi thường nghĩ rằng : mình phải buồn rầu thì cứ hãy ngâm-ngẫm cho cái đau-dớn nó tí-té thánh-thót trong lòng, chứ khóc than vỡ-lở là hèn, lại mình đau-dớn thì phải cố mà chịu, chứ nói ra bắt người ta nghe những sự đau-dớn của mình tất không khỏi làm một-thú cho người ta. Hoặ-giả có người sẵn món thương-tâm mà rỏ cho mình một giọt nước mắt nữa,

mà lòng tôi bây giờ đã lạnh ngắt như tro tàn rồi thì giọt nước mắt kia cũng vì-tắt vẩy vào cho ấm lại được. Lòng mình không ấm lại được mà làm tổn nước mắt người ta thì đã có ích gì. Giá mà được thế, dầu không ấm được chứ cũng còn may-mắn cho mình biết bao nhiêu, nhưng phần nhiều ở đời người ta thường hay đem một lẽ không đầu mà đại-ngôn xét một việc ở trong tầng đáy bí-mật của lòng mình, thì chi bằng « một mình mình biết, một mình mình hay » có hơn không ? Tôi nghĩ thế mà tôi được anh đưa thơ viếng thì tôi lại càng cảm-tạ bội-phần. Bài thơ bức vẽ ấy, tôi xin trân-trọng giữ-gìn làm chút kỷ-niệm của người tri-kỷ trong cuộc đời sâu-thắm của tôi...»

Đêm hôm nay nhân trời có trăng, qua núi Tô-châu thăm mộ nàng. Chợt mới trông thấy cái nấm đất mờ-mờ dưới bóng trăng lạnh-nhạt mà đầu óc choáng-váng, quả tim nhẩy mạnh, tay chân nóng rần lên, không đứng vững. Trời đất bình-tĩnh, chỉ có tiếng giun tiếng dế cũng không đủ nào-động, bóng trăng mờ tỏ thấp-thoảng sau đầu núi, ánh sáng dọi xiên-khoai vào trong cành cây lá cỏ, đều hàm có vẻ diu-hiu lạnh-lẽo. Tôi đi vòng qua hậu-đầu ngôi mộ, bóng trăng sau núi dọi bóng tôi thoảng ngang, tôi hoa mắt lên tưởng đó là hồn nàng về với tôi. Trên đầu mộ, phải mấy đám mưa hôm nọ nứt ra mấy kẽ, trông vào tối đen. Tôi bèn định nhõn-quang nhìn thẳng vào, cố-ý tìm trong bóng tối ấy một cái bóng tối hơn nữa. Cái bóng tối mà tôi định tìm ấy là cái bóng một người thiếu-phụ, gương mặt đẹp như hoa mà lạnh như sương, hai mái tóc buông rủ xuống hai má trắng nhợt, đôi con mắt lơ-dờ nhìn vào tôi như chan-chứa tinh xuân, lại như ngẩn-ngơ thất-vọng. Tức là cái hình-ảnh nàng khi hôm sắp tắt nghỉ,

Tôi không muốn dứt về, trèo lên cao đứng nhìn xuống, bốn bề yên lặng,

ánh trăng tỏa xuống rừng cây bát-ngát, chung-quanh năm la-liệt những mờ-mả cũ thấp-thoảng trong bóng tối, thỉnh-thoảng có mấy con đom-đóm lập-loè như soi cho cái thiên-cổ quanh-hiu này. Tôi nhìn vào mộ nàng; cái nấm đất kia từ đây rồi năm trở-trọi ở giữa thiên-địa-gian này mà mặc dầu cho ngày nắng đêm mưa dầu-dãi. Thời-gian cứ giông-uổi, cảnh-vật cứ đổi thay, rồi đây Tạo-hóa sẽ phủ lên một lớp cỏ xanh mon-mỏn, lại có các loài bướm rủ nhau đến bay liệng, có các loài chim rủ nhau đến làm tổ, chung quanh ngày đêm kêu hót, nếu không có người xây đắp lên cho còn giữ một chút dấu vết thì sau này còn ai biết đó là chỗ chôn biết bao nhiêu giọt nước mắt của người ta nữa. Than ôi ! Ông Hóa-công vốn vẫn vô-tình, và cái mãnh-lực của thời-gian đã làm chìm đắm biết bao nhiêu dấu vết về vật-chất đến cả tinh-thần. Cái gì rồi, chỉ thời-gian thoảng qua là chìm đắm tiêu-tán hết cả. — Bây giờ mỗi khi trời gió mưa tầm-tã thì tôi thường nghĩ đến nàng đang nằm dưới nấm đất lạnh-lùng kia mà tôi những đau lòng chùng dạ. Một giọt mưa tích-tách trên mái nhà, tâu lá là một giọt lệ của nàng tích-tách trong tim tôi mà nàng khóc cùng tôi hôm nọ.

Nhân ngày mai 14 làm lễ tiểu-tường cho chị Quế-Thanh, ở mộ nàng ra ghé lại chùa Kim-châu-tự 金洲寺 lễ Phật và nghe kinh. Qui trước Phật-đài, tâm-hồn du-duơng trong tiếng chuông giữa đêm khuya thanh-tĩnh, thấy thân mình lao-đao khổ-sở quá rồi lại thấy như trong lòng an-ủi nhẹ-nhàng, được một lúc là có cái cảm-giác rằng : Kiếp này mà phải chịu nhiều những đau khổ thì kiếp sau hoặc sẽ được yên-ổn bớt mà linh-hồn mẹ Tuyên còn như dọi mình ở cõi hậu-duyên ấy. Ôi! Đấng đại-từ, đại-bi, cứu-khổ cứu-nạn kia ơi ! Ông phải có mới được, phải có ở đó mà nghe những

lời kêu van than khóc của người đời trong khi tử-biệt sinh-ly này, ông phải có ở đó mà chứng cho cái khổ-hải vô-tận vô-đề ở đời này là nước mắt của chúng-sinh chứa vào đó, có thể mới được, chứ không thì Tạo-hóa này chẳng phải là Tạo-hóa nữa mà là một giống độc-ác oan-nghiệt vô ngàn ! . . .

Rằm tháng ba.

Từ hôm tôi thăm mộ nàng về, người hơi yếu, buồn buồn mãi, không muốn làm gì. Đọc sách binh-sinh là một cái thú nhất mà cũng không muốn. Có mấy đứa cháu bé và mấy đứa học-trò lại chơi nô đùa với chúng nó thì thấy vui nòng vui nân, cuộc đời mình hình như muốn sinh-hoạt lại thời-kỳ trẻ con. Không muốn đọc sách, không muốn đọc báo, nhật-báo thời-sự lại càng chán lắm. Sách tiêu-thuyết buồn thì đọc được, càng buồn càng thấy hay, càng thấm càng thấy thú, càng tiêu-dao réo-rất càng thấy êm-ái dịu-dàng. Như muốn nghe tiếng đàn đêm vắng, tiếng sáo chiều hôm, muốn trông cái lá rụng, Gió chiều hiu-hắt, tiếng qua kêu buồn đều là những khúc hát não-nùng, cung đàn sầu-thảm nỉ-non thánh-thót trong lòng mà thân như muốn gần với những cảnh ấy để hưởng lấy cái thú lặng-lẽ tiêu-diêu, lâm-ly cảm-khai. Người ta ai cũng bảo những cảnh ấy là những cảnh êm-dềm man-mác, não-nuột bi-thu, làm cho người ta tiêu-hồn nhu-cảm, nhưng tôi thì đó là một thứ dưỡng-khí tốt cho tinh-thần, nếu tôi mà không biết yêu-thích say đắm những cảnh khổ-thứ ấy thì tôi không biết còn hèn xấu đến ngần nào nữa. Trái lại, những cảnh nào vui-vẻ tươi-cười, gọi cho tôi được cái mỉ-cảm mỉ-tinh thì tôi không hề dám ngắm đến, như cái bông hoa nở hớn-hở trên đầu cành, hay cái bóng trắng lên tha-thướt bên sườn núi, vì mỗi lần tôi thấy những

cảnh vui đẹp như thế thì tôi nhớ đến nàng sẽ chạnh lòng mà tôi không đành vui được.

Đêm hôm rồi tôi nằm mộng thấy nàng, xiêm-y dáng-dấp chưa có một nét nào thay đổi, tôi không tưởng là nàng mất, chừng như nàng đi chơi đâu về, đưa cho tôi tờ giấy có một bài thơ, nàng vừa đưa cho tôi thì nghe nàng đọc :

*Chung-thủy lòng anh chẳng bỏ nhau,
Làm chi cho lắm bận lòng sầu !
Cha già con dại nên trân-trọng,
Hương lửa em còn đợi kiếp sau.*

Tôi chợt tỉnh thì bên tai nghe còn văng-vẳng tiếng nàng đọc, tôi mơ-màng trong chăn chiếu hình như hồn ai còn vấn-vit mà khiến người những « lạnh-lùng thay giấc cô-miên ! » Tôi nhớ bài thơ không sót một chữ. Tôi định-tâm cho thật tỉnh, ngồi lên nghĩ không lẽ nào có hồn nàng về làm thơ ấy bao giờ, đó chẳng qua là tôi quá tưởng nhớ nàng mà sinh mộng, thì thơ ấy là tự trong trí tôi tưởng nghĩ ra, nhưng có một điều lạ là trong lúc ngủ thì các giấy thần-kinh tri-giác đều ngừng lại cả mà sao lại nghĩ ra thơ được là gì ?

Nàng còn một bức di-ảnh chụp hồi ba năm về trước. Tôi trân-trọng yêu-quí lắm. Dưới bức ảnh tôi có đề câu thơ lục-bát rằng :

Trăm năm chẳng ở cõi trần,

Nghìn năm hãy giữ tinh-thần cùng nhau.

Mà thực, tôi đối với nàng bây giờ cái vật-thể không còn nữa, chứ cái tinh-thần không bao giờ cho tan được, vì mỗi lần tôi nhớ đến nàng, lại thấp nén hương lấy bức ảnh ra ngắm, đầu mày cuối mắt còn như nòng tằm yêu, hay vầu-vơ dưới bụi cây tay nàng trông, thơ-thần bên đám cỏ chỗ nàng nhổ mọi khi, thì mắt uyên-nhiên còn như trông thấy hình-dạng nàng, nhất là chỗ

nàng mắc xiêm-áo, để rương-tráp thì tiếng hơi như còn quanh-quẩn. Bởi thế mà tôi có cái cảm-giác lạ-lùng này để an-ủi lòng tôi được, là tôi nghĩ rằng : nàng mà mất đó là gây cho tôi một cõi đời xuân vô-tận, vì trong trí tôi bao giờ cũng còn giữ được cái hình-ảnh của người yêu đang độ thanh-tản trẻ-trung mãi, cái hình-ảnh ấy sẽ không bao giờ thay-đổi mà làm cho già, cho xấu đi được nữa. Thế thì một là văn-chương ngâm-ngợi, cảnh-thú êm-dềm, hai là cái hình-ảnh tinh-thần của nàng, bao nhiêu cảnh cũng đủ làm cho tôi an-vui thỏa-thích được cuộc đời diu-hiu phiến-não này, thì tôi còn mong cầu cái vui sướng nào đâu nữa mà làm gì cho lắm nỗi bận lòng, vì mắt tôi coi vạn-vật trong vũ-trụ đều là mộng-ảo hư-vô, đều là vờ là hão cả. Nhưng về sau này, hoặc vì thời-gian giống-ruồi, hoặc vì hiểu-tình xung-đột, thế nào nữa tôi không biết, thì tôi cũng nhắm mắt đưa chân mà để mặc cho máy Tạo xoay vần, chứ tôi thực chả còn thiết gì đâu.

Có khi tôi nhớ nàng quá, trong lúc bồi-hồi chưa ngủ hay mơ-màng mới thức, chớp mắt thấy nàng, thì trong trí tôi lại có một cái hi-vọng bát-ngát viên-vòng, cái hi-vọng mới ngờ-ngẩn mà trẻ-con sao ! Là tôi tưởng nàng còn có một ngày nào gần đây nàng sẽ sống lại, trong trí tôi bày ra biết bao nhiêu là mộng-cảnh tuyết-vời mà cùng nàng hưởng biết bao nhiêu là mộng-xuân êm-ái, tưởng chừng như đã cùng nhau nắm tay mà bay lên cõi bồng-lai cực-lạc

nào ; lúc bấy giờ thì trong lòng tôi thấy vui-sướng lạ thường, như chan-chứa những tinh xuân đầm-ấm. Đương mơ-màng như thế thì tôi lại chợt hồi nhớ đến nàng đã mất thì trong lòng bỗng lạnh ngắt như đồng mà thấy đang đặt mình ở giữa một cảnh chiều hôm mưa gió, cảnh thê-lương mà thắm-đạm như muôn nghìn buổi chiều hôm khác, sương bay khói tỏa, đầu núi bóng chim, chân mây chiếc nhạn, vời trông làn sóng bạc, tít-tắp bên lưng trời mà buồn, lặng ngắt ngọn nước sa, man-mác trên mặt hồ mà cảm, thương thay đời đơn-cô !

Thôi từ đây cái rụng kim rơi, mây zhim bèo nổi, từ đây rồi lúc nào tôi cũng thấy chung-quanh mình tôi đầy những cảnh tiêu-diêu buồn-bã, âu-sầu hiu-quạnh lạ thường ; gặp những khi đêm khuya canh vắng, gió xé mưa chiều, hồi-tưởng đến cảnh cũ niềm xưa, mới ngày nào đây cùng ai chung cơn may rủi, chung cuộc khóc cười, khi chần êm khi nệm ấm, khi gió gác khi trăng sân, cùng ai vui-thú mà chệnh lòng. Mỗi lần hồi-tưởng đến như thế thì thấy mình bàng-khuảng như người làm nát ngọc chìm châu. Hòn ngọc đang cầm trên tay mà bỗng rơi xuống vỡ tan-tành, hay hạt châu bỗng chìm hút dưới đáy nước sâu, cái nhớ tiếc ngần-ngơ vô-vấn, ngâm-ngùi than-thở mà không biết đâu tìm. . .

ĐÔNG-HỒ.

LƯỢC-KÝ VỀ LỊCH-SỬ NƯỚC TÀU (1)

IV

Nước Tàu ở về phía đông châu Á, bờ cõi rộng lớn, chiếm một phần trong ba phần châu Á. Chia làm ba bộ: 1^o Bản-bộ, 2^o bộ Thát-đát, 3^o bộ Tây-tàng. Bản-bộ thì thực là một nước cũ, từ khi có lịch-sử đến nay đã trải hơn bốn nghìn năm, cách-mệnh đến hơn hai mươi triều, thay đổi dòng họ đến dòng kia thống-ngự muôn dân, sách-vở rất nhiều không thể nào kể hết được. Về khoảng trước kỷ-nguyên độ 500 năm có ông Khổng-Khâu 孔丘 sinh ra, tên tự là Trọng-Ni. Ông than-tiếc cho nhân-tâm phong-tục đồi-hoai mất cả, mới giảng đạo-nghĩa, dạy học-trò, đi chu-du bốn phương, muốn dạy cho người đời bỏ hết ác-tập đều theo về chính-đạo. Nhưng các vua đời ấy không hay dùng cái học-thuyết của ông, ông mới trở về sửa-sang lại kinh Thi kinh Thư để làm tiêu-chuẩn cho đời sau, truyền-thụ được học-trò rất nhiều, cả nước tôn làm bậc thánh-nhân. Cách khoảng độ ba trăm năm lại có Tần Thủy-hoàng 秦始皇 khởi lên thôn-tính cả các nước rồi chia ra làm quận-huyện. Đắp trường-thành để phòng họ Thát-đát, bờ thành cao 45 thước, dày 18 thước, ngang suốt cả hang núi, dài liền đến một nghìn năm trăm thì-trình, đến nay đã hai nghìn năm, vẫn hãy còn di-tích. Từ khi đã đắp xong trường-thành rồi, Thủy-hoàng tự bảo rằng các đế-vương đời trước không ai kịp mình, rồi đem đốt bỏ hết cả sách-vở đời trước, chôn sống học-trò đến bốn trăm người. Cách khoảng độ một

trăm năm lại có Hán Vũ-đế 漢武帝 là người hùng-tài đại-lược, dấy binh lên đánh Hung-nô, Tây-vực, uy lừng cả thiên-hạ. Sau lại mê-hoặc về lời nói kẻ phương-sĩ đi cầu thuốc trường-sinh bất-tử, giảng-cứu mãi mà không ăn thua gì cả. Khoảng năm 1209 có ông Thành-cát-tư-hãn 成吉思汗 khởi lên ở đất Mông-cổ, đem đại-binh vào đánh Trung-quốc, chinh-phục được hết cả toàn-quốc, lập quốc-hiệu là nhà Nguyên 元. Trải độ hơn một trăm năm lại phải người nhà Minh diệt mất.

Khoảng năm 1644 có họ Ái-thân-giác-la 愛親覺羅 khởi lên ở đất Thát-đát, đánh diệt nhà Minh, nhất-thống Trung-quốc, quốc-hiệu là nhà Thanh 清. Thủy-tổ nhà Thanh là vua Thuận-trị 順治 là một ông vua khoan-nhân đại-độ. Đến vua Khang-hi 康熙 cũng là một vị anh-chủ ít có, ở ngôi vua được sáu-mươi năm, nhà sử-thần khen là một đời vua thái-bình.

Người nhà Thanh chỉ giữ cái thói cũ mà lại hay tri-trọng tự-an, không có thích nghe những cái thuyết tân-kỳ của người ngoài, lại khinh người ngoài là di-địch, không muốn giao-thông hòa-hiếu với các nước, thường giết các người đi truyền-giáo, chỉ có một nơi Quảng-đông là cho khai-thông đi buôn bán thông-thương, nhưng lại nghiêm-khắc tra xét, không cho vợ con được đi lại, người Âu-châu lấy làm bực mình. Năm 1793 nước Anh có sai sứ đến thăm hỏi và đi xem xét phong-tục. Năm 1816 người Anh lại đến thăm xét mà cũng

(1) Xem Nam-Phong từ số 125.

không được việc gì cả. Khi ấy người Bồ-đào-nha chiếm lĩnh lấy những cù-lao ngoài bề làm đất thuộc-địa của mình. Người Nga cũng dùng kế sai các người đi tuyên-giáo sang ở Kinh-thành nước Tàu để một mình thân-thiện với nhà Thanh mà chiếm lấy lợi, chứ không muốn cho người nhà Thanh ngoại-giao với các nước. Người nước Anh thường đem đồ hàng Ấn-độ sang bán cho nước Tàu, nhưng thường bị phải lãng-nhục, vẫn lấy làm tức muốn sinh sự đánh nhau. Khi ấy người Anh có đem bán thuốc nha-phiến được lợi hàng cự-vạn. Sau người nhà Thanh biết rằng thuốc nha-phiến là hại, mới ra lệnh nghiêm-cấm, nhưng người trong nước mắc nghiện đã nhiều, các quan địa-phương vẫn ngầm cho buôn bán thuốc phiện, người Anh muốn xin được bán công-nhiên khắp cả, nhưng triều-đình nhà Thanh không cho. Song vẫn chở vào bán nhiều lắm. Năm 1829 nước Tàu ra lệnh nghiêm-cấm không cho người ngoài đem thuốc phiện vào, bắt những kẻ lái buôn ở Quảng-dông người nào bán lậu thuốc phiện thì giết chết. Lại sai Lâm Tắc-Từ 林 則 徐 thu lấy những thuốc phiện của người Anh buôn vào và bắt cả quan lĩnh-sự nước Anh, những người nào bán lậu thuốc phiện thì đều tổng-giam cả, bắt được hai vạn hai nghìn hòm thuốc phiện đem vớt cả xuống sông, đả người Anh rất tàn-ngược. Năm 1840 quan Thủy-sứ đề-đốc nước Anh là Gia-nhi-lị-kha-đức đem một vạn năm nghìn quân tự Tân-gia-pha đến Quảng-dông chiếm giữ lấy Hà-khẩu rồi phía bắc tiến đến Định-hải đánh phá các đồn, lại tiến vào cửa Bắc-hải. Triều-đình nhà Thanh mới sai sứ ra xin hòa, nhưng toàn là giả-dối cả. Quan Tổng-đốc Trục-lệ là Kỳ Thiện lại đánh lừa người nước Anh. Người Anh mới đem binh vào Quảng - đông chiếm lấy cả Quảng-đông và Hạ-môn.

Người nhà Thanh bình - khí thì thô xấu, lại không quen chiến-trận, mỗi khi bại - trận chết không biết bao nhiêu mà kể, kể tướng-hiệu tự-tử cũng nhiều, Người Anh thừa thắng đánh lấy Ninh-ba xâm cả đến Phố-khẩu và Ngô-tùng, rồi giữ lấy đất Thương-hải đòi đền binh-phí. Năm 1842 người Anh lại kéo lên sông Dương-tử đánh nhau ở bên sông Vạn-hà cướp lấy Trấn-giang rồi đánh vào Nam-kinh. Ngày mười sáu tháng tám triều-đình nhà Thanh mới sai quan khâm-sai là Kỳ Anh ra thay Kỳ Thiện, rồi giảng-hòa với nước Anh, nước Anh sai Bội-đình-trị-nhĩ sang hội ở Nam-kinh để lập điều-ước, nước Tàu phải cắt đất Hương - cảng cho nước Anh và phải đền binh-phí hai nghìn một trăm vạn đồng. Lại phải mở ra năm cửa cảng để cho nước Anh và các nước vào thông-thương buôn bán và đặt quan lĩnh - sự để giám - hộ. lại định các thuế - lệ phân - minh, không hỏi gì đến việc nha-phiến nữa. Điều-ước ấy định xong thì người nước Anh được lợi nhiều lắm. Trận ấy khai-hấn ra bởi một việc nhỏ mà sinh-sự đến đem binh để hiếp nạt người, không phải là cái đạo giao-lân thành-thực. Nhưng từ đây nước Tàu mới bỏ được cái tệ bế-quan tỏa-cảng. Năm 1844 nước Pháp có sai Lạp-cách-lặc-kha sang Tàu để định điều-ước cũng như người Anh, cho được truyền-giáo Gia-tô ở trong nước Tàu.

Người nhà Thanh từ khi giảng hòa với nước Anh, tuy vẫn là hòa-thuận, nhưng kỳ-thực vẫn ghét nhau. Năm 1856 về hồi tháng mười, quan Tổng-đốc Quảng-dông đem quân đi bắt giặc vào cả tàu Anh giết đồ cả cờ hiệu nước Anh, bắt trời mười hai tên thủy-thù. Quan Tổng-đốc Hương-cảng người nước Anh là Pháp-lâm-cách có đưa thư sang trách quan Tàu bắt phải bồi-thường, nhưng quan Tổng-đốc Quảng-dông không xét đến. Khi ấy người Pháp

cũng thường bị người Thanh làm rầy rà, lấy làm tức, mới cùng với người Anh hợp binh vào vây hãm tỉnh Quảng-dông, bắt quan Tổng-đốc đem sang Ấn-độ, người Thanh mới xin hòa. Khi ấy có tướng Anh là Việt-nhi-đình và tướng Pháp là Cách-la đem tàu chiến vào Bắc-hà, muốn kéo lên Bắc-kinh, nhưng lại sợ người Tàu sích biển, mới đưa thư đòi lại những đồn lũy ở hai bên bờ sông, người nhà Thanh không nghe mới nổ súng đánh nhau. Người Anh với người Pháp mới đánh lại mà cướp lấy pháo-đài. Tháng sáu năm 1858, hai tướng nước Anh nước Pháp mới kéo quân đến đánh lấy thành Thiên-tân, người nhà Thanh sợ hãi, sai sứ xin hòa, mới lập điều-ước cho người các nước được giao-thông trong đất nước Tàu, các giáo-sĩ được đi truyền-giáo khắp mọi nơi, được đặt chức công-sứ đóng ở Bắc-kinh. Tháng ba năm 1859 nước Anh lại sai em người Việt-nhi-đình là Bá-lê-du-sĩ sang làm công-sứ, giảng-hòa thông-hiểu, dời đồn Hương-cảng sang đóng ở Thượng-hải rồi lại vào Bắc-kinh yết-kiến vua nhà Thanh xin đưa hai quan công-sứ lên đóng ở Bắc-kinh. Tháng năm Anh công-sứ và Pháp công-sứ đi đến Thượng-hải, người Thanh báo rằng hãy phải đợi ở Thượng-hải khi nào được vua Tàu phê-chuẩn cho mới được vào kinh, chứ không được đi ngược lên Bắc-hà. Hai quan công-sứ không nghe, quan Thủy-sứ đô-đốc nước Anh là Ba-bá đem một chiếc tàu binh và mười hai chiếc pháo-thuyền cùng với quan Thủy-sứ đô-đốc nước Pháp là Đức-lê-hiệu đem hai chiếc tàu binh đi sẵn lên Bắc-hà. Người nhà Thanh đem dựng rào sắt để chặn đường tàu đi và lập pháo-đài để phòng-bị. Ba-bá mới đem pháo-thuyền cứ tiến vào chân pháo-đài mà không ai dám chống-cự cả, tàu Anh đã xâm vào đến rào sắt lần thứ nhất, lại sẵn lên rào sắt lần thứ hai thì hai mươi

cái đồn quân Tàu ở hai bên bờ sông đều nổ súng ra chống-cự, đạn bay xuống như mưa, tàu của Ba-bá bị đạn tan vỡ, quân lính chết và bị-thương đến bốn trăm tám mươi người, Ba-bá cũng bị thương nhẹ, nhưng khí-phách vẫn hăng, đánh nhau mãi đến chiều tối không thể tiến lên được, phải lui lại. Hai quan công-sứ mới trở về Thượng-hải, rồi báo tin về nước Anh, vua nước Anh cả giận, sai quan đại-tướng là Cách-lau-đức đem hai vạn năm nghìn quân kéo sang, nước Pháp cũng sai Môn-dâu-ban đem một vạn quân sang Tàu, nước Anh lại sai Việt-nhi-đình sang làm khâm-sai sứ thần cùng với quan sứ-thần nước Pháp là Cách-la đều đi sang Tàu. Tháng tám năm 1860, binh-thuyền hai nước Anh Pháp kéo đến Bắc-hà. Quan công-sứ Anh Pháp mới đưa thư trách việc ngày trước làm càn, phải sai chức quan to ra đón tàu Anh và bảo-hộ đưa vào Bắc-kinh. Người nhà Thanh dám tự-đắc rằng các nước ngoài là di-dịch dám vào chống nhau với Trung-quốc phạm đến uy-nghiêm là vô-lý, từ nay phải giữ lễ cung-kinh mới được. Hai quan công-sứ thấy trả lời như vậy đều cả giận quyết nghị tiến-quân rồi kéo đến Đại-cô đánh vỡ tan và vạn quân Mãn-Thanh bắt được bốn mươi nhăm khẩu đại-pháo, rồi tiến lên phá các đồn binh, cướp được hết cả các binh trại dôi bên bờ sông, bắt được bốn trăm khẩu đại-pháo, quân nhà Thanh chết hại không biết chừng nào, Ba-bá kéo quân đến Thiên-tân, người nhà Thanh cả sợ, sai quan trọng-thần ra xin hòa. Quan công-sứ nói rằng tiến vào kinh đã rồi mới cho nghị-hòa. Nước Anh mới sai Ba-cách-sĩ và Uy-đức hai người đến Thông-châu xem địa-thể để định nơi đồn-binh ở Trương-gia-loan. Tháng chín quân hai nước Anh Pháp kéo đến Trương-gia-loan, người nhà Thanh lại đắp pháo-đài để phòng-bị, Ba-cách sĩ

mới hỏi thì bị người nhà Thanh bắt giữ, lại kéo đến hai vạn quân Mãn-châu và hơn bảy mươi khẩu đại-pháo ra đánh. Nước Anh nước Pháp cả giận mới đánh lại quân Mãn-châu thì quân nhà Thanh cả thua chết đến nghìn rưởi người. Anh Pháp hai nước mới kéo quân đánh vỡ trại Sung-nha, người Thanh lại xin hòa và từ tạ tội trước. Tướng Anh là Việt-nhi-dinh thuận cho, hẹn trong ba ngày phải giã hết những quân bắt được. Khi ấy Cung-thân-vương ra tạ lỗi, nhưng lại cứ khiên-kỵ mãi không giao trả. Sau hai tướng Pháp Anh lại đem tám nghìn quân đến Bát-ly-kiều đánh nhau với ba vạn quân Mãn-Thanh của Lăng-cách-lâm-tấm phá vỡ tan cả, bắt được một trăm khẩu đại-pháo. Lại tiến vào vườn Viên-minh đánh phá quân Mãn-Thanh, làm tàn-phá cả cung-diện, cướp lấy đồ bảo-hóa; được hai ngày thì Ba-cách-sĩ thấy quân tù-binh của hai nước Anh Pháp bị phải người Mãn-Thanh đả một cách tàn hại, lấy làm tức giận mới đem quân tiến vào kinh-thành dàn súng đại-pháo chĩa vào, hẹn ngày phải ra đầu hàng thì trả lại kinh-thành. Vua Hàm-phong phải đem Phi-tần chạy ra Liêu-dông. Cung-thân-vương lưu lại ở kinh để quyền-nhiếp mọi việc, mới quyết nghị mở cửa thành ra đón quân nước Anh nước Pháp vào. Dân ở Bắc-kinh thấy cờ ngoại-quốc phấp-phới ở trên thành đều sợ chạy cả. Trận ấy người Anh bị bắt mất hai mươi sáu người, chỉ còn sống sót được mười ba người, còn thì đều bị người Mãn-Thanh giết chết ở trong vườn Viên-minh. Tướng Anh là Việt-nhi-dinh giận lắm, mới phóng-hỏa đốt vườn Viên-minh và đòi tiền bồi-thường ba mươi vạn bạc để cấp cho những họ người chết, và theo như hòa-uớc Thiên-tân lại đòi tiền bồi-thường nữa. Triều-dình nhà Thanh đều phải nghe cả. Quan công-sứ nước Anh nước Pháp đóng ở Bắc-kinh lại đòi

tiền binh-phí tám trăm vạn lạng, quân của nước Anh nước Pháp được phép đóng ở Thiên-tân, phải khai Thiên-tân làm nơi thị-trường, lại nhường Cửu-long thuộc về Hương-cảng. Hòa-uớc định xong rồi nước Anh nước Pháp mới lui quân khỏi Bắc-kinh trở về đóng ở Thiên-tân. Đến năm sau thì vua Hàm-phong mất ở Liêu-dông, Thái-tử là Tải-thuần lên nối ngôi, cải niên-hiệu là Đồng-trị.

Người nhà Thanh xưa nay vẫn quen thói cô-tức, quan-lại thì tàn-ác ngược-đãi nhân-dân, vì thế mới khởi lên cái loạn Hồng Tú - Toàn. Nguyên Hồng Tú-Toàn là người Hoa-huyện tỉnh Quảng-dông, mới bắt chức giáo Gia-tô mà tự lập ra một giáo gọi là hội Thiêm - đệ, tụ - họp những kẻ hung-đồ để phiến-dụ kẻ ngu-dân, ý muốn diệt nhà Thanh mà khôi-phục lại nhà Minh, mới cử binh lên để làm loạn. Năm 1850 Tú-Toàn tự-xưng là Thiên-hoàng, niên-hiệu là Thái-bình, những kẻ đầu đảng đều xưng vương cả, liền kéo quân đến quấy-nhiều Quảng-dông, cướp Hà-nam, lại xuống phía sông Dương-tử cướp lấy Hán-khâu, tiến lên xâm đất Giang-tô, đánh phá Nam-kinh, giết hại nhân-dân đến hai vạn người, mới lấy thành Nam-kinh làm nơi kinh-thành. Năm 1860, Tú-Toàn lại đánh đến Tích-giang, vây hãm Ninh-ba, lại sắp đánh đến Thượng-hải xâm nhiều cả đến người ngoại-quốc. Nước Anh nước Pháp mới họp sức lại đón đánh quân của Thái-bình-vương thu-phục được Ninh-ba, lại bảo triều-dình nhà Mãn-Thanh đem binh-thuyền đến cứu viện, đánh được huyện Tiều-son thu-phục được Tô-châu. Năm 1864 quân Mãn-Thanh cùng với quân nước Anh đánh phá Lát-dương đuổi được Dục-vương phải chạy, thu phục được Hàng-châu. Thái-bình-vương lại lấy thêm quân Quảng-dông Quảng-tây đem đi cướp bóc tàn phá thực là tàn-hại. Khi ấy có quan tuần-

phủ Tịch-giang là Tăng Quốc -Thuyên 曾國荃 mới đánh thu-phục được Nam-kinh, Thái-bình-vương mới phóng-hỏa cùng với và tên thị-nữ nhảy vào lửa mà chết. Quân Mãn-Thanh lại bắt được tướng là Trung-vương đem giết đi, còn dư-dãng Thái-bình-vương lại đi cướp phá hai tỉnh An-huy, Giang-tây, quân nhà Mãn-Thanh lại thua, lại phải cầu viện đến binh ngoại-quốc, rồi mới đánh được Hán-giang, Giang-tây, lại phá được Anh-vương là Trần Ngọc-Thành cũng là đồ-dãng của Thái-bình-vương, thế giặc mới suy dần đi. Sau quân giặc lại vào cướp phá Hạ - môn, bị quân Mãn-Thanh đánh đuổi. Năm 1865 thế giặc đã suy lắm, còn em Trung-vương là Đái-vương giữ ở Phúc-kiến, Chương-châu, quân nhà Mãn-Thanh đến đánh phải bỏ thành chạy về phía nam, dư-dãng của giặc từ đấy dẹp yên hết.

Năm 1862 phía tây Thất-dạt có bọn Hồi-giáo khởi lên làm loạn, thế giặc càng ngày càng lan mãi ra. Khi ấy lại có giặc Bắc-dịch, Năm-phỉ cướp đất Bắc-hà, đánh phá phủ Chân-định, Tăng-cách-lâm-tám phải bị chết. Tăng Quốc-Phiên mới ra thống-lĩnh lấy quân ấy để chống nhau với giặc. Kế đầu đảng giặc là lũ Miêu Bái-Lâm từ tỉnh Sơn-đông qua sông Hoàng-hà định xâm vào Bắc-kinh, Quốc-Phiên đem quân đôn đánh tan vỡ, thế giặc mới suy, trong nước mới được vô-sự. Khi ấy người Mãn-Thanh muốn hòa-hiếu với các nước, mượn Ba-lâm-khiên là người Mĩ làm sứ-thần để giao-thiệp với các nước. Nhưng người Mãn-Thanh vẫn còn cái tính kiêu-ngạo coi khinh người ngoài không khác gì ngày xưa. Năm 1870, quan-lại ở Thiên-tân lại cớ-dộng cho dân phá nhà quan lĩnh-sự nước Pháp, giết chết mất và người Pháp, rồi lại xông vào bệnh-viện giết chết mất và mười người thầy tu. Công-sứ Pháp lại bách-triều-đình nhà Thanh phải trị tội những kẻ bị can về việc ấy. Nhà-Thanh

phải bắt chém mười sáu tên bạo-dồ, đem đầy hai tên quan-lại, và bỏ tiền ra bồi-thường.

Đến năm sau, nhà Thanh mới phải những kẻ học-trò tuần-tú sang lưu-học nước Mĩ, vua mới chịu ra tiếp-kiến công-sứ các nước. Sau vua Đồng-trị mất, em là Tải-Điền lên nối ngôi, cải nguyên là Quang-tự.

Đời nhà Thanh từ khoảng giữa trở về sau, chính-trị không được chấn-chỉnh, bán quan bán tước, kỷ-cương trái-loạn, nhân-tâm hoán-tán, triều-định nhà Thanh chỉ nệ cớ không chịu biến-pháp duy-tân, người Nga thì bách-hiếp ở phía bắc, người Anh người Pháp thì hiếp-chế ở dọc bờ đông-nam. Các nước ở Tây-vực Thất-dạt đều muốn mưu để thoát ra ngoài vòng cũi, kẻ thức-giả đều lấy làm lo.

Các triều vua nước Tàu đều theo cái chế-độ lập-trưởng, mà kén chọn đều tự-y vua. Vua thiên-tử thì cầm chính-quyền trong một nước, thi-tuyển học-trò thì chỉ chuyên dùng từ-phủ thi-ca, học-trò chỉ giảng học văn-ngệ. Còn đến như chính-trị kinh-tế và lịch-số toán-pháp đều cứ giữ theo phép cổ cả, nghề nông thì chịu khó cấy bừa chăm-chỉ, số hộ-khẩu nhiều nhất các nước, ước chừng đến ba ức sáu nghìn vạn nhân-dinh. Theo cả ba giáo là : Nho, Đạo, Thích, chỗ nào cũng có lập ra chùa bày tượng thờ Phật. Còn đến như giáo, Hồi-hồi, giáo Gia-tô, lúc thì người Tàu cho truyền-giáo, lúc lại cấm-chỉ bắt-thường. Nam-kinh là một nơi kinh-đô từ đời trước, Bắc-kinh là nơi kinh-đô đời bây giờ. nhân-dân ở Bắc-kinh ước đến hai trăm vạn người, thành Bắc-kinh chung quanh xây bằng gạch, cao ước một trăm thước, quân vệ-binh chạy ngựa đi trên mặt vòng thành được; mở ra chín cửa đều dùng đá đại-lý xây vòng quanh trông rất rộng-rãi to-lớn dị-thường. Còn các phủ-thành khác đều là lấy

nhân-công làm ra cả. Nhân-dân ở trong thành đông lắm, da vàng tóc đen, con người đen mà nhỏ, mặc lối áo rộng và khoác giải lụa vòng quanh lưng. Người nào đi đâu cũng thường giắt dao găm gài đũa đề đến lúc ăn thì dùng. Phong-tục thì phần nhiều đối-dã, lại có tính tàn-nhân, kẻ có tội thì thường bắt đeo gông vào cổ, thực là một cái hình-cụ xấu-xa.

Nói tóm lại từ đời Tam-dại trở lên thì qui-mô phong-thói rất là thịnh-mĩ. Đến đời Hán, Đường, Tống, Minh cũng nhiều vua hiền khởi lên làm được chính-trị tốt. Đến đời nhà Thanh thì đời vua Khang-hi vua Kiền-long thực là tốt hơn cả đời trước. Người tây có bảo rằng: « Người Tàu rất quý trọng văn-nghe, lấy một khoa văn-chương làm con đường xuất-thân, lễ-văn thì phần nhiều hư-sức, như là lúc cư-tang thì lăn khóc, chống gậy đi đất khóc-lóc như trẻ con. Kẻ lại-dân quen thói phụng-thừa, hình-pháp rất là tàn-khốc. bắt tội người thì giết cả họ, bắt được quân địch-binh thì đem giết cả đi. Mỗi khi gặp năm mất mùa thì dân thường bị kém đói. Người Tàu vẫn tự-xưng nước mình là dòng-dõi thánh-nhân, coi người nước ngoài như là rợ mồi. Quân-chủ thì giữ theo cái thói chuyên-chế, đề

nén kẻ hạ-dân, nhân-tâm thế-đạo càng ngày càng suy-dồi, không bằng được đời cổ, đường xá thì bỏ hẳn-thiếu ô-nhế không sửa-sang, lại nhiều người nghiện thuốc phiện thân-thể gây yếu; đàn bà con gái thì không có trường học, lại còn vẫn giữ cái thói bó chân. Con gái nhà quan sang quý-tộc thì ăn mặc xa-xỉ, nhưng phòng-nhân về việc trai gái rất nghiêm. Kẻ quý người hèn lại phân-cách ra làm hai bậc. Những lợi về muối sắt thì về phần quan chiếm giữ cả, lại kiêng không dám khai mỏ, sợ rằng đoạn-thương mất địa-mạch, lại mê-hoặc về thuyết phong-thủy, có kẻ bố mẹ chết đến và năm không chôn. Kẻ học-giả tuy rằng theo học đạo Khổng-tử mà vẫn giữ thói hủ-lậu, không biết bất-chước theo người, thực là kẻ tội-nhân của Khổng-tử vậy. » Than ôi! Người Tây mà nói như thế cũng có sở-kiến, nhưng người Tàu nếu hay cố gắng làm cho nội-lực sung-túc, khởi mang nợ với nước ngoài, khi ấy lại có kẻ hào-kiệt nổi lên mà chấn-chỉnh, thì vận nước hồi-phục cũng chẳng khó gì vậy.

(Hết)

ĐÔNG-CHÂU dịch



TỤC-NGŨ PHŨ

II

51. *Văn rên*. — Nay lành mai dữ; trước lạ sau quen. Phong-lưu có lúc, lao-lực từng phen. Đùng nên mỗi người mỗi giọng; mà chớ cậy tài cậy duyên. Lửa cháy cả hai đầu, được chỗ này hồng chỗ nọ; thò-lò ngã bốn mặt, vừa thua vật lại thua chen. Ở phải chọn nơi, gần mực thì đen gần đèn thì sáng; người nên biết lẽ, ít ăn thì nhọc ít học thì hèn. Khẩn vải rác rơm, tiếc tài cho mồm ông thầy bói; lần hồi đắp đổi, rồi lên như bễ anh thợ rên.

52. *Văn tiếng*. — Liu-lò liu-lường; lúng la lúng-liếng. Đâu cao rửa lông; thấp cõ bé miệng. Đã hồng đầu lại hồng đuôi; đang tầm bới vừa tầm liêng. Khôn kỹ khôn quặc, khôn khôn giắt mẹ lên bờ; đại góm đại ghê, trẻ đại lời nhau xuống giếng. Mười câu nói hay chẳng bằng một câu nói dở, mất của mất lòng; một sự chẳng tin thành ra muôn sự chẳng tin, bán danh bán tiếng. Đất vua chùa làng phong cảnh bụt, cờ công-dục của thập-phương; của đời người thế nước non tiên, gái giang-hồ trai tử chiếng.

53. *Văn dưng*. — Chân ngay sừng-sừng; bụng giăng giăng - giăng. To đuôi thì che kín bẹn; vach áo cho người xem lưng. Phải tội thì lợi xuống sông, trảm tội đồ rội nhà oản; trồng cây có ngày ăn quả, một cây làm chẳng nên rừng. Việc làm việc ăn, làm ruộng thì ra làm nhà thì tổn; chẳng đi chẳng đến, ngày sáu ta trẩy ngày bảy ta dưng. Đàn anh có má kẻ cả có dòng, bố khôn con chẳng đại; máu chảy đến đầu ruồi bầu đến đáy, cậu chết mợ người dưng.

54. *Văn biếng*. — Đi không về rỗi; ăn hơn làm biếng. Kẻ có của người có

công; chữa đi thăm dã di viếng. Phong-lưu kẻ có, ăn cơm hom nắm giường hòm; lịch-sự người sang, nước chè tàu trầu coi thiếc. Mắt toét loe-loe như là lộ mẽ, lưng cao khổ đen; đầu trọc lông-lốc như củ binh-vôi, mặt dui tai điếc. Gặp đâu nói đấy, nào có ra đầu ra đuôi; người không biết gì, làm chẳng nên công nên việc.

55. *Văn bứt*. — Thân sướng hơn tiên; mặt hiền như bụt. Nặng-nề như thể cối dâm; lựt-cụt như là bễ thụt. Việc làm có mẹo, hay ở min dở ở min; còn thì mặc may, giàu con út khó con út. Chẳng ăn cũng hoài chẳng chơi cũng thiệt, vật lạ của ngon; đi làm thì nhọc đi học thì phiền, tờ giấy ngon bứt. Khi dặc-thời râu chơi với tóc, nhẩy hơn loi-choi; trai công-diễn đầu liền với vai, béo như cun-cút.

56. *Văn nghiên*. — Lê thánh đánh rượu, tốt ông không tiền. Chẳng qua lẽ phải; bắt nạt người hèn. Có chẳng từ không chẳng trách; giàu làm phúc khó làm duyên. Bền lở bền bồi, sông có khúc người có lúc; nẩy tiền nẩy của, cây làm bứt ruộng làm nghiên. Có tình rình nhau, gần nhà nhưng mà xa ngõ; ngày đàng gang nước, cách sông nên phải lụy thuyền. Chì giòn thì đi hát, em chẳng giòn thì đi tát đi chao, hay cũng mặc khách; mẹ đẻ đồ thì mát con đẻ đồ thì vừa tát vừa đánh, đẹp có mà tiền.

57. *Văn trên*. — Có danh có mỗ; biết mặt biết tên. Ngồi cầm qui-dầu xuống; no dằng hồng-mao lên. Dạy bảo nhẹ-nhàng, biết tình con chẳng ai bằng

bổ; bụng dạ rộng-rãi, dung kẻ dưới mới là người trên. Gọi là con tông, không giống lòng cũng giống cảnh; nói ra giọng rượu, chẳng hơi riêng cũng hơi men. Đứng cây ngồi đụn thóc móc đồng tiền, mà ra tuồng nói khuếch nói khoe; hãy còn sáng con mắt chặt đầu gối, chữa đến nỗi nhập-nhập-nhèm,

58. *Văn bạc*. — Áo đỏ lòe-lòe; lửa sáng rưng-rực. Rức-lác lè-bè; ăn nói lặc-cặc. Áo mã-la nước da đồng điệu, giở dáng ta đây; mồm xa-cán lỗ dít tán tãi, nói còn bắc-bắc. Rạng cô đẹp như cái tếp, đem kho tương, nó trương phềnh-phềnh; nhẹ bằng bắc nhắc chẳng đi, nặng bằng chì, quặng xa lặc-lặc. Thợ may thì ăn bột giế, thợ vẽ thì ăn bột hồ, thầy đồ thì ăn bột chữ, làm gì chẳng có ăn; thầy lý chắc nấp ở giường, thầy hương chắc nấp ở cửa, ông sư chắc nấp ngô ngoài, biết thế nào là chắc.

59. *Văn quan*. — Mùa màng rớt - rít; tiền thóc chứa - chan. Có con nó đỡ mọi việc; không chổng mà để mới ngoan. Đánh cửa trước vào cửa sau, trông ngay thấy có mắt thánh; đang thế này xoay ngay thế khác, muốn nói gian thì làm quan. Ba bà đi chợ là vợ đàn ông, nhiều tiền mua nhiều, ít tiền mua ít; đôi cô chưa chổng, đem lồng đi hát, trống mau mùa mau trống khoan mùa khoan. Lấy vợ kiêng tuổi đàn bà, làm nhà kiêng tuổi đàn ông, chả nói gì nữa; vào học chọn ngày trực khai, đánh chài chọn ngày trực bể, còn ai phải bàn.

60. — *Văn viên*. — Xem đất xem cát; chỉ địa chỉ thiên. Đánh trống qua cửa sấm; như mõ réo quan viên. Người sống vì mờ vì mả, chẳng sống vì cả bát cơm, thế nên phải tận nhân-lực; đất này có long có hồ, có ổ lúa chiêm đang trước, nói ra phết ông địa-tiên.

Ví dụ đất biết nói năng thì rằng thầy rưng; còn khoe của chung non nước bán được đất tiền. Thói chớ rước voi dầy mồm, thấy đổ ngõ chín; cũng đừng trông cò ra qua, đôi trắng thay đen.

61. *Văn dưới*. — Gió liệu chiều che; nước theo mưa tưới. Vượn hót chim kêu; trâu cày ngựa cưỡi. Nhớn-nhỏ nhớn-nhỏ, ngấm-ngập như trò gặp nhau; gât-grống gât-gã, dờ-dần như là dọn cưỡi. Có tiền mua tiên cũng được, đồng tiền làm phẩn con người; nói dốt đến bụt phải cưỡi, lời nói như trời dầu lười. Tiền tài thân ngoại-vật, có thì rằng có không thì rằng không; hương đăng tiểu-triều-đình, trên phải ra trên dưới phải ra dưới.

62 *Văn miền*. — Tinh nóng hơn lửa; bụng thẳng như tên. Ông đi qua bà đi lại; kẻ thì cười người thì rên. Đứng nên thì phú khinh bần, chị sang khăn lượt áo là, em khó cũng áo hoa quần lĩnh; nhớ chữ lạc thiên tri mệnh, nhà có cơm tám thịt đông, nhà nghèo thì cơm sung cháo giền. Cũng là đời người, kẻ sang trắng-kỷ bát-tiền, kẻ hèn ổ rom nằm bếp; sao cho phải lẽ, mùa hè áo the áo cát, mùa đông áo bông áo mền.

63 *Văn lồng*. — Hay khen hèn chê; vụng chèo khéo chống. Nấn như nấn đồ dầy; nin như nin cơm sống. Dĩ thủ vi lễ, di lạy quan về van dân; vô vật bất linh, tiền kẻ khó gió nhà trống. Cha cũng kính mẹ cũng vãi, thờ như thờ vong; dầu chẳng biết cuối chả hay, hát gì hát hồng. Chín người coi như một chực, vác mặt đi việc làng; một tiếng trống cất ngàn quân, đuổi cướp nhờ hàng tổng.

64 *Văn lý*. — Cơm đánh phính bầu; rượu say túy lý. Mỏ nhọn chuột chùi; mặt nhăn như khỉ. Bụt Nam-xang chẳng từ oán chiêm; sang nước Lào phải ăn mắt ngóe. Suy đồng tình lang,

nhà giàu bán chó nhà khó bán con ;
mâm cao cổ đầy, làng lớn thầy hương
làng nhỏ thầy lý. Có tấm có mắt, chẳng
thiên ai gọi là thần ; nhẹ mặt nhẹ mồm,
coi góm lên như thể quỷ. Mua trâu bán
rã, kẻ còn lờ lãi ra chi ; do bò làm
chuồng, thoi chẳng nhóc nhách một tí.

65 *Văn cùng*. — Khảm như cóc chết ;
ăn trứng gà ung. Kẻ vô-tâm chẳng
nhảm ai cả ; người lòng bụng chớ chơi
bạn cùng. Gái thương chồng hay giọng
di chợ ; trai ơn vua lúc đưa thuyền rồng.
Chẳng bảo chẳng hay, con dốt bởi cha
nhà giết bởi nóc ; đẹp duyên đẹp phận,
trai giàu vì vợ gái sang vì chồng. Muốn
béo thì gheo ong, muốn cong đuôi thì
gheo hùm, ấy mới lục lãng bát giac ;
chẳng móc cũng thể trăn, chẳng ăn càn
cũng thể chó, chạy rồi ngũ hành tứ
tung. Ai chẳng biết linh, thâm đông thì
mưa, thâm dư thì khú, thâm vú thì trửa ;
việc gì xấu hổ, lấy rõ mà che, lấy nong
mà dè, lấy đấu mà đong

66 *Văn thầy*. — Cửa nhà rộng rãi ;
công nợ bầy-nhầy. Ăn thóc tìm giống ;
chọn đất trồng cây. Con mắt cha như
nhà mắt cột ; gái không chồng như
rồng không vảy. Xênh nạ thì qua nó
tha, xênh nhà thì ra ngay đồ thất-
nghiệp ; muốn sang thì bắc cầu kiều,
muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.
Mùa đông giá rét cảm-cảm, mưa sa
nhà hường bắc ; bằng trời trước ra lỗ-
lộ, mống đông cầu vồng tấy, Người
không biết đầu biết đuôi, dưới chẳng
trông lên trên chẳng trông xuống ; đất
chẳng phải chiều phải độ, di thì cũng
dở, ở thì cũng rầy. Nói ngàn tâm làm
chẳng được gang, dạ khôn mình yếu ;
của có vạn ăn đưng cũng hết, mặt nạc
dóm đầy.

67 *Văn nho*. — Trẻ rằm ba đũa ;
sách một vài pho. Mũi đen xi dầu tán
lọng ; ăn xó bép ngồi đồng gio. Thầy đồ
thò-lò bụng ra, đánh ba bát vát ; học

trò thò-lò lỗ mũi, ăn vụng cá khô. Chón
mép cong môi, chả chề mắt lè con gái ;
dài lưng tổn vải, hoài thân mà lấy học
trò. Học trò học choẹt, kêu rông kêu
rài, nhều-nháo thẳng bố lão ; dạy học
dạy hành, thầy đồ thầy đạc, nghề
nghiệp con nhà nho.

68 *Văn sĩ* — Giời tận ruột non ; kiết
đến lỗ lỗ. Con mắt trắng phau-phau ;
lỗ miệng cười hi-hỉ. Rắn đến chẳng
đánh thì quái, gái đến nhà chẳng
chơi thì thiệt, gặp dây ta cứ mần ;
bò cây còn hơn đi cước, vợ gãy-
guộc còn hơn nằm không, can chi
phải chịu lụy. Bắt dần năm mới,
mèo đến nhà thì khó ; chó đến nhà
chắc có diêm giàu ; bĩ mặt thẳng
sẻn, hùm tha lợn chẳng sao, mèo tha
thịt theo cùng củ-tỉ. Liệu ăn liệu ở,
bần vô siếm phú vô kiêu ; nói quàng
nói xiên, thiên bất đảo địa bất chí.
Rầy hay chẳng tầy mai dở, thất diên
bát đảo, sờ nời không gạo, thất đảo
bát diên ; bụng đói đầu gối phải bò,
nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy giông,
nhất nông nhì sĩ.

69 *Văn với*. — Đi đó đi đây ; biết
lui biết tới. Miệng nói toang-toang,
áo bay phới-phới. Học thầy chẳng tầy
học bạn, chơi cùng các bác may chác
được nhiều ; lệnh vua phải thua lệnh
làng, chi cũng cứ ta thì ma chơi với.
Anh em mỗi người mỗi phận, đừng ở
mặt lòng nhau ; vợ chồng là nợ là
duyên, chẳng tốt cũng thể mới. Chót
gả cho nó, con đã mọ ; rãng thoi chẳng
còn có nói năng ; đến bữa dọn cơm,
người đi chẳng bực bằng kẻ ở nhà
chực đợi.

70 *Văn chi*. — Tính nết rù-rò ; nói
năng kỹ-rỉ. Khăn mảnh bát, dép quai
mơ ; áo nước đưa quần cũ đi. Có sao thì
em mặc vậy, tiền liềm quần chị không
bằng tiền chỉ quần em ; vì ai chị có
xống thâm, khốn khó nhà em chẳng

thêm ăn rình nhà chị. Chừa đánh người mặt đỏ vang, đã đánh người mặt vàng nghê, kià quân hung-đồ; khi còn cha đánh đỏ son, lúc mất cha đánh thâm-si, giở trò đánh dĩ. Mỏ lỗ dit ba ngày không thối, lại còn khoe khéo khoe khôn; đánh dĩ để một phương lấy chông, thôi đừng giả lệnh giả thi.

71 *Vần nữ*. — Lên mặt cụ hương, dương mặt cụ hào; nay giở ông ngè, mai khoe ông cử. Phúc-đức nơi nao cầu ao chẳng bắc, vụ danh làm quái gì; tiền bạc cứ lấy tờ giấy mang về, việc quan thiếu gì chữ. Nhất lẫn nhị hòa tam lỗ vốn, người bán ta buôn; tam sơn tứ hải nhất phần điền, trời che đất chở. Người ta buộc rõ đàn sàng, anh kia mất vợ lang thang đi tìm; ai về đập đá nung vôi, chông tôi thế nào quan viên hàng xứ. Kể có thai cứu nguyệt vi kỳ, tam thi vi định, đủ tháng đủ thi; người sinh con tam nam bất phú, ngũ nữ bất bần, có nam có nữ.

72. *Vần sinh*. — Ghé đầu chịu báng; ngán mặt làm thình. Xấu mặt như 8 mình béo, tốt danh hơn áo lạnh. Lấy chông phải gánh giang-sơn, khéo thỉ vá may, vụng-về thì tay chày cối; có khách tùy lòng thết đãi, giàu thì thịt thà, kho nghèo thì ta cơm canh. Một năm mười hai tháng lẫn hồi, ngày kia ngày nọ; ba vạn sáu ngàn ngày là mấy, có hóa có sinh. Thơm thảo bà lão ăn thừa, thảo khi no khôn vô sự; được mùa thầy chùa no bụng, hay tiếng kẻ tốt câu kinh.

73. *Vần kinh*. — Hồng-ha hồng-hênh; nhông nha nhông-nhảnh. Từ rầy chẳng dám vãng lai; cả chỗ tôi xin cung kính. Ở nhà thì hay đánh con; đi chợ thì hay ăn bánh. Đen thúi-thúi-thui, mặt giỗ nách hôi, rốn lồi vú thông, coi xấu như thể ma; cu-la-cà-lấu, khoai nấu bánh đa trông qua mọi hàng, bảo được có mà thánh. Coi như mặt giặc, người xấu xấu cả hình-dung;

đồ nói nhà quan, chim khôn khôn cả người gánh. Đĩa bát có khi cùng xát, hưởng chi như người; chuồng khánh còn chứa ăn ai, nữa là mảnh chính.

74. *Vần trình*. — Quyền hồ sang sế; đàn tính-tính-tính. Tiếng hồ chú kếp; câu hát lý kinh. Chơi sường vô kỳ kể; gặp nhau bất-thình-linh. Càng quen càng lên cho đau, được thì cứ biện; chẳng ăn cũng lẫn lấy vốn, can chi phải trình. Lúc sống mua danh, ơn vua giấy vàng; ơn làng giấy trắng; khi chết thầy niệm, hồn di đường bạc hồn chó lạc đường xanh. Chú chuột mua mả chợ xa, giở cha chú mèo, mèo lành mèo chẳng ở mả; chim phượng bay lượn trên cao, đậu vào khóm trúc, trúc xanh trúc mọc sân đình.

75 *Vần các*. — Gà gáy o-o; vạc kêu các-các. Ra bề vào khơi; lên ghềnh xuống thác. Người sống đồng vàng; nữ hành giành bạc. Thẳng dẳng-dẳng như chỉ bạc, ở ra tuồng đàn anh; người lắt-nhắt như nện tay, bé nhưng cou nhà bác. Riêu không hành canh không mả, lấy gì làm ngon; bằm chẳng lỗ bỏ chẳng vào, mặt coi ráo sác. Cái nét đánh chết cái đẹp, làm tùy chủ đi ngủ tùy chông; sự dở làm lỡ sự hay, bói ra ma quét nhà ra rác.

76. *Vần đặng* — Ăn nói lấp-lãng; tưng-ta tưng-tặng. Chơi giờ thời phương keo; nợ thì chực bỏ chông. Coi như quạ vào chuồng lợn, ai chả biết tình; muốn ăn hết thì đào giun, lộ là phải rặng. Không hoài thóc ta cho gà người bới, nói một vài lời; sẵn cơm nuôi nó để chó ăn hơn, người năm bảy đặng. Anh banh bẹn chó, rồi trèo chuồng lợn trợn mắt lên; mèo trèo cây cau hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng. Ăn lừa tháng năm trông giăng rằm tháng tám, đục tốt nõ tỏ tốt dằm; đi tết mồng một đốt vàng đề tết mồng ba, sáng ăn vữa trưa ăn dặng.

77 *Văn cả*. — Tinh người chót-nhả, ăn nói cầu-thả. Dầu rụng răng cũng thể hùm; đừng giả chớp mà bắt quạ. Ăn gốc táo rào gốc sung, vun trồng gốc chuối, còn có ra chi; thân cây da ma cây gạo cú cáo cây đề, giống như nhau cả. Ông mất chân giò bà thò nai rượu, nào ai đã chịu kém ai; chị đánh cá ao em trao cá mè, muốn ngả chiều nào thì ngả. Trâu trăm con trăm bó cỏ, con đừng ăn năm con năm ăn ba, con ở đàng xa một bó ba con; mua bốn thức bốn mươi đồng, cam ba đồng một quit một đồng ba chanh-yên ti-bà năm đồng một quả,

78 *Văn mọi*. — Có sên mới giàu; không làm thì đói. Sóc-dĩa đánh tiền diêm; tổ-tôm chia thể mọi. Thực bất-quá thích khẩu, gói thêm nem thừa; ngôn vô dục trâng phi, miếng ăn lời nói. Cái kiến là cái kiến càng, tao bắt lấy nó, buộc ngang lưng khổ, tao đem tao bỏ đầu gió, nó lại bỏ sang; con cò là con cò quăm, mày hay đánh vợ đêm năm với ai, có đánh thì đánh sáng mai, đừng đánh chập tối. Mới tập làm bà, một ngày ba khoán, nay bắt lỗi làng, mai bắt lỗi phe, ngày kia bắt lỗi gì; một đũa làm xằng, hai thẳng đòn oan, sừng anh hàng cau đầu anh thợ hoạn, khốn-nạn anh thầy bói.

79 *Văn tán*. — Sơ kẻ giỏi; chán người tân. Con kia vô-tích; thẳng nợ bất-nhân. Biết chữ mà không biết nghĩa; cây thể chả bằng cây thần. Được tay khua, thua đồ quàng, thói đời mat-kiếp; giàu ăn của, khó làm phúc, thuốc chữa phương-dân. Cần-mẫn siêng-năng, khó ta giữ đầu, giàu thì giữ của; sửa sang trang-diêm, người đẹp về lụa, lúa tốt về phân. Thết khách đường xa, nhin miệng ầu là của gửi; ngàng sân nước chảy, thổi về lấy lão qua lần.

80. *Văn bằng*. — Lạy trời lạy bụt; hay tiêu hay tăng. Sáng trăng về vậy;

mượn gió bẻ măng. Cũng người ấy thôi, đời nên ma nò nên bụt; chẳng ông chi cả, trên không rề dưới không chẳng. Lhôi đừng dờ-dang, chưa ba tuổi quèn đã khoe thân trọn; yêu nhau đắp diêm, dấu trăm chỗ lệch lại kê nên bằng. Rồng vàng tắm nước ao tù, người khôn ở với người ngu mình nặng; chim xanh đậu ngành đu-đu, liệu có đi mình lấy chủ tôi chăng?

81. *Văn mở*. — Cả vú lấp miệng em; mứa riu qua mắt thợ. Lò-dò như cò phải trời mưa; thui-thủi như hủi ăn thịt mỡ. Ở ống thì dài, ở bầu thì tròn; gửi lời thì nói, gửi gói thì mở. Ăn lấy sống năm lấy sáng, người ra người đời; còn chẳng biết hết chẳng hay, của ranh của nợ. Gặp cơn gió cả, đã chẳng xe cát công toi; lạc nẻo non xanh, chim chích vào rừng bỡ-ngỡ. Đi đâu mà thiệt, xây đó chú vào lờ anh; tốt nghĩ là hơn, dẫu của chồng như của vợ.

82 *Văn trí*. — Vác mỏ ăn roi; thấp cơ thua trí. Quan xứ Nghệ lính lệ Thanh-hương; trai Bát - tràng thành - hoàng Kiêu-ky. Sống mỗi người một nhà, già mỗi người một mả, còn ai can-phạm đến ai; giàu không đến ba họ, khó không đến ba đời, thế nhĩ sao mà thế nhĩ? Ma cũ bắt nạt ma mới, quen thói hư thân; thần tinh làm mất thần hồn, rối gan nát trí. Chớ có thấy ăn lẫn đến, điều tham thực nhi vong; nào ai hờn mát bát đầy, thực bất trí kỳ vị.

83 *Văn rộng*. — Con cò ăn đêm; cái bống mặc xống. Ngồi dô lợp nghề; đá xanh lát cổng. Gạo tám thổi nồi đồng đếu, hoài cơm xoan đem chan nước cà; rượu ngon bắt luận be sành, rách khéo và hơn lành may vụng. Vật đổi sao dời mấy độ, đất lở người mòn; công cha nghĩa mẹ xiết bao, trời cao bể rộng. Chuột ăn không từ cửa lỗ,

đào lỗ đồ di ; bò chết cũng chẳng khỏi rơm, phi rơm thì hồng.

84. *Văn ghi* — Nói năng lãn-thần ; tính uest nhu-mi. Không phải phường bạc-ác, coi ra đáng từ-bi. Chim-chích mà đậu cành chanh, tao lấy hòn sành tao vanh mây chết; tò - vô mây nuôi con nhện, đến mai nó lớn nó quuyến nhau đi. Đã trót dành theo, ba thu nữ dễ thảng ngày chờ đợi; đẹp duyên thì lấy, một lời đã quyết đá vàng tạc ghi. Một người làm dĩ, xấu cả mĩ-danh đàn bà, nết-na con gái; lấy của thế-gian, đem dãi người ngoan thiên-hạ bụng dạ nam-nhi.

85 *Văn nên*. — Người không ra dáng, nói chẳng ai tin. Mất hai nói một ; buồn vạn bán nghìn. Rành ra phường xô lá; giờ nhữ g thời ăn xin. Cơm vào dạ như vạ vào thân, có thực mới vực được đạo; nói thể này ra ngay thể khác, không phải là cái không nên. Đồng đánh đồng danh, nấu canh rau cần, ba bề bốn bên sôi lên cho chóng ; cao ngồng cao ngồng, phươn vong nhà khó, năm cha ba mẹ còn cái gì bền.

86 *Văn vi*. — Làm không phải phép ; được chẳng ra chi. Đã gọi là người lớn, còn chấp với tiểu-nhi. Sinh con ai nữ sinh lòng, khôn được nhờ đại phải chịu; chết người rồi mới chết tật, trên không vi thì dưới không vi. Trốn việc quan đi ở chùa, lưng ngay tay thuận ; chưa làm xã đã ăn bát, mặt thốt da chì. Miệng đọc nam-mô bụng bỏ dao găm, nói thiện mà làm chẳng thiện; của người bỏ-tát của nhà lạt buộc, hay làm mà chẳng hay suy. Uốn-éo rầy-rà, có riêu đòi canh, có hành quay ra gọi tôi ; trẻ-thơ ngây-dại, xẩy cha còn chú, xẩy mẹ thì ấp vú di.

87. *Văn sửa*. — Đi cấy đi cấy ; làm nhà làm cửa. Ăn xôi ở thì, bụng mang dạ trửa. Cha sinh chẳng tầy mẹ dưỡng,

bế con chồng hơn bằng người dưng ; tiền ít lại muốn thật nhiều, kiêng của đi lấy gì làm bữa. Đi thì hỏi giá, về nhà thì hỏi trẻ, chẳng sót lẽ nào ; gặt thuê thợ lạ, gánh ra thợ làng, còn hờ gì nữa. Nhà giàu cỡ chạy khó hay nước lũ, mặc ai chề bần ; lúa chiêm cập-cọi, mùa thì dọị nhau, kỳ này sắp-sửa.

88. *Văn chữa* — Nay ta mai ta ; ăn nửa bỏ nửa. Mất sắc như dao cau; mồm ướt như cầu rữa, Giở những thói ăn quanh; lại ra điều xử bữa. Nhanh chân nhẹ bước, ăn cỗ đi trước lợi nước; đi sau; thuận thuở theo thì làm ruộng có năm chăm tằm có lứa. Bà là bà vì tiền thóc bà cóc gì ai; thầy khỏe thầy chữa người ta, thầy ốm ma chữa. Đêm nằm năm ở, vợ chồng áo quần anh em chân tay; mền nắn rần buồng thịt nạc dao phay, xương-xấu riu búa.

89. *Văn mà*. — Năm dương bốn vô ; ngồi nói bu hoa. Thờ ai bằng thờ thánh ; xua quá như xua tà. Chị chả muốn em bạc dùi, ra lẽ kẻ hơn người kém ; cha có con khôn thỏa bụng, yên lòng làm nầy ăn ra. Mướp già mướp có xơ, gái tơ ông lão ; gấu có gấu lại mọc, nòi giống đất nhà. Nhà ta của làm để gác, của cơ bạc để sân, của phù-vân để ngoài ngõ ; con cáo mây ngáo cây đa, mây làm nhà cây gạo, mây mặc áo ở cây cà.

90. *Văn chó*. — Bụng nghĩ âm-thâm; miệng cười tho-thờ, xây nhà gà mọc đuôi tôm ; trái gió chó già hỏi mỡ. Đừng nên đồ cho phận, có chi làm quan, có gan làm giàu ; vô tích chỉ biết ăn, hàng bắc thì qua, hàng quà thì nhớ. Hồ đồ gì nữa, việc ấy hai năm rở mười; tiền ai là bao, nào có trăm nghìn vạn mớ. Trời đất đang cơn gió bụi, khéo gây ra nên nổi vì ai ; tối tăm chạm phải bức bàn, đau chịu vậy mà than thì chó.

Văn chử. — Hình dáng góm ghê; công nợ bề nề. Già lừa dễ con ngựa, máu bò như tiết bê. Ăn thì thủng nội trời niêu, chân tay cục-kịch; người lại thâm môi lồi mắt, mặt mũi ngô-nghe; No xoi thì thoi com, chả ngon cũng thể sốt; ít thầy càng đầy túi muốn tốt đưa nhau về. Gái nuôi chồng ốm béo tròn dần sung, có bụng ăn có bụng chịu; trai phải hơi gái bê vó trời bão, mặc ai khen mặc ai chê.

92 *Văn cười.* — Đất lành chim đậu; cây tốt hoa tươi. Cháy nhà ra mặt chuột; cái chỉ buộc chân voi. Nấp nấp nom nom, hữu-tình thì rình trong bụi, nhân nhân nhỏ nhỏ, vô-duyên chữa nói đã cười. Bán phải giá thì mua, rẻ tiền mặt đất tiền chịu, người trông nhau mà ở, ăn miếng chả trả miếng bụi. Việc nhỏ tí ti, lạng bằng ao động bằng bề; miệng nói xon-xót, lạnh làm gáo vỡ làm môi.

93 *Văn hậu.* — Đủ vận no ăn; hơn thưng rẻ dẫn. Ăn sung ngồi gốc sung; củi dàu lại nấu đậu. Kẻ có nhân mười phần, chẳng khốn, thờ thầy lại được làm thầy; nhớ ơn chàng nghìn vàng bát cơm, ở hậu rồi mai gặp hậu. Phiền chữ này ra chữ nợ, nôm-na là cha mách qué, mách qué là mẹ mách xiên; hết mùa nợ đến mùa kia, lúa ngô là cỏ đỗ nành, đỗ nành là anh dưa hấu. Năm quan chữa sống không hết, mười quan chữa chết không đủ, cửa đời thác cũng ra ma; một đời leo đi làm lại, vạn-dại chắc đi ăn mày, ra ngõ rồi phải rắc trấu.

94 *Văn thứ.* — Trai cao lưỡng quyền; gái mất một mí. Miệng huếch đến tai; mặt nhăn như bị. Không biết lẽ thiệt đường hơn; chả có kẻ nể người vị. Phải ai chai người nấy, chờ được và thì má đã sưng; ấu đê giữ-lễ làm sao, gõ việc rồi như lần bối chỉ. Chơi đây ruộng-rẫy cho xéo, trai ở bạc-tình; được ta xót-xa lòng người, bụng không

khoan-thứ. Mày thể mày ra giống lợn, chỉ ăn rồi nằm; bõm răng bõm chẳng lấy trấu, xin đổi manh vĩ.

95 *Văn cho.* — Rầy mày đã no; người ngu như bò. Chả ăn thì thiệt; không làm ai cho. Một kẻ hay lo bằng kho hay làm, miệng nói chân bước; nửa miếng việc làng bằng sàng xó bếp, mặt lớn tai to. Ba phu bình căng chân nhà đủ rồi, nó lại hoàn nó; một người làm quan, cả họ đại loạt, phò được thì phò. Nói chả đề phần ai, được ăn rồi lại được nói; làm chi lắm cho nhọc, hay làm mà chẳng hay lo.

96 *Văn tời.* — Năm nay kha-khá; ngày lên lồi lồi. Vốn liếng kẻ có mấy vạn; vợ chồng như đũa có đôi. Trống rách giữ tang, khi bịt 33 dương hai mặt; chuông kêu thử tiếng, chẳng kêu cũng dấm ba hồi. Con cóc mày lặn ao chà, bay lên vô cánh làm nhà chị; cái cù ăn trầu môi thắm, răng ai về muốn lấy chú tời. Khôn đom đóm đã lõe được ai, trẻ nó ví những chùm chọc, mẹ thầy chẳng phải, phải cơn gió; đại thẳng bõm mấy người biết đến, mảnh quạt mo mà chim gõ, trâu, bò, chẳng đòi, đòi nắm xoi.

97 *Văn cảm.* — Kẻ cắp già mồm; người lùn xem đám. Ăn phải nhẹ-nhàng; nói đừng cau-phạm. Ăn hoang mỗi ngày mỗi tồn, nay nời hai mai nời mười; của bán có người có ta. khoai tháng ba gà tháng tám. Nướng nhau cho vững, xà nướng cột, cột nướng xà; đến việc sẽ hay, chạm đến đục đục đến chạm. Gái khôn tìm chồng trai khôn kén vợ, gần chẳng lấy lấy xa; chó đại có mùa người đại quanh năm, cơm không ăn ăn cảm. Phụng thỉnh như lai, niêu hai cháo nếp, thần-nhơn là chiếu thập-phương; nam mô bồ-tát, đánh bát cơm đầy, đệ-tử tôi nay vạn cảm.

98. *Văn ăn*. — Lá xanh ngấn ngắt ; cây tốt rời rời. Miệng cười khách khách ; mắng người xơn xơn. Việc còn chia vàng giữa sông, hay chữa ra hay dở chữa ra dở ; đời nay nên bạc toạc tờ giấy, làm oán nên oán làm ơn nên ơn. Đầu xuôi đuôi lọt, đầu rụt đuôi co, chẳng qua nhẽ ra sao vào vậy ; tay làm hàm nhai, tay oai hàm nhịn, can chi mà tính thiệt suy hơn. Ở đây tai vách mạch rừng, có mồm thì cặp có nắp thì dầy ; con nhà ăn tro bọ trấu, mông moi hay hót dầy moi hay hờn.

99. *Văn vạ*. — Có làm có ăn ; đi buôn đi bán. Được ích khức - khích cười thầm ; phải chai gập ai than vãn. Thuyền cứ mạn bán cứ khách, ai trách được ai ; tiền là áo gạo là cơm, chán gì mà chán. Lời kẻ sang như vàng như ngọc, nói ra có thép có gang ; của nhà giàu bằng nước bằng non, nào

kể mấy thiên mấy vạ. Có công chồng không nở phụ, gì hơn ba mặt một lời ; bán đắt ai ngắt thì mua, chẳng chịn một ly thua bạn.

100. *Văn bội*. — Hay nói hay lời ; chẳng nói cũng tội. Nghe miệng thế xao-xao ; bụng nóng lên hơi-hổi Ghi lời phong-tục nhà ; làm câu ca khi rồi. Ăn cơm mới nói chuyện cũ, quản chi sâu rầy nồi canh ; hay thì khuyên bèn ta răn, dưng như cá không ăn mùi. Vẫn biết rậm lời thì ai nghe xiết, nhiều quá hóa nhàm ; thế mà câu nói của người đời xưa hãy còn sót ỏi Dẫu rằng kẻ-lẻ lời thôi, như trời thoi ruột, bắt hạ thiên ngôn ; nhưng sánh với kẻ lo co, lo bò trắng răng, sai thảng kỹ-bội. Xin các khán-quan làm ơn xét tới.

PHẠM NHƯ MÔN

THIÊN-NAM BẢO-LỤC ĐIỂN-CA (1)

IV

言乎匠工。馳名巧便。
紫陽繡縫。專美螺甸。

Bàn đến sự chuyên-môn nghệ-nghiệp,
Nói những nơi có nếp tài-hoa ;

Tử-dương nhiều gấm nhiều là,
Sà-cừ Chuyên-mĩ khảm-gia nã-nùng.

鉢場陶土。同琛鑲銀。
蕊溪刃匠。仁賢梓人。

Sát-tràng đắp lò nung đĩa bát,
Đồng-thâm khai bễ bít bạc vàng ;

Nhị-khê đồ tiện tinh-công,

Nhân-hiền đục phượng chạm rôn
[càng tinh

富榮藤床。善掉蒲席。
定功鍍金。廣南鑿石。

Giường mây đất Phú-vinh khôn khéo,
Chiếu cói làng Thiện-trạo tinh dùng ;

Nghề nòi đá tạc vàng nung,
Quảng-nam đục đá Định-công suy vàng.

亭榜文甲。油漆湘髹。
東山五社。鎔鑄銅劍。

(1) Xem Nam-Phong từ số 125.

Làng Đình-bảng cùng làng Văn-giáp,
 Đờ vàng sơn lồng thếp khôn ngoan ;
 Kia Ngũ-xã nọ Đông-san,
 Thau đồng nung đúc lửa than nghiệp
 [nghề.

萬寶羅溪。涼絨織衽。
 阮舍古郡。絹鉅似錦。
 Vạn-bảo với La-khe nữa đó,
 Hàng the lương dọc nhỏ ngang to ;
 Nam Nguyễn-xá doài Cỗ-đô,
 Dệt hàng lụa đậu sánh đờ nhiều tron.

金洞羽扇。平定縐紗。
 竹林屨屨。安泰綾羅。
 Bình-định nầy tài hơn đờ nhiều,
 Kim-động ra tay khéo quạt lông ;
 Trúc-lâm giầy dép nghệ dòng,
 Lính là Yên-thái ví cùng đoạn tày.

以言乎商。三圻都會。
 第一北圻。海防河內。
 Nghiệp thương mở ra nay bầy số,
 Nam-kỳ ba Bắc giữa đều hai ;
 Bắc-kỳ hai xứ cõi ngoài,
 Một nơi Hà-nội một nơi Hải-phòng.

中圻施耐。沱灩海門。
 船裕撐角。砦磊柴棍。
 Thi-nại một thuộc Trung-kỳ đó,
 Đà-nẵng hai cùng cửa bể kia ;
 Cáp-sanh-giắc thuộc Nam-kỳ,
 Hai thì Chợ-lớn ba thì Sai-gon.

極樂郊畿。最大城庸。
 外國通商。奇貨日裕。
 Ấy bầy số nước non vui thú,
 Mà ba kỳ thành-phố lớn to ;
 Đông-Tây các nước tranh đua,
 Hàng buôn tiêu-thụ của mua đôi-dào.

常信風羽。金洞鳳樓。
 青威曲水。文江多牛。
 Thường-tín có lược-thao Phượng-dực,
 Kim-động thì chi thú Phượng-lâu ;
 Thanh-oai Khác-thủy có mưu,
 Văn-giang thì đất Đa-ngưu có tài.

時轉貨貨。日營商販。
 可北可南。求千求萬。

Nơi có vận đến nơi không bán,
 Hàng hóa đem buôn bán thường liền ;
 Tháng ngày chuyển vận bạc tiền,
 Đi nam đi bắc lấy nghìn lấy muôn.

我亞洲分。居熱帶中。
 繞東南海。有貿易風。
 Nước ta thuộc vào khuôn châu Á,
 Dải nồng xưa vốn đã yên bầy ;
 Đông-nam quanh bề cõi ngày,
 Một năm sáu tháng gió quay phương
 [trời.

自春分來。暨秋分至。
 起西南風。卽沮濕季。
 Từ xuân-phân tháng hai mà nghiêm,
 Đến thu-phân tháng tám mà xem ;
 Gió lên từ hướng tây nam,
 Mùa là ướt-át khí hàm bề sông.

自秋分節。至春分間。
 風從東北。候卽燥乾。
 Từ thu-phân trong vòng tháng tám,
 Đến xuân-phân sang cuối tháng hai ;
 Gió phương đông-bắc khởi lai,
 Về mùa khô ráo ngậm hơi cạn vù.

北圻沿山。霧露露氾。
 下畔海濱。潮來氣濕。
 Cối Bắc-kỳ Thượng-du rìa núi,
 Khí độc nhiều mù tối sương lênh ;
 Hải-tần miền dưới mông-mênh,
 Nước triều lên xuống khí lạnh ướt đầm.

中州氣候。春秋和均。
 夏熱針上。至四十分。
 Cối Trung-châu suốt năm xem xét,
 Mùa xuân thu khí tiết hòa quân ;
 Hạ thời viêm-nhiệt chính-tuần,
 Kim hàn-thử bốn mươi phân lên tầm.

五六月間。時多暴雨。
 兩起恆無。東起大澍。
 Mùa lụt đến tháng năm tháng sáu,
 Trận dào nhiều cơn châu cơn ông ;

Con nam nổi dữ hằng không,
Mưa to khỏi tụ con đông mới kỳ.

颶 颶 將 起。先 日 驗 云。
看 風 雨 表。降 五 十 分。

Hễ gió bão đến khi sắp dấy,
Một hai ngày trước đấy coi thăm ;
Quả-nhiên gió bão chẳng lành,
Phong-vũ-biểu xuống đến năm-mươi
[phần.

臘 季 春 初。露 寒 冰 沍。
占 寒 暑 針。降 十 五 度。

Mỗi cuối chạp đầu xuân thời hạn,
Mùa mưa phùn gió lạnh sương dầm ;
Nhận xem mục hàn-thử châm,
Xương mười độ hoặc mười lăm độ mà.

中 圻 山 道。沿 邊 水 厓。
沮 濕 其 氣。水 土 不 佳。

Cõi Trung-kỳ lên xa đường núi,
Cùng là ven mọi lối nước khe ;
Khi xông mặt đất ướt nhè,
Độc thay đất nước nặng-nề gèn-lam.

畿 直 中 間。土 壤 氣 厚。
居 民 頗 稠。地 產 甚 富。

Khoảng tả hữu Bắc Nam-kỳ-trục,
Vàng đất này khi cực hậu sao ;
Người dân mạnh tốt và nhiều,
Lại thêm địa-sản rất nhiều giàu to.

遞 年 夏 節。熱 氣 溫 溫。
寒 暑 針 上。二 十 九 分。

Thường năm cứ đến mùa hạ-tiết,
Ấy là mùa nóng rất chày chày ;
Nghiệm hàn-thử-biểu cho hay,
Lên hai mươi chín phần này chẳng sai.

夜 氣 轉 涼。寒 下 十 九。
七 八 月 間。霖 雨 時 候。

Đêm mùa ấy khi trời mát mẻ,
Hễ mát ra kim sẽ chuyển dần ;
Rét thì xương mười chín phần,
Tháng bảy tháng tám là tuần tiết mưa.

南 圻 天 氣。熱 且 濕 而。
歲 分 二 候。風 以 向 隨。

Cõi Nam-kỳ từ xưa khi lạ,
Càng nóng nhiều càng hóa ướt nhiều ;
Một năm thay đổi hai chiều,
Mùa quay phương hướng gió theo
[thuận-hòa.

自 三 月 前。至 九 月 後。
多 西 南 風。為 多 雨 候。

Nhận từ độ tháng ba luân-chuyển,
Lại lần sang tháng chín nổi theo ;
Trong sáu tháng thuận một chiều,
Mùa là ướt át gió nhiều tày nam.

自 九 月 後。至 三 月 中。
為 乾 燥 候。多 東 北 風。

Từ tháng chín quay xem trở lại,
Đến tháng ba sau hãy nhận ra ;
Tiết trong sáu tháng ấy mà,
Gió nhiều đông-bắc mùa là ráo khô.

十 一 月 來。至 二 月 度。
空 際 多 雲。天 時 無 雨。

Tháng một trước là mùa đông-chi,
Tháng hai sau là khi xuân-phân ;
Lưng trời mây kéo lặn-vần,
Ấy mùa đương lạnh là tuần không mưa.

惟 三 四 月。疾 風 駭 人。
夜 無 涼 氣。最 難 處 云。

Khoảng tháng hai tháng ba rất sợ,
Gió kip lên tưởng ngỡ trời sa ;
Thỏ-nhân kinh hãi lăm mà,
Đêm không hơi mát ở ra nòng-nàn.

平 候 針 升。二 十 八 數。
熱 期 轉 升。三 十 四 度。

Tiết bình-hòa kim hàn-thử ng,
Cứ hai mươi tám độ là thôi ;
Mà mùa nóng này nắng-nổi,
Kim lên chẳng quá ba mươi tư phần.

觀 西 曆 載。季 臘 孟 春。
北 圻 是 夜。針 降 六 分。

Xem tây-lich nhân tuần ghi chép,
Tháng giêng cùng tháng chạp lạnh-
[lùng ;

Ở ngoài cõi Bắc xem trong,
Kim hàn-thử xuống đến cùng sáu phần.

春京夜針。降十四度。
南圻夜針。降十九數。

Trung-kỳ kinh Phú-xuân một chốn,
Kim xuống vừa mười-bốn độ thời ;
Nam-kỳ đêm ấy lạnh trời,

Xem kim hàn-thử xuống mười chín
[phần.

土蠻人種。俗話不同。
四十五種。屬三圻中。

Này Mán Thổ nhân-quần giống loại,
Những nói năng lẽ thói khác xa ;

Bốn mươi năm giống sinh ra,
Ở từng xứ đó thuộc ba kỳ này.

北種爲多。凡二十二。
中十五流。南圻八類。

Ngoài cõi Bắc mọi nơi sơn-dộng,
Gồm hai-mươi-hai giống là nhiều ;
Trung mười-lăm giống Mán Đào,
Nam-kỳ tám giống hợp vào bốn năm.

北十二族。黃召刁麻。
赤蔓芳吊。毛幼冲何。

Mười hai họ sơn-lâm Bắc nọ,
Họ Triều Hoàng cùng họ Điều Ma ;
Mao cùng Ấn Xung cùng Hà,
Kìa là Nhung Điều nọ là Xích man.

雜處山林。其名曰土。
生雄王時。仙犬爲祖。

Ở ra khắp chơn chơn rừng rú,
Tục gọi là giống Thổ chính-tổng ;
Sinh ra từ thuở đời Hùng,
Trương-truyền thủy-tổ là dòng chó tiên.

儂人媒族。居高嶺間。
娘族雜處。半林半山。

Giống người Nùng ở trên đỉnh núi,
Là đời Mòi dòng dõi sinh thành ;
Họ Nương kìa ở tung-hoành,
Nửa trên đỉnh núi nửa quanh ngàn
[rừng.

那居深山。衣巾白綵。
蠻女編衣。蠻男絞狗。

Họ Na ở giữa chừng núi vắng,
Áo khăn dùng sắc trắng chơn chơn.
Thượng-du lại một giống Mán,
Gái may mặc trắng trai gian-dảo tài.

老街山彼。五色布衣。
常啗生物。不畏惡狸。

Núi Thiên-môn Lão-nhai loài Bỉ,
Mặc đều dùng năm vẻ áo khăn ;
Hang sâu núi thẳm nấu hình,
Thường ăn vật sống chẳng kinh muông
[hùng.

保樂猛人。惡能呪詛。
婦女衣裳。純用白紵。

Giống Mãnh ở động trong Bảo-lạc.
Quyến đồ người tính ác coi ghê ;
Đàn bà con gái dề-huê,
Áo quần toàn trắng thói lẽ hay thâm.

北泮山洞。姦險獠羣。
羊膏毒草。用以害人。

Xứ Bắc-kạn liền tầm núi hiểm,
Giống người Dao gian-hiềm gớm ghê ;
Hay dùng cỏ độc mỡ dề,
Gặp người làm hại quen nghề chơi giống.

水尾芒男。殺人食胆。
女取人財。務爲欺謾。

Mường Thủy-vĩ ở trong động lồi,
Trai giết người ăn thịt ăn gan ;
Gái thì một mực điều ngoan,
Lọc lừa lấy của dối gian kiếm tiền.

諒山姆種。分茅洞中。
衣裳黑布。緣飾以紅。

Núi phân-mao ở bên xứ Lạng,
Giống Mòi kìa ở khoảng động-trung ;
Vẻ quần vẻ áo lạ lùng,
Vải đen may mặc sợi hồng miễn răng.

高燈懸燈。美德二市。
陰陽土人。夜間列肆。

Cao-dăng với Huyền-dăng hai chợ,
Mĩ-đức chung một xứ đôi phương ;
Có loài người Thổ âm-dương,
Bày hàng giữa chợ bán hàng ban đêm

燈籠平估。水益投錢。
沉斯取矣。浮者還馬

Lồng đèn sáng mà đem đồ bán,
Chậu nước trong để hạn tiền gieo ;
Nghiệm xem chìm nổi thế nào,
Chìm tắm lấy tấp nổi vèo trả phăng.

高平諒山。廣安三省。
女年十三。良緣未定。

Lạng-son với Cao-bằng kia nữa,
Cùng Quảng-an ba xứ thổ-gia,
Gái sinh tuổi đến mười ba,
Còn đang nấp mẹ chưa đã lấy ai.

年正二月。以漆湘頭。
請洞證見。設席勸酬。

Thường năm cứ giêng hai xuân-cảnh,
Lấy sơn bôi đầu nhánh đen xỉ ;
Khắp mời người động chứng tri,
Rượu chè thết-đãi lễ-nghi vui mừng.

富有千錢。中常百值。
貧者隨宜。每年一次。

Giàu có tồn độ chừng nghìn bạc,
Trung-thường tiêu phóng mấy trăm
[nguyên ;

Nghèo thì tùy tiệm cũng nên,
Tục mời các động mỗi niên một lần.

漆膝土屨。男女並湘。
以便涉水。而滿履霜。

Này giống Thổ sơn chân sơn gối,
Gái trai đều một lối như nhau ;
Lên đèo xuống suối đầu đầu,
Khi mù đầu dải nước sâu lội tràn,

漆帽纏頭。一口兩耳。
居溪洞中。遊獵尚技。

Trên đầu đội mũ san lơ-lộ,
Mũ thì dùi một lỗ hai tai ;

Ở trong khe động hôm mai,
Chỉ nghề săn bắn lại tài xống-pha.

山西界內。高峯洞中。
刺股蠻種。男女同風。

Xứ Sơn-tây kia là đất giữa,
Động Cao-phong này ở sơn-gian ;

Có loài gọi thú-cò-man,
Gái trai kia cũng một đoàn xăm-xăm.

手足刺針塗以藍葉。
短縮衣裳善於弋獵。

Chân tay lấy kim chàm rờ-rờ,
Lá chàm đem bôi lỗ xanh xanh ;
Áo quần ngắn cọc mong manh,
Đã hay bắt vật lại hay săn rừng.

昭晉山洞。有插錢世。
素多妖術。善用長干。

Chiêu-tấn-châu ở chừng sơn-dòng,
Sáp-tiền-man là giống Ba-dê ;
Vốn nhiều chước gỡ lạ ghê,
Giáo dài khéo dụng tay nghề đã quen.

以古大錢。插於胸臆。
白巾青衣。其裳尚黑。

Gái trai dụng lấy tiền đồng cỡ,
Ngực in vào trông rõ như hoa,
Áo xanh một vẻ may ra,
Khăn dùng sắc trắng quần là mũi đen.

厥侔人種。居三海峽。
惟男與女。面色如藍。

Chốn Tam-hải trong miền hung đá,
Loài Lão-nhân giống lạ hoàn-cầu ;
Gái trai sắc mặt như nhau,
Rõ như chàm đỏ một màu xanh xanh.

見人入山。放毒矢殺。
其爲女衣。用剪人髮。

Thấy người lạ chạy quanh vào núi,
Tên độc buông một mũi quay ra ;
Thói quen cắt tóc người ta,
Dùng làm vẻ áo đàn bà mặc thời.

青昧山洞。諒山舍人。
惟女子者。爲洞主云。

Xứ Lạng-son trong đồn Thanh-muội,
Loài Xá-nhân ở cõi sơn-nham ;
Tục riêng dòng dõi di-nam,
Đặt cho con gái quyền làm chủ trương.

頭三色巾。腰三色帶。
佩弓如男。妖術作害。

Khăn đầu đội đường-đường bó sắc,
Dải lưng đeo rung-rúc ba mùi ;
Hay đem chước gỡ hại người,
Thường đeo cánh nỏ chẳng đời tay dao.

美良地轄。善射士人。
男二十歲。束髮異羣。

Huyện Mi-lương cựu-trào tục-hóa,
Có một loài thiên-xạ thờ-nhân ;
Trai hai-mươi tuổi thanh-xuân,
Thói lễ đầu bôi tóc trần ngắt cao.

五寸東高。似鼓桴者。
習射矢云。號爲善射。

Cao năm tấc khác nào dài trống,
Thẳng mười tầm bắn thẳng mũi tên ;
Giương cung bắn nỏ lập rên,
Gọi là thiên-xạ tiếng khen đồng-bào.

猫蠻男女。背佩灰筒。
寢於臥所。洒灰其中。

Lại còn có mán mèo đi-loại,
Gái trai đều đeo cái ống tro ;
Trên vai hằng giữ bo bo,
Đến đâu nằm đó giải tro thường thường.

烹飪不知。肉米皆炙。
服黑短衣。居于山脊。

Chẳng còn biết cái đường tẩm nhục.
Thịt gạo đều nướng đều ăn thổi ,
Mình đeo áo ngắn đen thui,
Trên đèo nương nấu chân đời vào ra.

居興化處。枚州木州。
狗蠻種類。棠林依役。

Xứ Hưng-hóa đó là lâm-tộc,
Châu Mai cùng châu Mộc đời nơi ;
Cầu-màn kia có một loài.
Những nơi rừng rậm là nơi hang cùng.

日則爲人。夜則爲獸。
劫掠相沿。常率移往。

Ngày vẫn cứ là đồng nhân-chủng,
Đêm hóa ra những giống vật-hình ;
Thói quen cướp bóc như tính,

Năm năm đời trú quanh quanh đồng-
|dài.

萊州核暗。有台峻人。
帽似羊角。黃淡衣巾。

Trong rừng Âm thuộc Lai-châu xứ.
Giống Xá-sùng ở tự sơn-kê ;
Mũ thì tựa dáng sùng dê,
Áo dài nhòn nhợt quần để vàng vàng

凡食物性。骨藏帽裏。
係食別性。骨髓換止

Hễ ăn giống có xương chi đó,
Đem đất vào trong mũ kỹ-càng ;
Hễ ăn giống khác có xương,
Liên đem đổi thẳng thói thường y-y.

死無棺木。以藤裹屍。
外塗生漆。密室置之。

Người chết chẳng dùng chi quan mộc,
Chỉ lấy mây mà bọc cái thân ;
Ngoài dùng sơn sống bôi dày,
Bôi cho kín xác dựng ngay xó nhà.

燎頭徭人。居豐收處。
火炭燎頭。每月三次。

Xứ Phong-thâu cõi xa đất rộng,
Giống liên-dầu là giống Dao-nhân.
Cứ trong mỗi tháng ba tuần,
Lấy than mà đốt tóc xoắn xoắn sùi.

白巾黑服。緣五色絲。
女子出嫁。鹽米聘儀。

Khăn mũ trắng áo mũ đen rúc,
Miến bắng tơ năm sắc nẻo-nùng ;
Thói thường con gái gả chồng,
Chỉ đem muối gạo mà dùng lễ nghi.

猛惡雜人。米漿飲啜。
服如土人。音話則別。

Giống tạp-nhân danh vì Mãnh-suối,
Nước gạo hay uống đôi lần lần ;
Áo quần tựa giống Thổ-nhân,
Nhưng mà tiếng nói mười phần khác
|nhau.

以兩拇足。穿兩鼻中。
夜間飛出。號魔加勉

Đôi chân chấp đôi đầu ngón cái,
Hai mũi siên hai cái lỗ hà ;

Đêm đêm vùn-vụt bay ra,

Tướng-truyền ấy gọi là ma cà-rồng.

北汧白通。宜光濶化。
興遊教州。均皆有者。

Bạch-thông-châu trong vùng Bắc-kạn
Chiêm-hóa-châu ngoài mạn Tuyên-
[quang ;

Tỉnh Hưng Tuyên giáo địa -
[phương,

Trong ba xứ ấy thường thường đổi sinh.

高平江處。甘美土人。
茶皇避亂。留住宗親。

Giang-xứ giáp Cao-bình viễn-địa,
Thổ-nhân là Cam-mĩ danh-hương ;

Vua Lê chạy loạn ngang đường,

Đề cung-nhân lại ở phương-thổ này.

開帝升遐。立祠奉祀。
誓不相離。世居于此。

Nghe thế-vận ngày nay đời đời,

Dựng từ-đường để đời lễ cung ;

Đóng danh thờ chẳng lìa lòng,

Nguyễn chưng trời đất ở cùng nước non.

外人適此。伊女嫁之。

同居皆老。永保自怡。

Người xứ khác mà mon men đến,

Gái Thổ này cùng quyến-luyến nhau ;

Ở yên cho đến bạc đầu,

Cùng nhau hòa-hợp ngộ hầu yên vui.

欲歸故鄉。宜留家眷。

挈眷偕行。離羣難免。

Nhớ quê quán về thôi không ngại,

Đề người nhà ở lại là khôn ;

Nếu huê-tương cả vợ con,

Ắt lìa tan đó chẳng tròn vẹn dân.

中圻良政。針血蠶人。

服綠藍色。黑衣白巾

Xứ Thanh-hóa trong Châu-lương-
[chính,

Châm-huyết-man phủ tỉnh bầm-sinh ;

Áo đen khăn lại trắng tinh,
Sắc tràm miễn chỉ màu xanh đột chàng,

外至疥瘍。伊蠻窺瞞。

夜化妖魔。壓影吮血。

Ái đến đấy chốc sang đau nhọt,

Nó dòm nom theo gót lân la ;

Đêm thời nó hóa yêu ma,

Lén hình hút máu xối-xa khôn loàn.

清化鄭滿。炙炭蠻人。

衣服類土。方術如神。

Xứ Trịnh-vạn ở miền Thanh-hóa,

Mán nường than quái lạ muôn vàn ;

Vẽ may mặc giống Thổ-nhân,

Đã tinh chước gỡ lại thần chước yêu.

入館寥人。開空傳語。

飲食遠錢。貪吝阻事。

Vào nhà quán teo-teo người vắng,

Nghe khoảng không vắng-vắng nó

Ăn gì nghe nói trả liền. [truyền ;

Nếu mà tham-lận ắt liền diên nguy.

又葵清壽。舍艾舍人。

戴環編髮。白緣衣裙。

Thọ-xuân Thanh cùng Qui-châu

[Nghê,

Có một loài hàm-ngải Xá-nhân,

Áo nâu tà miễn trắng ngàn,

Gái trai dóc tóc tay chân đeo vòng.

舍艾入林。採桂求售。

慣此成妖。久之化虎。

Đêm ngấm ngải vào trong rừng vắng,

Bóc lấy thanh quế trắng mù ra ;

Đem đi bán khắp gần xa,

Quen rồi nên quái lâu ra hóa hùm.

居高山內。石岩儂人。

魯男勤動。日夜耕耘。

Chợ cao-sơn liền tầm đèo núi,

Có Nùng-nhân tên gọi Thạch-nham ;

Con trai kia hạng lỗ-nam,

Lần quanh thung-lũng cây làm sớm

[khuya.

每歲遷居。不供稅額。
女不出門。衣裳尚白。

Mỗi năm lại dời đi chỗ khác,
Chẳng chịu cung tô-thuế nhà quan ;

Gái không ra khỏi cửa hiên,
Áo quần chuộng trắng trắng mần
[nghiêm sáu.]

出外披布。遮蔽日光。
聞蛙聲動。吐血而亡。

Ra ngoài phủi trùm đầu vải mỏng,
Đề che cho kín bóng mặt trời.

Động nghe tiếng ếch kêu ngoài,
Tức thì đổ máu một hồi tắt hơi.

中圻諸山。有猛梅種。
皿器貨財。生夫婦共。

Cõi Trung-kỳ mọi nơi đồi núi,
Có những loài Mãnh Mọi tình ma ;

Cửa kính vật trọng trong nhà,
Vợ chồng thừa sống đều là cùng chung.

死均爲二。生受一分。
半留墓上。莫敢犯云。

Sau ai thác chia tung hai phần,
Người sống kia chịu nhận một phần ;

Một phần để chôn mộ-phần,
Người ngoài chẳng dám liều thân
[phạm vào.]

四廣獠人。術多妖怪。
男女衣裳。土人相類。

Trong Tứ-quảng loài Dao hiểm giảo,
Nhiều chước yêu lừa đảo người
[ngoài ;

Kìa là những hạng con trai,
Áo quần may mặc giống loài Thổ-nhân.

女子性行。好笑而淫。
穿耳鼻齒。多飾以金。

Còn đến lũ thanh-xuân con gái,
Tính hay cười nết lại hay dâm ;

Hàm răng tai mũi dùi chàm,
Ngoài vành giềng phẫn trung tám đũa vàng

甘門土人。又安異種。
道經廉廉。吹甘吉貢。

Thỏ cam-môn địa phương xứ Nghệ,
Giống tiều-man di duệ cõi nam ;

Đất Khang đất Cát đất Cam,
Đất Xui đất Cống đất Liêm sáu đường

遇伊處女。守口思存。
有問則答。不問勿言。

Ai qua đó phải lường phong-thổ,
Gặp đàn-bà chớ có nói năng ,

Đàn bà hỏi sẽ đáp chằng,
Nếu không hỏi đến thì đừng nói ra.

旅舍烹雞。不宜食也。
見怪見奇。勿笑勿唾。

Vào nhà quán thịt gà mặc đày,
Chớ nên ăn thời ấy là hay ;

Việc kỳ việc quái mặc thây,
Chớ nên khạc nhổ đừng hay cợt cười.

倘大小便。披土掩之。
謹斯無恙。否則必羅。

Đại tiều-tiền lánh nơi xa vắng,
Bới đất mà lấp thẳng ngay đi ;

Thế thì chẳng ngại ngùng gì,
Nếu không giữ miệng ắt thì sa chân.

海雲猫人。捕魚爲藝。
每入水中。如履平地。

Hải-vân-xứ Miêu-nhân giống lạ,
Tục chỉ quen bắt cá thường lẽ .

Tháng ngày vùng-vẫy giang khe,
Thường vào đáy nước như đi đất bằng.

睹商船貨。邪媚婉辭。
中流汨水。恣意掠之。

Thấy thuyền buôn ra chiều lấm của,
Miệng ngọt-ngào nói rõ hẳn-hỏi ,

Đợi thuyền đến giữa dòng trôi,
Ấy là lặn xuống mà ngoi cướp vào.

廣義捺人。日眠夜作。
白巾藍衣。袖間甚博。

Xứ Quảng-ngãi Thạch-đạo động nọ
Loài Liễu-nhân ngày ngủ đêm làm ,

Mặc mũ khăn trắng áo tràm,
Hộng tay áo giống người Xiêm một
[dường.]

負虎頭骨。爲笠夜行。
屋居列板。似棺木形。

*Đêm đêm đội cái xương đầu hổ,
Đề dùng làm nón dó mà đi ;
Nhà làm ghép ván tử-vi,
Hình như quan-mộc ở y hai người.*

屋容二人。少男多女。
其性好淫。善於呪詛。

*Con trai ít vì trời âm thịnh,
Con gái nhiều bởi cảnh dương suy ;
Tình hay dâm dục rừ-rì ;
Lại hay nguyên rủa những thi độc sáu.*

鴻嶺山脊。釵釧蠻人。
男女編髮。黃白衣中。

*Đèo Hồng- Lĩnh trên đầu sống núi,
Thoa-xuyến-man theo lối nước Tàu ;
Gái trai cùng gióc tóc đầu,
Pha mài vàng trắng dựng màu áo khăn.*

首戴金釵。垂子類額。
外入女酬。置毒難厄。

*Trên đầu đội cái vòng vàng thắm,
Rủ loè loè chăm chăm trước ngôi .
Gái chuyen tiếp-đãi người ngoài,
Dấm đồ thuốc độc hại người phương xa.*

長擗山洞。甘擗彼人。
男衣占服。妖術誑民。

*Động Trảng-nanh ở ra Quảng-trị,
Giống Cam-nanh loài Bỉ lem-nhem.
Áo quần tựa giống người Xiêm,
Lại nhiều chước gỡ hay đem lừa người.*

死人玉壑。及其鼻舌。
劑和蛇羹。合而舖設。

*Người thác ấy cắt liền lưỡi mũi,
Và cắt luôn một lúi ngọc-hành .
Đem hòa vào với xà-canh,
Cùng xum họp lại mà ăn uống tràn.*

潘江鎮石。蠻棋土人。
男女削髮。髡兩鬢云。

*Thành Trấn-thạch xứ Phan-giang ấy,
Thò Mán Cày những thấy khác thời ;
Gái trai rẽ tóc phân ngôi,
Chia hai mái tóc rạch đôi mái đầu,*

短褐紅中。木板蔽牆。
裳服類占。淡黛灰色。

*Áo may ngắn khăn màu sắc đỏ,
Trước ngực đeo ván gỗ thò-thò ;
Vẻ xiêm sau trước rắc tro.
Xem đồ may mặc giống đồ người Chiêm.*

好食鮮物。少米多蔬。
聞鉦則走。放毒自如。

*Vật tươi ấy dùng làm ăn uống,
Ít gạo mà chỉ chuộng giống rau ;
Nghe chiêng thì chạy cho mau,
Lại hay phóng độc chỉ muu hai người.*

居木柵中。爲蠻蠻土。
衣服袈裟。枯葉麻布。

*Mộc-sách động ở nơi thâm-động,
Mán Nón-nhân là giống thò-nhân ;
Những đồ xiêm áo dệm chân,
Trong dùm gai sợi ngoài dùm lá khô.*

山岩居止。樹葉蔽之。
沿山攀木。男女相隨。

*Chốn đèo hẻm quanh co ở trú,
Lấy lá cây nằm ngủ mà che,
Leo cây treo núi rủ-rê,
Một trai một gái dề-huê cùng theo.*

背掛吹筒。手攜毒矢。
米飯歎焉。食物炙耳。

*Ổng thổi nọ vai đeo chằm-chằm,
Tên độc kia tay nắm khư-khư ;
Gạo cơm hồng thiếu không thừa,
Vật ăn nướng nướng hơ hơ thường liền.*

平順芹水。棧居土人。
女紅男黑。好淫無裙。

*Thỏ cân-thủy ở miền Bình-thuận,
Làm gác cao ở tận trên cùng ;
Trai đen gái đỏ hồng hồng,
Không trần chân-chọc đầu lòng trắng-
[hoa.*

衣樣袈裟。帽形舟楫。
刈藥深山。毒矢射弩。

Áo dáng tựa cà-sa phát-phời,
Mũ hình như thuyền chài công veo;
Thường lên hải thuớc trên đeo,
Tay cầm lên đốc vai đeo nõ cường.

海鳥石穴。海弱蠻人。
言語衣服。類土人云。

Mọi hang đá ở phương hải-đảo,
Hải-nhược-man ngo-ngáo hung
|hãng ;
Dáng quần áo tiếng nói-nặng,
Mọi màu mọi vẻ đường bầy Thờ-nhân.

夜雜海魔。世居水浚。
乍望有船。相呼如市。

Đời đời ở quây quần mặt nước,
Đêm đêm ra xào-xạc loài ma ;
Thuyền buôn những lúc trái qua,
Rúc lên như chợ kêu mà như đi.

占倅州土。嵐瘴最多。
四煞四害。入洞有歌。

Châu Chiêm Lào Nam-kỳ sáu hạt,
Tứ hại cùng tứ-sát tám miền ;
Ấy nơi chuông-khí lam-yên,
Đàn bằng tám động tương-truyền có ca.

占蚌紅呵。匙崇欵藥。
瀝髮占精。迷江吹落。

Năm suối-tóc nào là ba Bạng,
Nhất Chiêm-tĩnh nào quăng hai Kha;
Bảy Sòng sáu Được nữa mà,
Tám là Xuy-lạc bốn là Mê-giang.

今日進化。學界擴張。
試法改議。教法定詳。
Ngày ngày chính tân-phương tấn-lới
Nhà nước đem học-giới mở mang ;
Phép thi nghị đổi tinh-tương,
Đề khoa dạy bảo dùng phương thật thà.

格致新書。廣行講肄。
補腦靈丹。鑄魂機器。
Xem sách mới mọi khoa cách-trị,
Dịch tiếng nôm từng nghĩa phân
[minh ;

Rộng xem giảng tập cho tỉnh,
Thuốc hay vũ óc máy nhanh đức hồn.

新潮澎湃。前路冥冥。
勉旃秀艾。步驟文明。

Xem trào mới trí khôn rào rạc,
Biết lối xưa hồn bạt mệnh-mông ;
Gắng thay những bậc trẻ trung,
Đề thay man dã nhầy bưng văn-minh.

希歐亦歐。希美亦美。
能自得師。有爲若是。

Bất chước Mi ắt rằng như Mi,
Học theo Âu cũng ví như Âu ;
Được thầy dạy đến gót đầu,
Có làm ắt hẳn ai hầu kèm ai.

(Hết)

NGUYỄN ĐÌNH-CHI



VŨ-TRUNG TÙY-BÚT (1)

雨 中 隨 筆

VIII

Việc tai-dị.

Khoảng năm ất-tị binh-ngọ đời Cảnh-hung ở bãi cát bờ sông gần làng Bát-tràng thấy nổi lên ngọn lửa xanh xanh, hoặc lấy cành tre khô mà ném vào thì cháy bùng lên, nhưng mà những cây đậu cây dâu vẫn không cháy hại gì cả. Đền Nam-giao chỗ lần cửa thứ hai có một cái giếng đá trên mặt nước cũng thấy nổi lên lửa xanh xanh. Sông Bạch-dăng ở về huyện Thủy-đường tự-nhiên thấy trên sông trôi nổi những cái đầu người bằng dầu ngón tay cái lớn, đội mũ chữ *đinh*, đầu tóc xôm-xoàm, đập vỡ ra thì thấy máu chảy lầy lầy như óc cá, mùi nó hơi tanh, ba ngày mới hết. Đến khi nhà Tây-sơn chiếm-cứ toàn-quốc, mùa xuân năm Mậu-ngọ trên sông Bạch-dăng cũng thấy trôi nổi ra đầu người đội khăn đỏ mặt trắng, đầu tóc cũng xôm-xoàm như lần trước. Kể hiếu-sự nhất lấy đem về để một chỗ, vài ngày rồi nó khô quắt lại như là quả cây da. Mùa hè năm sau ở Trung-đô lại có từng lũ cóc rú nhau qua sông Nhị-hà mà sang bên Bắc, con nào không sang được thì bị chết trôi đi cũng nhiều. Mùa hè năm tân-dậu chúa Tây-sơn chiếm-cứ Bắc-thành vào đóng ở Khang-công-phủ, gặp khi ấy mấy ngày mưa luôn, nhà tiền-đường nước sâu đến hơn một thước, vạt chốc nước xuống giữa sân thì thấy một chỗ địa-hãm sâu rộng đến và thủng Quan đại-tư-mã là Nguyễn Văn-Dụng đóng ở trong thành một hôm

đang ngồi ở nhà ngoại-đường làm việc, thì chợt thấy trên không có một đàn chim đánh nhau, có một con chim bị chết sa xuống giữa sân. Được ít lâu lại đời dinh ra đóng ở ngoài thành phường Phúc-phổ ở về phía đông-bắc phủ chúa Trịnh, chợt một hôm trời không mây mưa gì cả mà tự-nhiên sét đánh vào nhà ngoại-đường vỡ toác cái cột ngoài hiên ra. Nguyễn Văn-Dụng sau có đi đến cửa sông Hoàng-giang để thổ-trí việc thủy-phòng, sai đắp đôn lũy ở trên bãi sông, chợt một hôm nửa đêm tự-nhiên địa-hãm, thụt mất ba khẩu súng đại-bác, đó đều là diễm lạ vậy.

Ta còn nhớ đời Cảnh-hung năm giáp-ngọ, khi ta mới lên bảy tuổi, theo hầu dâng tiên-dại-phu ra ở nhà phố Hà-khâu. Một hôm ra chơi ngoài đường thấy người hàng phố đều ra đứng trông lên trên trời, ta cũng trông lên theo thì thấy bóng mặt trời đã xế, sắc nó đỏ như huyết, tách ra làm hai. Sau lại nghe các bầy bói nói chuyện rằng năm giáp-ngọ kéo quân vào đánh trong nam, chúa Trịnh Thịnh-vương (Trịnh Xâm) rang rầu Ngũ-long để tiến quân Việp đem quân đi. Bấy giờ Dương-công Ương 楊 洪 đương làm quan ở kinh, khi tan buổi chiều mặt trời xế chiều rồi, Dương-công mới sang bắc về Phú-thị, gặp người học-trò là Nguyễn Công-Hán 阮 公 漢 hỏi rằng: "Nhà người có trông thấy gì không?" Thưa rằng: "Có, trông thấy hai con rồng trắng bay từ bắc sang nam, vạt chốc lại thấy bay từ

(1) Xem Nam-Phong từ số 121.

nam ra bắc, dễ thường dương lúc nhà chúa sai đem quân đi chăng?» Dương-công nói: «Lần này đi thì tất là thắng-trận, nhưng thiên-đạo hiền-hoàn, từ đây mới gây nên việc binh-tranh.» Khi ấy ta còn ít tuổi, trong nước vẫn yên-ôn, thế mà thấy các bậc tiền-bối vẫn lo rằng sắp loạn-lạc đến nơi, ta lấy làm vu-khoát, không ngờ lớn lên chính thân ta lại gặp buổi loạn-lạc. Ôi! Nhà nước hưng vong vốn có định - số, mà trời đã bảo lấy điềm tai-dị để cho mà răn sợ, thực là lòng trời nhân-ái lắm thay! Dương-công thân làm quan khanh-sĩ, trông thấy điềm bạch-long như thế, mà sao không mách bảo vua, lại chỉ bàn riêng với nhau là có làm sao?

Mùa xuân năm bình-ngọ, làng Ước-lễ huyện Thanh-oai có cái giếng tự-nhiên nước sôi lên, gánh về nhà đổ vào vại rồi mà vẫn còn sôi lên, tiếng nó lép-nhép như tiếng gà con kêu, mãi không thôi, lấy tay khỏa vào vại rồi sau mới im, một lúc lại thế. Tháng hai năm tân-dậu cũng lại thấy nước sôi như thế. Truyện này là em ông cử-nhân Tăng-Quân Cáp 曾君 珩 nói cho ta nghe đích như thế.

Đời Tây-sơn năm mậu-ngọ, về vùng huyện Nam-sách huyện Tiên-minh ngoài đồng có chỗ đất kêu lên vòng quanh chừng độ hai mươi mẫu, như là có con vật gì vừa chạy vừa kêu ở dưới đất. Quan Võ phán-suất đã từng đem lính ra đào chỗ đất ấy mà không thấy gì cả, lặng yên nghe thì lại thấy tiếng kêu ở bốn bên chạy đi chạy lại mãi không thôi.

Mùa xuân năm tân-dậu làng Kiệt-đặc huyện Chí-linh, tự-nhiên đất tách ra hơn năm mươi thước, sâu không biết đâu là chừng, người làng mới đem đất lấp đi. Năm canh-thân, ở ngoài cửa cầu-dát có một nhà, đàn bà đi vắng cả, chỉ có một người chủ ở nhà, chợt thấy nhà trong bỏ quên miếng thịt lợn, người chủ mới dậy lại để

trong chạn, rồi đi ra chơi ngoài cửa, khi trở vào thì thấy mất miếng thịt lợn, ngờ cho con mèo nó tha mất, mới nổi giận mắng mèo. Con mèo chợt nói lên như người mà rằng: «Ai tha mất thịt mà mắng». Người chủ sợ phải lui ra, làng xóm ai cũng lấy làm kinh-dị. Ta ở kinh chợt nghe thấy truyện ấy lại nhớ năm nhâm-dần đời Cảnh-hưng có con trâu cũng nói tiếng như người, không biết là có sao.

Làng ta về phía tây-bắc có chùa Phổ-thiên thuộc về tổng Dương-xá, nhưng bốn bên đều là đất làng ta cả. Tục truyền rằng chùa ấy nguyên thuộc về làng ta, vì khi xưa có một ả-đào đi qua cửa chùa ấy, bị phải ông long-thần trong chùa ấy đánh chết. Khi ấy những kẻ chết đường thường làm liên-lụy đến làng, kẻ điêu-hào hoạt-lại thường tạ-sự đề quấy rối, làng ta sợ bị vạ lây, mới đổ dui cái chùa ấy thuộc về làng bên, nên mới thuộc về làng Dương-xá. Trong chùa phật và long-thần rất thiêng, mà cái hồn ma có ả-đào đến khoảng năm Cảnh-hưng vẫn còn nương tựa cây đa sau chùa để làm ma quấy hành - khách. Người nào tuổi trẻ đi qua đấy thường bị ốm đau mà chết. Trước cửa chùa tả hữu hai bên đều có một cái giếng, bên cạnh giếng bên tả có cây cồ-tùng cao lớn vòi-vọi, kẻ nông-phu đem đi qua thường thấy có tinh đồ to bằng quả cam lơn, từ trên mây sa xuống đầu ngọn cây, hoặc từ gốc cây bò lên, người ta nghĩ là chỗ khách đề của, cũng có người nghĩ là tinh-anh của trời đất. Trước năm canh-thân đời Cảnh-hưng, làng ta có quan Đông - các Võ - công Minh-Dương, phu-nhân là Phạm-thị thường chôn giấu một thuyền bạc ở trong chùa, sau cái đũa đầy, tở đi chôn bạc bị phải giặc Chết nó bắt đi chết mất, về sau không biết chỗ chôn thuyền bạc ấy ở đâu. Ông Nhữ Đình-Toản người Hoạch-trạch tin về cái thuật

phong - thủy muốn dời cái chùa ấy đi để chôn mả, long - thần phải phụ vào đồng - nhân lên miệng tranh-biên mãi với ông, nên chùa mới khỏi phải thiên di. Khi ta mười hai mười ba tuổi nghe thấy có một người đạo - sĩ, nguyên-quán ở làng Dương - xá, thường đào đất bắt được một lọ bạc, nhân thế mới tô mấy pho tượng để cúng vào chùa. Trong hai mươi năm nay tỉnh Hải-dương ta thường bị phải binh - hỏa loạn-lạc luôn, mà mấy gian chùa ấy linh - tích vẫn còn như cũ.

Nhà họ Nguyễn ở Tiên-diền.

Ông Nguyễn Nghiễm 阮 儼 người làng Tiên-diền, huyện Nghi-xuân xứ Nghệ, khởi - gia bạch - ốc, tuổi trẻ đỗ tiến - sĩ, làm quan trải các đài - bộ rồi vào tham-tụng chốn phủ - đường, hơn mười năm mới về trí - sĩ, sau lại khởi-phục ra làm quan, năm giáp-ngọ đời Cảnh - hưng lấy là chức đại - tư - đồ Xuân quận-công, sung làm Bình-nam tả - tướng - quân, khi mất được phong phúc - thần, vinh-qui đến thế là cùng. Con trai trưởng là Nguyễn Khản 阮 侃 là bậc phong-lưu tiến-sĩ, khi ông Khản đỗ được tứ-yến ở Lê-bộ-đường, thi quan Tư-đồ là Nguyễn Nghiễm đương làm quan Lê-thị, thân vì gái bồng hoa mũ cho con, đương thời truyền làm thịnh-sư. Khi chúa Trịnh Thịnh-vương (Trịnh Sâm) còn ở Lượng quốc-phủ thì ông Nguyễn Khản làm phiến-liêu, hằng ngày được vào hầu nội-yến Thịnh-vương, lấy là bạn bối, năm đình - hợi thăng cho ông Khản làm Tri-phiến-liêu kiêm quản nhất-hùng-cơ, tước là Kiêu-nhạc-hầu. Khi ấy trong nước bình-yên vô-sự, Trịnh-vương lại thích đi ngự chơi, hoặc lúc đi thưởng hoa, lúc đi câu cá, tất đem ông Nguyễn Khản làm thị-tụng cùng đi. Khi trở về thì lại mặc áo trên tay hẹp ra vào trong cung-dịch, nhà chúa đặc-ban cho được tự-do đi lại ra vào, cũng không khác gì

quan nội-giám. Khi chúa Trịnh thường ca, thường sai Nguyễn Khản ngồi hầu, ông được cử lấy khăn lương, áo thường-phục ngồi hầu bên ngự-tọa, cầm châu điềm trống hát. Lúc ngày rồi chúa Trịnh lên ngự chơi Tây-hồ, kẻ thị-thần vệ-sĩ bày hàng quanh cả bốn mặt bờ hồ, nhà chúa chỉ cùng với bà Đặng Tuyên-phi cùng ngồi, Nguyễn Khản thì bồi-thị ở trước ngự-tọa, cùng thưởng-lâm cười nói, không khác gì bạn-bè người nhà. Trong cung có bày bể cạn núi non bộ và cảnh hoa đá gì thì tất qua ông Nguyễn Khản điềm-xuyết cho thì mới vừa ý nhà chúa. Nhà chúa lại thường sai ông đi sửa-sang các hành-cung ở Châu-long, Tử-trâm, Dũng-thủy. Ông lại tài đức nặn núi đá, vẽ-vời phong-hoa, nên thường được nhà chúa ban khen. Ông lại thích nghề hát xướng, sành âm-luật, thường đặt những bài hát nhạc-phủ ra làm điệu tân-thanh, hề bài nào viết xong thoát-cảo ra thì những kẻ ca-công ngoài giáo-phường tranh nhau truyền-tụng. Ta có câu thơ rằng : « *Án phách tân truyền Lại bộ ca* 按拍新傳吏部歌 » chính là trở về việc ấy. Ông Nguyễn Khản khi đương làm quan thường xin phép nghỉ ở nhà, chúa Trịnh có đưa cho bài thơ nôm rằng :

*Đã phạt năm đồng bỏ lỗi châu
Lại phạt năm đồng bỏ thiếu câu ;
Nhấn nhủ ông bay về nghỉ đấy,
Hãy còn phạt nữa chữa thôi đâu !*

Vì khi ấy buổi ngoại-chầu và buổi ngự-câu ông đều đương lúc nghỉ không đi hầu ngự được, nên đều bị phạt năm đồng. Nguyễn Khản có họa lại bài thơ ấy rằng :

*Vàng-vắt cho nên phải cáo châu,
Phiến châu còn cáo nợ phiến câu ;
Trông ân phạt đến là thương đến,
Áy của nhà vua chớ của đâu ?*

Chúa Trịnh lấy làm khen. Một ngày kia trong nhà Nguyễn Khản bày cuộc

yển-tiệt, thiếu chè uống, chợt quan Trung-từ có việc ra nhà ông ấy, ông ấy không kịp làm tờ khai chỉ viết tay mấy chữ rằng: « *Thần Khẩn khát trà nhất lượng* 臣佩乞茶一兩 » Quan Trung-từ đem về dâng, chúa Trịnh bèn ban cho một hòm chè. Được ít lâu ông được vào tham-tụng phủ-đường, khi ấy quan Tư-đồ đương lấy là bậc trọng-thần lĩnh tham-tụng, cha con cũng ở tương-phủ, xưa nay chưa có thể bao giờ. Nhà ông Nguyễn Khẩn ở về phía nam chùa Bích-câu, phía tây thì thuộc chùa liên-tích, chùa ấy nguyên là của bà Hoàng chính-phi truy-tiến mà dựng lên. Thường khi ngự-giá ra chơi chỉ đi một chiếc thuyền nhỏ, do cù Long-lân ra hồ Tiên-tích thì đến nhà Nguyễn Khẩn Khi chúa vào đến nhà hỏi thăm cả đến vợ con, yêu mến không ai bằng. Khi ấy nguyên-tử nhà chúa là Tung 棕 quận-công ra ở học nhà quan Nội-phó là Hàn quận-công Nguyễn Phương-Đĩnh 阮芳挺, ông Nguyễn Khẩn và ông Lý Trần-Thản 李陳坦, được sung làm quan tả-hữu tư-giảng, sau Lý-công mất, ông chuyên một mình làm chức tư-giảng. Sau bà chính-thất ông là Huy phu-nhân mất, nhà chúa sủng-ái cũng kém dần, ông phải cư-tang quan Tư-dồ, phụng mệnh đổi sang vũ-ban, cứ lệ thì lại được khởi-phục. Gặp khi ấy cái mật-án của Thái-lữ năm canh-tí phát lên, kẻ gia-thần là Tuân-sinh-hầu, Khê-Trung-hầu đều bị giam chết ở trong ngục, Nguyễn Khẩn cùng Hàn-quận-công đều bị liên-tọa phải kiên giam. Nhà chúa mới giờ cái thiệp xin chè ra báo các quan phủ-liêu, tỏ rằng ông ấy là người ngạo-mạn vô-lễ. Mùa đông năm nhâm-dần, quân Tam-phủ khởi lên làm loạn, giết quan Thự-phủ là Điền quận-công, ủng-lập Đoan-nam vương là Trịnh Tung lên làm chúa. Khanh quận-công và tham-tụng là Từ Xuyên-hầu, giám-bàn Diêm quận-công đều bị tội. Nguyễn Khẩn lấy là quốc-sư

lại được nhắc lên làm Lại-bộ thượng-thư, vào tham-tụng, được tư-tước là Toàn - quận - công ; em là Nguyễn Điều cũng được nhắc lên quyền chức-Đô-dốc phủ-sự Diêm-nhạc-hầu, hai anh em cùng ở chính-phủ. Nhưng quân-tình khi ấy không phục, binh Tam-phủ lại khởi lên làm loạn, phá nhà ông Nguyễn Khẩn và nhà cậu chúa là quan Trung-úy cai-quản Dương-hầu quyền thự phủ-sự, giết mất người thủ-hiệu-tạo-sĩ là Chiêm trung-hầu. Nhà chúa bất-dắc-dĩ phải bỏ Nguyễn Khẩn ra kiêm lĩnh Sơn-tây Hưng-hóa hai trấn. Ông bèn cùng với quan Trấn-thủ Sơn-nam là Thạc quận-công Hoàng Phùng-Cơ 黃馮基 mưu mộ kẻ nghĩa-sĩ Tứ-tuyên định đem vào giết quân kiêu-binh. Quân Tam-phủ biết tin bèn làm huyền-náo ồn lên, có cơ nguy đến Trịnh sủng-phủ, mưu của Nguyễn Khẩn phải thôi. Năm binh-ngộ gặp buổi quốc-biến, quân Tây-Sơn kéo ra, vua Chiêu-thống lên nối ngôi. Đến sau quân Tây-sơn lại kéo về, Nguyễn Khẩn mới lại đem quân cần-vương vào châu nhà chúa rồi bị bệnh mất ở kinh, khi ấy ông em mất đã lâu rồi.

Quan Tư-dồ Xuân-quận-công có khi về chơi xứ Nghệ, một đêm nằm mộng thấy một người đàn bà vào kêu-van mà rằng: « Nay con sắp đến kỳ sinh đẻ, xin để cho mẹ tròn con vuông thì đều là nhờ ơn tướng-công cả. » Sáng sớm ông thức dậy thấy có người mang biểu con cá chép to, ông thấy con cá ấy dương chữa liền sai thả nó ra, sau lại nằm mộng thấy người đàn bà đến tạ ơn. Nay họ Nguyễn ở Tiên-diên không dám ăn cá chép là vâng lời răn của ông vậy.

Anh quan Xuân - quận - công là Nguyễn Huệ 阮德 làm quan đến tham chính rồi mất. Khi Trịnh Nghi-tô (Trịnh Doanh) vào tây-chinh, nằm mộng thấy một ông quan văn chít khăn

lượng mặc áo thanh-cát, đem năm trăm gia-định vào bãi yết. Chúa Trịnh hỏi, thì người ấy thưa rằng: « Tôi là tham-chính Nguyễn Huệ, nghe thấy ngự-giá vào tây-chinh xin đem gia-định đi theo hầu. » Chúa gật đầu tỉnh dậy, rồi phong cho vương-tước, lại truy-phong cho làm Trung-đăng-thần.

Ông Nguyễn Khả ham thích hát xướng, gặp khi con hát tang trở cũng cứ tùy trọng-phục khinh-phục mà cho nó tiền bắt hát, không lúc nào bỏ tiếng to tiếng trúc. Đến khi ông cư-tang quan Tư-đồ, ngày rồi cũng sai con-hát độ-khúc gọi là ngâm thơ nôm, kể con em họ quý-thích đều bắt-chước chơi bời, hầu thành thói quen. Xét đời ông Khả phong-lưu phú-quí, phúc-trạch như thế thật là hậu lắm. Thế mà khi ông quân binh thì kẻ thuộc-binh lại không phục làm ơn lên toan xông vào giết ông. Ông phải trốn vào trong nội - phủ, nhà chúa phải đổi người cai-quản khác, ông mới được thoát, sau ông lại bị nhục với bọn kiêu - binh họ đến phá nhà, còn những việc cùng-lhông đặc-táng khác nữa, nó thường ý - phục luôn luôn, ấy cũng là mệnh tự gây lên, hay là tạo-hóa cũng kỳ-doanh vậy.

Năm canh-tí phát ra cái mật-án của thế-tử là tự Ngô Thời-Nhậm 吳時任, ông Thời-Nhậm lấy công ấy được thăng làm Công-bộ Thị-lang. Người đời ấy có câu rằng: « Giết bốn cha mà được thị - lang, trung-cần chi hiếu » Ông Thời-Nhiệm bị công-nghị không dung, đến khi em là ông Thời-Chí 恠時 vào làm Thiêm-tri hình-phiên, có soạn ra bộ sách *Nhất-thống chí* - 統志 ông chép về cái việc mật-án ấy cũng có che dầy đi nhiều, nhưng về những việc trong cung-phủ cũng chép được tường lắm, không nên nhất-khái mà chê cả được.

Điền cây đa.

Miếu thần làng ta có cây đa to, hễ khi nào trong làng có người đỗ đại -

khoa, thì cành cây đa tự nhiên mọc ra một cái rễ nhỏ vòng quanh thân cây, như là đeo đai. Năm nhâm-thìn đời Cảnh-hung cây đa lại mọc đai, nhưng chỉ vòng quanh được đến nửa thân cây, khoa ấy thì có Võ-công 武宗香 đỗ.

Xét Võ-công nguyên là họ Đào 陶 từ tiên trước ở làng Cổ-bi huyện Gia-lâm, sau đến ngụ ở làng ta, kể đến đời ông mới được ba bốn đời. Làng Cổ-bi cũng có một cây gạo to, hễ trong làng có ai đỗ thì cây gạo mới nảy hoa. Năm nhâm-thìn cây gạo ấy cũng nảy ra một cái hoa. Ôi! Lạ là loài cây cỏ vô-tri, mà còn báo tin không sai như thế cũng lạ thay!

Gò đất làng Đình-tổ

Phía đông thôn chợ làng Đình - tổ huyện ta có một gò thổ-tinh, tả hữu lại có hai gò kim-tinh đối-cứng, các thầy phong-thủy cho là hai ông thần-đồng ngồi giảng sách, đất ấy liền với cõi tây làng ta. Người làng ta truyền rằng cứ đêm đến thì nghe tiếng thần-đồng đọc sách. Khoảng năm đình-hội Mậu-tí đời Cảnh-hung thì không nghe thấy nữa, ý chừng ông thần-đồng ấy đã xuất thế chăng? hay là linh-khi có khi tụ mà lại có khi tán đi chăng? không thể lý lý mà lường được.

Việc tế-tự.

Đời xưa Thiên tử làm vua cả thiên-hạ thì bày ra đủ các lễ tế giao, tế miếu, tế xã-tắc, tế sơn-xuyên. Vua chư-hầu thì tế thần sơn-xuyên ở trong cõi. Còn nhân-dân thì tế cúng thần-ký ở trong làng xóm mà thôi. Mỗi một xóm hợp mười lăm nhà cùng canh gác trông nom giúp đỡ lẫn nhau. Mỗi một làng thì cúng tế thần thổ-cốc và phối-hướng thần Cầu-mang, Hậu-tắc. Còn tế lễ các bậc tiên-thánh tiên-sur, thần-linh địa-ký và thờ cúng các đấng danh-thần

lương-trương nghĩa-phu tiết-phụ, hiếu-tử thuận-tôn, thì thờ cúng đã có nơi, cúng tế đã định ngày, nơi nào đã lập ra rồi thì không dám bỏ đi nữa, nơi nào không có thì cũng không dám cưỡng mà làm ra nữa. Nước Nam ta từ đời Lạc Hùng dựng nước, khoảng giữa lại phải phụ - thuộc về đời Hán, đời Đường, rồi đến đời Đinh, đời Lê, đời Lý, đời Trần, ngoài việc tế giao-miếu tế sơn-xuyên ra lại còn các đền thờ chép ghi trong tự-diễn, tự đời Trần đã thấy chép ở trong sách *Việt-diện-u-linh-lục* 越甸幽靈錄 cả thầy có hai mươi chín đền, về đời sau lại thêm mãi ra, đến đời Quang - thiệu Thống-nguyên lại thấy chép ở trong sổ tự-diễn đến một trăm mười đền, những đền ấy không phải là đền chính-tế thuộc về nhà nước, lại còn những bậc có công với nước hay chống đỡ đại-tai đại-họa cho dân, cũng đều có đền thờ cả, nhưng chưa chép hết vào tự-diễn. Khoảng năm Quang - hưng vua Thế-tôn khôi-phục được kinh-đô, truy-lục những người bày lời tiết-nghĩa đều cho lập đền cúng-tế đến hai mươi bảy đền; lại còn những bậc hiền-linh trợ-thuận địch có công-trạng, đều được bao-phong cho lập đền thờ, chép vào trong sổ sách rất nhiều, nhưng vẫn còn chia ra có điều - tự không đến nổi rối loạn.

Từ khi trong nước thái-bình được ít lâu, thói dân càng ngày càng kiêu-ngoa, những kẻ hào-cường ở chốn dân-gian, thường khi bỏ bán đồng-dân gom tiền lại vào dám tế thần, tự lấy làm đắc-ý, chỉ đua nhau mũ cao áo dài, cúng tế xa-xỉ, lại còn đút lót đề cầu sắc-phong cho thần, cho nên thần-nhân tap - nhập, tự - diễn hỗn-hào, kẻ nào mê về thói thượng-quỉ thì đua nhau mà không biết là dở, người nào lợi được của đút thì lại diềm-nhiên mà không biết cấm. Khiến cho những con ma hèn-hạ cũng được sắc phong,

những con yêu trâu chó cũng được hiền-hiệu, còn những đền thờ thần chính-trực, hoặc trải lực loạn-lạc binh-hỏa, bi-chí không còn, hoặc truyền lại lâu đời nghe nhớ sai-suyễn, muốn xét đến sách-vở thì xưa nay cấm san-khắc, không biết chứng-cứ vào đâu; muốn hỏi đến làng xóm thì xưa nay quen thói tị-húy làm sai mất cả duệ-hiệu, nếu không được người học trò chăm-chỉ gia-công sưu-tầm, thì đền nào là chính-tự, đền nào là dân-tự, không còn phân-biệt được nữa, thực đáng than cho thế-đạo lắm thay!

Làng ta phía đông-nam có một cái gò đất, tục gọi là Đống-chùa, nguyên là ở ngoài đồng đột-khởi lên một đồng đất, hình nó như cái kính đồng tròn, nước chảy vòng chung quanh, chỗ mạch đất chạy vào thì là cái chuỗi kính, các thầy phong-thủy gọi là mạch nhập-cước. Truyền rằng ngày xưa trẻ mục-đồng chơi đùa có làm một cái chùa con ở trên gò ấy, đến sau người lớn nhân thế mới lập thành chùa, chùa cũng linh-ứng. Năm canh-thân tân-dậu trải qua loạn-lạc phải lửa cháy đời-hủy đi mất, nay chỉ còn tro đồng đất không. Ngày rồi bước lên chơi cái gò ấy, thì đặt-từ sinh ra có ý cảm-khai về cuộc phế-hung kim-tích!

Truyền rằng ở trong đầm nước khi xưa có một con trâu chết đuối thành ma, hễ đến khi đêm trăng, thì cũng có lúc nó vùng-vẫy ở trong nước, kẻ diềm-phu đã-lão thường thường trông thấy. Ôi! Người chết đuối thành ma thì có, chứ như trâu chết đuối thành ma, thì trong các sách đã-thặng không thấy chép đến bao giờ, xem thế mới biết trong khoảng vũ-trụ không vật gì là không có. Trước mặt chùa cách cánh đồng nước có một con đường nhỏ bằng bờ ruộng, phía nam thông đến thôn Như-lãng làng Đình-tổ, phía bắc thông đến thôn Chợ-tổ làng Đình-tổ, lại còn một con đường cái quan ở

phía bắc bên chùa cách ược độ một quãng thì đến gò Hoàng-xà, cái gò ấy hình như con rắn dài ngồng-ngòè, phía tây-bắc nổi lên hai gò kim-tinh, người ta trở là kiêu đất *hoàng-xà thính cáp* 黃蛇聽蛤(1), mà tục gọi là xứ Đồng-lạc. Phía nam chùa cách độ nửa dặm lại có gò Ngoa-tượng, tục gọi là đồng Con-voi. Các thầy phong-thủy gọi là hình qui-nhân xuất-trướng.

Phía tây làng ta có một cái gò to, tục gọi là má Dương, nguyên là đất làng ta, sau vì cái cơ làng ta không nhận chùa Phổ-quang, nên gò ấy mới thuộc về làng Dương-xá mà thành tên là má Dương. Chung quanh gò ấy ược độ và mười mẫu, hình nó như là con cá chép hóa rồng, mang cá lóm xuống như cánh hoa sen mới nở, ở giữa đột lên một gò kim-tinh lồi lên như cái gương sen, quanh đấy má như bát úp, ở giữa có hai cái mộ là mộ phát-phú của họ Dương họ Võ, từ năm canh-thân đời Cảnh-hưng trở về sau, hai họ ấy đã thấy suy kém dần. Phía tây-nam mang cá là mắt cá đột lên một cái gò con kim thì tồ-mộ nhà quan thám-hoa Võ Thạnh 武晟 ở đấy, trước mộ có một cái oa nhỏ là nơi nội minh-đường vương độ năm sáu thước, lại xẽ về phía nam nữa là bắt đầu nơi long-mạch dẫn lại, các thầy phong-thủy cho rằng điện-tiền bát-tự thủy-phân, cho nên con cháu nhà ông Võ Thạnh nhiều người ly-tồ mà khánh-kiệt cả tài-sản, không biết cái thuyết ấy có phải không. Ta bảo rằng cái thuyết ấy quả-nhiên có thực, thì phạm những đất đảo-ky đều không tụ-tài cả, nghiệm xét các ngôi phần mộ có tiếng đều không hợp như thế, thì cái thuyết ấy cũng chưa chắc đã tin được. Trước tồ-mộ nhà ông Võ Thạnh có một cái oa nhỏ, mùa hè đầy đàn nước mà mùa đông cạn khô. 1ục truyền rằng ở đấy có ma cá cứ đêm

thanh nghe tiếng cá nhảy bi-bùm, đem tát nước đi để mò tìm thì không thấy gì cả, không biết là cái quái gờ gì.

Lễ tang

Lễ tang thì từ lúc mới mất cho đến lúc cất đám, người đời xưa đều dụng lễ « sự sinh », nghĩa là dâng cúng đều theo như lễ lúc sinh-thời, chớ chưa có tế lễ. Chỉ khi nào tân-khách đến phúng viếng thì mới có tờ trạng-cáo bài văn-tế để vào phúng. Gần đây thì từ lúc phạn-hàm đặt linh-tọa, lúc thành-phục cho đến lúc thượng-thực, tuần thất-thất đều dùng văn tế cả. Những nhà ông cha có công-nghiệp đức-hạnh thì làm ra lời văn tế lại quá khoe-khoang đã không hợp lễ, lại còn những nhà đê-tiện, không có sự-trang gì cả, thế mà những người làm văn tế lại chấp nhặt lấy những việc lúc bình-sinh đặt ra câu biền-ngẫu đối nhau, cho thế là thiết-đáng lắm, nhưng không biết đó chỉ là giở xấu cha mẹ ra mà thôi, thực là đáng than-thở lắm thay!

Lễ nhà miếu

Lễ bảo-thần thì có cỗ bàn dâng lên ngự cúng, cứ theo thói ở Lam-kinh, chỉ dùng thịt tái muông-sinh và vài thứ phẩm-quả thời-thực mà thôi, chớ không có làm văn-hoa gì cả, một người sư vào khấn bằng tiếng Ai-lao để chúc phúc, đại-ý chỉ cầu cho niên-thọ vạn-mệnh hoàng-thượng được trang-thọ, khấn xong rồi thì dùng hai đồng tiền ngà ném xuống đất để xem sắp ngửa, đó là thay tiền keo xin âm-dương, tức là cái di-ý của Dịch Thanh vậy.

Lễ trong nội-điện thì cứ lệ năm trăm xã phải cung-ứng, những xã ấy toàn là ở về nơi núi bề đất xấu dân nghèo, vậy nên nhiều xã thiếu tiền

(1) Con rắn dinh bắt con sò.

cung-ứng không đủ nhu-dụng về lễ-phẩm, cho nên lễ nhà Thái-miếu và diện Chí-kính những khi ngày kỵ thì muông sinh-lao gầy nhỏ, cỗ bàn sơ-sài, bánh đường thì chỉ dùng nước quả rành tằm vào cho vàng, nước mật thì chỉ dùng nước chè tươi, nên chỉ có sắc vàng mà không có mùi ngọt gì cả. Ta khi nhỏ có đi qua cửa nhà Thái-miếu gặp ngày hôm kỵ liệt-thánh nhà Lê, thì thấy một tên lính gánh nổi hai trâu, hoặc một người gánh nổi bốn mâm xôi, xem thế thì biết là lễ-phẩm suy bạc, đời Châu đời Lê khi xưa suy-tước cũng không đến nỗi như thế.

Thần-lễ

Bùi-công Huy-Bích 裴輝璧 có nói rằng: Họ Trịnh từ đời Nhân-vương (Trịnh Cương) trở về trước, còn giữ thần-lễ. Các quan liêu-thuộc trong phủ chúa Trịnh, mới đặt có Hộ-phiên, Binh-phiên; Thủy-sur-phiên và Linh-sử-phiên mà thôi, trong triều vua Lê lục-bộ còn chữa đến nỗi thất-chức. Trăm quan vào tâu việc đối với chúa Trịnh thì xưng mình là « ngu ». Chúa Trịnh có ra phủ-đường coi chính-sự, thì bách-quan đội mũ bình-đỉnh, mặc áo thanh-cát vào tham bái đứng hầu. Quan đại-thần ở phủ bộ vào bái-yết xong thì lên chỗ ngồi, đó là theo cái lễ vào tham-yết ở chốn tướng-phủ. Khi nào nhà chúa khai-các ra tiếp-kiến tâu-khách, thì bách-quan đội khăn lương, khăn yếm-vĩ, mặc áo thanh-cát, vào bái yết xong rồi thì cứ theo thứ-tự mà ngồi, khoản-tiếp phù-trà tử-tế, đó là theo cái lễ tướng-phủ ra tiếp khách. Khi ấy nhà chúa có vào chầu vua Lê, theo lệ tuy đã miễn-bái, nhưng khi chúa Trịnh nào mới được thụ sắc-phong ra thân-chính thì cũng phải thân-hành vào triều-bái vua Lê. Đời vua Lê Hi-tôn lên thượng-thọ tám mươi, chúa Trịnh Nhân-vương cũng mặc áo triều-phục vào đứng ở bên hữu

long-trì, thân ra đón-dã trăm quan vào lạy mừng. Vua Lê sai giải chiếu thất-trùng ở nơi bái-vị của chúa Trịnh để tiêu-biểu ra cho khác. Đến khi Trịnh Thuận-vương (Trịnh Cương) nối ngôi, mới đặt ra Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công sáu phiên, cướp mất cả quyền quan Lục-bộ, lấy chức chưởng-thự tham-bồi làm quan chính-phủ đại-thần, từ bấy giờ chốn triều-đường vua Lê chỉ là hư-thiết mà thôi. Các quan vào tâu chúa Trịnh thì đổi chữ « ngu » xưng là « thần ». Chúa Trịnh ra thân-chính ở phủ-đường thì gọi là « thị-triều 視朝 », khi nào ra tiếp khách ở ngoài các thì gọi là « khách-triều 客朝 ». Quan đại-thần ở chốn phủ-bộ phải đợi chỉ nhà chúa cho ngồi mới được ngồi, thì gọi là « tọa-đường 坐堂 ». Còn cái lễ nhà chúa vào triều-bái trong nội-diện vua Lê thì bỏ đi không hỏi đến nữa. Nhà chúa có truyền chỉ ra thì trước kia vẫn gọi là lệnh-chỉ, sau này quyền-chính đều về nhà chúa, đệ-niên cứ đầu xuân ngày khai-tỉ-ấn thời yết tờ lệnh-chỉ mới ra ngoài phủ-đường hoặc ngoài cửa các. Các quan võ-giai xuất-thân và chức câu-kê trong sáu cung đều phải có lệnh-chỉ ban cho cả, còn các việc khác mà do nhà chúa truyền ra thì xưng là *chỉ-truyền* hay là *chỉ-dụ*, hoặc xưng là *ngự* là *thánh* cũng không khác gì như trong nội-diện vua Lê vậy.

Bái-lễ

Bái-lễ thì từ đời xưa có chín lạy, cái số lạy hoặc hai, hoặc bốn, hoặc sáu, hoặc tám thì tùy theo lúc đại-lễ hay tiểu-lễ mà lạy. Sách *Tả-truyện*: « Vua Hoàn-công nước Tề nhân thị phần vua ban, lạy hai lạy. » Sách *Văn-hiến-lễ-khảo*: « Quan Thị-trung truyền chế ra thì quan Thị-chế lạy hai lạy, thế thì khi triều-hạ có hai lạy mà thôi, Khi đại-lễ trăm quan múa nhảy thì lạy bốn lạy, thế thì khi triều-hạ phải lạy bốn lạy ». Sách *Gia-lễ* của Tư-Mã-công; « Trong khi tuế-thời

khánh-hạ đại-lễ, thì trước bốn lạy sau bốn lạy, khoảng giữa hoặc hiếu-tử hoặc chúc-phúc thì lạy hai lạy, thế thì trong lúc các nhà thường làm lễ cũng có dùng hai lạy hoặc bốn lạy. Lễ tang khi chửa chôn, lúc làm lễ khiên-diện phải lạy bốn lạy. Sau khi đã chôn rồi làm lễ tế ngu, theo nghi-tiết cũng có dụng hai lạy, thế thì cái lễ hai lạy hoặc bốn lạy không phải là để phân-biệt lúc chửa chôn với lúc chôn rồi đâu. Còn như lễ triều-hạ mà dùng lễ năm lạy ba khấu-đầu, là từ đầu đời Minh. Hoặc dùng lễ ba quỳ năm khấu-đầu là theo về tục Mãn - châu chứ không phải là lễ cổ. Gần đây lễ triều-hạ thì chuyên dùng năm lạy, còn lễ cúng tế trước sau đều dùng bốn lạy, rất là một việc đáng ngờ. Còn đến như cái lễ hai lạy cứ theo như hội-diễn năm Chính-hòa khi triều-lễ cũng có dụng hai lạy, thế mà nay dân-gian lại cho cái lễ hai lạy là hung-lễ khi nhà tang-gia chửa chôn, hoặc khi tân - khách đến phúng viếng thì cũng theo dùng cái lễ hai lạy, có người hỏi thì bảo rằng đó là theo như lễ hiếu-chủ mà lạy, thế sao người hiếu-chủ lúc so-tang lấy vải trắng buộc ngang đầu vén tóc, lúc đã quàn rồi thì mặc áo trắng-thôi khóc-lóc; người vào viếng thăm lúc mới mất thì phải trần tay áo, lúc đã quàn rồi thì mặc áo trắng mà vào thăm, không khi nào giống với người hiếu - chủ cả, Thế thì những việc ấy sao không theo bắt chước hiếu-chủ, mà chỉ bắt chước cái lễ lạy của hiếu-chủ là ý-nghĩa gì ?

Thường xét tang-lễ đời cổ, từ lúc cha mẹ mới mất cho đến lúc làm lễ diện cát đám đi chôn, đều dùng hai lễ, mà không có làm văn đề tế, nghĩa là cứ theo cái lễ thường trong gia - đình con thờ cha mẹ cứ lấy lễ sự - sinh mà thờ, chưa nở coi đấng thân đã chết đi rồi vậy. Nhưng xét lời khẩn lúc làm lễ khiên - diện là lúc sắp rước

linh - cứu đi chôn, có khẩn rằng :
 « Xethiêng đã sắp, rước tôi nhà âm, bày lễ khiên-diện, quyết-biệt chung-thiên. » Ngâm như mấy câu khẩn ấy thì lúc làm lễ khiên-diện cũng có lạy bốn lạy, ví như đấng thân sắp đi đâu xa, lúc làm-biệt con cháu phải làm đại-lễ vậy. Lễ tế Ngu tuy rằng làm về sau khi đã chôn rồi, nhưng mà bụng người hiếu-tử vẫn còn bàng-hoàng thương-xót, chửa nở vội lấy cái lễ « sự quí » mà thờ đấng thân, vậy nên lúc đọc văn tế trong nghi-tiết cũng có lạy hai lạy. Còn từ sau khi làm lễ tốt-khốc trở về sau, mới thuận lấy cái lễ « sự thần » để thờ đấng thân, nghĩa là lúc giáng-thần, từ-thần, đều phải lạy bốn lạy cả. Còn như cái tình bè-bạn tân-khách thì khác tình cha con, vậy nên lúc nào phúng viếng thì tất phải lạy bốn lạy để cho phân-biệt khác với người con, chớ lại bảo là bắt - chước theo hiếu-chủ là nghĩa gì ?

Đời xưa trước khi ăn uống thì có rót một chén rượu đề tế, nghĩa là tế người bày ra ăn uống tự đời cổ. Nhưng trong một tiệc ăn chỉ duy người trưởng-giả mới rót rượu tế, còn những người ti-ấu thì không được tế, tức như trong lễ bảo rằng vua rót rượu tế thì bày tôi cứ rót rượu uống trước đi. Lễ tang trước khi chửa chôn thì chỉ đặt cơm cúng chứ không có tế, là vì người hiếu-tử không nở coi đấng thân đã chết rồi mà vội đã làm lễ tế. Sau khi đã chôn rồi thì mới lấy lễ sự-thần để thờ đấng thân, cho nên lúc hiến ba tuần rượu chủ-nhân phải làm lễ tế-tử là rót ra một chén rượu đề tế, nghĩa là thay hộ quỷ-thần mà làm lễ tế-tử, ấy lễ-ý nó rành-rành ra như thế, mà người ta không biết xét, lại lấy hai lạy với bốn lạy phân-biệt lễ cát với lễ hung. Nếu quả hai lễ là hung-lễ thì sao lúc cát - tế cũng có khi lạy hai lạy ? Huống-chi tự khi làm lễ tang mà

chứa đến ngày tiêu-tường, còn phải theo hung-lễ cả, sao lại cho bốn lay là cát-lễ được.

Quan-chức

Đời Tiều-Lê lấy chức Tư-mã 司馬, Tư-dồ 司徒, Đại-dô-đốc 大都督, là ngôi quan tướng, chức Ngũ-phủ đô-đốc là bậc thứ hai, các quan Hành-khiển văn-thần thì chỉ đề làm cố-vấn giữ việc văn-thư, cũng như là chức học-sĩ năm Vĩnh-lạc đời nhà Minh vậy. Từ đời Hồng-thuận trở về sau mới có đặt chức Bình-chương-quân-quốc-trọng-sự, nhưng khi ấy triều-chính đã không được thống-nhất, chỉ nhân việc mà đặt ra chức quan chứ không có chép ở trong quan-chế. Từ năm Quang-hung trở về sau, đầu hàng quan văn được tham-dự triều-chính kiêm-chương cả lục-bộ, đó mới là chuyên-nhiệm quan văn làm thủ-tướng. Còn như chức quan ngũ-phủ đô-đốc lục-bộ thượng-thư, đều là chức quan đại-thần trong triều-đường. Trịnh-phủ tuy lấy quan văn cho vào tham-tụng phủ-đường hoặc làm bồi-tụng phủ-đường, nhưng cũng chỉ là coi về việc công trong Trịnh-phủ mà thôi. Từ khi chính-quyền về cả Trịnh-phủ thì bên võ-giai lấy chức Đô-đốc chương-phủ-sự, thự-phủ-sự, quyền-phủ-sự làm chức trọng-thần, còn như chức ngũ-

quân đô-đốc thì lại là chức gia-quan. Bên văn-giai thì lấy chức tham-tụng bồi-tụng làm chức thừa-tướng, mà các chức lục-bộ thượng-thư làm tản-chức. Đó là tùy theo thể-biến mỗi lúc một khác. Còn như bên Trịnh-phủ lại đặt ra sáu phiến, có chức thiêm-sai, có chức tri-phiến, thì dùng các quan tiến-sĩ văn-thần sung vào chức ấy; chức phó-tri, chức thiêm-tri thì dùng các ông giám-sinh văn-học bổ vào, cũng giống như trong tòa lục-bộ thượng-thư, lại có chức thị-lang, lang-trung, viên-ngoại, đó tuy rằng danh khác mà thực giống nhau vậy. Lại còn có đặt ra giám-ban nội-thần, mà cũng có những chức tri-phiến, thiêm-phó, thậm-chí lại để coi giữ cả mọi việc quân-hành, thiết-tướng đời Hán đời Đường bên Tàu, đời Lý đời Trần bên ta cũng chứa từng có những chức quan ấy bao giờ. Sách sử có chép khi Thuận-vương giữ chính-quyền có đặt ra võ-ban, văn-ban, giám-ban, chia làm ba ban, thực xưa nay chưa thấy thế bao giờ, không biết lúc triều-hội theo đẳng-cấp mà phân ban ra làm sao, tiếc rằng không được tường vậy.

(Còn nữa)

HỒNG-CHÂU dịch



HỒ CÁI GIÀ (1)

(Nhật-ký sợ vợ)

V

XVII. — Mẹ già lánh mình

(Ngày 16 tháng 5)

Than ôi! cái cảnh-ngộ của mẹ tôi cũng cùng-khổ lắm thay! Sáng sớm gọi tôi vào trong buồng ngủ khóc bảo tôi rằng: «Mẹ nay tuổi ngoài thượng-thọ, chết cũng chả có tiếc gì, chỉ có một nỗi làm lầm cả một đời con là khiến cho mẹ khó nhắm mắt được thôi, con có oán mẹ không?» Tôi nói: «Số con như thế, việc gì mà oán mẹ, xin mẹ đừng nghĩ thế». Mẹ tôi nói: «Mẹ tìm đường chết đã mấy lần mà không được đây, chiều tối hôm qua sang miếu Thành-hoàng bên xóm kia cầu đức Thành-hoàng chuyển đạt lên vua Diêm-vương xét lại sổ xem, ngộ là về lúc vua Diêm-vương xem xét sổ-sách, nhãng sót mất tên mẹ, nên đến nỗi sống sót ở đời, chịu oan-khổ mãi chẳng! Nếu thật như thế, xin cho sứ lại bắt ngay, mẹ xin nghênh cõ mà đợi, nào ngờ đầu trở về ngồi nghe-ngóng mãi đến canh năm, không thấy có điềm gì chết, không làm thế nào được, nên mới trông dây treo cổ, đang lúc sắp được chết, mà lại sống lại, con thật hay lời-thôi lắm thay!» Tôi nghe lời mẹ tôi nói mà đau-dớn cho cái cảnh-ngộ cùng-khổ của mẹ tôi, ngời ta ai cũng cầu thọ mà mẹ tôi lại cầu chết, có thảm không! Than ôi! Để ra tôi là con trai ngang-tàng bầy thước làm gì, tội tôi thật không sao trốn được vậy! Mẹ tôi lại nói: «Thân già này kết-

cục cũng chết, chết sớm là thoát nợ sớm, có tiếc chi!» Tôi cố van xin mãi vẫn không nghe, sau lại bảo rằng: «Nếu muốn cho già này đợi hết tuổi trời mà chết, thì trừ cách cắt tóc đi tu, bỏ hẳn cái nhà này, không còn có cách gì hơn nữa, như vậy thì trong vòng chuông đồng mõ gỗ còn hơn ở dưới cái oai hung-ác chua-cay nhiều, già này sắp đi đây, con mà khéo xử được mọi việc nhà, ví bằng sau này mẹ con lại được xum-hạp là cái hạnh-phúc ngẫu-nhiên, không thì nên tới trong am Tĩnh-độ mà nhật-nằm xương tăn của ta cũng được.» Tôi nhất-định xin đừng như thế, mẹ tôi nói: «Nếu thế là thúc cho ta chóng chết đó». Tôi không làm thế nào được phải để mẹ tôi đi, qui lạy cầu xin mẹ tôi rằng: «Đã đành thế thì xin mẹ hãy tạm nương thân dưới bóng từ-bi; mấy rò tóc bạc, xin nghĩ đến mắt tổ-tôn nhà ta, thiết chớ có phó cho con dao cái kéo!» Mẹ tôi ngăn nước mắt mà nói rằng: «Ừ». Thu xếp một ít quần áo rồi ra đi, tôi dắt tay đưa mãi đến trong am. Am này là của một nhà thân-sĩ họ Vương dựng lên, mấy gian nhà rộng, trăm mảnh ruộng ngon, sư nữ ở có và bốn người, đều nhờ lộc ấy mà ăn mặc cả, sư cụ am ấy là Diệu-pháp cũng là người thương-tâm, già mới cắt tóc đi tu. Nghe mẹ tôi kể hết nguồn-con không thể ngăn được giọt lệ mà nói rằng: «Sư già này qui-phật hai mươi năm trời, nay tuổi đã tám-mươi-năm, tình-tứ lảng-

(1) Xem Nam-Phong từ số 124.

làng, bụi trần rũ sạch, một dòng nước mắt này cùng với sự già này không thấy nhau đã mười chín năm rồi, không ngờ hôm nay lại bị già dẫn nó ra ngoài khoe mắt này đây! Cái thân-thể của lão-phu-nhân chính là cái ảnh của sự già này in lại đó, nay đã định thể này, trong am cũng đủ dung thân, gió trăng mát mắt, muối dưa cay lòng, chả phiến phải đi đâu nữa.» Mẹ tôi nghe nói ra ý vui-vẻ, tôi nghe sự già nói biết rằng đối với mẹ tôi hợp lắm, trong lòng mới hơi yên, từ-biệt mẹ tôi trở về, mẹ tôi còn theo ra mãi ngoài cửa am nước mắt lã-chã không nở buông tay, định-ninh về việc nhà mãi mãi, lòng tôi rầu-rĩ như Trương, biệt mẹ tôi về, tôi nhà còn nghe thấy tiếng vợ tôi nhיע rằng : «Ranh-con cùng với mù lẫn-cần đi đâu thế?» Tôi nói dối rằng : « Tôi sợ đề mẹ ở nhà như kêu cơn giận cho người yêu của tôi, nên đã đưa sang ở nhà họ ngoại không có bao giờ về nữa rồi.» Vợ tôi càng giận dữ nói rằng : « Mày đưa mẹ mày ở riêng một chỗ hưởng cái hạnh-phúc rượu ngọt cơm ngon, giam-hãm ta ở đây cơm hầm rau cần, mày thật là kẻ đen lòng lắm thay ! » Tôi không sao trả lời được, gượng đáp rằng : « Từ nay trở đi nội việc trong nhà xin để mình coi sóc, tôi không đoái-hoài đến nữa.» Vợ tôi nghe nói nét mặt nhàng-nhàng bảo tôi rằng : « Ừ, đã thế thì mày mượn ngay cho ta rõ nhiều tôi đòi, ta sẽ gây dựng cho mày một cái gia-đình văn-minh, mày có theo mệnh ta không? » Tôi mừng thầm nói rằng : « Người yêu của ta mà hay làm được như thế thì nhà tôi cảm ơn xiết bao ! » Vợ tôi dắt tôi ngồi trên ghế treo cầm tay tôi hôn mãi, (Thân-nhiệt như thế, thật là ý không ngờ đến có thể!) rồi ôn-tồn nói rằng : « Anh nói mẹ già anh đã đi ở chỗ khác, (Trên gọi là ranh con, là đồ lẫn-cần, nay lại gọi là anh, là mẹ già, sang hèn thế nào, lạnh nóng thế nào!) việc nhà nhất-

nhất đều theo mệnh tôi, có thực thế không? » Tôi nói rằng : « Đích thực đấy, người yêu ta thế nào thì cứ thế là được rồi. » Vợ tôi ngâm nghĩ một lát rồi nói : « Thế thì ta kể các điều-kiện cho mình biết : 1' Từ nay trở đi, cái quyền của-cái nhà mày về tay ta giữ hết ; 2' Mẹ mày không được trở về nhà lẩn-láp mất cái quyền-hạn của ta ; 3' Xử-trí việc nhà, họ-hàng thân-thích nhà mày không có quyền đoái-hoài đến ; 4' Ta có mệnh-lệnh gì, mày phải theo hết, mày có ý lời ta, ta sẽ thu-xếp cái gia-đình tôi-lão này cho. » Tôi nghĩ bụng những điều-kiện ấy cũng chả có quan-hệ gì, mới trả lời rằng : « Người yêu của ta đã bảo thế, tôi đâu dám trái lời, xin để mặc cho người yêu của ta sửa-sang hết thầy.» Vợ tôi mừng rú nói rằng : « Như thế là mày biết ý rồi đó.» Năm chặt tay tôi hôn mãi không buông....

LỜI PHÊ-BÌNH. — *Mẹ chàng ngót trăm tuổi đầu còn đầy-đọa làm sự làm tiêu, thế thì nuôi thẳng con bất-tiểu ấy, để dùng làm gì! Sự già cũng một đoạn thương-tâm ấy, thấy nhau mà bất-giác động tâm lòng đau-dớn, rớt nước mắt động-tình, thế thì biết trong thiên-hạ có lắm con dâu hung-ác, chả phải chỉ một mình đình-sự mà thôi!..*

XVIII — Cả nghe mắt nhà

(Ngày 20 tháng 5)

Than ôi, cái lòng vợ tôi đối với tôi thân-nhiệt như thế, thật từ ngày cưới đến giờ chưa có bao giờ! Vợ tôi phát mệnh-lệnh thuê năm con đòi, hai thẳng ở, các người làm mướn ở hai bên láng-giềng đều vâng lời đến ngay, vợ tôi truyền bảo đưa thì canh cửa, đưa thì tiếp khách, đưa làm nhà bếp, đưa giặt áo quần, đưa thì vá may, đưa thì mua bán, còn thì quét-trước và làm các việc vặt, đưa nào cũng có chuyên-trách, (Ranh rọt có thứ-tự, phảng-phất như

chức Đại-tổng-thống lên ngôi dùng người này làm đốc-quân, người nọ làm lĩnh-trưởng), các tôi tớ đều vàng dạ theo mệnh cả, (giỏi hơn những bọn đốc-quân bây giờ cây có bình-quyền quật-cường lắm lắm). Vợ tôi lại dự-tính các cách: phòng khách làm lại như thế nào, buồng-chái sửa-sang như thế nào, cửa cổng tường nhà làm theo lối tây, bờ giào bờ rậu, phá nhỏ sạch sẽ, qui-mô xếp-dặt, tự cho là tận-thiện tận-mĩ rồi, tôi thì cũng mừng thầm rằng vợ tôi làm được như thế, cửa nhà tôi cũng sáng-sủa rạng-rỡ thêm, mẹ tôi tuy ẩn thân nơi khác nghe thấy cũng rất mừng vui. Một hôm hốt-nhiên vợ tôi kéo tôi ngồi, rồi bảo tôi rằng: « Cách-thức cải-cách gia-đình đâu ra đấy cả rồi, chỉ còn đợi chờ mình giao tiền của cho tôi, là lập-tức thấy cái gia-đình vẫn - minh như nhà mẹ tôi ngay đó. » Tôi bất-giác tái mặt nói rằng: « Tôi còn có của-nả gì nữa đâu, của cha mẹ để dành cho chỉ có ba gian nhà bếp, một luống rau cần mà thôi, ngày thường chi-dùng công-nợ nhan-nhân, tính những số phí-tồn cho tôi đi học, lấy vợ, đều là cái của mẹ tôi kim chỉ dành-dựm trong hai mươi năm trời mà ra, nhưng nay thì hết nhẵn rồi, tôi không thể nào lại tìm mẹ tôi, cắt lấy mười ngón tay mà giao cái quyền của-nả cho người yêu của tôi được nữa! » (Lời nói lâm-li sảng-khoái sao, đồ hèn nhát ít khi mở miệng được như thế!) Vợ tôi nghe dứt lời tôi nói, đứng phắt dậy vùng-vằng vừa ra vừa nói rằng: « Mà còn muốn giấu của cải của mày à, thế mày trái điều-ước với ta rồi đó, ta còn nhớ lúc mẹ mới đến làm mối ta lấy mày có nói rằng: « Chàng ấy mặt đẹp như Phan An, tài cao hơn Tử-Kiến, nhà lại giàu, ruộng tốt hàng nghìn mẫu, bố mất sớm, mẹ yêu thật đến hết điều, (lại đối với đoạn văn ở trên thú thay!) vì sợ người ngoài dòm nom, nên mẹ chàng giấu-giếm kin-đáo, không mấy

người lường, lại còn bảo rằng phải lấy dấu mà gạt vàng bạc nữa; mẹ ta tin là thật mới gả ta cho mày; lúc cưới lại thấy xe ngựa nghênh-ngang, tôi đòi rợn-rợn, ta vẫn không ngờ, ngày trước mày còn nói dối là mẹ mày hà-tiên, nay mẹ mày đi rồi, mày còn giấu-giếm được nữa ư! (oan thay!) Mày còn vờ làm gì thế? » Tôi nói: « Chao ôi! Tôi còn giấu-giếm gì nữa, mình thử xem trong buồng mẹ kia, trừ một tấm bông rách ra còn có gì là cái đáng tiền nữa không, nếu mà có, tôi xin mặc ý người yêu của tôi phung-phá, tôi thề rằng không có đoái-hoài! Người yêu của tôi ơi, mình lầm to rồi, nếu mẹ có tiền đã chả đến nỗi than-vãn suốt đêm hôm trừ-tịch! » Vợ tôi lấy làm thất-vọng, bật đi một lúc lâu lâu rồi mới nói rằng: « Thế thì nhà mày đã không có kinh-tế, còn kiến-thiết làm sao được nữa, gái này ra đời hai mươi năm trời, nay bị mày lừa rồi, mày tưởng đến của trong hòm gái này ư! Gái này không thể sao mà chính-đốn lại cái nhà suy-đổi cho mày được nữa rồi, chỉ còn những sự đã làm, tiền công thợ thuyền, tiền mua tre gỗ-đến ngót trăm bạc, chưa có tiền trả đấy, mày nên liệu tính lấy, cái đó không phải là việc gái này, gái này không dự gì đến. » Tôi nghe nói sợ run, nghĩ bụng làm thế nào cho xong xuôi được, cố xin nài mãi, vợ tôi vẫn cứ làm thinh. Một lát hốt-nhiên bảo tôi rằng: « Muốn xong sự này phi bán đứt ba gian nhà nát này không xong. » Tôi tái mặt nói rằng: « Sự đó không thể làm được, vậy thì tôi với mình đi ở vào đâu? » Vợ tôi cười nói rằng: « Mày không lo, ta đã có cách. » (Chủ-nghĩa đã định rồi). Tôi nói: « Nếu thế thì mặc người yêu của ta toan tính cả. » Vợ tôi liền cùng tôi sang nhà ông láng-diềng mỗ nói rõ các sự, ông có ý lăm-le muốn lấy nhà tôi mà lại muốn bắt chẹt chỉ trả hai trăm, vợ tôi nài lấy ba trăm, ông lác

đầu hoai, tôi và vợ tôi đều tức mình đứng dậy ra về, dạo khắp hàng xóm nhà ai muốn mua, đến gần tối mới về nhà, buồn-hực gay-gắt mà lòng tôi thì mừng thầm rằng không ai muốn mua thì may ra giữ trọn vẹn được cái của ông cha để lại cho, không đến nỗi như chim mất tổ, lưu-lạc quê người. Đang lúc nghĩ vợ nghĩ vẩn, sực thấy vợ tôi sai thằng ở sang nói với ông hàng xóm rằng thuận bán giá trước và giục làm văn-tự ngay. Thằng ở đi một lát trở về nói rằng: « Ông hẹn rằng ba hôm nữa làm văn-tự xong mới giao tiền ». Tôi nghe mà đau lòng nát ruột, ngẫm-ngĩ hai trăm bạc mà bán cái của ông cha để lại cho này, nếu mẹ mình mà nghe thấy không biết lại cảm-tưởng đến thế nào, mình không nỡ đến bảo mẹ, mà bảo cũng là vô-ích thôi, mặc nó làm thế nào thì làm, ...

Sáng ngày rằm có một ông già, da mồi tóc bạc chổng gậy đến nhà tôi, sau lưng có hai thằng đầy-tớ khõe đi theo, ông người lặng-lẽ ít nói, hỏi tôi rằng: « Họ thân có ai đến không? Bán một cái nhà không thể làm giấy-má luôm-thuôm được đâu ». Tôi không lấy gì mà trả lời được, ông tức-thì đứng dậy xách gậy vung-văng trở bảo hai thằng đầy-tớ ra về. Vợ tôi lấy làm thất-vọng, *(bác nhà giàu vẫn có cái thái-độ ấy, ai cầu đến mình là bác bực làm cao ngay!)* lại sai thằng ở hỏi lại ý ông làm sao; ông nói: « Nếu không có người họ thân đến ký tên thì ông không tậu. » Vợ tôi lại bắt tôi đi gọi các họ thân đến, tôi nghĩ khó sao mà mặt dày đi nói được, mới viết thư nói dối là việc khác, mời bà đi và ông chú họ đến. Đến lúc đến nơi, nghe biết rõ sự, ai cũng rụng-rời, bà đi ngồi một tí rồi nói dối trốn về. Vợ tôi mắng nhiếc mãi rồi dẫn ông chú đến nhà ông mỗ, ông ngồi ngắt-nguởng trên sập, ra bộ làm ngơ, vợ tôi ngọt-ngào nói mãi mới gật đầu nghe, văn-tự viết sấp xong, hốt-nhiên thấy một

người con trai hất-hải chạy đến nhà ông, để túi bạc lên bàn đánh soảng một cái rồi nói rằng: « Ông tậu nhà ấy hai trăm bạc phải không? » Ông nói: « Thật đấy. » Người ấy nói rằng: « Tôi xin trả gấp hai lên bốn trăm bạc tậu cái nhà ấy. *(Lạ thật!)*. Nếu ông cũng trả bốn trăm thì tôi nhường cho ông tậu, không thì phải nhường cho tôi trả cao hơn, » Ông gãi tay ngẫm-ngĩ hồi lâu rồi nói: « Ừ thì anh tậu lấy, tôi chả ganh khí với anh làm gì cho tốn của, *(ông ganh của chứ không ganh khí, thật là cái bản-tình anh bỏ giữ của!)* Song ta không biết anh là ai, ở đâu tá? » Người ấy nói: « Tôi họ Vương, ở mé đàng đông, nhà hẳn với nhà tôi liền cõi. » Ông nghe nói mất hi-vọng, liền giục đầu đến tậu ngược. Tôi mới bỏ văn-tự cũ lại viết bản khác cho họ Vương, qua-loa xong việc, chòng đủ bốn trăm bạc đồng, tôi rút túi định về nhà, *(nhà đâu mà về!)* Người ấy lại hỏi: « Hôm nào dọn đi? » Vợ tôi đáp rằng: « Độ một tuần-lẽ, » Người ấy gật đầu rồi giắt văn-tự đi. Tôi cùng vợ tôi về nhà, vợ tôi tính-toán trả liền công-sá cho các tôi-dòi, bọn chúng đều cười đờn ra về. Ngày 16, vợ tôi dọn dẹp thu xếp các đồ-đạc trong buồng vào hòm rồi thuê người mang đến nhà mẹ, tôi hỏi vợ tôi rằng: « Sau này định ra làm sao? » Vợ tôi nói rằng: « Ta đã có chủ-trương, mày đừng nóng-nảy, ta sẽ dắt mày về ở nhà ta qua ngày. » Bấy giờ một thân tôi không có chủ-quyền gì, đành mặc vợ tôi chỉ dẫn như là tượng gỗ mà thôi!

LỜI PHÊ-BÌNH. — *Phu-nhân sở-đĩ lấy chàng, là vì mẹ mỗi nói dối cả hai bên, chàng đến nỗi này cũng là vì mẹ mỗi cổ - hoặc mẹ chàng, tội mẹ mỗi thật không sao từ được, không trách phu-nhân say mê cái cách tự-do kết - hôn được!*

Lúc phu-nhân thất-ý, liền toan sự phá hết nhà, kiến-thiết không được, liền phá-hoại ngay, cùng với đảng cách-mệnh bây giờ chả khác chút nào.

Trả cái thái-độ ông nhà giàu, như hét trên tờ giấy, giữa đường thất-ý thật không ai có ngờ đến, ông tranh của không tranh khi, cũng là bài châm hay để trị nhà, ông sở-đĩ giàu cũng là vì đó.

XIX.— Sống sót miệng sự

(Ngày 20 tháng 7)

Hơi sương lạnh ngắt, tiếng nhận lưng trời, người thương-tâm không chốn yên thân, nương nhờ người khác, nghĩ tình cốt-nhục lia tan mà xót-sa muốn chết! Từ khi tôi mất nhà đến nay, nương nhờ nhà vợ qua ngày, vợ tôi càng khinh rẽ hắt-hủi, coi tôi như là tôi-tớ, tôi nhờ có cái gì trái mắt là đòn đánh đến ngay, suốt mình sứt - sỡ, không nở sờ mó đến nữa, ăn thuần tấm mẩn, ngủ manh chiếu đàn, tôi buồn-bã không còn có cái gì là thú muốn sống nữa. Than ôi! Cha mẹ sinh ta nuôi ta, coi ta như ngọc báu trên tay, biết đâu rằng có cái cảnh-ngộ như ngày nay, ngẫm nghĩ đến đây, lệ như mưa trút xuống. Chiều hôm qua nghe thấy vợ tôi nói với mẹ vợ tôi định đuổi tôi đi, tiết đường nhân-nghĩa, lòng mẹ bất-nhẫn, khuyên vợ tôi mãi, vợ tôi mới lằng-lặng yên. Than ôi! Mình ở đây, kết-cục cũng không bền được, chưa biết ngày nào chim xỏ lồng ra, tôi rất thích bắt chước như mẹ già cắt tóc đi tu, vào nương cửa phật, một mình ngẫm-nghĩ, ngọn đèn hắt-hiu, suốt đêm chiếc bóng, mắt chẳng nhắm yên, tuy không phải là cá gỗ mà đã như cá góa rồi!...

Buổi quá trưa ngày 21 hốt-nhiên thấy hai người lính lệ đến đòi tôi bảo rằng: « Quan huyện cho trát bắt đây. » Tôi bàng-khuáng chả biết là vì việc gì, bảo bọn lính lệ rằng: « Hay các chú bắt lầm, tôi đóng cửa ở nhà

đã mấy tháng chầy, có việc gì mà bắt tôi? » Bọn lính lệ cười nói rằng: « Chúng tao có làm bao giờ, mà cứ theo tao tới công-đường tự-khắc biết chuyện. » Tôi nghĩ bụng mình chẳng có lỗi chi, cứ đi theo vào xem. Tới cửa huyện, thấy quan huyện liền ra công-đường, đòi tôi vào hỏi tên họ đầu đuôi rồi, đọc tờ khai qua-loa rằng: « Con gái họ Vạn thừa rằng: mà không trọn hết cái nghĩa-vụ nuôi vợ, nên yêu-cầu bỏ mày tuyệt hết mọi đường quan-hệ để nó lại đi lấy người khác, v. v... » Tôi nghe dứt tiếng, bất-giác thần mê phách mẩn, điếng người đi không sao trả lời được nữa; một thoáng thấy vợ tôi phiêu-nhiên đến pháp-đình, áo gấn nịt tay, quần dài quét đất, chẳng khác gì thần-tiên, vào cửa quan tuyệt không có thẹn-thùng một chút nào, đàm-luận lẽ-tự-do, thần thánh đông-dông. Quan huyện hỏi tôi có đủ sức nuôi vợ nữa không? Tôi không biết nói làm sao, chỉ thưa rằng: « Việc hôn-nhân là bởi mệnh mẹ già, có lời mối-lái, tôi không bằng lòng, cho vợ tôi bỏ tôi! » Quan nói: « Hừ, mày có nhà vàng để cho vợ ở không. (Nhà nát bán mất rồi!) Mày có cơm trắng cho vợ ăn không? (Vườn rau bán mất rồi!) Tôi không trả lời được, việc li-hôn liền phán-quết xong ngay. (Ác-tình đã thoái!) Vợ tôi đứng bên nói to rằng: « Từ nay trở đi mày không có quyền vắng lại nữa nhé! (Nhẫn-làm thay!) Tôi lặng ngắt gục đầu lui ra, bỏ vợ đường cái, y như chim mất tổ, chó lạc nhà, nghĩ riêng tấm thân lưu-lạc, chẳng nơi nương nhờ, thì thần-trí bàng-hoàng, mà nghĩ nỗi cốt-nhục phân-li, cửa nhà tan nát, thì gào khóc thảm-thương, nghĩ quanh quẩn mãi mới tạm định hẵng đến ở nhờ nhà dì một ít lâu, lững-thững dò đến, gõ cửa bước vào, bà dì thấy tôi, ra ý lạt-lẽo, mắt hần cái tình thân-nhiệt lúc ngày thường, mà cơ-hồ muốn xua đuổi tôi ra cửa, tôi năn-nỉ cầu mãi mới được một mảnh

chiều xó chái dử dung-thần, bà đi suốt ngày nhai-nhải đay nghiền tôi, tôi hồ thẹn cảm-kích vô-hạn, mà nghĩ lại đến cái hoàn-cảnh bây giờ thoát-li oai ác, sống sót miêng sự, thì trong lòng lại thấy yên-ủi lắm, dầu ăn uống cư-xử không khác gì ở nhà vợ, mà cái sướng về phần tinh-thần thì khác hẳn khi xưa!..

LỜI PHÊ-BÌNH. — *Chàng được li-hôn, thật là cái may của chàng đó, từ đây vận xấu mới qua, trong một năm trời mẹ ần thân nhà tan nát, trải bao nhiêu nỗi đắng cay, thật cũng là cái vạ bổng dung.*

Bà đi ra chiều lạt-lẽo, không phải là lạt-lẽo thực dẫu, cốt để chiết - phục cái lòng chàng đó, người ta phi trải qua mùa khổ, tất không sao giữ vững cái thanh-bần, bà đi chính là muốn nuôi cho chàng nên đồ có dùng to đấy vậy.

XX. — Đồi bóng tròn gương

(Ngày 13 tháng 8.)

Hoa quế nở hương, gió vàng đưa thoảng, ăn nhờ nhà di, đã cơ - hồ một tháng, trong một tháng ấy ngày nào bà đi cũng kể tận mặt rõ tận tai mà kể-lẽ hết sự trước, nước mắt tôi đầm-dia ướt áo, mà cũng chẳng biết là làm sao ! Tôi muốn đến am Tĩnh-độ thăm mẹ già, thì bà đi lại ngăn lại, mà từ khi tôi đến nhà di, cũng không từng thấy mặt Thu-Tần dẫu, trong lòng ngờ vực, đến hỏi di tôi, di tôi cứ trả lời hàm-hồ, lòng tôi không sao khuấy được. Sáng sớm hôm nay, hốt-nhiên di tôi bảo tôi rằng : « Anh ở nhờ nhà tôi mãi, cũng không phải là kể lâu dài, nay xem thần-tri anh đã thanh-thoát, giá lại có một người như Tĩnh-sư cùng với anh đính-nguyên đôi lứa, anh định thế nào ? » Tôi nói : « Tất giết chết để yên-ủi mẹ già. » Di tôi nói : « Làm gì mà phải tệ như thế, tôi bảo thật cho anh biết, nếu anh không tự làm mất cái chí-khí trượng-

phu, thì dầu hung-ác như Tĩnh-sư cũng không có thể ngược-đãi anh đến như thế được. Một người chị em họ thân già này có một cô con gái mặt cũng đẹp như Tĩnh-sư, ngóng-nghênh như Tĩnh-sư, anh có muốn làm rể thì già này làm mối cho ? » Tôi thưa rằng : « Không, xin ở góa suốt đời này ». Di tôi mỉm cười nói rằng : « Tôi nói đùa đó thôi, con bé ấy tên là Bích-Ngọc, là một người quê-mùa, sắc cũng không bằng Tĩnh-sư mà tài cũng không bằng Tĩnh-sư, suốt năm nâu-sống mộc-mạc, chăm-chỉ dệt thêu, học-hành chăm-chút. Song mẹ cô ấy chỉ có một mình cô là con, anh có thích ở gửi rể không ? » Tôi lặng yên, không biết nói thế nào. Di tôi lại nói rằng : « Tôi biết rằng anh cũng thích những chỗ như thế, trước đã ước hỏi, họ rất lấy làm bằng lòng, ý anh thế nào ? » Tôi vẫn không biết trả lời làm sao, di tôi nghiêm nét mặt bảo rằng : « Nhà tôi anh không có thể ở mãi được dẫu, anh nên tự-liệu lấy, tôi không phải rằng muốn đẩy anh vào bề khổ, dẫn anh lấy Tĩnh-sư, anh cứ lảng-lảng là nghĩa làm sao ? » Tôi coi di tôi có ý nói thực, mới hỏi là ở dẫu, di tôi nói : « Tức là nhà họ Vương, láng-diềng với anh, tậu nhà nhà anh ngày trước đấy, (Một có lạ-lùng !) anh mà bằng lòng, tức thì thấy nhà cũ lại phong-quang, cơ-nghiệp tiên-nhân không đến nỗi làm của riêng người khác, mà anh vẫn được hưởng cái thú ưu-du tự-tại, thế chẳng phải là sự tốt lắm ru ? » Tôi nghe nói giật mình thưa rằng : « Có thực như lời, tôi đâu dám trái ». Di tôi cầm tay tôi nói rằng : « Sau này nên vợ nên chồng, xin chớ có quên ơn già này năm-nở nhé ? » Tôi thưa rằng : « Sự tuy như vậy, tất phải thưa với mẹ già tôi mới được ». Di tôi nói : « Mẹ già tự-khắc biết ngay, anh không cần phải nghĩ lời-thối lắm ». Lòng tôi vẫn không khuấy-khỏa, nghĩ đến nỗi mẹ già xuất-gia, nữ nào làm thế, vả lại gửi rể nhà

người ta, tở - tiên vẫn không được hưởng phần cùng-tể, (*Lo hã lo huyền, vẫn còn trong giấc ngủ!*) bất-giác đau lòng rơi lụy, đi tôi đi ra một lúc, lại đến bảo rằng : « Anh đã vâng lời, già này định kén ngày trăng tròn đưa anh đến nhà họ, rồi đó anh hoa-chúc đoàn-viên, mền yêu vợ mới, so với nổi nầm co trong nhà gianh đây thật khác nhau như trời với đất ». Tôi cũng đành phải vâng, lại nghĩ đến cái thân lưu-lạc này lại được vui-vầy hoa-chúc, thấy chốn ở xưa, chả phải là sự vui lắm ư ! Nghĩ đến đó bất-giác những sự uất-ức cũ tiêu-tán hết sạch, vui-vẻ vô-cùng ! Ngày tết Trung-thu, khi trời mát-mẽ, quá trưa thấy có xe đến đón tôi đi, đi tôi đi xe theo sau, chưa mấy chốc đã đến nhà cũ, phong-cảnh y-nhiên, vẫn như ngày trước, bước vào trong nhà, sự thấy khách-khứa đầy nhà, dàn nhạc rầm-rĩ, tức-thì có người đến dẫn tôi vào nhà giữa làm lễ tở-hồng, rồi đưa vào đông-phòng, tôi ngạc-nhiên chả biết mò tê, trộm liếc nhìn cô dâu mặt phủ khăn đỏ, rụt-rè ngồi ở đầu giường. (*Bây giờ không giống như ngày xưa!*) Một tí người phù-dầu vào cất khăn đỏ ra, tôi nhìn rõ tái mặt đi, vì rằng cô dâu đó không phải là ai, chính là con đi tôi, là Thu-Tần vậy, (*Hai sự lạ lùng!*) Tôi chép miệng kêu những lạ quá lạ quá, sực lại thấy người phù-dầu dẫn tôi vào chào mẹ vợ dưới thềm khúm-núm vái chào, ngừng lên nhìn té ra có hai bà lão ngồi đấy, một bà là dì tôi và một bà là mẹ tôi vậy. (*Ba sự lạ-lùng!*) Tôi y như người rơi trong đám mây mù, chẳng biết là sao, vội-vàng hỏi rằng : « Sao mẹ lại đến chốn này, » mẹ tôi cũng không nói, tôi không dám hỏi nữa, bước vào trong buồng, ngồi yên ngẫm-nghĩ, không hiểu có chi, chốc thấy khách mừng về cả, chén rượu tở-hồng đưa mời, bấy giờ tôi không thể nhịn được, nắm chặt tay cô dâu hỏi rằng : « Em Tần ơi, sự hôm nay thế nào, bảo thực

cho biết với. » Em Tần hốt-nhiên sa lệ nói khẽ rằng : « Tối nay mà anh được vui-vầy hoa-chúc, thế chả phải là trời ru ! Đang lúc anh bị vợ trước hà-hiếp, em vẫn vì anh mà gạt nước mắt thầm, đến lúc bà dì tôi đi lánh mình, mẹ tôi thở-than ngày tháng, cho đến lúc anh mời mẹ tôi đến thực-hành sự bán nhà, mẹ tôi nửa chừng lẩn về, vay tạm được bốn trăm bạc, sai người đến giả-cách nói dối là họ Vương ở cùng xóm với anh, đề mua tranh với ông mõ, may sự xong xuôi, chưa bao lâu anh đến ở nhờ nhà vợ, mẹ tôi liền bảo tôi đến am Tĩnh-độ mời đi về phụng-dưỡng ở đây, đến lúc anh được ly-hôn, ai cũng lấy làm mừng rỡ, vừa toan đến mời anh thì gặp ngay lúc anh đã tới nhà em, mẹ tôi đối với anh lạt-lẽo là giả-cách muốn cho anh tự xét lại đó. (*Đi chàng dụng-tâm khổ lắm thay!*) Việc nửa năm trời, đầu đuôi là thế, từ nay về sau, anh khả-dĩ không lo gì nữa. » Tôi nghe lời em Tần nói, như chiêm bao sực tỉnh, lịm đi ít lâu, rồi vội ra yết-kiến đi tôi, rập đầu xuống lạy nói rằng : « Mắt con mù thật, nay con lại có cái gia-đình này đều là của di cho cả ». Đi tôi chỉ mỉm cười, rồi ra nâng tôi dậy. Mẹ tôi cũng bước ra kể hết đầu đuôi y như lời em Tần nói, tôi bất-giác mừng thương chan-chứa, mẹ con lại được xum họp một nhà như xưa. Canh khuya, đông-phòng êm-ả, kê gối kê cầu chuyện cũ, cầm tay tỏ nỗi tâm-can, trăng dọi trước lầu, long-lanh như ngọc, hình như thấy tôi với em Tần cùng định-tình mà cổ phóng hết tia sáng ra gặp trăm nghìn cũ khiến cho chị Hằng-nga trông thấy cũng ghen tức bõn-chồn, nhưng mà nghĩ lại vợ trước, trong một năm trời, mẹ xuất-gia, nhà tan nát, chỉ còn có một vết xanh lưu ở trên bàn tay, vô-vẻ mà nước mắt thánh - tha thánh-thót. Than ôi ! Lời này mà đề lọt vào tai em Tần thì tối hôm nay cô dâu lại phí bao nước mắt vì mình, ta nữ nào mà nói ra được ! ...

Tôi chép đến đây, tôi hồ gác bút, những quái-kịch li-kỳ trong một năm trời đều bao-quát hết ở trong quyển sách nhỏ-nhỏ này, tôi lại không dám giấu-giếm mà đem quyển sách này gác lên lầu cao, mong có ngày được dải tỏ với đời, khiến cho mọi người trong thiên-hạ đều biết lỗi tôi, nếu có ai sợ vợ như tôi đọc đến cũng có thể lĩnh lại ngay được, thế thì quyển sách nhỏ này của tôi không phải là không có công với đời, có thể coi là một bác-trưng-phu môn-mọn vậy. Duy Tỉnh-sư kia về sau kết-cục thế nào, tôi không sao biết được, mà tên họ tôi cũng xin thứ cho cái lỗi không chép rõ ra, chỉ xin chụp một bức ảnh gắn ở ngoài bìa mà gọi tôi là Long Khâu-Sinh cũng được.

LỜI PHÊ-BÌNH. — Trong một năm trời, diễn nên biết bao trò quái-lạ gớm-ghe như thế, đến nay chàng lại được kết-hôn với Thu-Tần, thế chẳng phải là trời kia khéo trên ghẹo mà lại khéo cho toàn ư ! Từ nay trở đi khả-dĩ xe hươu cùng đây, khả-dĩ hưởng cái hạnh-phúc khuê-phòng vậy.

Mấy lời chỉ-cảm sau khi hết chuyện cô Tỉnh sư

Đã cho vào bực bổ-kính, đạo tông-phu lấy chữ trình làm đầu, ra tưởng trên Bực trong Dâu, thì con người ấy ai cầu làm chi ! ...

Ấy cho nên: biết bao trang hiền-phu xưa kia, cũng vì đó mà để bia muôn vạn kiếp !

Than ôi ! Như Tỉnh-sư kia, hữu-tài vô-hạnh, gia-đình nên nước chảy hoa trôi ! Chúc lão đưa xằng, dài-các đến hoa tường liễu ngô ! Loạn mối âm-dương, như danh khuê-tú, ngắm mặt hoa đa phần đáng thương, mà xét nét ở đường ăn thêm giận. Càng ngắm-nghe lại càng ân-hận, bởi vì đâu mà lắm trận phong-ba ! Trông người lại nghĩ đến ta, một dây một mỏng biết là chắc ai !, . .

Như gần đây cũng lắm bậc văn-minh trọng-nữ, mặc sức nghênh-ngang ; giao-tiếp tự-do, tha-hồ suồng-sã ; cái căn - bã mơ-màng hăm-hở, nơi tình-thần bờ-ngõ trầm-mè ! Tỉnh-sư kia cũng rắp ngựa nghè, Khâu-sinh nọ xem chừng đồ chừng. Vậy nên giốc một lòng sôi-sắng, quên tài hèn mà nói dặng phán-minh ; đem các chuyện sử kinh hiền thánh, hợp đồng-tây so-sánh xem sao ? . . .

Như xưa kia: việc trong cất đất, nghề tằm tơ bà Loa-tổ (1) khai-tiên ; việc nước toan, công binh-trị bà Ấp-Khương (2) dự phận ; bà Trưng bà Triệu, mở mặt non sông ; cô Diêm cô Hương, tô nền văn-vấn ! Thế giả tè đã, chuyện Vương-Anh (3) còn ghi chép sử xanh ; lễ bất khả vi, tích Mạnh-mẫu vẫn (4) lưu-truyền bia miếng.

(1) Ngày xưa vua Hoàng-đế lên ngôi chế ra văn-tự, vợ là bà Loa-tổ chế ra tằm tơ, cùng giúp-đáp nhau, thành thiên-hạ văn-minh, không phải ăn lông ở lỗ như trước.

(2) Trong sách chép rằng: Vua Vũ-vương nhà Châu sơ-dĩ có thiên-hạ là vì mười người công-tần mà bà Ấp-Khương dự một phần.

(3) Ông Vương Anh ốm, bà vợ sai con đòi đến hầu, ông Anh cũng đáp lễ trả, có ông bạn hỏi: sao lại đáp lễ ? Ông nói: « Vợ là người ngang hàng với mình, là người lo sự cúng tế tổ-tiên, coi sóc việc nhà cho mình, cho nên phải lấy lễ ngang hàng mà đáp. »

(4) Ông Mạnh-tử vào trong nhà trong, thấy bà vợ nọng-nực cởi trần ngồi dệt cửi, ông cho là vô-lễ định bỏ. Bà vợ nói: « Người đàn-bà ở trong nhà riêng, không có vuốt-ve đáng-dấp mà thấy chồng cũng không phải lam-lễ như thấy khách-khưa, nay nhà thầy lấy lễ khách mà trách thiệp, thiệp xin ra. » Bà mẹ ông biết chuyện mắng ông rằng: « Kinh Lễ dạy rằng: Sắp bước lên thềm, phải đánh tiếng, để cho người ta biết mà liệu sắm sửa, vào gần cửa, trông xuống dưới, e trông thấy sự xấu của người ta, nay may không biết lễ, lại còn lấy lễ trách người ta, thế chẳng là lỗi lắm ư ! » Ông Mạnh-tử ta tội, để lưu bà vợ ở lại.

Thuận vợ thuận chồng, bề đông cũng cạn; tự-do bình-dẳng, cao-thượng xiết bao? Quí lắm thay!

Sau rồi: khởi trước tự Thủy-hoàng chấp-chính, trọng quyền trai mà khinh rẻ quần-thoa. Nổi lên thêm gian ninh a-đua, khinh giá gái để lãng hùn chuyên-chế. Kín cổng cao tường, bưng tai bịt mắt; tam-tòng thất-xuất, chối cảnh buộc chân, chìm vào lồng mãi mãi ngầy đần, thú nhốt cũi lần lần yếu nhát; quyền thiên-phủ bị bên trai chiếm-đoạt, lễ tiên - nghi chẳng được một phần; có đồng-dẳng mới được bằng-dẳng là lẽ tất-nhiên; không bình-quyền bởi mất nữ-quyền, vì ai nên nổi! Thảm thay!

Nhớ bấy nay: cõi lân-học mở tung từ Âu-lục, sóng nữ-quyền dạt dạt khắp năm châu; phúc nhân-sinh rộng cõi tự cơ trời, thuyết tả thuận vang rầm trong bốn bề; bé ở học đường, lớn tham chính-trị, cùng mây rầu tô thêm vẻ văn-minh; ngoài chăm công-nghĩa, trong giúp chồng con, vì nhân-loại tính mau đường tiến-hóa; chị em chung cất dạ, quả phúc vô tròn; vợ chồng

xét nghĩa nhân, cảnh nhà êm-ả; gương tự-do kia La-lan (1) tề-trướng, vẻ ôn-hòa nhuần-khiết xuất-chân; chân bình-dẳng họ Nam-đình, cách-lan (2), lòng bác-ái nhân-từ chí-thiết; như ngọc như ngà, như băng như tuyết, ấy tự-do bình-dẳng thiết-tĩnh-thần, ấy tiến-hóa văn-minh chân kết-quả; soi gương kim-cổ, lòng tạc ghi lòng; xét truyện đông tây, dạ ghi lạc dạ; gương tự-do ngào-ngạt, tự-do trong lễ-pháp thì nên; phúc bình-dẳng êm-đềm, bình-dẳng có êm-đềm mới dặng. Khuyên chồng đọc sách ngâm thơ, bạn cần-quốc chớ hằng-hờ khuya sớm; dạy vợ từ thuở bơ-vơ, khách mây rầu chớ thờ-ơ mới-mẽ.

Ấy mới phải: vợ chồng là nghĩa tao-khang, chồng hòa vợ thuận nhà thường yên vui; sinh con mới nên thân người, làm ăn thịnh-vượng đời đời ấm no; trong việc nhà ngoài lo việc nước, tình nên cho sau trước vẹn toàn, rõ-ràng vợ phụng chồng loan!

LẠC-KHỒ

(1) Bà La-Lan người nước Đại-Pháp, tính-cách ôn-hòa, đức-banxh thuần-khiết, hồi nước Pháp đang rối loạn bà hết sức hô-hào mưu cầu sự tự-do chân-chính.

(2) Bà Nam-đình-cách-lan người nước Anh-cát-lợi, tính rất nhân-từ, học đồ văn-khoa tiến sĩ, nệi các việc nữ-công cho đến các khoa-học khác đều tinh-thông hết. Lại sang du-học nước Pháp nước Phổ đạt các mục-đích mới về, gặp hồi Ý Thổ Anh đánh nhau, chét-chóc về gươm súng, về dịch-lệ không biết bao nhiêu mà kể, bà xin phép quan trên rủ người đồng-chí đến tận nơi cứu chữa các người đau chết như là người nhà, ai cũng cảm ơn gọi bà là mẹ; khi về vua các nước thưởng cho bà rất nhiều vàng bạc, bà đem ra dựng các trường dạy các đàn-bà làm khán-hộ-phụ, sau người ta bắt chước bà dựng hội cờ chữ thập đỏ để đi cứu chữa các quân lính bị thương nơi chiến-trường.

TIÊU-THUYẾT

CHÔNG TÔI

Phong-lưu diêm-sử

(Tiêu-thuyết Tàu *Dư chi phu* 余之夫 của TỪ TRÂM-Á)

X

CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN

*Thơ khắc quạt Tiêu-Sơn thác-hùng ;
Lời gọi con Hán-thần tả-thư.*

Tiêu - Sơn trong mấy năm gần đây, đã trừ bỏ sự thanh-sắc, cách - tuyệt các bè-bạn trong làng chơi. Phen này hốt-nhiên lại len-lỏi vào xóm hoa, bắt chước như chuyện đã tu mà chẳng trót. Nhưng cũng là vì đối với phong - diện bề ngoài mà khởi-kiến, chứ cũng không phải là ham - muốn gì sự chu - toàn vô-ích, để cho hao phí kim - tiền. Trong tiệc rượu có khá nhiều người khách, người thì Tiêu-Sơn đã hơi quen biết, người thì Tiêu-Sơn chưa từng quen biết bao giờ ; tóm lại phần nhiều là khách tục, Tiêu-Sơn không muốn cùng với tiếp-dạm. Tiêu-Sơn khi ấy chán nản đã cực, chỉ chiều lẽ-lối chào mời một lượt, còn thì nhờ Lục - Giang - Hương làm người đại-biểu. Thu-Mộng-Các cũng nhờ bạn chị bạn em đại - biểu tiếp khách cho mình. Rồi Tiêu-Sơn với Thu-Mộng-Các hai người lánh vào một nơi mật-thất, cùng nhau trò - chuyện riêng, khoản-khúc tình-tự. Mọi người khách uống rượu, huyền - náo mãi đến quá nửa đêm mới tan về. Lục Giang-Hương cũng về. Tiêu-Sơn thì tự-nhiên bị Thu-Mộng-Các cố tình mời ở lại không thể thoát thân trở ra về được. Đêm hôm ấy hai người chẵn hoa gối nguyệt, nghĩa cũ tình xưa, tất có một

đoạn phong-quang diêm-lệ, tình-y thiết-tha, không lọ phải kể. Đến sáng ngày hôm sau, Tiêu-Sơn trở dậy, đã thấy có thiệp mời đính đến mấy giờ tối đi dự tiệc trong xóm hoa. Vì cái phong-khí làng chơi ở đất Thượng-hải gần đây thịnh lắm. Tiêu-Sơn vì bữa tiệc hôm ấy, quen biết khách làng chơi được lan rộng ra, tự ngày hôm sau trở đi không ngày nào là không có thiệp lại thỉnh, thậm-chí có ngày hai ba cánh thiệp lại thỉnh, Tiêu-Sơn đều nhất-nhất thác cớ từ chối, chỉ ở trong nhà Thu-Mộng-Các làm một vị thanh-tĩnh, hằng ngày bắt-ly. Kỳ-thủy mọi khách làng chơi cũng đem lòng bất-bình, sau cũng cho Tiêu-Sơn là một bác đồ gàn, rồi cũng thôi, không đem thiệp lại thỉnh nữa.

Thu-Mộng-Các với Tiêu-Sơn ngày xưa đã có cái ước chỉ non thề bể, sau vì sinh-xuất mọi đường chường-ngại, khiến uyên-ương đôi lứa, thành ra chim yến lạc đàn. Phen này ngẫu-nhĩ trùng-phùng, Tiêu-Sơn lại chữa tình lấy vợ, há chẳng phải là một sự hạnh-ngộ cho Thu-Mộng-Các. Thu-Mộng-Các liền đề-khởi lại sự hôn-nhân, xin rằng chung-thân với Tiêu-Sơn. Tiêu - Sơn chỉ đem sự Nhan Tam-Cô, lược-lược nói cho Thu-Mộng-Các nghe. Tiêu-Sơn lại nói rằng : « Kể sĩ sống chết với người tri - kỷ, vợ chồng Chung Trúc-Sĩ với Nhan Tam-Cô dãi mình như vậy, chẳng

phải là tri-ký đầy dư. Giang Tiểu-Son này nếu không lấy được người ấy làm vợ, thì cũng nên chung - thân không lấy vợ nữa, để báo-đáp cái lòng người tri-ký. Hiện nay sự-tình Tam-Cô còn chưa có manh-mối gì, tôi nếu lấy ngay nàng trước, không những đối với lễ chửa thỏa, vậy mà đối với tâm cũng sao yên. Hưởng-chi tôi hiện nay thử - kiểm phiêu-linh, làm một chàng công-tử xác, cái tiền-đồ của tôi, tôi cũng chưa biết ra thế nào, há có thể lại đa-mang được nàng, nàng hà-tất cố tình cố ý, giữ sự chung-thân với kẻ lưu-lạc này. » Tiểu-Son nói đến khúc ấy, không khỏi lòng xót lệ sa. Thu-Mộng-Các khi ấy mười phần hi-vọng đã tiêu-tán đi mất bảy tám, chỉ cùi mặt chau mày, rồi lã-chã xụi-xụi, tuôn xuống một trận lệ châu, khôn thể sao cầm được, khác nào hạt mưa gieo xuống cảnh hồng - hạnh, hạt sương ném vào gốc thanh - mai. Tiểu-Son lại hết lời yên-ủi mấy câu. Thu-Mộng-Các nhân hỏi tường-tận về sự Nhan Tam-Cô. Tiểu-Son cũng không giấu-giếm một tí gì cả, đều kể hết cả cho nghe. Thu - Mộng - Các thở dài một tiếng rồi nói rằng: «Cứ luận về lý, thì tôi với chàng tương-thực trước, chỉ núi thề sông, tình-hưởng chẳng phải là chẳng hậu. Ví bằng Tam-Cô là con nhà đại-gia, nên làm chính-thất, thì há có lẽ một chiếu tiêu-tinh, lại chẳng dung được người bạc-mệnh này vào đó ru ! Chỉ sợ rằng lang-quân tình bạc, lại quá hơn Tam-Cô dấm chua, sự này tôi cũng chẳng dám ghen gì với Tam-Cô, tôi chỉ xin trách lang-quân là tình bạc đầy thôi ! » Thu-Mộng-Các nói xong, lại tỏ ra nét mặt lặng-lẽ buồn rầu, thở dài một tiếng. Tiểu-Son khi ấy trong tâm muôn phần bồi-hồi, lấy làm khó xử quá, nhân đối với Thu-Mộng-Các, mới cảm-tình ở trong chốn lương-tâm không thể đoan-tuyệt đi được. Mà Thu-Mộng-Các đối với Tiểu-Son, cái nhiệt-độ ái-tình cũng càng ngày càng thấy

tăng cao. Tuy-nhiên, cái sự thực về đường bách-niên, hai người đều chửa chịu thừa-nhận. Song-le, tự kể bàng-quan xem ra, thì ai cũng bảo rằng hai người ấy nhất-định là một đôi uyên - ương tốt-đẹp địa - cửu thiên-trường, chửa ai đã hiểu ra được cái ân-tình của hai người.

Nguyên-lai Tiểu-Son vốn giỏi về nghề điêu-khắc, phen ấy lại cao-hứng, chế ra một đôi nan cái quạt bằng xương, trên nan quạt khắc ba bài thất-ngôn luật-thi, đề rằng: « Tòng-tiền ức Thu-Mộng-Các tam-thủ ». Thơ rằng:

Bài thứ nhất

*Áo xanh khách đượm mùi giang-lệ,
Ngọc trắng người pha vẻ quốc-hoa;
Ai-oán hồn quỳn nơi hải-dốc,
Tiêu-diêu sắc liễu chốn thiên-nha;
Xa cây kinh-thụ từng xa cảnh,
Thấy quả anh-đào chửa thấy nhà;
Đêm ngắn đêm dài đèn một ngọn.
Thơ ngâm rượu rót hạ đông qua.*

Bài thứ hai

*Tôi nàng nguyên kẻ cựu-tương-tri,
Một cuộc chiêm-bao sự biệt-ly;
Xứng-dáng hoa sen là tịnh-đế,
Sượng-sùng cây ngọc chẳng giao-chí;
Cơn sâu giường mắt nhìn ai đó,
Giác tỉnh chau mày vị có chi;
Tiếng phách tiếng sênh nhờ tương-
Cửa pha-lệ nọ dấu còn ghi. [tượng.*

Bài thứ ba

*Đình-ninh kết hảo đồng-tâm-ước,
Khoái-khoắc lâu hoa buổi sớm chiều;
Nhất-biệt đã liễu thân-thể trước,
Trùng-phùng đành để nước-non sau;
Tinh trong tri-ký bao tình viết,
Mộng chửa đoàn-viên chắc tình đâu;
Khéo khéo kén chồng chờ ta nhỏ,
Kiếp này xin kẻ chửa quen nhau.*

Tiểu-Son khắc xong, cầm đôi nan quạt tặng Thu-Mộng-Các, nét chữ nhỏ

li-li, cơ-hồ phải dùng kính hiển-vi chiếu ra mới thấy. Trong kỹ-viện truyền-bá ra ngoài, ai ai đều biết Giang Tiểu-Son có nghề điêu-khắc tuyệt-kỹ, cơ-hồ cả nước như diên cuồng, tập-nập đem kim-tiền lại cầu-thỉnh. Nhất là các bạn chị em trong kỹ-viện đất Thượng-hải, người nào người ấy chẳng tiếc kim-tiền, chỉ được cái quạt của Giang Tiểu-Son chạm-khắc cho thì lấy làm chi-ái chi-báo. Tiểu-Son không ngờ nhờ về sự ấy mà phát-tài. Nhưng Tiểu-Son định-giá cũng không lấy đắt, chỉ đủ số chi dùng hàng ngày mà thôi. Vì Tiểu-Son ưa sự thanh-nhã, không ưa sự lãng-phi, cho nên cũng không cần đến kim-tiền cho quá lắm. Sau Tiểu-Son lại toan thôi sự điêu-khắc, vì không muốn thù-tạc ứng-tiếp với tục-khách. Thu-Mộng-Các trước hết khuyên Tiểu-Son rằng: «Chàng bắt-tắt làm sự tuyệt-đối, chỉ xem người nào khả-dĩ ứng-thù, thì ứng-thù một chút cũng bất-phương, hà-tất làm ra sự cử-động kiêu-tinh.» Tiểu-Son nhận cũng lấy làm phải, vì không những là một nghề thủ-thuật phong-lưu, lại có phần tư-trợ được cho Thu-Mộng-Các.

Tiểu-Son ở với Thu-Mộng-Các ít lâu' đã cơ-hồ lấy sự điêu-khắc làm nghề sinh-nhai, để tiêu-ma ngày tháng. Hay đâu Tiểu-Son vận bĩ đã qua, vận hay đã đến, dần-dà bước vào cõi thăng. Người thân-phụ Tiểu-Son là Giang Hán-Thần khi ấy đã thuộc về cảnh lão, gió đước năm tàn, tinh-thần yếm-quyện, cái tinh-khi nóng-nảy ngày trước, đã nhất-thiết tiêu-trừ cả đi, quanh năm chỉ lấy thuốc-thang giường nệm làm bạn. Mới hồi-tưởng lại sự hành-vi ngày trước, tâm có cảm-thương, thường-thường lau-chùi nước mắt. Một điều rất lấy làm ây-náy băn-khoăn, là điều duỗi người con cả là Tiểu-Son đi, vì sự giận-dữ trong khoảnh-khắc, mà thương-hại đến cốt-nhục ân-tình. Nhân

nghĩ lại Tiểu-Son há chẳng phải là người nhân-phẩm cao, kiến-thức viên, có vận-sự lâu dài, có con như thế, không biết thành-toàn tướng-lệ, mà lại ruồng bỏ duỗi đi, đối với cái lương-tâm phát-động, không thể sao nhẫn-nại được. Hán-Thần từ đấy bệnh càng thêm bệnh, cơ-hồ thể thành nguy-cấp. May có con thứ hai là Mộng-Chi cũng là người hiếu-hạnh, khéo thờ nuôi, xét thấy ý cha, liền đem cái vấn-đề đi tìm anh, xin với cha nhận làm trách-nhiệm mình. Nhưng khôn thay! Tung-tịch Tiểu-Son thì mặt-mù không biết đầu mà dò, Tiểu-Son lại là người ít giao-du, không biết nhờ ai để thám được tin-tức, còn đương trừ-trừ tìm phương-pháp, bất-giác đã quá nửa năm. May sao Tiểu-Son ở Thượng-hải, làm sự phò nghè bán văn, Thượng-hải lại là chỗ thông-thương đại-đô-hội, tiêu-tức truyền-văn cũng có phần dung-dị. Chẳng bao lâu, đã sớm có danh-tự Tiểu-Son và mọi phẩm thư-họa điêu-khắc của Tiểu-Son lưu-truyền đến Dương-châu, Dương-châu chính là chỗ cổ-hương. Mông-Chi nghe tin, khôn biết mừng-rỡ, vội-vàng vào tiến-bẩm với Hán-Thần. Hán-Thần cũng hoan-hỉ quá thường, tinh-thần một phen mạnh-mẽ lên, tật-bệnh đã tiêu-giảm đi được quá nửa, liền tựa gối khởi-thảo, tả thành một phong gia-tín. Thư rằng:

«*Tiểu-nhi đề mắt coi: Cha con từ khi tương-biệt đến giờ, phút chốc đã mấy năm. Cứ như ta là kẻ đực bạc, không nên có con khá, trời lại quá cho, được con như mày, thực là phúc cả. Duy ta nhất-thời mê-hoặc, đến nỗi có sự năm nọ, con đành lưu-lạc đất khách, ta cũng áy-náy hàng năm. Hiện nay ta mình già tuổi yếu, gió đước năm tàn, sống được bao lâu, mà truy lại sự trước, biết nỗi ăn-năn, đem thanh bóp bưng lấy tay xoa đầu, hận khôn biết hận. Hỡi con ta ơi! Ta già rồi, bệnh kia tật nọ,*

quá nửa là vì nhớ con. Nay ta không dám oán trời, mà cũng không dám trách con, ta chỉ trách ta vậy. Nay nghe con bán nghề ở Thượng-hải, thanh-danh truyền-bá, thiên-hạ xôn-xao, nhưng cũng là cái nghề bất-đắc-đĩ của con. Cha nghe tin, khôn xiết vui mừng, lại càng hồ then, Vốn toan thân-hành đến Thượng-hải, đón con cùng về, vì tật-bệnh chiền-miên, ngồi đứng còn ngại khó khăn, đường trường giống-ruồi sao được. Nay sai em mày thay mặt ta đi đến Thượng-hải đón mày, mày vốn là kẻ nhân-hiếu, nên chớ nghĩ sự cũ, mau chóng chỉnh lý sự về, khiến ta trong buổi lâm-chung, còn được trông thấy con ta đứng chầu ở bên cạnh, tiền ta xuống cõi hoàng - tuyền, ngõ hầu lỗi trước rửa sạch, lương-tâm được yên, sống chẳng hư đời, chết cũng nhắm mắt vậy. Ôm bệnh tựa gối thảo ra lời này, một lời là một tiếng khóc, một chữ là một tiếng kêu, còn muốn nói nữa, mà nói chưa được hết. Thư này đưa cho con yêu là Tiểu-Sơn xem tỏ. Cha già Hán-Thần thủ-thư. »

Hán-Thần viết thư xong, xem lại một lượt, bất-giác vuốt mặt khóc lên hu-hu. Mộng-Chi đứng chầu ở bên cạnh, cũng cả vì cảm-động, thánh-thốt lệ sa. Hán-Thần liền giục Mộng-Chi bỏ phong thư vào gói mang đi, tức-khắc ngày hôm ấy lên đường ruồi Thượng-hải.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI

*Ngõ hoa-liều anh em gặp mặt,
Gái phong-trần ly-biệt cảm tình.*

Mộng-Chi giữa trung-tuần tháng giêng tới Thượng-hải, bắt đầu tạm ngụ ở một nhà lữ-quán. Đến ngày hôm sau, lần đi các chốn thám hỏi chỗ Tiểu-Sơn trụ-chỉ, ngẫu-nhiên trông thấy một nhà có một bức hoành-biên khắc treo, xem ra thì rõ-ràng là nét chữ Tiểu-Sơn, và có danh-tự Tiểu-Sơn đề. Mộng-Chi nghĩ bụng rằng cứ hỏi vị chủ-nhân có bức

hoành-biên này, thì có thể biết được chỗ Tiểu-Sơn ở. Quả-nhiên kẻ chủ-nhân trở bảo cho một địa-phương, là chỗ cơ-quan của Tiểu-Sơn thường nhận giấy thông-tin. Mộng-Chi liền đi đến chỗ ấy hỏi, thì nghe nói rằng : « Ở đường Lục-mã ngõ Phúc-khang, số hiệu tám trăm bốn-mươi hai, ấy là chỗ Tiểu-Sơn ngụ-sở ». Mộng-Chi cả mừng, liền đi ngay đến chỗ ấy. Nguyên chỗ ấy là chỗ Tiểu-Sơn với Thu-Mộng-Các cùng thuê ở, mà là nơi lâm-thời ngụ-quán, chứ không phải là nơi kỹ-quán. Mộng-Chi tìm nhận đến nơi, thấy cửa khép, liền-liền lấy tay gõ vào cửa. Nghe ở trong nhà có tiếng người con gái hỏi rằng : « Ai gõ cửa, sao gõ kíp vậy ? » Mộng-Chi vội-vàng ứng rằng : « Tôi hỏi thăm một vị Giang Tiểu-Sơn tiên-sinh. » Nghe ở trong nhà dường như có lời truyền thì ch truyền nói, rồi tiếp được một đũa nữ-tỳ ra mở cửa, mời vào chỗ khách-đường. Mộng-Chi tiến vào trong nhà, lại lên tiếng hỏi rằng : « Ở đây có phải đích-xác là chỗ ngụ-quán của người họ Giang không ? » Hỏi xong, liền thấy ở chỗ trên lầu cao, ngõ cánh cửa sổ ra. Mộng-Chi trông lên thì phân-minh là Tiểu-Sơn cùng với một người đàn-bà trẻ tuổi trung-niên, có chiều phong-vân, cùng ngó cõ ra trông, người đàn-bà ấy tức là Thu-Mộng-Các. Mộng-Chi cả mừng, liền gọi lên một tiếng rằng : « Anh hồi anh ơi ! » Mộng-Chi khi ấy tâm có sở-cảm, hàng lệ bất-cấm ứa mắt tuôn ra. Tiểu-Sơn trông xuống, cũng rõ-ràng là em mình Mộng-Chi, nhưng còn ngờ là giấc chiêm bao, mới mở mắt định thần một chút, rồi vội-vàng tụt trên lầu chạy xuống khách-đường, còn thấy Mộng-Chi đứng ở bên cửa, tức-khắc nắm lấy tay Mộng-Chi, mà kêu lên rằng : « Em ta đây ư ? » Liền lấy tay vỗ vào ngực mình mà cả phát khóc. Thu-Mộng-Các khi ấy cũng vừa nối gót Tiểu-Sơn xuống đến khách-đường, phần thì trịnh-trọng thủ-tiếp,

phần thì ngỏ lời khuyên giải. Mộng-Chi trông thấy Thu - Mộng - Các, cũng tâm-tri rằng là kẻ tình-nhân thân-mật với Tiểu-sơn. Tiểu - sơn nhân giới - thiệu qua Thu - Mộng - Các cho Mộng-Chi biết. Ba người ở trong khách - đường thông-dong ngồi yên, Mộng-Chi mới ngỏ gia - thư đưa cho Tiểu-Sơn, và nói rằng : «Bức thư này là thủ-thư của đấng gia-nghiêm gọi anh về, em tuân-phụng nghiêm - mệnh đi tìm anh, anh nên mau chóng liệu - lý sự về.» Tiểu-Sơn hai tay tiếp bức thư cầm lên đọc, ngáp-ngừng đọc không ra tiếng; đọc xong, lại cả phát-khốc. Mộng-Chi mới ngỏ lời yên-ủi khuyên-giải. Tiểu-Sơn than rằng : «Anh trong mấy năm nay, tuy lịch-duyet bao nhiêu thống-khổ thế-lương, nhưng bản-tâm anh, chỉ mong rằng đấng phụ-thân có thể hồi-tâm chuyên-ý lại cho về phụng-thị chốn đình - vi, anh chỉ làm một kẻ tầm - thường vô-danh, phục-sử ở bên tả-hữu phụ-thân, ấy là cái nguyện-vọng của anh đã đủ. Nay ông trời không nỡ đoạn - tuyệt cái tình cha con, mà đấng phụ-thân khi tuổi già mình yếu, lại nghĩ đến người con bất-tiểu này, thậm-chí viết thư khẩn-thiết, sai em đi tìm, anh thực đã mãn-tâm như-nguyên, sơ-hải xiết bao, hồ-thẹn xiết bao. Nay chỉ hận rằng cái thân không mọc ra được đôi cánh, để lập-tức bay về, chứ lại còn dưng-dăng nửa khắc nào nữa.» Tiểu-Sơn nói xong, lại hàng lệ chứa-chan, Thu-Mộng-Các đứng ở một bên, khi ấy cũng vì Tiểu-Sơn tỏ ra nét thương-tâm. Tiểu-Sơn với Mộng-Chi hai người lại bàn nói với nhau mọi sự thường ở trong nhà về tình-hình trong khi Tiểu-Sơn đi vắng một hồi lâu, và cùng nhau ước-định cái ngày khởi-thân ra về. Thu-Mộng-Các nghe được hành-kỳ của Tiểu-Sơn đã định, biết rằng sự biệt-ly ở liền ngay lúc bây giờ. Tuy cái biệt này là cái biệt tầm-thường, chưa tất không có ngày tương-

kiến, song phần hi-vọng về tương-lai của mình, chắc có lẽ đã chuyển về cõi không. Trong tâm vô-hạn mới phiền-não bi-thương. Ngay bữa cơm chiều hôm ấy, Thu-Mộng-Các đã không nuốt được miếng gì cả. Tiểu-Sơn biết ý, chỉ gắng-gượng yên-ủi, và bảo cho hay rằng hậu-hội rồi lại hữu-kỳ.

Kịp đến ngày mai là ngày Tiểu-Sơn với Mộng-Chi khởi-trình, ngay chiều hôm ấy Thu-Mộng-Các hốt-nhiên khởi bệnh, hàn-nhiệt đại-phát, mồ-hôi như tắm gội, nói mê suốt một đêm, khiến cho Tiểu-Sơn cấp-bách không biết làm thế nào, cả Mộng-Chi nữa cũng thối-mắc thâu đêm. Tiểu-Sơn vì sự nghĩa, phải mang lấy trách-nhiệm khán-hộ, và đi mời thầy thuốc đến, không thể để cho ai được. Vì thế lại giùng-dắng mắt vài ngày, chữa trở ra về được cố-hương. Mộng-Chi thì cứ giục Tiểu-Sơn kịp khởi-trình, kéo phụ-thân trong cơn lão-bệnh mong nhớ. Tiểu-Sơn càng lúng-túng, dường như không cất-nhắc được chân tay. Tóm lại Thu-Mộng-Các cũng sáng suốt về đường đại-nghĩa, cố sức khuyên Tiểu-Sơn mau chóng khởi-trình. Tiểu-Sơn mới quyết-định ngay ngày hôm ấy khởi-trình trong khi lâm-biệt, Thu-Mộng-Các miễn-cưỡng trở dậy, mang tật-bệnh tiễn Tiểu-Sơn đi ra ngoài cửa, nuốt nước mắt làm lễ tống-biệt. Mộng-Chi thấy Thu-Mộng-Các có cái trạng-thái khả-lân, nhân đối với Tiểu-Sơn nói rằng : « Người ta thường nói giống kỹ-nữ là giống vô-tình. Em xem Thu-Mộng-Các đối với anh, tình-tự xiết bao thân-mật, em cũng chữa hiểu cái chân-tướng ra thế nào.» Tiểu-Sơn cười nói rằng : « Kỹ-nữ phần nhiều là giống vô-tình, khách làng chơi cũng phần nhiều là giống vô-tình, hay hoặc một bên hữu-tình, lại một bên vô-tình, sở-dĩ tóm lại là sự đuih-doảng ao bèo nước lã. Nếu tình lại gặp tình, thì kỹ-nữ là giống người, khách

chơi cũng là giống người, giống người há vô-tình. Song-le tu là cõi phúc, tình lắm chỉ là giây oán.» Mộng-Chi cũng cả cười. Rồi hai người cùng về chỗ

ngụ-sở Mộng-Chi, chỉnh-đốn đồ hành-trang, thuê xe thuê thuyền về cố-ly.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN dịch

VĂN-UYÊN

THƠ VĂN CỎ

11. — Chơi chùa Đông-hoa, nghe tiếng đọc sách có cảm (1)

Tay áo vẫn thư khắp mọi miền,
Chốn nào là chốn chẳng thần-tiên ;
Gió từ hé lọt màn kinh sử,
Đèn tuệ soi chung mặt thánh hiền ;
Tắm bụng quang-minh cùng Phật dãi,
Gột chân danh-lợi mặc người chen ;
Rồng mây gặp hội rồi cùng tới,
Hề thỏa làm trai chí mới nên.

12. — Họa bài thơ của Hoàng nghĩa-huỳnh.

I

Đã bấy lâu nay chốn thị-thành ;
Bây giờ lánh trốn về thanh ;
Khuôn đây dấm đọ cùng liên-giác,
Đàn độc làm vui với học-sinh ;
Phượng chữa thấy đồng còn chỉ-cực,
Hồng bao được gió sẽ vân-trình ;
Thú nhàn may lạ trong danh-giáo,
Bất khách trông ơn lại có tình.

II

Đàn độc lần vui thú Lỗ-thành,
Càng ngày càng dãi về cao-thanh ;
Cúi đầu gớm thói hồng-trần-khách,
Sắc lưỡi dơ tuồng bạch-diện-sinh ;

Hay chẳng xin xem nơi thốn-địa,
Nền thua đừng hỏi chuyện tiền-trình ;
Tới đây được gặp người tri-kỹ,
Xin mãi dài cho một chữ tình.

13 — Gửi cho bạn ở Nghệ-an

Hát khách quen ai cậy nhẩn-nhe,
Một mình thêm tủi phận le-te ;
Tứ thơ ta nghĩ đã trần-trọc,
Vạn chữ người gieo lại khắt-khe ;
Rượu chước chén quỳnh men đã há,
Thơ ngâm bút thổ mực hầu se ;
Một đi một lại làm tình vậy,
So với tao-nhân chẳng thấp se.

14. — Tặng ông Trúc-Khê ở Hoa-dương-thôn.

Bầu nước duyên kia vốn đã dềnh,
Nghìn thu một hội cũng rằng xinh ;
Ngón đàn năm trước còn chìm tiếng,
Chén rượu hôm xưa mới thỏa tình ;
Mừng thấy mắt xanh đưa một tiệp,
Vàng đem lòng thắm tạc ba sinh.
Đêm xuân gọi tỉnh hồn xuân đây,
Theo bước đàn tao ngộ tập-tành.

15. — Mừng ông Biện Tráng làm nhà mới.

Vun đắp nhờ ơn đức lỗ-lông,
Càng ngày càng rạng vẻ thanh-phong ;

(1) Xuyên-ngọc-hầu thi văn tập — Xem Nam-Phong từ số 117.

Nền nhân-nghĩa trước tư bề rộng,
 Nếp hoán-luân nay mấy lớp chồng ;
 Ngoài cửa xôn lòng con yến tước,
 Dưới màn thêm giấc mộng hùng-bi ;
 Một khen nhà tốt hai nhiều ruộng,
 Ba lại hiền-thê chuyện ấy xong.

**16. — Giám-đốc trường
 thi năm kỷ-mão.**

Tới năm kỷ-mão mở trường thi,
 Vua việc ai kia cũng sắm đi ;
 Lướt lướt áo lam hình đã lướt,
 Đánh vành khăn nhiễu dáng toan ve ;
 Làn mây mừng họ áu là tốt,
 Nét mặt buồn vay mới lại kỳ ;
 Ba trận mỗi mê thuyền với bộ,
 Chiêm-bao tiền bạc ích ai chi.

17. — Ngày tết khai bút.

Năm nay vừa chẵn bốn mươi tròn,
 Chừng ấy làm quan ắt chẳng lầm ;
 Đã chắc trên đầu còn quả cây,
 Thêm mừng ngọn tóc chứa hoa đàm ;
 Trong vòng tạo-hóa bằng còn hỏi,

Giữa giấc công-danh cũng dễ酣 ;
 Nở sớm rụng chiều hoa chớ vội,
 Sáu mươi xuân nữa mới đầy trăm.

**18. — Chơi chùa Thiên-bảo cùng
 xướng-họa với ông Đạo-khê.**

Một lối vào ra chẵn khác chùng,
 Ấu rằng mùi đạo chẳng không nhưng ;
 Giậu phen đã dỗi xưa từng lớp,
 Giường cột còn in trước mấy lừng ;
 Ngắm lại cỏ hoa đã mẽ mặt,
 Giận cùng non nước hãy đầy lưng ;
 Bầy thu lại được theo đuôi kỹ,
 Đẽ chữ như-thiền gửi với tăng.

**19. — Uống rượu với bạn ở Trúc-
 Khê hoa-viện**

Chuông vạc bấy nay những khát khao,
 Tiệc quỳnh mơ mạn được chen vào ;
 Ép vần chao xuống hàng thơ bạch,
 Chúc tuổi dâng lên chén rượu đào ;
 Khe trúc rũ tan mùi lục-lục,
 Lãng hoa bay nước tiếng thanh-tao ;
 Trống qua cửa sấm càng vang tiếng,
 Chẳng thể thi sao có gọi hào.

(Còn-nữa)

THI-CA MỚI

Thuật-hoài

Giáo-ban một chức còn con con,
 Tô-diêm non sông về phần son ;
 Lương-bồng ít-oi tiêu cũng đủ,
 Hoắc-lê qua-quấy nhạt mà ngon ;
 Nhân xem thế-cục chiều xoay vận,
 Lãng ngắm nhân-tình khoẻ đại khôn ;
 Gió Á mưa Âu dầu mặc sức,
 Còn trời còn đất đạo ta còn.

Xem đề mới đắp

Bắc nam đề đắp vững hơn thành,
 Trĩ nước gia công việc ắt thành ;
 Thủy-quái hết nghề đành phép chịu,
 Hà-thần lép vế cũng tay khoan ;
 Một phen công của dù hao tổn,
 Muôn thừa nhân-dân được thái-bình ;
 Giấc nước từ đây yên đẹp hẳn,
 Mầm Hồng chồi Lạc nảy ngày xanh.

Được bỏ về gần nhà

Ơn trên được cải bỏ gần quê,
 Gàn-gũi quê hương tiện mọi bề ;
 Trẻ học nguyên là hàng họ cả,
 Nhà quen nợ phải bạc tiền thuê ;
 Chăm khi giờ dạy nhân khi nghỉ,
 Sớm dân con đi tối dẫn về ;
 Xúc hứng lần xem câu sách cổ,
 Nam-cai Đường-lệ đọc a ê.

Trùng-du Thúy-linh

Nhân-du lại ngắm cảnh giang-son,
 Tình nước tình non kể chửa chan ;
 Vàng ối cúc xưa cần lại nảy,
 Trắng phau tấm ngọc nổi rồi tan ;
 Thơm-lừng miếu-vũ mùi hương thoảng,
 Quét sạch trần-ai trận gió khan ;
 Non nước xem chừng ngày mới mới,
 Móc mưa như rửa dấu bùn than.

Chơi Tô-cầu (Nam-định)

Bấy lâu ao ước dạ thầm yêu,
 Tiễn bước tầm-phương lối Tô-kiều ;
 Đường lối động đào tay rón mở,
 Bạc thang điện quế gót lần leo ;
 Hồng tươi lục thắm phô trăm vẻ,
 Cỏ đón hoa đưa khắp mọi chiều ;
 Cảnh khéo chiều người người mến cảnh,
 Cơ duyên may-mắn biết bao nhiêu.

Khai bút

Ngày qua tháng lại cuộc xoay vần,
 Mấy chục năm trời mấy chục xuân ;
 Gió Á mưa Âu may gặp hội,
 Ôn nhà nợ nước nặng bao cân ;
 Tang-bồng một gánh khoan-khoan
 Thân-thể hai vai liệu-liệu dần ; [bước,
 Thêm tuổi thêm xuân thêm mọi vẻ ;
 Non sông rặng-rỡ buổi duy-tân.

Muốn đi du-lich**I**

Sức khoẻ đương trai vóc đã cao,
 Kiến-văn đành chịu hẹp-hòi sao !
 Bốn phương Âu Mĩ đường như rút,
 Hai xứ Trung Nam bụng rấp vào ;
 Cho biết cõi bờ trong đất nước,
 Mới hay tôn-tổ lắm công-lao ;
 Non sông hoa gấm nòi Hồng-Lạc,
 Rộng bước du quan thử một tao.

II

Thử một tao ta quyết ý ta,
 Vây-vùng cho thỏa chí cao xa ;
 Có đi có rộng tâm con mắt,
 Không nề không am đất nước nhà ;
 Đường thể vi chưa từng-trải lắm,
 Trí khôn hồ dễ mở-mang ra ;
 Nào ai ai đó người đồng-chí,
 Muốn cưỡi tàu bay vượt bể qua.

Cảm-tác

Dầm mưa dãi gió biết bao công,
 Việc vẫn chưa thành nghĩ chán không ?
 Gắng một phen này coi thử đã,
 Làm cho tỏ mặt với non sông.

Yêu mới khỏi

Bấy lâu mang bệnh thuốc nưôm mình,
 Khỏi dậy nghe mình nhẹ nhẹ tên ;
 Sức khoẻ mới hay là của báu,
 Khoẻ người tâm-địa cũng quang-minh.

Nhớ bạn Ninh-bình

Nghĩ vợ nghĩ vẫn nghĩ gần xa,
 Nghĩ nhớ tri-âm luống những là ;
 Nhớ lúc liếng ti xen liếng trúc,
 Nhớ khi câu chuyện lẫn câu ca ;
 Hai năm đây đó tình khăng-khít,
 Một mực sau xưa bụng thật-thà ;
 Núi Thúy sông Hoàng xa cách mấy,
 Nước non quanh vẫn nước non nhà.

Thăm cố-viên

Bao nhiêu năm mới lại qua chơi,
 Mừng khách trâm hoa mỉm miệng cười ;
 Cây cỏ rướm-rà um mặt đất,
 Cỏ non môn-mởn lẫn da trời ;
 Đường xưa đi lại đã quen lối,
 Cảnh cũ lân-la dạo khắp nơi ;
 Mọi vẻ mọi ưa hương sắc đủ,
 Bồng-lai chừng cũng thế này thôi.

Bùi Hữu-Yên

Khai bút

Cũng tai cũng mắt đứng trên đời,
 Thắm-thoắt xuân nay mấy chục rồi ;
 Ngày tháng xoay dần sang hội mới,
 Nước non nghe đã đến hồi vui ;
 Bốn phương hồ-thỉ chân từng trải,
 Hai chữ công-danh chí chữa thôi ;
 Còn có giang-sơn còn có lúc,
 Ai ơi xin chớ vội cười ai !

Bùi Huy-Cương

Hát nói**1. - Tiên bạn****Muõu**

Công-danh nhẹ-nhõm bước đầu,
 Thảnh-thơi cầm hạc vó câu lên đường.

*Chen vai trong đám quan-trường,
Đào-sơn duyên trước Vị-hoàng duyên*
[sau.

Nói

*Ơn vua lộc nước, đường công-danh
nhẹ bước vinh-thắng; vó ngựa câu
đứng-đỉnh đất Gôi Hoàng, cửa hoa-
huyền vẻ vang tân-doãn tới. Xuân
huyền bóng cả cây chưa cỗi, hờn quế
hương thơm sắc lại tươi. Vẻ phong-
lưu rất mực tài trai, duyên hội-ngộ dễ
mấy ai đã được thể. Chén dâng-trình
liền đưa vui-vẻ, tình khừ-lưu xiết kể nỗi
xa nhau. Còn nhiều gặp gỡ mai sau!*

2. Trùng-phùng cựu-ca-kỹ hí tặng

*Dừng xe lại dạo chơi trong phố, xích
gặp người bạn cũ khi xưa; hơn bốn
năm lại thấy mặt bây giờ, mà má phấn
vẫn chưa chưa chi cả. Ngọc-địch nhất
thanh tam ngũ dạ, ty-bà sỗ khúc tích
kim duyên. Ướm hỏi chơi thăm khách
thuyền-quyên, mới tình cũ nay đã quên
hay vẫn nhớ. Mừng được buổi xuân-
liêu gặp-gỡ, dãi thú vui từ thửa tương-
tri. Trùng-phùng hồ dễ mấy khi!*

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

Đưa một người trái duyên

*Duyên số xưa kia bởi có sao;
Đề lời non nước nhẹ dượng bao;
Nết-na đã xúng người khuê-các,
Yêu-diệu như in vẽ liễu-đào;
Sơn phấn diễm tươi nền phẩm-giá,
Bút nghiên tô đẹp nét thanh-tao;
Cầu Lam lại đợi người mua ngọc,
Giá ngọc trăm năm giá vẫn cao.*

Đưa ông Phán sở kho bạc mất trộm

(Ông có hai vợ)

*Một chẵn trộm kín sáu chân co,
Cửa ních then chêm ngáy chẳng lo;
Áo hồng quần trơn nào của bé,*

*Đồ vàng giấy bạc dễ giàu to;
Đồng hồ vừa diêm hai giờ sáng,
Quân-tử vào chơi một mẻ no;
Thôi cũng rộng lòng thương kẻ kiết,
Bao giờ hết được bạc trong kho!*

Đề cái đàn tranh

(Treo nhà đàn bà góa)

*Khen ai khéo họa kiêu đàn tranh,
Coi vẻ xuân-phong lại hữu-tình;
Tỏ mặt in treo gương nguyệt-ảnh,
Nghiêng mình bay-bồng tiếng kim-
thanh;*

*Bạn riêng gác tía làng xa-mã,
Quen cả lầu son khách yên-anh;
Non nước tri-âm âu đã mấy,
Phen này Trác-thị với Trương-Khanh.*

Văn-miêu Hà-nội

I

*Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long,
Có phải đây là Trụ-giám không?
Nùng Nhị hương vong hồn nước cũ,
Tứ Thủ kim cở bóng gương trong.
Thời Tây Nam Bắc vẫn tuy mới,
Xưa Lý Trần Lê miếu vẫn chung;
Quốc-túy hãy còn cơ-chỉ đó,
Vẻ-vang ngự-bút sáng non sông.*

II

*Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long,
Còn nhớ công vua Lý Thánh-tông;
Thù Tứ dựng bia giương mối cũ,
Nhị Nùng ghi tích khói hương chung;
Mấy phen tang-hải di thành-quách,
Một thốc cung-tường vững núi sông;
Cơ-chỉ ấy còn cơ-hội mới,
Giang-sơn tráng-lệ vẻ Âu-phong.*

III

*Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long,
Vẳng-vặc sao k huê dọi bóng lồng;
Cửa Khổng thánh-hiền tôn mấy bạc,
Nhà nho anh-kiệt kính nhiều ông;
Danh ghi Đông-Á bền bia đá,
Giá ở Tây-Âu chắc tượng đồng;
Một hội tao-phùng tân với cựu,
Văn-chương dù khác kỷ-cương chung.*

IV

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long,
 Trái Lý Trần Lê một miếu công.
 Bút điểm Xuân-Thu màu quốc-túy,
 Gương soi Nùng Nhị ánh nho-phong;
 Cương-thường này lúc hay diên-đảo,
 Khoa-bảng từ đây hỏi có không ?
 Hoài-cổ lòng riêng thơ kỷ-niệm,
 May ra vớ cái giải treo chung !

Đưa một ông đi thi hội.

Đo gan giáo - huấn đố ai bằng,
 Cái giải bia xanh muốn giạt phẳng ;
 Kinh sử năm xe thường nich chặt,
 "Vu moa" vải chữ đủ lãng-nhặng;
 Quan Kinh hẳn trọng người qui-thức,
 Đĩ Huế đừng mong bạn gió-giăng ;
 Nhún gót thang mây coi cũng nhẹ.
 May thần áo đỏ gặt đầu chằng.

Ông tượng gỗ

Đạo-mạo ngồi nghiêm xét việc đời.
 Râu mày nhẵn-nhụi vẻ cân-dai;
 Ngoài thi son-phấn trong thi gỗ,
 Oản chuỗi ai dăng có biết xơi ?

Ông tiền-sĩ hàng Gai.

Chữ nghĩa cần chi bác phải khoe,
 Trẻ con cũng biết bác ông nghề ;
 Khoa-danh cờ biển mua su rươi,
 Ngất-ngưỡng vinh-qui cái lọng que !

CÁU ĐỐ

1. — Bàn cờ

Tư cơ ta đếm bảy hai gian,
 Xe ngựa quân quyền lối dọc ngang ;
 Tri-kỷ tìm ai cho xứng nhĩ,
 Cùng ta cao-hứng buổi thanh-phản.

2.—Con mắt

Anh nhác trông em vẻ hữu-tinh,
 Sang hèn em nhận thực là tinh;
 Tha-hỗ miệng thế lời chệnh - lệch,
 Há phải lòng em «trắng» đôi «xanh».

3. — Hoa nhài

Chị em hồ dễ được như cô,
 Da trắng phau-phau tựa phấn tô;
 Sắc nước cùng nhau người một hội,
 Ai hay ngày trước vốn con nô.

4. — Con cá vàng

Thôi thôi tôi đã biết ông rồi,
 Chỉ biết là ông bần bụng thôi ;
 Vàng bạc khoe mình ông nghĩ hòm,
 Không trông non nước lúc đầy voi.

5. — Cái tem gửi thư.

Thân em lợi nước ích cho dân,
 Người nhỏ mình vương lí tí chân ;
 Bà Á ông Âu xa cách mặt,
 Nhờ em mối-lái bụng xoay găn.

6.—Bà vợ Tây

Từ ngày em gặp tình-nhân,
 Sinh ra «mê - tit» ái-ân muôn vàn,
 Thế thời có thế mới gan,
 Làm nên quan tăt thế-gian mấy người,

7.—Cái vung nôi

Cũng khuôn tạo-hóa khác ai nào,
 Hòn đất mà nên giá biết bao ;
 Cả bọn tứ-linh còn đứng dưới,
 Đem mình đọ cả với trời cao.

8. — Cái điều

Minh tròn trũng-trục miệng tươi sao,
 Thấy lỗ mãn-mê khẽ nhét vào,
 Đương cuộc lĩnh say duyên lửa bén,
 Thế này nghĩ thích biết là bao !

9. —Cái điều ống.

Lão-luyện cơ đây chứ chẳng không,
 Xem khoa ngôn-ngữ cũng thông-thông ;
 Xe ngồi ngất-ngưỡng coi ra bệ ;
 Cậu lệ khoan tay đứng chực ống.

10.— Cái đuôi-gà

Kìa nom lăm cái cũng dài ghê,
 Ưỡn-ẹo cô mình vượt lại về ;
 Lăn - lộn đuôi đầu sao thế nhĩ ?
 Mà ta trông thấy vẫn yêu mê.

11.— Con lợn quay

Lọt lò tạo-hóa chui ra,
 Nghênh-ngang đi lọng chằng qua gặp
 Coi ra khác về con người, [thời,
 Xổ-xiên ba-giới nào ai bạn cùng !

12.— Con ong

Nhà cửa nguy-nga kẻ mấy tầng,
 Giường treo riêng đợi bạn tri-âm ;
 Ai về nhắn bảo con nhà thánh,
 Liệu đó ta cho một cái ngậm.

13.— Cái quan-tài.

Đầu đuôi một vẻ dáng coi xinh,
 Già trẻ ai ai thấy cũng kinh;
 Đờ của nhà quan, dân ít có,
 Ai mà được có ấy là vinh.

14.— Cái sừng

Đen sì mặt sắt vẻ nghiêm-trang,
 Hồ trưởng ra oai tiếng thét vang;
 Giúp nước đã đem tài tri - dũng,
 Cho miền con đỏ được cu-an.

15.— Con gà sống

Ngậm mình áo tía mũ kim-khôi,
 Thừa sức đua ganh chọi với đời ;
 Cảnh-tĩnh chuông khua ba tấc lưỡi,
 Ai ơi, thức đây ngủ lâu rồi !

16.— Chó đá

Giang-son của chủ mặc người coi,
 Lộc thánh dành cho có phận rồi ;

Ồn nặng nghìn cân người phải nhớ,
 Người đừng theo thói bạc như voi.

17.— Con muỗi

Tiền-nhân chót-nhả dạn coi ghê,
 Quen thói ăn đêm giữ lấy nghề ;
 Gặp trẻ hay già nhìn rõ mặt,
 Ghé tai dũa-dây mấy câu ve.

18.— Con mọt

Chửa thấy người dẫu đã liếng-tấm,
 Nói thì nói rất giọng xuyên-tấm ;
 Con nhà lương-dống sao mà thế ?
 Chỉ khéo chuyên-môn học khoét ngậm.

19.— Thằng bờ-gìn

Con nhà nông-phổ dễ năm xưa,
 Mưa móc trên cho gọi có thừa ;
 Vùng-vẫy ra uy trong một cõi,
 Hỏi người tai-mỏ biết tay chưa ?

Đưa một ông bạn làng văn

Bút sắt mà xem ngõ bút lông,
 Thảo nào bác nổi tiếng thi-ông ;
 Thơ đưa lăm điệu, thôi thần lăm,
 Vận ghép nhiều câu, có thánh không ;
 Bác quá khen tôi, lời đã nhẹ,
 Tôi xin chịu bác, tính hơi ngông ;
 Thử đem đấu-giá văn-chương ấy,
 Thiên-hạ mua non bốn vạn đồng !

Trúc-lâm Nguyễn Bá-Giễn

DỊCH THƠ TÂY

A une mariée

Aime celui qui t'aime et sois heureuse en
 lui.
 Adieu ! Sois son trésor, ô toi que fus le
 nôtre !
 Va, mon enfant bénie, d'une famille à
 l'autre.
 Emporte le bonheur et laisse-nous l'ennui !
 Ici, l'on te retient ; là-bas, on te désire ;
 Fille, épouse, ange, enfant, fais ton dou-
 ble devoir.

Đưa con lấy chồng

Yêu người nào đã có lòng yêu,
 Tình hiểu sao cho vẹn mọi chiều ;
 Bên ấy biết bao điều lạc-thú,
 Ở đây chi xiết nỗi diu-hiu ;
 Cha toan cầm lại chồng toan cưới,
 Con phải thế mà, vợ phải sao ;

Donne-nous un regret, donne- leur un
espoir ;
Sors avec une larme, entre avec un sourire.

V. HUGO

Marie

Marie qui, fille aussi fine que mignonne,
D'une âme aussi intelligente que bonne,
D'une bouche belle comme une rose mi-
close,
De deux yeux clairs miroitant la nature
grandiose,
D'un visage pur à la blancheur de neige
caché
Sous les nuages de ses cheveux noirs et
légers,
Se contente d'être à la fois mon amie
et sœur,
Me donne de la fraîcheur, malgré ma
douleur.

TH. JIRACC
(Au lac levant)

Le soir

Le soir ramène le silence.
Assis sur ces rochers déserts,
Je suis, dans le vague des airs,
Le char de la nuit qui s'avance.

Vénus se lève à l'horizon,
A mes pieds l'étoile amoureuse,
De sa lueur mystérieuse,
Blanchit les tapis de gazon.

De ce hêtre au feuillage sombre
J'entends frissonner les rameaux ;
On dirait autour des tombeaux,
Qu'on entend voltiger une ombre.

.....
Ah ! si c'est vous, ombres chéries,
Loin de la foule et loin du bruit,
Revenez ainsi chaque nuit,
Vous mêler à mes rêveries.

.....
Venez ! Mais des vapeurs funèbres
Montent des bords de l'horizon ;
Elles voilent le doux rayon,
Et tout rentre dans les ténèbres.

LAMARTINE

Bên những tiếc thương, bên những đợi,
Ra thì buồn lắm, đến vui nhiều.

Vịnh Nàng Mai

Địu-dàng tha-thướt dạng nàng Mai
Tư-chất thông-minh sẵn tinh trời ;
Mắt sáng xa trông trời đất rộng,
Miệng cười đẹp sánh cỏ hoa tươi ;
Thanh-thanh tuyết điểm màu da mịn,
Mơn-mỏn mây bông mái tóc dài ;
Bầu-bạn lại ra tình cốt-nhục,
Trần-ai tri-kỷ, đã còn ai.

Cảnh hoàng-hôn

Quang trời chiều êm-ả,
Sẽ ngồi tựa tảng đá ;
Lòng gửi đám mây bay,
Bóng hoàng-hôn giục-giã.

Chân trời trắng thấp-thoảng,
Bên gót sao quanh-quần ;
Tha-thướt ánh thiên-nhiên,
Soi tỏ cánh đồng phẳng.

Chòm lá bóng tờ-mờ,
Cảnh cây trận gió qua :
Tiếng ai bên mộ ấy,
Lững-thững dạng gần xa.

Nghe chùng trên dưới đây,
Tiếng ai còn đồng-vọng ;
Hồn ai như đã về,
Hẹn nhau trong giấc mộng.

Bát-ngát khói sương sa,
Trăng sao về mặt-mù ;
Âm-thầm đêm vắng-vẻ,
Trời đất biết về đâu (1).

1) Bài này và bài dưới đều dịch theo thể « trường-thiên cổ-thi ».

Aux paysans

Aux voix qui vous diront la ville et ses
merveilles,
N'ouvrez pas votre cœur, paysans, mes amis
A l'appel des cités, n'ouvrez pas vos oreilles:
Elles donnent, hélas ! moins qu'elles
n'ont promis.

La cité pour son peuple en vain se dit
féconde ;
Le pain de ses enfants est plus amer
que doux.
Sous un luxe qui ment, tel rit aux yeux
du monde,
Qui tout bas porte envie au dernier
d'entre vous.

Paisibles et contents, la tâche terminée,
A votre cher foyer vous rentrez chaque
soir,
Combien de citadins, au bout de leur
journée,
Ne rapportent chez eux qu'un morne
désespoir !

A vos champs, à vos bois, demeurez
donc fidèles ;
Aimez vos doux vallons, aimez votre
métier ;
Auguste est le travail de vos mains pa-
ternelles ;
C'est de votre sueur que vit le monde
entier.

AUTRAN

(La vie rurale)

Nhấn bàn nhà quê

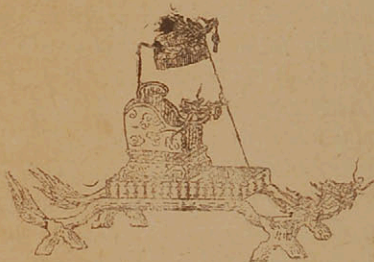
Cảnh vật thôn-ba cảnh rối tung,
Áo quần xe ngựa nói sao cùng ;
Bà con nhà quê ai đó tá ?
Xin đừng loè mắt chó mè lòng.

Cuộc đời phú-quí tựa phù-vân,
Mưu sinh doanh thực càng nhọc-nhăn ;
Phần son rục-rở văn-minh rỏm,
Khiến người ai nấy đều mê dần.

Ngày chiều việc xong lòng được an,
Nhà tranh vách đất vẫn thanh-nhàn ;
Chẳng hơn dài-các khách thành-thị,
Biết bao thất-vọng buồn chan-chan !

Vườn rộng chung-quanh đất nước nhà,
Cày sâu cuốc bẫm giữ nghề xưa ;
Nước mắt mồ-hôi cũng chó ngai,
No ấm bao nhiêu kẻ được nhờ.

ĐÔNG-HỒ DỊCH



THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Một nước cải-lương mới ở Á-châu : nước Afghanistan (A-phủ-hãn). — Mới rồi các báo Tây đều thuật tường về việc vua AMANULLAH nước Afghanistan (Tàu dịch là A-phủ-hãn, là một nước nhỏ về Tây-bắc Ấn-độ) đi du-lich các kinh-đô lớn Âu-châu. Cuộc du-lich này có ý-nghĩa về ngoại-giao, không phải một cuộc đi chơi thường. Vua AMANULLAH dời nơi cao-nguyên nước Afghanistan mà sang chơi các kinh-đô Âu-châu, đó là cái chứng-cớ hiển-nhiên rằng nước ấy đã chiếm được địa-vị trên trường ngoại-giao thế-giới. Chiếm được địa-vị đây nghĩa là được liệt-quốc thừa-nhận cho nước Afghanistan là một nước độc-lập vậy.

Mấy năm gần đây, suốt châu Á đầu đầu cũng khởi lên cái phong-trào quốc-gia, lấy một người hay một chủ-nghĩa trong mà kết-tinh các sức mạnh tản-mạn dân-tộc. Cái công-phu kết-tinh đó, đã thấy thi-hành được thành-hiệu ở Nhật-bản tự năm-mười năm trước; mới đây lại thấy nước Thổ-nhĩ-kỳ nhờ được ông MUSTAPHA KEMAL phấn-phát nổi lên, cũng ra tay chiếm được địa-vị trên trường liệt-quốc; nay thời đến lượt nước Afghanistan. Nhưng mà xem ra có một cái luật nhất-định, phạm các dân các nước ấy, mu n cho phấn chấn lên được, thời hết thầy đều phải gia-công gắng sức chỉnh-lý lại việc nước trước đã phải tự « cải-lương » đã, rồi mới tấn-tới được. Có người Tây đã nói rằng : Các nước Á-châu muốn sinh-tồn phát-dạt được ở đời này, thời đường như phải bỏ hết cái thói cũ Á-

châu di (se « désasiatiser ») mà quả-quyết thay đổi theo lối mới. Chỉ những dân-tộc nào có nghị-lực cương-cường mới có thể tự cải-lương được như thế.

Xem ra ở Á-châu ngày nay nhiều nơi đã xuất-hiện ra được những tay lối-lạc, biết căn-cứ ở cái lòng nguyên-vọng chung trong dân-tộc mà quả-quyết đứng lên cải-cách các chế-độ trong nước mình cho hợp với thể-thức văn-minh đời nay, tức là khiến cho dân mình nước mình đủ tư-cách sinh-hoạt được trong thế-giới bây giờ. Ai cũng đã biết cái công ông MUSTAPHA KEMAL cải-tạo nước Thổ-nhĩ-kỳ. Ít người biết công-nghiệp của vua Ba-tư SHAH RIZA, chúa Á-rập IBN SÉOUD, hay vua AMANULLAH nước A-phủ-hãn. Nay xét công-nghiệp của bấy nhiêu người đều thấy có cái chí khẳng-khái muốn cho nước mình được thoát-li quyền chuyên-chế của ngoại-quốc.

Như về phần vua AMANULLAH thời thi-hành cho được cái chí đó, thật không phải dễ. Cứ địa-lý và lịch-sử thời xứ Afghanistan khác nào như một cái « đường ngõ cho các dân-tộc gặp nhau mà ảnh-hưởng lẫn nhau » (un couloir de peuples et d'influences). Tức như về địa-lý chính-trị gọi là một « nước hoãn-xung » (Etat tampon) đứng chệ ở giữa hai cường-quốc hãm-hè nhau, một bên là Anh (ở Ấn-độ), một bên là Nga. Về thế-kỷ thứ 18, người A-phủ-hãn cũng đã có phen muốn chiếm thành Delhi và đất Ấn-độ; nhưng khi Công-li Ấn-độ đến chiếm-linh đất Ấn-độ thì đánh đuổi người A-phủ-hãn đi. Thế-lực

người Anh ở Ấn-độ đã vững, bấy giờ lại sinh ra cái mưu muốn kiểm-tính cả đất A-phủ-hãn nữa ; mấy trận đánh năm 1839-1842 và 1878-1880 khiến cho nước Anh tuy không công-nhiên ra mặt mà thực là đất quyền bảo-hộ nước A-phủ-hãn. Sau cuộc Âu-chiến năm 1914-1918, bấy giờ cái phong-trào quốc-gia đương thịnh-hành khắp thế-giới, vua AMANULLAH năm 1919 mới lên kế ngôi cho vua cha mới bị ám-sát, bèn ra tay bãi-trừ hết những đồ-đảng người Anh trú-ngụ ở kinh-đô Kaboul để ám-mưu việc kiểm-tính. Công vua cũng như công ông MUSTAPHA KEMAL, thật đã thoát-li được cho nước khỏi cái ách người Anh. Nhưng thế cũng chưa đủ, vì muốn cho bảo-tồn được hoàn-toàn linh-thở, tất phải cải-cách cho thành một nước mới hợp cách văn-minh. Bấy giờ phái thủ-cựu trong nước mới nổi lên phản-đối. Vua phải ra tay dẹp cho yên các mối nội-loạn, rồi nhờ những tay chuyên môn cổ-văn ngoại-quốc thực-hành một cái đại-chương-trình cải-tạo các cơ-quan trong nước theo phương-pháp khoa-học của Thái-Tây.

Lại còn một việc khó nữa, là nhân cái địa-vị nước A-phủ-hãn làm một nước « hoãn-xung » ở giữa hai nước Anh và Nga, như trên kia đã nói, phải làm thế nào cho đừng bị hai bên đè-nén mà phải thiên về bên nào. Thiên về Nga ư ? Hay là thiên về Anh ? Khó nghĩ thay ! Vì Nga từ khi cách-mệnh lại có ý hoạt-động ở mặt Đông-phương lắm, hiện ở ngay giáp-giới A-phủ-hãn Nga đã đặt các dân-tộc như rợ Turkmènes, rợ Uzbec, rợ Tadjik, rợ Karakirghiz, thành những nước cộng-hòa để làm vây cánh. Nga lại vẫn hết sức tuyên-truyền cộng-sản, muốn lợi-dụng cái « đường ngõ » A-phủ-hãn để sai người sang cổ-động cách-mệnh ở Ấn-độ. Tuy năm 1926 nước A-phủ-hãn đã ký điều-ước trung-lập nhưng chính-phủ Anh vẫn lấy thế làm không bằng lòng, đã

đòi phen dọa nạt. Bởi thế nên vua AMANULLAH muốn mở rộng đường giao-thiệp với liệt-cường, đề củng-cố quyền tự-do độc-lập của nước mình. Cái chính-sách ngoại-giao của nước A-phủ-hãn ngày nay là nhất-thiết trung-lập, không thiên về Anh mà cũng không thiên về Nga.

Nay vua đi du-lịch các nước Âu-châu, đến các kinh-đô lớn : Ba-lê, Bá-lâm, Luân-đôn, La-mã, đâu đâu cũng được chính-phủ và cả nhân-dân hoan-ngheh lắm. Như trên kia đã nói, cuộc du-lịch này không phải là cuộc đi chơi phiếm, thật là một cuộc tuyên-bố cho thế-giới biết rằng trên bản-đồ Á-châu mới xuất-hiện ra một nước tự-do độc-lập mới vậy.

Việc giao-thiệp nước Anh và nước Ai-cập. — Nước Anh lại mới xung-đột với đảng quốc-gia Ai-cập về việc đảng ấy cố yêu-cầu cho Ai-cập được hoàn-toàn độc-lập. Nguyên Chính-phủ Anh với Chính-phủ Ai-cập đương thương-thuyết ký một cái ước đồng-minh hai nước với nhau, nhân bản dự-án điều-ước ấy đem công-bổ ra, đảng quốc-gia nổi lên phản-đối : Không những Tổng-lý Nội-các là SARWAT PACHA xin từ chức để biểu-ý không chịu cái trách-nhiệm nhận điều-ước ấy, lại thêm bọn học-sinh cùng các đảng phản-kháng nước Anh ra vận-động ở đường phố nữa. Thành ra lại bày ra cái tình trạng xung-đột ác cảm như mấy năm trước.

Vậy thời nội-dung điều-ước ấy thế nào mà đảng quốc-gia Ai-cập phản-đối kịch-liệt như thế ? Điều-ước do Ngoại-tướng Anh CHAMBERLAIN thảo, là điều-ước đồng-minh mà nước Anh giữ quyền bảo hộ cho Ai-cập. Trong điều-ước kiêm cả hai phương-diện vừa công vừa thủ (traité offensif et défensif). Trước hết chính-phủ Luân-đôn tuyên-bố rằng nước Anh cứ giữ quân-đội ở

Ai-cập trong một hạn mười năm nữa, ngoài hạn ấy, có còn đóng quân nữa hay không, nếu hai bên điều-định không xong thời sẽ đem ra Hội Vạn-quốc giải-quyết. Thuộc về đất Soudan thì Anh coi là thuộc-địa của Anh-đế-quốc, chứ không nhận cho là đất của Ai-cập, lấy có việc ám-sát tổng-binh Anh (le sirdar) năm nọ mà quyết-định như thế : Chính-phủ Anh lợi-dụng việc ám-sát ấy kể cũng đến nơi vậy. Đất Soudan là ở về thượng-lưu sông Ni-la, mà nước Ai-cập là sống về nước sông Ni-la có tràn ra mới cây-cấy được. Vậy thời giữ đất Soudan là giữ nơi then-chốt sống chết của Ai-cập, vì nếu ở thượng-lưu chặn không cho nước tràn xuống hạ-lưu thì Ai-cập phải hạn-hán mà chết đói. Trong điều-ước vẫn có định cách đảm-bảo cho Ai-cập cái quyền tự-do hưởng-dụng nước sông Ni-la, nhưng mà cách đảm bảo ấy có chắc bằng vào đâu ? Lâm-thời hai nước có điều cạnh-tranh với nhau thì sự đảm-bảo ấy phỏng còn có giá-trị gì nữa ? — Tuy vậy, bản dự-án điều-ước cũng có điều lợi cho Ai-cập : như vấn-đề trị-ngoại-pháp-quyền và các tòa án lãnh-sự, đảng quốc-gia thiết-tha yêu-cần đã lâu, trong điều-ước công-nhiên thừa nhận ; lại Ai-cập được quyền tổ-chức quân-đội độc-lập đối với quân-đội Anh. — Ngoại-giả, Chính-phủ Anh lại thêm một điều nói rằng khi nước Anh có việc chiến-tranh với một nước nào ngoài thì Ai-cập phải cam-đoan hết sức giúp cho Anh trong bản-hạt của mình, tức là nói về vấn-đề phòng-bị bảo thủ sông vận-hà Suez vậy.

Đảng quốc-gia khi được biết bản dự-án điều-ước ấy, liền nổi lên công-kích dữ-lắm, nói rằng nước Anh đánh lừa Ai-cập, và vấn-đề Ai-cập độc-lập thế vẫn là không giải-quyết xong, vì nước Anh trong mười năm nữa vẫn còn đóng quân ở Ai-cập, và hết hạn mười

năm tuy nói rằng đem ra Hội Vạn-quốc quyết-nghị, nhưng thực rồi nước Anh vận-động thế nào vẫn được phần hơn. Chắc Nội-các SARWAT PACHA cũng nghĩ như thế, nên mới xin từ chức, không muốn chịu trách-nhiệm thương-thuyết với chính-phủ Anh về việc này. Thành ra việc giao-thiệp nước Anh với Ai-cập lại phục hồi cái tình-trạng khó-khăn năm 1922, hồi lãnh-tụ đảng Quốc-gia là ZAHLUL PACHA hãy còn sống, nghĩa là từ bấy đến nay không có tân-tôi được chút nào. — Theo chế-độ đại-nghị thời Nội-các đã từ chức, đảng đa-số ở nghị-viện phải lên cầm quyền. Đảng đa-số ở nghị-viện Ai-cập hiện nay là đảng quốc-gia, đảng Wafd, mà lãnh-tụ thay ZAHLUL PACHA bây giờ là NAHAS PACHA NAHAS PACHA đã phải ra nhận tổ-chức Nội-các mới, không biết Nội-các mới này xử-trí ra thế nào ? Thật cũng khó lắm. Nếu chám-chước với Anh thì mất lòng quốc-dân, mà nếu chiều lòng quốc-dân thì tất phải xung-đột với Anh. Về phần Anh thì chỉ chực có chuyện xung-đột là lấy cớ để dùng võ-lực. Hiện chính-phủ Anh đã tuyên-bố rằng : « Nếu Nghị-viện Ai-cập quyết-nghị điều gì để giảm quyền các quan-tư có trách-nhiệm giữ trị-an trong bản-xứ mà lỡ xảy ra việc gì rối toan, thì nước Anh sẽ phải định kế-hoạch để bảo-hộ cho sinh-mệnh tài-sản của người ngoại-quốc kiều-cư ở Ai-cập ». Thế nghĩa là nếu xảy ra sự gì thì nước Anh sẽ đề-binh sang mà ra tay trừng-trị đó. Đảng quốc-gia Ai-cập chắc cũng đã hiểu cái dã-lâm đó rồi, và biết rằng sự bạo-động quyết không có lợi cho mình, chỉ đủ tăng thêm cái thế-lực, cái địa-vị của người Anh ở nước mình mà thôi. Nay tình-thế hai bên đã như thế thì không biết giải-quyết ra thế nào. Dù thế nào nữa, có điều chắc là chưa phải ngày nay hay ngày mai mà người Anh đã chịu bỏ đất Ai-cập mà đi vậy.

Tình-hình Ấn-độ. — Nhân cái tình-trạng khủng - hoảng về chính - trị ở Ấn-độ, Nghị-viện Anh có cử một hội uỷ-viên thân sang Ấn-độ để điều - tra các việc và dự-thảo một bản hiến-pháp cho Ấn-độ. Hội uỷ-viên ấy có ông nghị-viên SIR JOHN SIMON đứng đầu. Đầu năm nay phái-bộ tới Ấn-độ, bị người Ấn-độ biểu ác - cảm. Học - sinh ở Calcutta và ở Bombay nổi lên bạo - động ; cảnh sát bắn, có người chết. Đảng quốc-gia thì tuyên-bố tổng-bãi-công, lại tuyên-bố rằng phái-bộ đi đến tỉnh nào thì tỉnh ấy liền phải thi-hành bãi-công để biểu ác-cảm. Cứ như các báo Anh nói thì những sự vận - động ấy là vô - hiệu trong dân-gian cả, bọn lãnh-tụ có xướng lên, mà người dân không ai theo. Vả đa-số trong dân-gian cũng chẳng hiểu đầu đuôi những chuyện ấy là gì ; như bọn buôn-bán nhỏ ở các tỉnh là phần nhiều hơn cả, thì thấy nay phải đóng cửa, mai phải đóng cửa, đã lấy làm phiền lắm. Những hạng ấy chắc là không ưa bạo-động rồi. Nhưng có một hạng tri-thức tuy số ít mà hoạt-động lắm ; chính bọn này chủ-trương việc phân - đối người Anh và đề - chế phái-bộ SIMON. — SIR JOHN SIMON đã tìm cách châm-chước với họ. Xem ra người Ấn-độ không bằng lòng là vì lẽ trong hội uỷ-viên không có người Ấn-độ nào. Người Anh thì nói rằng hội uỷ-viên là do Nghị-viện Anh cử sang, ở Nghị-viện Anh không có người Ấn-độ thì ở uỷ-hội cũng không có người Ấn-độ là lẽ tự-nhiên. Song muốn chiều lòng người Ấn-độ, ông SIMON đã bàn xin Hội-nghị Lập-pháp Ấn-độ cũng cử lấy một hội uỷ-viên bằng số với hội uỷ-viên Anh, để hai bên cùng hiệp-lực nhau mà điều - tra. Bên uỷ-viên Anh sẽ hứa không làm việc gì không bàn với uỷ-viên Ấn-độ. Tuy vậy mà người Ấn-độ vẫn chưa bằng lòng, cho là lời bàn ấy chậm quá

và phần nhiều định cứ đề-chế phái-bộ Anh. Khi ấy thì Tổng-đốc Anh ở Ấn-độ đọc một bài diễn-thuyết thóa-mạ bọn chính-khách Ấn-độ làm ngăn-trở công-việc của phái-bộ, bài diễn-thuyết ấy lại càng làm cho người Ấn-độ thêm tức-giận.

Kịp đến ngày 18 tháng 2, Hội Lập-pháp ở Delhi họp để bàn xem có nên hiệp-lực với phái-bộ SIMON không. Giữa hôm khai - hội, ở Luân - đôn LORD BIRKENHEAD vừa diễn-thuyết nói rằng cứ hiến-pháp hiện-hành thì phái-bộ của Nghị-viện Anh cử sang Ấn-độ có toàn-quyền hành-động, dù người Ấn-độ tham-dự hay không tham-dự mặc lòng. LORD BIRKENHEAD là một nhà chính-trị có thế-lực, được các đảng suy-tôn là người thông-thuộc hiến-pháp lắm, lời nói rất có giá-trị. Bài diễn-thuyết của ông truyền sang Ấn-độ lại như đổ dầu thêm vào lửa. Lãnh-tụ đảng Lập-hiến (Congress Party) ở Hội-nghị Lập pháp Ấn-độ liền diễn-thuyết đối lại, đòi cho Ấn-độ được hoàn-toàn độc-lập và nói người Ấn-độ không cần phải nhờ người Anh mới lập nổi hiến-pháp. Ở hội-nghị bấy giờ phái Hồi-giáo nổi lên công-kích phái Ấn-độ kịch-liệt lắm Đại-biểu các hạ-đẳng-giai-cấp thường bị phái Ấn-độ chuyên-chế, cũng đồng-thanh tỏ lòng muốn hiệp-lực với người Anh. Khi bỏ về thời được 68 vé phản-đối, 62 vé ủng-thuận. Một người nhà báo Ấn-độ bấy giờ nắm lấy cái va-li ở cạnh mình đánh SIR BASIL BLACKETT là người Anh có chân hội-nghị. Khi bị bắt thời người ấy nói rằng đó là cách trả lời bài diễn-thuyết của LORD BIRKENHEAD đó

Có điều lạ là các chính-đảng ở Anh, kể cả đảng Lao động (Labour Party), đều đồng-ý cho cái cách cử phái-bộ toàn người Anh không có người Ấn-độ là hợp phép, là chánh-đáng. Vả lại

phái phản-đối với phái hiệp-lực ở Hội-nghị Lập-pháp Ấn - độ một bên 68 vé một bên 62 vé, chèn nhau không bao, hội - đồng cũng đủ mà hành - động được không khó gì. Vả nhiều người trong phái phản-đối có lẽ rồi cũng nhờ đại-biểu đảng lao-động mà biểu ý-kiến ở ngay Nghị-viện Anh, như thế thời ý-kiến các phái cũng là bày tỏ ra được hết. Vậy thời việc phản-đối này rút lại cũng không ngăn-trở gì cho công việc của hội ủy-viên điều-tra.

Duy có một cái hiềm-tượng, là sự xung-đột phái Hồi-giáo với phái Ấn-độ. Phái Hồi-giáo thống-trách phái Ấn-độ là muốn ngăn-trở công việc của Hội-đồng để cho hiến-pháp không thành, vì sợ hiến-pháp sẽ bảo-hộ cho Hồi-dân và cho Hồi-dân được quyền-lợi xứng-đáng. Hai bên ác-cảm nhau dữ lắm. Phái Hồi-giáo ác-cảm với phái Ấn-độ, phái Ấn-độ ác-cảm với phái Hồi-giáo, đảng Quốc-gia ác-cảm với Chính-phủ Anh, trong cái không-khí những ác-cảm là ác-cảm như thế, thì không biết phái-bộ điều-tra làm sao mà thảo hiến-pháp cho được.

Tuy-nhiên ai cũng công-nhận rằng các ủy-viên Anh đại-biểu cho khắp các chính-đảng ở Nghị-viện, toàn là những người xứng-đáng và những tay khôn-khéo cả. Chánh-ủy-viên là SIR JOHN SIMON và Tổng-đốc Ấn - độ LORD BURNHAM cũng là những tay chính-trị lão-luyện cả, có lẽ cũng điều-định êm được một kỳ-hạn mười lăm năm nữa, không đến nổi hai bên quyết-liệt. Song đó cũng là cách tạm-thời mà thôi. Vấn-đề Ấn-độ còn lâu chưa giải-quyết xong vậy.

Việc Nhật bản. - Như trong «Thờidàm» kỳ trước đã nói, cuộc tổng-tuyên-cử ở Nhật-bản đã xong từ ngày thứ hai 20 tháng hai và kết-quả đã tuyên-bố rồi, thật là không lợi cho Nội - các

bảo-thủ của Nam-tước TANAKA. Chúng-nghị-viện trước bị giải-tán là vì đảng chính - phủ là đảng *Seiyukai* (Chính-hữu) được có 190 ghế thời, còn phe phản-đối họp lại thành một đảng mới là đảng *Minseito* (Dân-chủ) thời được 220 ghế, mà các đảng trung - lập vụn-vặt khác thời được cả thảy chừng 50 ghế, thành ra phần đa-số ở Nghị-viện chỉ nhờ vào mấy đảng nhỏ đó về với bên nào thì bên ấy được phần hơn. Trước khi tuyên-cử vẫn mong rằng kỳ này mới thi-hành lối phổ-thông-dầu-phiếu, số người bỏ vé trước có ba triệu nay sẽ tăng lên tới ngót mười triệu, thời cái tình-hình chính-trị sẽ tỏ ra phân-minh hơn trước, phái bảo-thủ hay phái tự do bên nào được phần hơn thời sẽ quyết được rõ. Té ra kết-quả vẫn sấm-si như trước. Đảng *Seiyukai* tuy được số vé của dân nhà quê nhiều, vậy mà chỉ hơn trước được có 31 ghế: trước 190 ghế, nay được 221 ghế, mà số nghị-viên cả thảy là 466, thành ra cũng không chiếm được phần đa-số. Mà đảng phản - đối *Minseito* thời được 214 ghế, cũng suýt-soát với đảng chính - phủ; rút lại sau khi tuyên-cử cũng như trước khi tuyên - cử, quyền trọng - tài vẫn ở mấy đảng lại - vặt (đảng độc-lập 15 ghế, đảng *Kakuein* 4 ghế, đảng *Jitsudo* 4 ghế, đảng Lao-động 8 ghế), tùy theo về bên chính-phủ hay bên phản - đối thì bên ấy được phần hơn. Tình-hình như thế, thời Nội-các TANAKA là Nội-các bảo - thủ, quen dùng quyền-lực mà cai-trị, chắc là khó cầm quyền lắm; mà đảng tự-do cho dân có tổ-chức Nội-các khác lên thay cũng đến như thế. Nước Nhật mới thi-nghiệm lối phổ - thông-dầu-phiếu lần này là lần đầu, thật là không lợi, và cái tình-hình nội-chính vẫn còn bối - rối như trước. - Báo *Times* ở Luân-đôn nói rằng Nam-tước TANAKA được các nhà chính-trị có thể-lực trong nước tả-đán mạnh lắm đã

giúp cho cầm quyền được bấy lâu không cần phải tựa vào một đảng đa-số ở Nghị-viện. Nay Nội-các của ông còn hay dở, các nhà chính-trị ấy chắc cũng không cho cuộc tuyên-cử là có quan-hệ gì to đến cái chính-sách của họ, vì chính bọn họ mới thật là tay chủ-trương chính-trị ở nước Nhật, chứ không phải là Nghị-viện vậy.

Ngày 23 tháng 4 ở Đông-kinh, Quốc-hội Nhật đã khai cuộc đặc-biệt hội-nghị do Nhật-hoàng thân-lâm cử-hành lễ khai-mạc. Phái phản-đối Nội - các, gọi là phái « phản-cán-bộ » định sau khi quốc-hội đã thông-quá cái án dự-toán về việc « gia-miện đại - điền » (lễ dâng-quaog của Nhật-hoàng), ngày 27 tháng 4 sẽ đề-khởi cái án không tín-nhiệm Nội-các. Hiện phái « cán-bộ », là phái giúp chính-phủ, cùng phái « phản-cán-bộ » đương hết sức cõ-động với các nghị-viên phái « trung-lập » để tranh sự thăng-lợi sau này. — Có tin đảng *Seiyukai* (Chính-hữu-hội) là thuộc về phái « cán-bộ », họp hội-nghị định rằng nếu phái « phản-cán-bộ » quả không tín-nhiệm Chính-phủ thì sẽ lập-tức giải-tán Quốc-hội.

Nói tóm lại, tình-hình chính-trị ở Nhật-bản sau cuộc tổng-tuyên-cử vẫn còn phân-ván lắm.

Thời - cục nước Tàu. — Nam-quân từ khi tiến đến Tề-nam, bị quân Nhật can-thiệp, làm lắm điều uy-hiếp, không cho Nam-quân kéo qua Tề-nam tiến lên đánh Bắc-kinh, ai cũng tưởng rằng cuộc Bắc-phạt phải đến dở-dang. Nhưng dân-khí người Tàu hồi này cũng hăng-bá lắm, đối với cái án ở Tề-nam người Nhật giết Thái Công-Thời, ai ai cũng tức-giận, các nơi đều mở cuộc truy-diệu, ở Quảng-châu thì lập ra nhiều đoàn-thể để tuyệt-giao kinh-tế với Nhật; các học-sinh

Thượng - hải thì tuyên-truyền phản Nhật; các công-nhân ở Giao-Tế thì tổng bãi-công để phản - đối Nhật. Đương lúc ấy hội Quốc-tế-liên-minh tiếp được nhiều điện-văn phản Nhật của các đoàn-thể dân-chúng Trung-hoa. Nam-kinh chính-phủ thì nghiêm-trọng giao-thiệp trả lời phản - kháng tờ giặc-thư của Nhật. Ngoài ra chính-phủ Quốc-dân lại điện cho các yếu-nhân ở ngoại - quốc, như Ngũ Triều - Khu, Vương Sung-Huệ, Hồ Hán-Dân, Tôn Khoa chia nhau đi khắp các nước Âu Mỹ, sẽ tuyên-bố cái chân-tướng việc Tề-nam cho các nước trên thế-giới biết, để cầu lời bình-phán công-chính của thế-giới.

Chính - phủ quốc-dân đối-phó với Nhật một cách cần-thận như thế, chớ không có khiêu-hấn với Nhật. Người Nhật biết rằng cũng khó lấy võ-lực mà áp-chế được, nên cũng phải bớt dần.

Tuy-nhiên Tưởng Giới-Thạch sau cũng phải dung-nạp năm điều-kiện của tướng Nhật Phúc-Điền:

- 1' Bỏ lòng cách chức Hạ Diệu-Tổ;
- 2' Ngoài 20 dặm thành Tề-nam và đường Giao - Tế không đóng quân Trung-hoa nữa;
- 3' Giao trả những khi-giới và quân lính bị bắt;
- 4' Cho quân Trung-hoa ở trong thành được rút ra một cách yên-ổn;
- 5' Không cho đội tiện-y lèn vào thành Tề-nam.

Tưởng mà dung-nạp như thế, cũng nhiều người phản-đối. Nhưng Tưởng muốn nhường-nhịn để cho tướng Phúc-Điền đình-chỉ hành-dộng về quân-sự, mà cho Nam-quân được qua thành Tề-nam lên đánh Bắc-kinh cho chóng thành cuộc thống-nhất, rồi cả nước sẽ đoàn-kết lực-lượng lại để đối-phó với ngoại.

Nam-quân từ đó cứ kéo tràn mãi lên Bắc-kinh, thắng-lợi suốt dọc đường hỏa-xa từ Bắc-kinh đến Hán-khâu, quân Phụng - thiên phải bỏ Bảo - định - phủ mà chạy. Quả - nhiên chưa đến đoàn-dương, quân Sơn-tây đã vào được Bắc-kinh rồi.

Trước khi Bắc - kinh sắp nguy, Trương Tác-Lâm đã dự-bị bỏ Bắc-kinh về Phụng-thiên, không ngờ khi về đến gần Phụng - thiên thì bị tạc - đạn chết, Ngô Tuấn-Thăng là tướng ở Phụng - thiên đi đón Trương cũng bị chết ; Phan Phục và Trương Sung-Huê thì bị thương Việc tạc-dạn này người ngoại-quốc và người Tàu ai cũng ngờ là người Nhật làm ra.

Xem thế thì cuộc Bắc-phạt đã toàn-thắng rồi, chính-phủ Nam-kinh đã cử Diêm Tích-Son vào tiếp-thụ lấy chính-quyền Bắc-kinh, đã đổi Bắc-kinh gọi là Bắc - bình. Hồi này nước Tàu có thể thống-nhất được chăng ? Vấn-đề ấy cũng khó giải-quyết ngay được. Cái nguyên-nhân ngăn-trở cuộc thống-nhất của người Tàu : một là cái nguyên-nhân ở ngoài, hai là cái nguyên-nhân ở trong.

Nguyên-nhân ở ngoài thì các nước mà nhất là nước Nhật bây giờ cũng đã biết rằng đối với Tàu không thể dùng cái thủ-đoạn dọa-nạt như trước được nữa, mà nước Mĩ thì đã công-nhân chánh-phủ Nam-kinh, thế là đối với ngoài cũng không lo gì nữa. Còn ở trong thì đã trừ gần hết đảng quân-phiệt, chỉ còn cách xử-trí trong ba người Bắc - phạt nguyên - huân là Tưởng Giới - Thạch, Diêm Tích - Sơn, Phùng Ngọc-Trường sao cho bằng lòng. Song Tưởng là người khôn-ngoan cao-thượng, thấy Phùng có ý bất-bình với Diêm, muốn tranh lấy Thiên - tân thì Tưởng quyết-phiên từ-chức. Còn Diêm thì cũng là người ôn-hòa chắc không vì việc tranh-chiếm địa-bản mà làm ngăn-trở việc thống - nhất. Duy có

Phùng vẫn là người gian-tham, trước đã lừa bắt Tào Côn, phản Ngô Bội-phu, nếu không khu-xử được Phùng, thì cuộc thống - nhất cũng còn đồ-dang. Song Phùng cũng không phải ngu-dại gì mà làm ngăn-trở cuộc thống-nhất. Phùng chắc cũng biết rằng hiện nay hơn bốn trăm triệu dân Tàu đã đều qui-phục về Quốc-dân - đảng, cùng hết sức mà làm cho đạt cái chủ-nghĩa «Tam-dân», cái hi-vọng Nam Bắc thống-nhất là cái hi-vọng chung của cả nước, người nào mà trái cái hi-vọng ấy thì cả nước cùng đổ xô vào mà trừ đi, chính Phùng đã đánh đổ mấy tay quân-phiệt đó, Phùng lại dai gì mà còn bắt-chước làm như thế nữa. Thế thì đối với trong cũng không ngại gì nữa, nghe đâu Phùng đã rút quân ở Thiên-tân đi, mà Tưởng Giới-Thạch lại ra nhận chức Tổng-tư-lệnh để thu-thập các đạo quân mà làm cho trọn công việc cách-mệnh. Tưởng đã yêu-cầu nước Nhật rút quân ở Tể-nam đi, sứ-thần Trung-hoa ở các nước Âu-châu đã đều cheo cò « thanh-thiên bạch-nhật » của Quốc-dân-đảng. Hồi này dễ thường nước Tàu làm đạt tới được cái hi-vọng thống-nhất chăng ? Chức lỏng-thống nghe đâu muốn cử Đam Diên-Khải là người đã đứng đầu chủ-tịch chính-trị Nam-kinh đã lâu.

Duy còn vấn-đề Mãn-châu từ khi đã tuyên-bố Trương Tác-Lâm chết rồi, thì con là Trương Học-Lương nối giữ chính-quyền, nếu hòa-hợp được với Dương Vũ-Định thì may ra còn giữ được Mãn-châu. Nhưng nghe đâu con Ngô Tuấn-Thăng và Ngô Thái-Lai giữ ở Hắc-long không chịu phục-tùng. Mà bên ngoài thì người Nhật dòm-nom, muốn chiếm giữ lấy lợi-quyền, muốn đạt Mãn-châu làm đất độc-lập. Chưa biết sau này chính-phủ quốc-dân sẽ xử-trí việc Mãn-châu ra làm sao, có thu-phục được Mãn-châu không ? Hay là lợi về tay người Nhật mất ?

Việc trong nước

Ai làm Toàn quyền Đông-Pháp?

— Quan Toàn-quyền VARENNE đã hoàn chức từ đầu năm. Bấy giờ bên Pháp đang bận về việc dự-bị cuộc tổng-tuyển-cử Nghị-viên, nên Chính-phủ không cử quan Toàn-quyền mới vội. Chức Toàn-quyền giao quan Phó MONGUILLOT bên này quyền-lĩnh. Văn tưởng rằng việc tuyển-cử xong thời sẽ biết ai sang làm Toàn-quyền bên này. Vậy mà việc tuyển-cử đã xong từ cuối tháng 4, tới nay vẫn chưa biết đích là ai cả. Có lẽ vì bên Pháp còn bận nhiều việc quan-trọng hơn, như việc chấn-chỉnh tài-chính, định giá tiền-tê, nên chưa kịp nghĩ tới.

Trong khi chờ đợi như thế thời thấy các báo bên Tây và bên này đồn nhiều tin lầm, hiện chưa có tin nào là đích cả. Theo các báo ấy thì ý quan Thủ-tướng POINCARÉ không muốn cử chân Nghị-viên làm Toàn-quyền các thuộc-địa. Hiện có ba bậc đại-hiến ở Đông-Pháp, chưa biết quan Thủ-tướng và tòa Nội-các định chọn ngài nào : quan quyền Toàn-quyền MONGUILLOT, quan Thống-sứ Bắc-kỳ ROBIN và quan nguyên Khâm-sứ Kinh, hiện sung chức Đông-Pháp Kinh-tế-cục-trưởng ở Paris PIERRE PASQUIER. Ba ngài đều là những bậc am-hiểu dân-tình chính-trị bên này cả, đều là những tay vừng-đáng cả. Lại có tin rằng nhân vì tình-trạng ngoại-giao ở cõi Á-Đông mỗi ngày một khó-khăn phiền-phức, có lẽ Chính-phủ Pháp sẽ cử quan nguyên Toàn-quyền ALBERT SARRAUT, hiện làm Nội-vụ Thượng-thư, lĩnh chức « Thái-bình-dương đặc-sứ » (Haut Commissaire du Pacifique), ngang hàng với chức Thượng-thư và có quyền tổng-giám cả các thuộc-địa Pháp ở Thái-bình-dương cùng các quan lãnh-sự và Công-sứ Pháp ở Nhật, ở Tàu, ở Phi-luật-tân, Mã-lai, v. v. Tin ấy không biết thực hư thế nào, nhưng

lúng-sử quan SARRAUT có nhận chức « đặc-sứ » ấy nữa, ngài cũng không thể chuyên coi một Đông-Pháp này được, tất phải có một quan Toàn-quyền riêng ở đây, trừ chính quan SARRAUT nhận chức Toàn-quyền thì không kể. Nhưng quan SARRAUT là một bậc yếu-nhân trong Chính-phủ Pháp ngày nay, không biết ngài có thể rời nước Pháp mà sang đây được không.

Lược-thuật việc trong tháng.

— Trong tháng vừa qua, không có việc gì quan-hệ. Quan quyền Toàn-quyền cùng cả Văn-phòng vẫn ở Dalat : Dalat có lẽ rồi thành ra thủ-phủ Đông-Pháp trong mùa nực. Ngài có xuống Sài-gòn mấy lượt để họp hội-đồng nghiên-cứu về các vấn-đề công-thổ và vấn-đề định lại lương-bổng các quan-lại Tây. Vấn-đề công-thổ này là nhân việc chợ đất ở Kontoum năm nọ, bên Bộ phái ủy-viên sang tra xét, rồi mới đề-khởi ra. Bộ dự-thảo một bản nghị-định, giao cho bên này bàn lại. Bởi thế nên quan Toàn-quyền mới họp hội-đồng để xét, xin sửa đổi lại nhiều điều để bênh-vực cho quyền-lợi các chủ đồn-điền.

Ở các xứ thời bình-thường vô-sự cả, không có việc gì đáng chép. Duy ở Bắc-kỳ nay đã đến mùa nước lên, quan Thống-sứ ROBIN chăm về việc đề-chính lằm. Ngài phái Hội-đồng Cổ-văn đi khám một lượt, rồi ngài lại thân-hành đi xét các đề đại-hà.

Quan-trưởng Bắc-kỳ mới phải một sự buồn, là quan Tổng-đốc hựu-tri Lé Trung-Ngọc mới tạ-thế ngày mùng 9 tháng 6 tây. Ngài là người Nam-trung, ra làm việc ngoài Bắc đã năm-mươi năm nay, trước làm thông-ngôn cho quan binh, sau làm quan trong ngạch quan-lại Bắc-kỳ đến chức Tổng-đốc

lịch-lý nhiều nơi, có tiếng là người cương-trực. Sau cùng làm bồi-thâm tòa Thượng-thẩm. Ngái thọ được 63 tuổi.

Giới-thiệu sách mới.

1. — Sư hổ mang. Võ-hiệp tiêu-thuyết, Hòa-cương bản-tăng dịch-thuật. — Nhật nam thư-quán xuất-bản, Giá bán : 3 hào.

2. — Hồn quê. (Trúc-kê tùng-văn). Tập văn thơ của ông Trúc-Kê Ngô VĂN-TRIÊN. — Trúc-Kê thư-cục, 196

phố Hàng Bông, Hà-nội, xuất-bản, Cướcn thứ nhất, giá : 1 hào rưỡi.

3. — Lịch-sử ông Kha-luân-bô đi phát-kiến châu Mĩ (Christophe Colomb à la découverte de l'Amérique). Đỗ ĐÌNH-NGHIÊM lược-khảo. 34 trang In tại nhà in Lê Văn-Tân, 136 phố Hàng Bông, Hà-nội.

Nam-Phong tùng-thư, quyển thứ V : Chính-trị nước Pháp, cướcn thứ I đã xuất-bản. Bán ở Đông-kinh ấn-quán, giá 4 hào. — Cướcn thứ I nói về các cơ-quan chính-trị ; còn cướcn thứ II, nói về các cơ-quan tư-pháp và có phụ theo tư-vụng, thì đương in.

